LÊ XUÂN SOAN -NGUYỄN THỊ HẢI - TRIỆU ÁNH HỒNG
NGUYỄN THỊ VỤ

100 BÀI LÀM VĂN HAY Lớp 6

DÙNG CHO HỌC SINH TRUNG BÌNH
BỒI DƯỠNG HỌC SINH KHÁ - GIỎI

(Theo chương trình mới của BGD & ĐT)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

LÊ XUÂN SOAN -NGUYỄN THỊ HẢI - TRIỆU ÁNH HỒNG
NGUYỄN THỊ VỤ

100 BAI LÀM VĂN HAY LỚP 6

(DÙNG CHO HỌC SINH TRUNG BÌNH VÀ BỒI DƯỠNG HỌC SINH KHÁ - GIỎI)

(Theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SÁCH HAY
www.sachhay.com

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

BỒI DƯỠNG NÂNG CAO VĂN THCS

100 BÀI VĂN HAY LỚP 6

LÊ XUÂN SOAN (CB)

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Biên tập

TRẦN THUỲ TRANG

Sửa bản in

LAM KHANH

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Trình bày

ĐỖ LAM VŨ

Thực hiện liên doanh

DOANH NGHIỆP SÁCH THÀNH NGHĨA

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm tại Công ty Cổ phần in Bến Tre. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 39/1025/XB-QLXB do Cục xuất bản cấp ngày 30/06/2005. Giấy trích ngang số: 570/ TNKHXB do NXBTH Đồng Nai cấp ngày 07/09/2005. In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2005

100 BÀI LÀM VĂN HAY LỚP 6

SÁCH HAY
www.sachhay.com

Lời nói đầu

Các em học sinh lớp năm thân mến!

100 BÀI LÀM VĂN LỚP 6 được biên soạn nhằm giúp các em tài liệu để tham khảo, luyện tập chuẩn bị tốt cho các môn học Tập làm văn nói riêng và học tốt môn *Ngữ văn 6* nói chung.

Cuốn sách này bao gồm 100 đề bài soạn theo chương trình thay sách mới của Bộ Giáo dục Đào tạo.

Những bài văn trong tập sách này phần lớn là bài làm của các em được biên tập lại nhằm gợi ý để các em suy nghĩ và vận dụng một cách sáng tạo vào bài viết của mình chứ không phải làm bài mẫu để các em sao chép một cách máy móc.

Rất mong các em sẽ sử dụng tốt cuốn sách này.

Tác giả

PHẦN VĂN HỌC DÂN GIAN

ĐỀ SỐ 1

Đóng vai Thánh Gióng kể lại câu chuyện của mình sau khi đánh đuổi xong giặc Ân.

Bài làm

Vào đời Hùng Vương thứ 6, sau khi đánh đuổi xong giặc Ân sang xâm lược bờ cõi Văn Lang, ta đã bay về trời.

Vừa về tới cổng ta thấy mọi cảnh vật đều rất lạ so với hạ giới. Ngay lúc ấy, ta được vào yết kiến Ngọc Hoàng. Người có hỏi ta:

- Ở dưới trần gian con khoẻ chứ? Sinh hoạt ở dưới đó ra sao? Cơm ở trần gian có ngon hơn ở trên này không? Cảnh trí dưới đó ra sao, có đẹp bằng thượng giới không con?

- Dạ thưa ngài! Ở dưới trần gian cảnh sinh hoạt rất vui, cơm con ăn rất ngon vì các món ăn đều rất lạ miệng. Còn cảnh trí ở trần gian thì thật tuyệt thưa ngài. Đúng là "Sơn thuỷ hữu tình" đấy ạ!

- Ồ! Thật là tuyệt! Vậy bây giờ con hãy kể chuyện con đánh giặc giúp dân cho ta nghe đi!

- Vâng ạ!

Thế rồi ta bắt đầu kể:

- Thưa ngài! Từ khi ngài sai con xuống trần gian để làm những việc tốt, con đã đầu thai vào người vợ ông lão có tiếng là phúc đức mà vẫn chưa có con. Song con đã nghĩ ra cách: một hôm con đã đặt một dấu chân rất to ở ngoài đồng để chờ đợi.

Đúng như mong ước, hôm ấy bà lão đã đi ra đồng, rồi trông thấy vết chân quá to như vậy, thấy lạ, bà bèn đặt chân lên ướm thử xem chân mình thua kém bao nhiêu. Thế là về nhà ít lâu sau bà thụ thai, rồi mười hai tháng sau con đã ra đời. Nhưng đến năm ba tuổi, con vẫn không đi, không đứng, mà cũng chẳng ngồi, cứ đặt đâu nằm đấy. Năm ấy, lũ giặc Ân tràn sang xâm lược bờ cõi Văn Lang. Thế giặc vô cùng mạnh, đi đến đâu chúng đốt phá nhà cửa, cướp bóc của cải, giết hại dân lành đến đó. Trước tình hình nguy kịch và đau lòng như vậy, nhà vua dưới trần rất lo sợ bèn sai sứ giả đi tìm người hiền tài cứu nước. Khi nghe thấy tiếng loa của sứ giả vang lên ở đầu làng, con bèn ngồi dậy gọi: "Mẹ ơi! Mẹ đi mời sứ giả vào đây cho con."

Thấy con ngồi được, lại nói được, vợ chồng bà lão vừa ngạc nhiên, vừa vui mừng khôn xiết và nhanh chóng gọi ngay sứ giả vào. Sứ giả vừa bước vào tới cửa con nói ngay: Ngươi hãy mau mau về bảo với nhà vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một áo giáp sắt, một cái roi sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này. Sứ giả trần gian vô cùng ngạc nhiên, xong đã nhanh chóng về tâu vua. Nhà vua lập tức mời các thợ đúc khéo tay nhất ngày đêm gắng sức làm những thứ mà con dặn. Đồng thời, cũng ngay từ khi gặp sứ giả, con ăn rất khoẻ, lớn nhanh như thổi, cơm cha mẹ con ăn mấy cũng không no, áo vừa may xong đã đứt chỉ. Thấy vậy, cả làng liền góp gạo nuôi con. Mong con mau lớn khoẻ để giết giặc cứu nước. Hôm ấy, giặc đến chân núi Trâu, người của nhà vua cũng vừa kịp tới mang đủ những thứ con cần. Con liền ăn hết bảy nong cơm, ba nong cà, rồi mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, vươn vai biến thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt, vỗ vào mông ngựa, ngựa hí vang. Con nhảy lên lưng ngựa. Xông ra trận, giặc bị con lấy roi sắt quật ngã túi bụi, hồn bay phách lạc, chúng quay đầu bỏ chạy, giẫm đạp lên nhau mà chết. Vừa lúc ấy, roi sắt của con bị gẫy, lập tức con nhổ những cụm tre bên đường quật tan lũ giặc. Giặc chết như ngả rạ, đám tàn quân bị con đuổi đến chân núi Sóc. Đến đấy, con bèn cởi áo giáp sắt gửi

lại trần gian rồi một mình cùng ngựa từ từ bay lên trời. Con chỉ thương hai vợ chồng ông bà lão.

Kể đến đây, tôi rất buồn, vẻ mặt buồn hướng xuống trần gian. Thấy thế Ngọc Hoàng hỏi ngay:

- Tại sao con ghi được chiến công lớn như vậy lại không ở lại trần gian để được nhân dân tôn sùng, được nhà vua ban thưởng?

- Thưa ngài! giúp dân là bổn phận của con. Song việc con sẽ lại về trời để sớm mong được nhận việc mới mà Ngài giao cho ạ!

- Ồ! Ta rất vui mừng vì con đã có lòng với dân. Bây giờ con hãy đi nghỉ đi, ngày mai ta sẽ ban thưởng cho con.

- Đa tạ Ngọc Hoàng! nhưng con muốn xin ngài một điều ạ?

- Điều gì vậy?

Xin Ngọc Hoàng cho con được một lần nữa xuống thăm lại cha mẹ của con – vợ chồng ông bà lão và xem dân làng còn nhớ và nhận ra con không ạ!

SÁCH GIẢI

- Việc đó con cứ yên tâm, đã có ta lo. Con cứ nghỉ ngơi. Ta sẽ cho người xuống trần gian thăm cha mẹ con và dân làng thay con.

- Cám ơn Ngọc Hoàng!

Và thế là Ngọc Hoàng đã sai lính xuống trần gian, và tôi đã được biết rằng nhân dân và nhà vua đã phong cho tôi là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ tại quê nhà. Biết được điều này tôi vô cùng sung sướng.

Hiện nay đền thờ tôi vẫn còn được bảo tồn ở làng Phù Đổng hay còn gọi là làng Gióng. Vào tháng tư hàng năm, để nhớ công ơn của tôi dân làng đã mở hội to lắm. Còn những bụi tre đằng ngà ở Gia Bình chính vì bị ngựa của tôi phun lửa thiêu cháy nên mới ngả màu vàng như vậy, những hồ ao liên tiếp kia cũng chính là do dấu chân ngựa năm xưa của tôi để lại. Năm ấy khi sông trận giết giặc ngựa của tôi hí vang trời, phun lửa và đã thiêu cháy một làng, cho nên sau này hạ giới đã gọi làng đó là làng Cháy.

ĐỀ SỐ 2

Cảm nhận của em về truyện *Thánh Gióng*

Bài làm

Truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú và luôn mang trong mình một vẻ đẹp của tinh thần nhân văn cao quý. Câu chuyện, cảnh vật, con người... được nói đến trong truyện cổ dân gian rất gần gũi, thân thiết với cuộc sống vật chất và tâm hồn của mỗi con người Việt Nam chúng ta. Từ truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích cho đến truyện cười, truyện ngụ ngôn,... mỗi truyện đều có một sắc thái riêng, ý vị riêng và thật đáng yêu, đáng nhớ.

Thánh Gióng là một trong những truyện cổ phản ánh sức mạnh Việt Nam từ thuở bình minh của dân tộc vào thời đại vua Hùng Vương thứ 6. Hơn thế nữa, Thánh Gióng còn là một truyện cổ tràn đầy tinh thần yêu nước với hình tượng nghệ thuật đẹp, được xây dựng bằng một tầm vóc cao cả, kì vĩ.

Trước hết, truyện Thánh Gióng tràn đầy tình yêu nước – đất nước Văn Lang thân yêu bị giặc Ân xâm lăng. Thế giặc như sóng dữ tràn tới. Làng xóm ta bị giặc đốt phá, nhân dân ta bị giặc tàn sát dã man. Nhà vua kêu gọi bậc hiền tài ra đánh giặc cứu nước. Mới lên ba tuổi, Gióng đã đứng lên ứng nghĩa, đáp lại lời kêu gọi của non sông. Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói yêu nước, nêu cao khí phách anh hùng, quyết tâm đánh giặc, đền ơn vua, trả nợ nước. Một tiếng nói vang dội núi sông đến muôn đời:

- Nhà ngươi hãy về tâu với Đức vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một chiếc roi sắt, một áo giáp sắt, ta sẽ đánh tan lũ giặc này!

Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi, ăn bao nhiêu cũng không no, áo mới may mặc đã chật. Nhà mẹ Gióng lại rất nghèo. Cả làng thương Gióng, bà con đem cơm gạo, lụa vải đến

để nuôi Gióng. Tình tiết ấy nói lên rằng, khi Tổ quốc lâm nguy, nhân dân ta đã biết đoàn kết một lòng, đem nhân tài, vật lực ra đánh giặc cứu nước.

Trên chiến trường, Gióng thúc ngựa sắt xông vào lũ giặc. Ngựa sắt phun lửa. Gióng vung roi sắt đánh cho giặc Ân tơi bời, kinh hồn bạt vía.

Roi sắt gãy khi trận đánh đang diễn ra ác liệt. Gióng mưu trí nhổ tre làm vũ khí quật vào quân cường bạo. Giặc chết như ngả rạ. Gióng đã biến cái gộc tre bình dị thành vũ khí vô cùng lợi hại để tiêu diệt kẻ thù.

Hình ảnh người con trai làng Gióng xông pha giữa rừng tên mũi giáo của giặc Ân, lúc thì vung roi sắt đánh giặc, lúc thì nhổ tre quật giặc đã thể hiện tinh thần chiến đấu quả cảm, mưu trí vô song và sức mạnh vô địch của người anh hùng dân tộc trong buổi đầu dựng nước và giữ nước.

Đánh tan giặc, Gióng cùng ngựa sắt bay về trời. Vua sai lập đền thờ, truy phong Gióng là Phù Đổng Thiên Vương. Thánh Gióng đã trở thành một người anh hùng bất tử, được nhân dân ta đời đời ngưỡng mộ và biết ơn.

Có thể nói, chàng trai làng Gióng là một anh hùng thần thoại, cuộc đời lấp lánh chiến công. Truyện *Thánh Gióng* mãi mãi là bài ca yêu nước, thể hiện sức mạnh quật khởi của dân tộc ta.

Thánh Gióng còn là một truyện cổ thần kì có hình tượng nghệ thuật tuyệt đẹp. Từ dấu chân người khổng lồ trên ruộng cà, đến cái vươn vai của chú bé làng Gióng thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt đã thể hiện một cách hào hùng bước đi lên của lịch sử dân tộc và sức mạnh vươn mình của đất nước ta trước hoạ xâm lăng. Ngựa sắt phun lửa, hí vang trời. Gióng vung roi sắt đánh giặc, nhổ tre quật vào đầu giặc tơi bời, truy kích đến chân núi Sóc Sơn thì giặc tan. Gióng cởi áo giáp sắt mắc lên cành cây, Gióng cùng ngựa sắt bay lên trời. Những

hình tượng tuyệt đẹp ấy nói lên trí tưởng tượng kì diệu, ca ngợi tinh thần quyết chiến, quyết thắng của nhân dân ta.

Truyện *Thánh Gióng* vừa có hình tượng tuyệt đẹp, vừa tràn đầy tinh thần yêu nước, căm thù giặc. Hình tượng Thánh Gióng đánh giặc và thắng giặc tượng trưng cho lòng yêu nước mãnh liệt và sức mạnh anh hùng quật khởi của đất nước và con người Việt Nam.

Truyện *Thánh Gióng* bồi đắp tâm hồn tuổi thơ niềm tự hào dân tộc. Thánh Gióng đã đem đến cho ta giấc mơ đẹp:

Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân
Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhổ bụi tre làng, đuổi giặc Ân!

(Tố Hữu)

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 3

Truyện cổ dân gian Việt Nam thấm đẫm màu sắc thần kỳ. Hãy kể lại một truyện cổ mang màu sắc thần kỳ mà em yêu thích.

Bài làm

Ở thôn Gióng Mốt, xã Phù Đổng có một dấu chân khổng lồ in trên một tảng đá lớn. Đó là dấu chân ông Đổng về hái cà trong một đêm mưa gió.

Tục truyền rằng ông Đổng cao lớn lạ thường: đầu đội trời, chân đạp đất, vai chạm mây. Ông cào đất thành đồng ruộng, vun đá thành đôi gò, xẻ cát thành sông bãi. Ông bước chân dài

từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác. Dấu chân ông lún cả đá, thủng cả đất. Tiếng nói ông vang ầm thành sấm. Mắt ông sáng loé chớp lửa. Hơi thở phun ra mây đen, gió bão và mưa giông. Ông hay hiện lên trong những ngày đầu hè có giông, lúc cà đã đậu trái, lúa chiếp sắp trổ đòng. Ông đi đủ mọi chiều, lúc tốc thẳng, lúc xoay vòng. Ông đi đàng tây sang đàng đông là bão tây. Ông đi đàng đông sang đàng tây là bão đông. Ông làm dập hết lửa, rụng hết cà và gẫy bật bao nhiêu là tre pheo, đa đề.

Ngày nay, dấu chân ông Đổng còn thấy ở nhiều nơi: gò làng Bình Tân, núi Dạm, núi Khám, bờ giếng làng Bưởi Nội, đỉnh núi Sóc và đặc biệt là làng Gióng Mốt.

Mồng 9 tháng Tư âm lịch, vào tiết mưa dông đầu hè, ông Đổng về hái cà, gây nên gió bão, sấm chớp và mưa to.

Có một người đàn bà xấu xí, nghèo khổ tuổi đã muộn màng nhưng con cái không có. Bà phải sống một mình trong một túp lều tranh. Ngày ngày bà chăm bón luống cà cạnh nhà và ra đồng bắt ốc mò cua để đổi gạo nuôi thân. Một đêm mưa to gió lớn, ông Đổng về hái cà để lại một dấu chân vừa tày năm gang, trong vườn cà của bà lão. Bà dẫm vào dấu chân ấy, tự nhiên thấy tâm thần rung động, về nhà thì thụ thai. Bà bỏ lên rừng Trại Mòn, rồi đẻ ra ông Đổng con dưới bóng cây, trên một cái gò nổi giữa đầm. Trời bỗng cho nhiều cua ốc, nhiều cá để bà ăn lấy sữa nuôi con. Trời cũng đẽo đá thành đống để bà tắm rửa cho con, thành liềm để bà cắt rốn cho con, và thành chõng để bà đặt con nằm. Trong ba năm liền, "ông Đổng con" cứ nằm im trên chõng đá cho đến lúc mở to mắt "sáng như sao" và cất tiếng đầu tiên "ầm vang như sấm", đòi ra đánh giặc Ân. Đến lúc đó, "ông Đổng con" mới rời chõng đá, đứng phắt dậy, vươn mình thành người khổng lồ như Đổng cha. Vì vậy, về sau nhân dân có câu hát:

Trời thương Bách Việt sơn hà,
Trong nơi thảo mãng nảy ra kỳ tài

(Người anh hùng làng Gióng – Cao Huy Đỉnh)

ĐỀ SỐ 4

Cảm nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng sau khi học xong truyện truyền thuyết *Thánh Gióng*.

Bài làm

Chủ đề đánh giặc cứu nước, giành thắng lợi là chủ đề lớn, xuyên suốt trong dòng văn học Việt Nam nói chung và văn học dân gian Việt Nam nói riêng. Trong đó, truyền thuyết *Thánh Gióng* là truyện dân gian thể hiện chủ đề này thật tiêu biểu và độc đáo. Truyện kể về ý thức và sức mạnh đánh giặc có từ rất sớm của dân tộc ta. Hình tượng Thánh Gióng hiện lên với nhiều chi tiết nghệ thuật hay và để lại trong em những ấn tượng sâu sắc. Không những thế, truyện *Thánh Gióng* còn chứa đựng những chi tiết thật hoang đường, kỳ ảo. Ban đầu là mẹ của Thánh Gióng đi ra đồng, ướm thử chân mình vào một dấu chân rất to lớn, rồi sau đó về nhà bà mang thai, mười hai tháng sau sinh ra một cậu bé. Có ai lại mang thai tới mười hai tháng bao giờ? Điều này cũng chính là dấu hiệu báo cho ta có thể biết trước sự lạ lùng về chú bé. Quả đúng như vậy, chú bé được sinh ra khôi ngô, tuấn tú nhưng lạ thay, lên ba tuổi mà vẫn không biết đi, đứng, nói, cười; đặt đâu thì nằm đó. Thật khác hẳn với những em bé bình thường. Chú bé này thật khác lạ khiến mọi người ai cũng cảm động và lo lắng cho chú. Nhưng khi có giặc Ân kéo đến xâm phạm bờ cõi Văn Lang, chú bé liền cất tiếng nói. Và tiếng nói đầu tiên của chú bé lên ba là tiếng nói đòi đánh giặc. Chú bé đã bật ra tiếng nói kịp thời, tiếng nói cất lên khi nghe thấy tiếng rao của sứ giả đi tìm người hiền tài cứu nước. Tiếng rao của sứ giả ở đây chính là lời hiệu triệu của Vua Hùng, là tiếng gọi của non sông đất nước khi Tổ Quốc lâm nguy. Chi tiết này làm em thật cảm động. Chú là người yêu quê hương đất nước tha thiết. Lòng yêu quê hương đất nước tha thiết đã giúp chú bé mới ba tuổi không nói, không cười lớn nhanh như thổi, vươn vai một cái bỗng trở thành một

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

tráng sĩ oai phong lẫm liệt với ý chí quật cường có thể dời non, lấp biển. Thánh Gióng là một biểu tượng của muôn người gộp sức, cùng nhau chống giặc ngoại xâm.

Chú bé Gióng đã có mặt kịp thời khi đất nước lâm nguy đã dẹp tan quân giặc. Ngựa phun ra lửa, roi sắt thần kì quật tan quân thù. Khi roi gẫy thì nhổ tre đánh giặc. Thật sung sướng và tự hào biết bao khi Tổ Quốc ta có được một vị anh hùng như Thánh Gióng. Ta càng tự hào hơn khi Thánh Gióng đánh giặc xong không hề đợi vua ban thưởng mà một mình một ngựa từ từ bay lên trời. Đây là một chi tiết hoang đường, kì ảo nhưng lại có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Sự ra đi kì lạ của Thánh Gióng rất phù hợp với ý nguyện nhân dân, nên nó có một sức sống trường tồn trong lòng nhân dân như một nét đẹp rực rỡ, trong sáng nhất của người anh hùng chống giặc. "Cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời" – thật là kì ảo, nhưng thật nhẹ nhàng, ung dung. Người con yêu nước ấy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đánh giặc cứu nước của mình, và đã ra đi một cách vô tư, thanh thản, không hề màng tới công danh địa vị cho riêng mình. Áo giáp sắt nhân dân làm cho để đánh giặc, khi đánh tan giặc rồi, trả lại cho dân để bay về trời. Điều đó cho em thấy ở hình tượng Thánh Gióng– trong con người của chàng chỉ có yêu nước và cứu nước – tất cả đều cao đẹp, trong sáng như gương, không một chút gợn nào. Phải chăng đó cũng chính là gương mặt của nhân dân ta được kết tinh trong người Thánh Gióng. ý chí phục vụ thật là vô tư , lớn lao và gương mẫu. Công lao to lớn ấy đã được nhà vua phong làm Phù Đổng Thiên Vương, nhân dân muôn đời ghi nhớ. Thánh Gióng đánh giặc đâu phải là đơn phương độc mã. Thử hỏi rằng nếu không có cơm gạo... của dân làng, của nhà vua thì Thánh Gióng làm được những gì? Công lao của Thánh Gióng cũng có một phần của nhân dân lao động góp sức tạo lên. Thánh Gióng chính là sự tượng trưng cho sự lớn mạnh của đất nước ta, dân tộc ta.

Khép trang sách lại mà hình tượng Thánh Gióng vẫn đọng mãi trong tâm trí em – một hình tượng nghệ thuật dân gian tuyệt đẹp, tràn đầy tư tưởng yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết thắng. Quả là không có hình tượng nào sánh kịp.

ĐỀ SỐ 5

Đóng vai nhân vật Âu Cơ kể lại câu chuyện *Con Rồng Cháu Tiên.*

Bài làm

Ngày ấy, ở núi rừng phía bắc, trong dòng họ thần Nông, ta được xem là một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần. Cha mẹ đã đặt tên ta là Âu Cơ.

Quanh vùng nhiều chàng trai tài giỏi đã đến cầu hôn, nhưng chưa ai chiếm được tình cảm của ta. Cha mẹ ta ngày đêm khuyên bảo: Con đã đến tuổi phải lấy chồng, cha mẹ không ép nhưng trong số các chàng trai đến cầu hôn, con hãy chọn lấy một người. Vì thương cha mẹ, nhiều đêm ta không thể ngủ được vì chẳng biết chọn ai trong khi mình không yêu chàng nào trong số họ. Cuộc sống trôi đi thật tẻ nhạt, ta nghe người ta đồn rằng, ở vùng đất Lạc Việt có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn xin cha mẹ đến đó tham quan.

Vào một buổi sáng đẹp trời, ta đang dạo trên bờ biển sạch đẹp vô cùng, từng đợt sóng xô bờ tung lên trắng xoá. Chẳng cần suy nghĩ gì, ta đã chạy xuống biển để đùa cùng sóng. Sóng biển cùng những làn gió mát lạnh đã làm ta quên hết những buồn phiền, lo âu. Ta cùng các hầu nữ cứ thoả thích đẫm mình, giỡn đùa cùng nhau trên biển. Chẳng biết từ lúc nào những đợt sóng đã đưa chúng ta ra quá xa bờ. Đến lúc tất cả đều mệt mỏi thì không có cách nào để vào bờ được, chỉ còn cách kêu cứu, tiếng kêu vang vọng cả một vùng. Thế rồi, trong nháy mắt, xuất hiện một chàng trai mình rồng, sức khoẻ vô địch, thần dùng phép lạ đã nhanh chóng đưa tất cả vào bờ. Sau khi trấn tĩnh lại, ta mới nói với chàng: Chàng ơi! Nhờ ơn chàng cứu nạn. Trước khi báo đáp ơn chàng thiếp muốn chàng cho biết họ tên quê quán. Nghe

nói đến ơn huệ, chàng nói với tôi giúp người, cứu nạn, diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, quỷ quái là việc chàng vẫn thường làm. Chăng là một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long nữ tên là Lạc Long Quân, sống ở dưới nước. Thỉnh thoảng chàng lên cạn diệt trừ yêu quái bảo vệ dân lành, dạy cho dân biết cách trồng trọt, chăn nuôi cách ăn ở. Xong việc chàng lại về Thuỷ Cung với mẹ.

Thế rồi một ngày không xa, chàng đã tìm đến và cầu hôn với ta. Ta vô cùng vui sướng vì ước mơ của mình đã trở thành hiện thực. Cha mẹ ta cũng rất hài lòng vì Lạc Long Quân là một chàng trai tài giỏi thật xứng đôi với ta. Cha mẹ đã chọn ngày lành tháng tốt tổ chức cho chúng tôi một đám cưới linh đình. Sau đó hai vợ chồng ta về sống ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, ta có mang. Đến kỳ sinh, thật kỳ lạ ta sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra trăm người con hồng hào đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở dưới nước không quen sống mãi ở trên cạn được nên đành từ biệt mẹ con ta để trở về thuỷ cung. Ở lại một mình cùng đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Ta liền gọi chàng lên mà than rằng:

- Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con?

Chàng nói:

- Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán khác nhau khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ nhau, đừng quên lời hẹn.

Nghe chàng nói cũng có lí tôi cùng các con nghe theo. Thế rồi chúng tôi chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng theo tôi được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là Lang, con gái vua gọi là Mị nương, khi cha chết thì truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương. Không hề thay đổi. Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta – con cháu Vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng Cháu Tiên.

ĐỀ SỐ 6

Em hãy tóm tắt và nêu ý nghĩa truyện *Con Rồng, cháu Tiên.*

Bài làm

Thuở xa xưa ở miền Lạc Việt có một vị thần, nòi rồng, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, là con trai của nữ thần Lạc Long Nữ nơi thuỷ cung tráng lệ.

Lạc Long Quân có sức khoẻ phi thường, lắm phép lạ, đã vì dân mà ra tay diệt Hồ Tinh, Ngư Tinh, Mộc Tinh và nhiều yêu quái khác. Thần còn dạy dân biết cách trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn, chài lưới, cách làm nhà để ở,...

Cũng thuở ấy, ở vùng núi phương Bắc có nàng Âu Cơ, thuộc dòng dõi Thần Nông, tuyệt trần xinh đẹp. Nghe tin vùng đất Lạc Việt phương Nam là một xứ sở nhiều hoa thơm cỏ lạ, Âu Cơ bèn du ngoạn tới thăm.

Âu Cơ gặp Lạc Long Quân, người mến sắc, kẻ tham tài, rồi yêu nhau, nên vợ nên chồng. Sau mối kỳ duyên hạnh ngộ, Âu Cơ đẻ ra một cái bọc trăm trứng, nở ra một trăm đứa con trai khôi ngô, tuấn tú tuyệt trần. Cuộc sống đang diễn ra vô cùng hạnh phúc, thì một hôm Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: *Ta*

vốn nòi rồng ở nước, nàng là dòng tiên ở non cao. Khó ở với nhau một nơi lâu dài được. Ta sẽ đưa năm mươi con xuống biển; nàng sẽ đưa năm mươi con lên núi, chia nhau trấn giữ các phương. Khi có đại sự nhớ giúp nhau, chớ sai lời hẹn....

Âu Cơ đưa đàn con lên rừng núi sinh cơ lập nghiệp. Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô tại Phong Châu, truyền ngôi mười mấy đời uy danh rạng rỡ bốn phương. Con cháu ngày một thêm đông đúc.

Từ sự tích Trăm trứng này mà người Việt Nam ta vẫn tự hào nhắc đến nguồn gốc dòng dõi của mình là con Rồng cháu Tiên.

Truyện *Con Rồng cháu Tiên* là một huyền thoại đẹp, giàu ý nghĩa. Nó giải thích, ca ngợi và khẳng định nguồn gốc, dòng giống của con người Việt Nam ta vô cùng cao quý (dòng giống Rồng Tiên). Truyện đã thể hiện một cách sâu sắc niềm tự tôn, tự hào dân tộc, khơi dậy tình yêu thương, đoàn kết dân tộc trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam chúng ta. Nó nhắc nhở chúng ta rằng nghĩa đồng bào là cao cả, thiêng liêng. Đúng như nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã viết:

... Đất nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người ai trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ...

(Đất nước – Trường ca mặt đường khát vọng)

ĐỀ SỐ 7

Đóng vai nhân vật Lạc Long Quân kể lại chuyện *Con Rồng Cháu Tiên.*

Bài làm

Ta là Lạc Long Quân con trai thần Long Nữ, dòng dõi ta thuộc nòi rồng. Chính vì vậy mà ta sống ở dưới nước, thỉnh thoảng ta lên cạn để giúp dân lành diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh và các loài yêu quái. Ta còn dạy cho dân chúng cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Khi ta xuất hiện trên cạn thì tất cả dân chúng đều rất kính trọng và khâm phục tài năng của ta.

Có lần, ta đã hoá phép giết chết năm loài quỷ quái, chuyên đi giết hại dân lành. Sau khi bọn quỷ quái bị ta giết, người dân ở vùng này vô cùng sung sướng, họ đã đem rất nhiều lễ vật quý báu đến dâng cho ta nhưng ta không hề nhận một thứ gì. Chính vì thế họ càng kính phục tin tưởng vào tài năng và tấm lòng nhân đức của ta. Mỗi khi làm xong việc ta lại trở về Thuỷ Cung và báo cáo với cha ta. Trước khi trở về Thuỷ Cung ta còn dặn lại dân chúng khi nào gặp tai ương, hoạn nạn thì xuống biển gọi ta lên giúp.

Một lần, ta đang cùng cha vui chơi dưới Thuỷ Cung, bỗng có tiếng kêu cứu của dân chúng. Ta vội vàng từ biệt cha lên đường. Khi ta xuất hiện, ta đã phải chứng kiến một cảnh thảm thương ở vùng núi phương Bắc. Đó là nạn Hồ Tinh, Mộc Tinh quấy nhiễu dân lành. Chúng ăn thịt biết bao người dân vô tội nơi đây khiến xương trắng phơi đầy sau một quả núi to. Ta vô cùng căm phẫn đã truy tìm tới tận hang ổ của bọn Hồ Tinh và Mộc Tinh.

Ròng rã một tháng trời, ta mới quét sạch được lũ yêu ma này. Sau khi giết hết lũ Hồ Tinh và Mộc Tinh, cuộc sống của người dân ở vùng này lại trở lại bình yên. Để đền đáp công ơn

của ta, họ đã mở hội ăn mừng to lắm: Bao nhiêu lễ vật họ đã dâng biếu cho ta cùng tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống và tiếng hò reo chào mừng chiến thắng náo động cả một vùng. Đã lâu nay ta mới cảm nhận được cuộc sống ở trên cạn có nhiều điều kì thú mà ở dưới Thuỷ Cung không có được. Cảnh núi non hùng vĩ với hoa lá chim muông thật đẹp và thơ mộng. Ta quyết định ở vùng này một thời gian để vãn cảnh. Thế rồi, vào một ngày đẹp trời, ta đang mải mê ngắm nhìn dòng sông chảy lững lờ quanh một sườn núi cỏ cây xanh biếc thì thấy xuất hiện một thiếu nữ xinh đẹp cùng các hầu nữ cũng đang hái hoa đuổi bướm dưới núi. Có lẽ vì mải mê với những bông hoa ven sườn núi mà nàng đã bị ngã. Không ngần ngại gì, ta vội chạy tới đỡ nàng lên. Sau một lúc trò chuyện ta đã biết được đó là nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Tiếng tăm của nàng ta đã được nghe đã lâu mà nay mới thấy. Ta đã đem lòng yêu thương nàng và nàng cũng yêu ta. Ta và nàng đã trở thành vợ chồng cùng chung sống ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, nàng có mang. Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con chẳng cần bú mớm mà tự lớn như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần. Thế rồi một hôm, ở dưới Thuỷ Cung có việc lớn, cha ta gọi về. Ta đành phải từ biệt nàng và đàn con về Thuỷ Cung, ở dưới đó cha ta đã già yếu nên rất cần ta ở lại giúp việc, nên ta chưa thể về ngay với nàng cùng các con.

Âu Cơ ở lại một mình nuôi con, tháng ngày chờ mong buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi ta lên mà than thở:

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con?

Ta nói:

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở dưới nước kẻ ở cạn tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia

nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Nàng đã nghe lời ta, rồi ta chia tay nàng cùng năm mươi con xuống vùng biển. Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang.

Triều đình có tướng văn, tướng võ; con trai gọi là Lang, con gái gọi là Mị Nương; khi cha chết thì ngôi được truyền cho con trưởng, mười mấy đời truyền ngôi vua đều lấy tên hiệu là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Mối tình của ta và nàng Âu Cơ đã trở thành một sự tích đẹp lưu truyền trong dân gian. Mỗi khi nhắc đến nguồn gốc của mình người Việt Nam thường tự xưng mình là con Rồng cháu Tiên.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 8

Đóng vai nhân vật Lang Liêu kể lại truyện *Bánh chưng bánh giày.*

Bài làm

Ta là Lang Liêu, vốn là con trai thứ mười tám của vua Hùng. Gia đình ta rất nghèo. Vì mẹ mất sớm, nên một mình ta lủi thủi với ruộng vườn để làm ra hạt lúa, củ khoai nuôi thân. So với các hoàng tử khác, ta là kẻ ít được sự nuông chiều của vua cha. Cũng nhờ sự siêng năng cần cù mà ta luôn gặp may mắn, hạnh phúc trong cuộc đời.

Số là, một hôm cha gọi tất cả các con và triều để chầu, cha nói rằng lâu nay thấy người không được khoẻ, có thể cái chết

đến ngày một ngày hai, nên người có ý định truyền ngôi báu. Vua cha phán rằng:

- Tới ngày lễ Tiên Vương, ai làm vừa lòng ta thì ta sẽ cho người ấy ngôi báu để tiếp tục xứng đáng sự nghiệp của tiền nhân.

Những hoàng tử anh em của ta mặt mày hồng hào, quần áo sang trọng hớn hở ra về. Còn ta, với bộ quần áo bạc phếch mưa nắng quê kệch trở về nhà trong nỗi buồn và những ý nghĩ rối như tơ. Biết làm sao đây khi trong tay chỉ có cái cày, mảnh ruộng và các thứ tầm thường của con nhà nông? Ta nhìn những cái vựa chứa lúa vàng óng, nhìn những bó hành củ và những miếng thịt heo ướp muối treo trên bếp mà lắc đầu chán nản. Ta không nghĩ tới và cũng không dám nghĩ tới ngôi báu của vua cha, nhưng ta chỉ sợ phụ lòng cha già, phụ lòng các đấng Tiên Vương mà ta kính quý.

Trong lúc các anh em đang lên rừng xuống biển tìm của ngon vật lạ thì ta trằn trọc suốt đêm này qua đêm khác. Một hôm, ta thiếp đi thì thấy thần hiện lên báo mộng. Thần nói với ta là lấy chính những sản phẩm mà mình làm ra để làm bánh. Thần bày cho làm hai thứ một loại hình vuông một loại hình tròn, bên ngoài là gạo nếp và bên trong là thịt mỡ, hành...

Đến ngày lễ, giữa khói nhang thơm lừng, trên bàn thờ của các đấng tiên Vương là biết bao thứ sơn hào hải vị, những nem công chả phụng. Toàn là những món quý hiếm mà chỉ có vua chúa mới được thưởng thức.

Vua cha nếm tất cả các món với thái độ điềm tĩnh, nhưng đến cái mâm gỗ sơn son của ta thì người cầm từng chiếc bánh lên và suy nghĩ rất lâu. Rồi người tươi tỉnh mặt mày gọi các quần thần lại chia mỗi người mỗi miếng. Ai cũng tấm tắc khen ngon. Vua cha của ta nói:

- Lang Liêu quả là người con có hiếu. Nó làm cái bánh tròn này là tượng trưng cho Trời, cái bánh vuông là tượng trưng cho Đất. Các thứ thịt mỡ, đậu, lá vông và nếp gạo đều là sản phẩm của Đất Trời. Lá vông bọc ngoài còn muốn nói đến sự đùm bọc,

chắc nó nghĩ đến cái bọc trứng kì diệu mà ông bà tổ Tiên Rồng của chúng ta đã đẻ ra... Lang Liêu thật xứng đáng cho ta chọn để đẹp lòng các vị Tiên Vương. À, ta cũng đặt tên hai loại bánh này là bánh chưng và bánh giày đó!

Ta đã nói đến các cháu về sự lên ngôi của ta như thế. Đứa cháu đích tôn đã nói với những đứa khác rằng:

- Các em hãy noi gương ông nội, ông lên ngôi không phải xuất thân từ một vị hoàng tử sung sướng mà từ nhưng người nông dân chăm chỉ làm lụng. Tuy ông nghèo nhưng tình cảm hiếu thảo với vua cha và các Tiên Vương thì thật là đáng quý. Chúng ta phải theo gương ông không phải ỷ thế con cháu nhà vua mà quên lao động, quên sống sao cho có đạo đức.

- Vậy là kể từ dạo đó, tết nào trong nhân dân cũng làm bánh chưng bánh giày hả ông? – Một cháu hỏi ta.

- Đúng vậy, kể từ hôm lên ngôi ta đã truyền trong dân gian tục lệ ấy – Ta nghiêm trang nói với các cháu ta những lời như thế!

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 9

Cảm nhận của em về sự tích *Bánh chưng bánh giày.*

Bài làm

Trong truyện cổ dân gian, sự xuất hiện của Thần, Tiên, Bụt, Phật... đã tạo nên yếu tố hoang đường, kì ảo. Những nhân vật siêu nhiên ấy nhằm giúp đỡ, độ trì người nghèo, bênh vực kẻ yếu, ban phép lạ cho người tốt, và trừng phạt những kẻ xấu xa, gian ác. Truyện cổ *Sự tích bánh chưng bánh giày* cũng có hai nhân vật Thần. Thần xuất hiện trong giấc mộng, mách bảo Lang Liêu làm bánh để lễ Tiên Vương. Nói rằng: *Nhờ có Thần mách bảo mà*

Lang Liêu mới được nối ngôi vua tuy đúng, nhưng chưa thật đầy đủ. Đó là vì ý kiến ấy chưa đề cập đến yếu tố con người, vai trò con người. Đó là Lang Liêu và nhà vua.

Lang Liêu là một ông hoàng *chỉ chăm lo việc đồng áng trồng lúa, trồng khoai....* Đó là một ông hoàng giàu lòng nhân đức, rất cần cù, sống gần dân, biết trọng nghề nông là nghề căn bản của dân tộc. Ông mồ côi mẹ, vì thế mà trở thành một ông hoàng bị "lép vế" trong hoàng tộc nên mới được Thần hiến kế và độ trì. Chuyện kể Lang Liêu gặp Thần trong giấc mộng, có nghĩa là Lang Liêu được lòng dân, bởi lẽ: *Thần bảo như nhân bảo.*

Lang Liêu là một con người rất sáng tạo. Thần chỉ nói về giá trị của gạo, và mách bảo Lang Liêu nên lấy gạo để làm bánh, chứ không chỉ vẽ cách thức cụ thể làm bánh ra sao – Thế nhưng Lang Liêu đã biết lấy gạo nếp đem vo sạch, lấy đỗ đãi và thịt lợn làm nhân, lấy lá giong gói thành bánh hình vuông đem nấu chín; biết đồ gạo nếp, giã nhuyễn, nặn thành hình tròn. Lang Liêu đã sử dụng chất liệu sẵn có của nhà nông, của quê hương xứ sở, sáng tạo thành hai thứ bánh rất ngon. Anh rất xứng đáng nhận mọi phần thưởng cao quý.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bánh của Lang Liêu sáng tạo nên không chỉ ngon mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu xa, tốt đẹp. Bánh giày tượng Trời; bánh chưng tượng Đất. Thịt mỡ, đậu xanh, lá giong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài. Có thể nói đó là sự hoà hợp giữa con người với đất trời, thiên nhiên tạo vật. Lá giong bọc ngoài, mĩ vị để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Vua Hùng qua chiếc bánh chưng xanh gói bằng lá giong mà nêu cao bài học thương yêu, đoàn kết. Nhà vua ngầm nhắc các hoàng tử và quần thần bài học giữ nước. Bánh chưng bánh giày với biểu tượng cao quý ấy đã thể hiện cái tâm và cái tài, nhất là lòng trung hiếu của Lang Liêu. Lang Liêu đã làm vừa ý vua cha, biết nối chí vua cha, xứng đáng được vua Hùng truyền ngôi báu, có Tiên Vương chứng giám.

Truyện cổ tích này đã giải thích nguồn gốc và tính nhân văn của bánh chưng, bánh giầy. Truyện đã biểu lộ niềm tự hào về một

nét tuyệt đẹp: hương vị của đất nước ta rất phong phú, hương vị Tết cổ truyền dân tộc rất đậm đà. Đó chính là bản sắc tốt đẹp của nền văn hiến Việt Nam.

Sâu xa hơn nữa, *Sự tích bánh chưng, bánh giày* còn thể hiện ý thức lấy nước, lấy dân làm gốc, coi trọng nghề nông, quý hạt gạo, biết ơn tổ tiên, kính Trời, Đất với tất cả tấm lòng hồn hậu, chân thành của con người Việt Nam chúng ta.

ĐỀ SỐ 10

Tóm tắt và phân tích ý nghĩa của truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*

Bài làm

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Vua Hùng thứ XVIII có nàng công chúa tên là Mị Nương, mình ngọc, mặt hoa, đẹp tuyệt trần. Vua cha muốn kén được một chàng rể tài giỏi, nhưng chưa có một chàng trai nào thật xứng đáng.

Một hôm, cùng một lúc, bỗng có hai vị thần cùng xuất hiện tại cung điện và xin cầu hôn. Một người tự xưng là Sơn Tinh có tài dời non lấp bể, dựng núi xây đồi. Một người tự xưng là Thuỷ Tinh có phép lạ như dâng nước, hô mây, gọi gió, nổi sóng, gây mưa... Vua Hùng băn khoăn ngẫm nghĩ, rồi phán: *Cả hai thần rất tài giỏi, thật vừa ý ta. Nhưng... ta chỉ có một ái nữ, biết gả cho thần nào? Thôi thì ngày mai, hễ ai đem sính lễ đến trước, ta khắc cho làm rể và cưới con gái ta....*

Mờ sáng hôm sau, Sơn Tinh đến trước mang theo voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi, kèm theo một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng... Vua

Hùng vui vẻ nhận lời, rồi cho phép Sơn Tinh làm lễ cưới, rước Mị Nương về núi.

Thuỷ Tinh chậm chân đến sau, không lấy được Mị Nương, đùng đùng nổi giận. Thần lập tức hô mưa, gọi gió, giông bão mịt mù, dâng nước lên đánh Sơn Tinh, quyết dành lại người đẹp. Cả một vùng Phong Châu rộng lớn chìm trong biển nước. Thuỷ Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu thì Sơn Tinh lại hoá phép nâng núi lên cao bấy nhiêu. Hai bên kịch chiến suốt ngày đêm. Núi Tản Viên, sông Đà trở thành bãi chiến trường ác liệt, cây đổ, đất đá ngổn ngang, xác ba ba, thuồng luồng, rắn rết bị giết chết nổi đầy sông. Đánh mãi không được, Thuỷ Tinh hậm hực rút quân về.

Từ đó, Thuỷ Tinh ôm mối hận thù khôn nguôi. Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng 7 tháng 8 ta, Thuỷ Tinh lại đem quân đánh Sơn Tinh để rửa hận, gây ra cảnh mưa gió, bão lụt khắp nơi...

Truyện *Sơn Tinh Thuỷ Tinh* mượn chuyện hai thần tranh giành người đẹp để giải thích hiện tượng giông bão, lũ lụt hàng năm xảy ra trên vùng châu thổ sông Hồng ở miền Bắc nước ta.

Sơn Tinh đã đánh thắng Thuỷ Tinh. Điều đó nói lên ước mơ và khát vọng của người Việt cổ xưa muốn có sức mạnh thần kì, vô địch để đẩy lùi và chế ngự thiên tai lũ lụt, để bảo vệ và phát triển nghề trồng lúa nước lâu đời.

Hình tượng Sơn Tinh hoá phép nâng núi lên cao, lên cao mãi để chiến thắng Thuỷ Tinh là một trong những hình ảnh thần kì tráng lệ trong truyện cổ dân gian Việt Nam.

ĐỀ SỐ 11

Thuỷ Tinh nhớ lại mối hận thù xưa.

Bài làm

Hồi ấy cách đây khoảng hai nghìn năm, vua Hùng Vương thứ nười tám có một người con gái nổi tiếng nết na, xinh đẹp tên là Mị Nương. Năm ấy vua loan truyền tin kén rể cho con gái yêu của mình.

Tin truyền đi khắp nơi, các chàng trai háo hức về cung xin được cầu hôn Mị Nương, nhưng vua chưa ưng ý ai. Ta chọn một ngày đẹp đến xin cầu hôn nàng. Nhưng lạ thay hôm ấy đứng trước bệ rồng, còn một người nữa cũng đến xin cưới Mị Nương. Hắn là Sơn Tinh ở vùng núi Tản viên. Hắn cũng rất tài giỏi, hắn vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Đến lượt ta, ta cũng tự giới thiệu về mình là Thuỷ Tinh sống ở vùng biển. Tài năng của ta cũng chẳng thua kém Sơn Tinh. Ta gọi gió, gió đến, hô mưa mưa về. Hai người cân tài cân sức xem chừng vua Hùng khó xử nên chưa nhận lời gả Mị Nương cho ai. Vua đã gọi các Lạc hầu đến để bàn bạc, ít sau đó vua phán rằng:

- Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới Mị Nương về làm vợ.

Không để lâu ta liền hỏi ngay:

- Thưa ngài cho con biết sính lễ gồm những gì ạ!

Vua liền cho biết là *Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.*

Đối với ta đồ sính lễ ấy rất khó kiếm. Nhưng suốt đêm đó ta sai người bằng mọi cách tìm kiếm cho bằng đủ. Đến sáng ngày

hôm sau, trời còn tờ mờ, ta cùng các lính hầu đem đồ lễ đến thành Phong Châu trong lòng ta tin chắc mình sẽ cưới được nàng Mị Nương xinh đẹp làm vợ. Nhưng thật quá bất ngờ Sơn Tinh đã rước nàng về núi rồi, lúc bấy giờ ta vô cùng đau đớn vì không lấy được người mình yêu.

Ta vô cùng tức giận, chẳng hề suy nghĩ liền cho quân lính đuổi theo cướp lại Mị Nương. Ta hô mưa, gọi gió làm giông bão cả đất trời– dâng nước lên cuồn cuộn quyết đánh Sơn Tinh để chiếm lại Mị Nương.

Cả thành Phong Châu chìm trong biển nước mênh mông. Hắn không chịu thua hoá phép đánh lại ta. Hắn ném đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Ta cho nước sông dâng lên cao bao nhiêu thì hắn cũng dâng đồi núi lên bấy nhiêu. Ta không quản ngại huy động mọi lực lượng quyết đánh thắng hắn.

Nhưng ròng rã mấy tháng trời sức hắn vẫn không hề lay chuyển mà ta thì sức đã kiệt: Cuối cùng ta đành rút quân về.

Từ đó, mỗi năm cứ đến dịp mùa hạ ta lại nhớ mối hận thù xưa không thể quên được. Càng nhớ tới nàng Mị Nương xinh đẹp thì lòng ta càng căm giận Sơn Tinh nên ta lại làm mưa to gió lớn dâng nước lũ để đánh hắn cho hả giận. Dẫu biết rằng không thắng được hắn nhưng mối thù này không bao giờ xoá được trong tâm trí ta.

ĐỀ SỐ 12

Bằng lời của Sơn Tinh hãy kể lại chuyện *Sơn TinhThuỷ Tinh*.

Bài làm

Cách đây đã lâu, vào thời vua Hùng Vương thứ XVII, vua có một người con gái tên là Mị Nương nổi tiếng là xinh đẹp nết na.

Khi nàng đến tuổi lấy chồng Hùng Vương đã truyền tin kén rể. Tin loan truyền đi khắp nơi một cách nhanh chóng.

Tất cả các chàng trai tới đều đến để xin cầu hôn với Mị Nương. Nhưng vua chẳng vừa ý ai cả. Ta liền chọn một ngày đẹp trời xin cầu hôn. Hôm đó, ta tưởng như chỉ có mình ta nhưng lại có một người nữa đã đến trước ta, người này tên là Thuỷ Tinh. Tài của hắn là: gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về. Nhưng tài của ta cũng không kém. Ta vẫy tay về phía đông thì mọc lên cồn cát, vẫy tay về phía tây thì mọc lên những dãy núi đồi. Vua Hùng băn khoăn không biết chọn ai bèn mời các Lạc hầu vào bàn bạc và phán:

- Cả hai người đều ngang sức, ngang tài và đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một đứa con gái mà thôi. Cho nên ngày mai, hễ ai đem sính lễ đến trước thì ta gả con gái cho.

Sính lễ gồm: *Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.*

Sáng hôm sau, khi trời vừa tờ mờ sáng ta đã đến trước và đem đầy đủ lễ vật. Sau đó ta được rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ hắn tức giận sai quân đuổi theo đánh ta hòng cướp lấy Mị Nương. Trận đấu giữa ta và hắn rất quyết liệt. Hắn hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển đất trời, nước dâng cao mãi tràn ngập cả nhà cửa, ruộng nương. Nước lên đến lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu lúc bấy giờ nổi lềnh trên một biển nước.

Sau đó ta mới dùng phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi để ngăn chặn dòng nước. Thuỷ Tinh dâng nước cao bao nhiêu thì ta lại biến phép cho đồi núi cao bấy nhiêu. Cuộc đọ sức giữa ta và hắn kéo dài mấy tháng liền. Sau đó Thuỷ Tinh thua cuộc đành rút quân về. Từ đó trở đi cứ hằng năm hắn lại làm mưa gió, bão lụt để đánh ta. Lần nào cũng thua cuộc nhưng có lẽ mối thù xưa mà hắn không thể nào quên được nên hàng năm hắn vẫn thường làm giông bão, dâng nước làm các dòng sông lũ lớn để báo thù ta.

ĐỀ SỐ 13

Chuyện *Sơn Tinh Thuỷ Tinh* bốn ngàn năm sau.

Bài làm

Sau khi thắng Thuỷ Tinh giòn giã hàng trăm lần, Sơn Tinh đâm ra tự mãn, càng coi thường Thuỷ Tinh ra mặt. Từ khi câu chuyện về Thần được dân gian xưng tụng viết thành một truyền thuyết đẹp *Sơn Tinh– Thuỷ Tinh*, Thần núi càng sinh ra kiêu ngạo. Thần tự nhủ: *Trăm ngàn các vị thần được Ngọc Hoàng thượng đế cắt cử cai quản trăm phương, đã mấy ai được như mình?*. Nhất là từ khi câu chuyện ấy được các nhà biên soạn sách tuyển chọn đưa vào chương trình phổ thông để dạy bọn trẻ, rồi mỗi khi đi tuần thú, nghe các giáo viên say sưa ca ngợi tài trí và công đức của mình, chê bai chế giễu Thuỷ Tinh Thần Núi càng thêm kiêu ngạo. Trong con mắt của thần, Thuỷ Tinh chỉ là cây cỏ thấp đứng bên cạnh cây đại thụ là Thần Núi.

Càng ngày, Sơn Tinh càng được Ngọc Hoàng tín nhiệm. Ngọc Hoàng giao cho Thần Núi mở rộng quyền lực cai quản ra khắp các vùng núi phía Bắc Việt Nam. Quyền lực càng lớn Sơn Tinh càng cảm thấy uy phong của mình lớn thêm, càng không sợ Thần Nước. Ngoài Thần Núi sai khuân đá, đúc bê tông thành từng tảng nặng hàng ngàn tấn dựng một thành luỹ cao ngất trời ở vùng trung du sông Đà để chặn đường tiến quân của Thuỷ Tinh.

Quả thực từ ngày Sơn Tinh dựng được bức thành kiên cố ấy, Thuỷ Tinh càng khó báo thù, nhiều lần Thuỷ Tinh tiến quân nhưng đành ngậm ngùi rút lui.

Từ sau ngày dựng được bức thành kiên cố, Sơn Tinh không lo đi tuần thú nữa, chỉ vùi đầu vào những tiệc tùng thâu đêm suốt sáng, hoặc cùng người đẹp Mị Nương thong dong dạo chơi ngắm hoa thơm cỏ lạ, hoặc nghe những bọn nịnh thần vây quanh tâng bốc lên tận mây xanh...

Thời gian trôi đi mà Thần Núi không tiếc, không bận tâm đến một chuyện gì, ngay cả việc dân tình đốt rừng làm nương. Các vị Sơn thần cấp dưới đến bẩm báo ngài cũng tặc lưỡi: *Ôi dào, sức người ăn thua gì con người nhỏ bé thế mà lại chỉ có hai bàn tay yếu ớt, có đến hàng vạn năm vẫn cũng chẳng phá nổi rừng. Vả lại, họ nghèo khó quá ta đâu lỡ phạt họ, đâu lỡ triệt kế sinh nhai của họ, thế mới xứng với lời ca tụng của người đời rằng ta là vị thần nhân từ, yêu dân như con mình chứ! Mỗi người chỉ chặt mất có vạt rừng bé tẹo, thấm thoát gì?*

Nhưng con người đâu chỉ làm cái nương mà họ vừa có được từ vạt rừng xanh suốt đời. Vài ba năm sau, nương dãy bạc màu họ lại bỏ cái nương đó đốt vạt rừng khác để làm nương mới.

Cứ thế, hàng chục, rồi hàng trăm năm, hàng nghìn năm rừng thu hẹp dần. Cả một vùng bạt ngạt rừng giờ đây chỉ còn bé tẹo.

Thần Núi hốt hoảng vội nghĩ ra kế *Giao đất giao rừng* và rừng thi nhau mọc lên. Tuy không phải là rừng đại ngàn, rừng nguyên sinh nhưng cũng là rừng vải, rừng nhãn, rừng bạch đàn...

Ngăn chặn được dân đốt phá rừng thì bọn lâm tặc lại nổi lên. Bọn này thực là nguy hiểm. Chúng không đốt rừng nên đâu dễ phát hiện. Chúng luồn sâu vào các cánh rừng đại ngàn còn sót lại nơi đầu nguồn, len lỏi trong rừng tìm những nơi có gỗ quý để Khai thác. Vì chúng cưa bằng loại máy rất êm, lại ở sâu trong rừng nên các vị Sơn thần thổ địa đi tuần tra phía ngoài bìa rừng cũng khó phát hiện. Khi chúng chuyên chở ra thì dùng cả những gì to tướng, lao vun vút, các vị Sơn Thần thổ địa không tránh xa chỉ có mà tan xác. Chỉ có Sơn Tinh là có thể trị được chúng thì ngài lại ở xa quá, đang mải tiệc tùng.

Về phía Thuỷ Tinh, sau nhiều lần dâng nước đánh Sơn tinh đều bị thua đậm, đành nuốt hận lui về chốn Thuỷ Cung đợi thời cơ. Và Thuỷ Tinh cứ chờ. Năm năm... Mười năm... Một trăm năm... Một ngàn năm...

Một hôm, Thuỷ Tinh đang nhớ lại chuyện năm xưa thì có tiểu thần Ba Ba xin vào yết kiến.

- Bẩm Đại Vương, phía thượng nguồn sông Đà bây giờ đã biến thành vùng đồi trọc rồi ạ.

Thần nước reo lên giọng đầy hả hê:

- Trời giúp ta rồi! Lão Thần Núi kia thử hỏi liệu có thắng ta nữa không?

Tiểu thần Thuồng Luồng đứng gần đó cũng tham gia câu chuyện:

- Bẩm, nhưng ta làm sao mà vượt qua được bức thành luỹ kiên cố mà lão Thần Núi dựng lên ạ?

- Các ngươi chớ có lo, ta đã có cách.

Rồi Thuỷ Tinh chia quân ra nhiều toán nhỏ, lặng lẽ, bí mật luồn sâu vào các mạch suối ngầm, tiến lên mai phục ở thượng nguồn sông Đà, khi trời nổi mưa gió sẽ hành động.

Trận báo thù thứ nhất diễn ra một cách chớp nhoáng nhưng sức tàn phá thì thật là khủng khiếp. Từ sâu trong lòng đất, ở tận mạch nước ngầm, quân của Thuỷ Tinh bất ngờ ào lên, chúng lướt qua các quả đồi trọc những khu rừng thưa một cách dễ dàng, ào ào như những dòng thác không gì cản lại được. Rồi sau khi càn quét một vùng vài ki lô mét, chúng lại nhanh chóng lui binh ẩn sâu vào trong mạch nước ngầm. Khi chúng rút đi nhà cửa đổ ngổn ngang, hoa màu bị cuốn trôi, xác người xác súc vật la liệt.

Sau trận báo thù thứ nhất của Thuỷ Tinh, Sơn Tinh vô cùng hốt hoảng, Thần Núi mất ăn, mất ngủ, lúc nào cũng phấp phỏng chờ Thuỷ Tinh tới để quyết chiến.

Nhưng Thuỷ Tinh không cần đánh lớn, chỉ đánh du kích. Những trận đại hồng thuỷ diễn ra bất ngờ và chớp nhoáng (mà con người gọi là lũ quét) đến nỗi Thần Núi Sơn Tinh không kịp trở tay.

Rồi trận tập kích hồi tháng bảy năm ngoái, Thuỷ Tinh bất ngờ từ dưới suối ngầm chui lên đỉnh núi Tản Viên, ào xuống cướp lấy Mị Nương rồi lại lặn sâu vào suối ngầm, đưa Mị Nương về Thuỷ Cung.

Sơn Tinh bàng hoàng trước tai hoạ khủng khiếp với chính ngài. Nhưng hối hận thì đã muộn.

ĐỀ SỐ 14

Thuỷ Tinh báo thù.

Bài làm

Sau hàng ngàn lần dâng nước đánh tôi, Thuỷ Tinh đều thất bại, đành lui về ẩn mình trong thuỷ cung, uống rượu suốt ngày để cố quên đi mối hận. Được tin ấy, tôi vừa hả hê, vừa thoả mãn nghĩ có lẽ đã đến lúc mình có thể xả hơi.

Đặc biệt tôi đi đến đâu cũng nghe những lời ca tụng về mình. Họ còn viết cả một câu chuyện về tôi để đưa vào chương trình phổ thông dạy cho các em như nêu một tấm gương sáng để răn dạy chúng. Tôi trở thành thần tượng của lớp trẻ. Nghe những lời ngợi ca xưng tụng về mình, lúc đầu tôi hơi ngượng, nhưng sau đó, tôi đã quen với những lời tán dương. Trí tự mãn, tự đại ngấm dần vào người tôi như một căn bệnh.

Tôi tự cho mình cái quyền được nghỉ ngơi để hưởng thụ vinh hoa phú quý. Suốt ngày tôi mê mẩn bên nhan sắc của Mị Nương. Thậm chí, tôi còn tuyển thêm vào trong vương phủ biết bao nhiêu mĩ nữ để cùng bọn họ thong dong dạo chơi tiệc tùng thâu đêm suốt sáng.

Một hôm, vừa tỉnh dậy buổi sáng, đã có mấy Sơn thần chầu chực chờ vào yết kiến. Họ hốt hoảng:

- Bẩm Đại Vương, dân đốt rừng làm nương rẫy nhiều lắm. Xin Đại Vương hãy ban lệnh cấm ngay ạ.

Tôi mỉm cười bảo họ:

- Ồ, tưởng chuyện gì. Thần dân của ta chăm chỉ, sáng tạo như vậy, tất đời sống sẽ được ấm no. Dân cường thì nước thịnh mà.

Mấy vị Sơn thần càng hốt hoảng hơn:

- Bẩm Đại Vương thế này thì chẳng mấy mà hết rừng ạ. Đất sẽ bị sói mòn mà sụp lở, nguy hiểm lắm ạ. Nếu Thuỷ Tinh đánh lên thì sao? Làm sao chống nổi.

Tôi cười khẩy:

Các ngươi thật to gan dám coi thường cả ta. Các ngươi không biết ta có tài vẫy tay về phía đông, phía đông nổi lên cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Ta đã từng bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi để dựng thành luỹ chặn Thuỷ Tinh là gì? Hàng nghìn năm nay có bao giờ ta thua?

Mấy vị Sơn thần bị tôi quở trách, mặt cứ tái xám, miệng lắp bắp điều gì không rõ rồi cáo lui.

Từ đó, chẳng có ai bẩm báo điều gì?

Một hôm, tôi nghe phong phanh có bọn Lâm tặc chặt phá các cánh rừng đại ngàn rất dữ. Thế nhưng, khi ta hỏi đến thì lại nhận được những lời tán dương:

- Dạ, muôn tâu Đại Vương, hạ thần được Đại vương tín nhiệm, đâu có dám lơ là nhiệm vụ ạ. Đại Vương anh minh lỗi lạc trong giang sơn của Người cai quản, có kẻ nào lại dám to gan làm bậy? Dạ xin Đại Vương đừng tin những lời đồn tấu của những kẻ ghen ăn ghét ở ạ. Dạ, họ là những người lương thiện số một ạ.

Mọi người tiếp tục phỉnh nịnh tôi với những lời tâng bốc khiến tôi như đi trên mây, cái gì hắn nói tôi cũng tin là thật.

Mấy ngàn năm trôi qua, tôi mải mê vui thú đến nỗi những cánh rừng đại ngàn ven biển đã mất, cả những khu rừng nguyên sinh đầu nguồn cũng không còn, mà tôi cũng không hay biết gì.

Một đêm, tôi đang say sưa trong giấc nồng thì có tiếng gõ cửa gấp:

- Bẩm Đại Vương, nguy rồi! Một giọng kinh hoàng vang lên – Bẩm... lũ quét ạ.

Tôi vùng dậy thét:

- Tại sao thế? Hắn từ mãi biển khơi luồn theo đường sông lên tận đầu nguồn đánh xuống mà các ngươi không biết gì à?

- Bẩm, rừng không còn, hắn tiến quá nhanh chúng thần không chặn kịp ạ.

Tôi ra lệnh rồi thần thông ba bước tôi đã tới thượng nguồn sông Đà, chặn trước mặt Thuỷ Tinh. Tôi vội bốc từng dãy đồi, dời từng dãy núi chặn Thuỷ Tinh lại. Nhưng Thuỷ Tinh cùng bầy tôi tớ vẫn lao tới như những dòng thú không gì chặn lại nổi. Hắn phóng qua tôi rồi lao nhanh về phía biển.

Trước mắt tôi là một thảm cảnh kinh hoàng: Phố xá, làng mạc bị cuốn trôi; xác người và xác xúc vật nổi lềnh bềnh. Số sống sót thì chịu cảnh màn trời chiếu đất, không còn gì để ăn, kêu khóc thảm thiết.

Tôi chết lặng người Ngọc Hoàng giao tôi sứ mệnh trông coi vùng thượng nguồn sông Hồng tươi đẹp. Thế mà giờ đây...! Tôi đưa mắt nhìn quanh, cả một vùng đồi trọc trơ trọi, thảo nào quân của Thuỷ Tinh dễ dàng vượt qua!

Tội tôi quá lớn, không biết liệu Ngọc Hoàng có khoan dung?

ĐỀ SỐ 15

Đóng vai Lê Thận kể lại chuyện *Sự tích Hồ Gươm*.

Bài làm

Ta vốn sinh ra và lớn lên ở làng Chài ven biển Thanh Hoá. Công việc chính của ta là ngày ngày đi thả lưới kiếm cá để sinh sống. Vào một đêm như thường lệ ta thả lưới trên một bến vắng khi kéo lên thấy nằng nặng trong lòng ta chắc mẩm được mẻ cá

to. Ta thò tay vào bắt cá nhưng chỉ thấy có một thanh sắt. Ta quẳng lại xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai khi kéo lưới lên vẫn thấy nặng, ta không ngờ thanh sắt ấy lại mắc vào lưới của mình. Ta lại cầm lấy và quẳng thanh sắt ra thật xa. Lần thứ ba, khi kéo lên thanh sắt ấy lại mắc vào lưới. Ta thấy lạ quá. Cứ như có phép lạ, thanh sắt cứ tìm lưới của ta mà chui vào nên bèn nhận thanh sắt lên đem lại gần mồi lửa để nhìn xem. Ta sung sướng reo to: Ha ha. Một lưỡi gươm!

Cầm lưỡi gươm lên suy nghĩ một lúc lâu rồi ta chợt hiểu đây là ý trời đã ban tặng cho ta.

Lúc đó, trên đất nước ta, bọn giặc Minh vô cùng tàn ác, chúng coi dán ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tuỷ.

Nghĩa quân Lam Sơn do chủ tướng Lê Lợi chỉ huy đã nhiều lần đánh lại, nhưng có lẽ vì thế lực còn non yếu nên đã thua. Ta nghe nói có lần Lê Lợi cùng – nghĩa quân bị giặc bao vây hàng tháng trời ở vùng núi Chí Linh cuối cùng phải thịt cả ngựa để lấy lương thực nuôi quân. Nghĩ đến đây, trong ta bỗng sôi sục lên lòng căm thù giặc. Ta quyết định ra nhập đoàn quân Lam Sơn giúp Lê Lợi đánh giặc cứu nước. Tài võ nghệ của ta sau một thời gian ngắn luyện tập thôi đã được Lê Lợi và mọi người rất phục. Rồi một lần, ta đem chuyện lưỡi gươm ra kể với chủ tướng Lê Lợi. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tuỳ tùng về thăm nhà ta. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên. Lấy làm lạ Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi Lê Lợi và các tướng rút lui mỗi người một ngả. Ta nghe Lê Lợi kể rằng lúc đi qua một khu rừng, ông bỗng thấy có ánh sáng lạ trên ngọn cây. Ông trèo lên mới biết đó là một chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà ta, chủ tướng đã lấy chuôi dắt vào thắt lưng đem về.

Khi đem tra gươm và chuôi thì lạ thay vừa như in. ta nâng gươm lên ngang đầu nói với Lê Lợi:

- Đây là trời phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ Quốc!

Từ đó, nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang khắp mọi nơi. Họ không phải trốn tránh như trước nữa, đã có những kho lương thực mới chiếm được của giặc tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn mãi ra, cho đến lúc không còn một tên giặc nào trên đất nước.

Đất nước thanh bình, nhân dân nô nức, vui mừng tôn Lê Lợi lên ngôi vua. Sau khi làm vua, Lê Lợi đã cho ta làm quan trong triều, chuyên quản lí quân đội. Một năm sau, Lê Lợi rủ ta đi dạo quanh hồ Tả Vọng. Khi thuyền rồng tiến ra gần giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần mang trên người động đậy. Con Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói: "Xin bệ hạ hoàn gươm cho Long Quân". Bấy giờ ta mới hiểu Long Quân đã cho mượn gươm thần để nghĩa quân diệt giặc.

Sau khi nghe Rùa Vàng nói, vua nâng gươm hướng về phía rùa. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và Rùa đã chìm đáy nước mà ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Từ đó hồ Tả Vọng được vua và nhân dân gọi là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

ĐỀ SỐ 16

Kể tóm tắt truyện *Sự tích hồ Gươm.*

Bài làm

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược.

Nghĩa quân Lam Sơn nhiều lần chống giặc nhưng đều bị thua. Thấy vậy Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn Gươm thần để đánh giặc.

Lê Thận làm nghề đánh cá ở Thanh Hoá. Một đêm, Thận thả lưới trên bến vắng, ba lần kéo lưới lên đều thấy một thanh sắt, nhận ra đó là lưỡi gươm liền đem về cất ở xó nhà. Sau đó Lê Thận đã hăng hái gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng tuỳ tùng đến nhà Thận, hôm đó thanh gươm tự nhiên sáng rực lên. Lê Lợi cầm lên xem thấy có hai chữ "Thận Thiên".

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Một lần đi qua khu rừng, thấy chuôi gươm nạm ngọc trên ngọn cây đa, Lê Lợi giắt vào lưng đem về. Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại mọi người đã kể lại chuyện bắt được chuôi gươm. Lê Thận đem gươm ra tra vào chuôi thì vừa như in. Lê Thận nâng gươm trao cho Lê Lợi và nói rằng đây là Trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Lê Lợi với gươm báu trong tay, cùng nghĩa quân nhuệ khí ngày một lớn mạnh. Trên các trận địa, quân Minh kinh hồn bạt vía. Uy danh của nghĩa quân vang khắp nơi. Chiến lợi phẩm thu về ngày càng nhiều. Đời sống của nghĩa quân khá hơn. Thế chủ động tấn công ngày một cao, chẳng mấy chốc đất nước ta quân thù sạch bóng. Một năm sau khi đuổi giặc Minh, vua Lê Lợi cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Nhân đó Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Thuyền rồng tiến ra giữa hồ, thấy con rùa lớn xuất hiện, vua ban lệnh cho thuyền chậm lại. Rùa vàng tiến về phía

vua và nói: "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân". Nghe Rùa vàng nói vua hiểu ý, rút gươm trả cho rùa vàng. Rùa vàng lập tức há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước.

Gươm và rùa đã chìm xuống nước, người ta thấy vật gì sáng loáng dưới mặt hồ xanh.

Từ đó hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là hồ Gươm hay là hồ Hoàn Kiếm.

ĐỀ SỐ 17

Em hãy đóng vai Lê Lợi kể lại truyện *Sự tích Hồ Gươm*

Bài làm

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Vào thời giặc Minh đô hộ ở nước ta, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, nhân dân ta căm thù chúng đến sương tuỷ. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân của ta nổi dậy chống lại chúng, thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị thua. Thấy vậy Long Quân quyết định cho nghĩa quân của ta mượn gươm thần để giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người làm nghề chài lưới quanh năm để nuôi thân, tên anh là Lê Thận. Một đêm nọ, anh ta thả lưới ở một bến vắng như mọi hôm. khi kéo lên, Thận nghĩ là được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, Thận chỉ thấy một thanh sắt. Thận liền vứt ngay xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên, Thận lại thấy thanh sắt đó mắc vào lưới. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt đó mắc vào lưới. Thấy sự lạ, Thận bèn đưa thanh sắt lại gần mồi lửa. Bỗng chàng reo lên:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Sau này, Thận gia nhập nghĩa quân khởi nghĩa Lam Sơn. Lê Thận thông minh gan dạ, dũng cảm, không nề gian nan, nguy hiểm nên ta rất quí mến. Một ngày nọ, ta và mấy người lính đến nhà Thận. Trong túp lều rách nát, tối om, bỗng thanh sắt sáng rực lên ở góc lều. Lấy làm lạ, ta cầm lên xem thấy hai chữa "Thuận thiên" khắc sâu trên mặt kiếm. Song tất cả bọn ta vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, ta và các tướng rút lui mỗi người một ngả. Đến một gốc đa cổ thụ, thấy vật gì sáng loá trên cây ta bèn trèo lên xem, thì ra đó là một chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ đến lưỡi gươm nhà Lê Thận, ta bèn rút lấy chuôi giắt ở lưng và trở về.

Vài hôm sau, ta gặp mọi người trong nghĩa quân và kể lại cho họ nghe câu chuyện bắt được chuôi gươm. Lúc đem tra gươm vào chuôi thì vừa như in. Lê Thận cầm gươm lên và nói với ta:

- Đây là trời có ý phó thác cho minh công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện hi sinh tính mạng cho đất nước và cùng thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc! Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày càng tăng. Trong tay ta, thanh gươm tung hoành mọi trận địa, làm cho giặc kinh hồn bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang khắp nơi. Nghĩa quân không phải trốn tránh như trước nữa mà xông xáo đi tìm giặc. Chúng ta không phải ăn uống khổ cực nữa mà đã có những kho lương mới chiếm được tiếp tế cho nghĩa quân. Gươm thần mở đường cho chúng ta đánh tràn ra khắp đất nước đến khi không còn bóng giặc nào trên đất nước ta nữa. Dẹp giặc xong, ta được phong lên ngôi vua. Năm sau, vào một buổi sáng đẹp trời ta cùng các tuỳ tùng cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Đúng lúc đó Đức Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi thuyền Rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh của ta, thuyền đi chậm lại. Đứng trên mạn thuyền, ta thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con Rùa Vàng

không sợ người, nhô đầu lên và tiến về phía thuyền. Nó đứng nổi trên nước và nói: "Xin bệ hạ hoàn lại gươm cho Long Quân!".

Ta nâng gươm hướng về phía Rùa Vàng. Nhanh *như* cắt, rùa há miệng đớp lấy gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm xuống đáy nước, người ta vẫn thấy vật gì sáng le lói dưới đáy hồ xanh.

Từ đó ta gọi hồ Tả Vọng là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm. Nhân dân cũng nhân sự tích này mà gọi hồ Tả Vọng bằng cái tên mới là hồ Hoàn Kiếm.

ĐỀ SỐ 18

Đóng vai nhân vật Sọ Dừa kể lại truyện *Sọ Dừa*

SÁCH GIẢI

Bài làm

www.sachgiai.com

Sọ Dừa là tên thật mà mẹ đã đặt cho ta hồi còn nhỏ. Có lẽ bởi ta có một hình thể không bình thường như những người khác, nên cái tên cũng khác lạ chẳng giống ai.

Nhưng ta cũng chẳng buồn phiền vì mẹ rất yêu thương ta. Một hôm, đang đi ta đang trông đàn bò cho nhà phú ông, có anh chàng cũng đi chăn bò lân la trò chuyện và tò mò hỏi rằng: Sọ Dừa ơi, sao cậu lại có cái tên kỳ lạ vậy, sao thân hình cậu lại tròn như thế kia?

Ta liền đáp: Có lẽ vì thân hình tớ tròn như trái dừa nên mẹ đã đặt tên cho tớ như vậy chứ sao. Người bạn tò mò nhìn tôi một cách rất kì lạ, rồi một lúc sau, không hiểu sao cậu ta bỏ đi sau đó chẳng bao giờ gặp lại nữa. Bây giờ, ta cũng cảm thấy buồn vì có lẽ chẳng ai muốn chơi cùng ta. Ngày ngày, ta vẫn chỉ có đàn bò làm bạn cùng cây sáo thổi véo von. Đàn bò con nào

con đấy ăn bụng cứ no căng. Thấy ta làm được việc, Phú Ông cũng mừng lắm và người vui nhất có lẽ là mẹ, mẹ cảm thấy sung sướng vì đứa con của mẹ giờ đây đã giúp mẹ làm được rất nhiều việc.

Ngày mùa, nhà phú ông bận lắm, tôi tớ ra đồng làm việc nên ba cô con gái phải thay nhau đưa cơm cho ta. Hai cô chị xem ra kiêu kì, ác nghiệt thấy ta xấu xí nên thường trêu chọc, khinh thường. Chỉ có cô út là có vẻ hiền lành, tính lại hay thương người nên đối đãi với ta rất tử tế, có thứ gì ngon, cô thường giấu đem đến cho ta. Tình cảm giữa cô với ta càng ngày càng sâu nặng khiến ta càng ngày càng cảm động.

Ta quyết định lấy nàng làm vợ. Cuối mùa ta giục mẹ đến nhà phú ông. Lúc đó mẹ vô cùng sửng sốt, nhưng thấy ta năn nỉ và quyết tâm nên cũng chiều lòng.

Khi đến nhà phú ông, ông ta cười mỉa mai và nói với mẹ ta: "Ừ được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây".

SACHGIAI
www.sachgiai.com

Mẹ ta lo lắng và khuyên nhủ ta quên chuyện cưới vợ đi, nhưng ta nói với mẹ con sẽ lo đủ những thứ phú ông yêu cầu. Ta thầm nghĩ ta không phải người phàm trần nên những thứ mà phú ông yêu cầu làm đồ sính lễ thì có gì khó.

Rồi mẹ ta vô cùng ngạc nhiên, vì đúng hẹn trong nhà ta có bao nhiêu sính lễ, lại có cả chục gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông hoa cả mắt, lão lúng túng nói với mẹ ta: Để ta hỏi con gái ta, xem có đứa nào ưng lấy thằng Sọ Dừa không.

Lão gọi ba cô con gái ra, hỏi lần lượt từng người một. Hai cô chị bĩu môi chê bai. Còn cô út e lệ, cúi mặt tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải nhận lễ và gả cô gái út cho ta.

Ngày cưới, trong nhà ta bày cỗ thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập khiến xóm làng vô cùng ngạc nhiên. Để cho người vợ hiền của ta không tủi hổ với thân hình kì dị của ta nên ta

đã lột bỏ cái vỏ bọc, trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng vợ ta từ phòng cô dâu đi ra. Thấy vậy mọi người đều sửng sốt, mừng rỡ. Còn hai cô chị cứ trố mắt nhìn theo.

Cô út là người vợ hiền thảo nên mẹ ta mừng lắm. Cuộc sống của hai vợ chồng ta rất hạnh phúc. Ngày ngày nàng kéo tơ dệt lụa còn ta thì chăm chú đèn sách chờ khoa thi.

Năm ấy ta đã đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai ta đi sứ. Để đề phòng bất trắc nên khi chia tay ta đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao, hai quả trứng gà và dặn luôn phải giắt trong người, phòng khi dùng đến.

Khi ta dẹp loạn xong trở về, chiếc thuyền ta cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Thì bỗng nhiên nghe tiếng gà trống gáy. Ta liền sai quân ghé thuyền vào xem sao. Thuyền vừa cập bến ta vô cùng sửng sốt khi thấy vợ ta thân hình gầy gò, nước da trắng hồng xưa kia đen xạm lại, ta chỉ nhận ra đôi mắt của nàng. Khi thấy ta nàng ôm chầm lấy ta rồi khóc nức nở. Trên đường về, nàng kể lại toàn bộ sự việc về hai cô chị đã hại nàng. Về nhà, ta giấu nàng trong buồng rồi mở tiệc ăn mừng để mời bà con đến chia vui. Hai cô chị không hay biết gì, khấp khởi mừng thầm thấy ta hai cô tranh nhau kể chuyện rằng vợ ta xấu số, rủi ro rồi khóc nức nở ra điều thương tiếc. Ta không hề nói gì . Tiệc xong ta gọi vợ ta ra. Hai người chị xấu hổ quá, lẻn ra về lúc nào không ai hay biết và bỏ đi biệt xứ. Từ đó hai vợ chồng ta sống với nhau thật hạnh phúc vô cùng.

ĐỀ SỐ 19

Đóng vai bà mẹ của Sọ Dừa kể lại truyện *Sọ Dừa*.

Bài làm

Hai vợ chồng tôi vì nghèo nên phải đi ở làm thuê cho nhà Phú Ông đã mấy chục năm nay. Chẳng hiểu sao đã ngoài năm

mươi tuổi nhưng chúng tôi vẫn chưa có lấy mụn con. Chúng tôi ngày đêm ao ước sinh được một đứa con dù trai hay gái cũng được, để đỡ đần lúc tuổi về già.

Một hôm, trời nắng to, tôi đi vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, tôi bưng lên uống. Không ngờ tôi đã có mang.

Chẳng bao lâu, chồng tôi mất. Tôi sinh ra một đứa trẻ không chân, không tay, tròn như một quả dừa. Tôi buồn lắm, toan vứt đi thì đứa con bảo:

- Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, tôi đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa. Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được tích sự gì. Tôi cứ than phiền:

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi chăn bò, chăn trâu. Phụ giúp bố mẹ được nhiều việc. Còn mày thì chẳng làm được việc gì cả.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Nghe lời tôi nói như vậy, Sọ Dừa cũng nói luôn:

- Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con ở chăn bò.

Nghe con nói như vậy, tôi liền đến hỏi phú ông. Phú ông có vẻ không đồng ý, ông ta nghĩ: Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng hắn lại nghĩ: Nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công xá chẳng được là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Nó chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lăn theo đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn theo đàn bò vào chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, đàn bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm. Tôi cũng mừng thầm trong bụng và nghĩ rằng có lẽ con tôi có phép thần kỳ nào đó.

Ngày mùa năm ấy, nhà Phú ông bận rộn lắm, tôi tớ ra đồng hết nên ba cô con gái phải thay phiên nhau đi đưa cơm cho Sọ Dừa. Nghe Sọ Dừa kể lại thì hai cô chị rất ác nghiệt, kiêu căng luôn hắt hủi nó. Còn cô út rất hiền lành, tính hay thương người nên đối đãi với nó rất tử tế. Có của ngon vật lạ cô út thường giấu đem cho Sọ Dừa.

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi cuối năm ấy, Sọ Dừa giục tôi đến hỏi con gái nhà phú ông làm vợ. Tôi nghĩ một người ở như Sọ Dừa làm sao sánh được với con gái nhà Phú Ông nhưng không dám nói với con. Tôi chỉ khuyên nó nhà mình nghèo nên chưa có tiền để lấy vợ con cứ chăm chỉ làm ăn rồi tính sau. Sọ Dừa không nghe cứ khăng khăng năn nỉ bằng được nên tôi đành kiếm buồng cau đến nhà phú ông. Thấy tôi đặt vấn đề hỏi con gái phú ông cho Sọ Dừa. Ông ta cười mỉa và nói vẻ thách thức:

- Ừ, được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Nghe ông ta nói vậy tôi bàng hoàng và nghĩ rằng chẳng bao giờ có đủ các thứ đó. Về nhà tôi nói với Sọ Dừa và khuyên nó đừng bao giờ nghĩ đến việc lấy vợ nữa. Không ngờ Sọ Dừa nói với tôi một cách quả quyết: "Mẹ đừng lo con sẽ lo đủ các thứ đó". Đúng hẹn, tự nhiên tôi thấy trong nhà có bao nhiêu đồ sính lễ, lại có cả chục gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Lúc đó tôi nghĩ rằng Sọ Dừa không phải là người trần. Phú ông nhìn thấy lễ vật, hoa cả mắt, lúng túng nói với tôi:

– Để ta hỏi con gái ta xem, có đứa nào ưng lấy thằng Sọ Dừa không.

Lão gọi ba đứa con gái ra rồi lần lượt hỏi. Hai cô chị bĩu môi chê bai. Còn cô út cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải nhận lễ và gả cô con gái cho Sọ Dừa. Ngày cưới đã định nhưng tôi chưa chuẩn bị được gì cho con trai. Thấy tôi lo lắng Sọ Dừa bảo tôi: Mẹ đừng lo việc cưới xin con sẽ lo tươm tất .

Ngày cưới đã đến, tôi vô cùng ngạc nhiên thấy trong nhà được trang hoàng lộng lẫy, cỗ bàn linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Lúc gần rước dâu, tôi chẳng thấy Sọ Dừa đâu chỉ thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều sửng sốt, mừng rỡ. Hai vợ chồng Sọ Dừa sống với nhau rất hạnh phúc. Thấy cô út là đứa con dâu hiền lại hiếu thảo nên tôi cũng mừng thầm.

Cuộc sống hàng ngày của gia đình tôi thật êm đềm trôi đi. Ngày ngày Sọ Dừa thì mải mê đèn sách chờ khoa thi, còn cô út thì se tơ dệt vải. Ngày thi đã đến Sọ Dừa đã đỗ Trạng nguyên. Chẳng bao lâu nhà vua ban chiếu quan trạng đi xứ. Hai vợ chồng Sọ Dừa chia tay nhau nhưng vô cùng quyến luyến, khiến tôi không khỏi động lòng. Trước khi lên đường Sọ Dừa còn gọi vợ vào nhà và dặn dò kĩ lắm.

Một hôm hai cô chị đến xin phép tôi cho cô út đi chơi, thấy con dâu mới xa chồng buồn, nên tôi liền đồng ý cho cô út đi chơi cùng cho khuây khoả. Thế rồi từ hôm đó, chẳng thấy cô út về, tôi lo lắng chạy sang nhà hỏi Phú Ông thì hai cô chị kể rằng: Khi chèo thuyền ra biển cô út đã sảy chân ngã xuống biển chết. Nghe tin đó tôi vô cùng đau lòng, thương xót cho cô con dâu hiền lành xấu số. Hết hạn đi sứ Sọ Dừa đã trở về, tôi không ngờ nó lại cùng đi với vợ nữa. Tôi như không còn tin vào mắt mình nữa. Và Sọ Dừa là người đã cứu con dâu thoát nạn. Thế rồi cô út đã kể lại chuyện bị hai cô chị hại. Tôi vô cùng sung sướng khi cả gia đình sum họp. Sọ Dừa là đứa con ngoan lại hiếu thảo nên mỗi khi đi xa về nó mua đủ các thứ quà.

Lần này xa nhà lâu ngày lại lập được chiến công trong việc đi sứ. Sọ Dừa bảo tôi là mở tiệc ăn mừng, để mời bà con làng xóm

Thế rồi nó giấu vợ ở trong buồng không cho ra mắt. Cỗ tiệc vui vẻ tưng bừng, làng xóm đến ăn mừng hết lòng khen ngợi con trai tôi đã thành đạt. Hai cô chị của nhà Phú Ông cũng đến dự tiệc. Khi gặp Sọ Dừa, tôi thấy hai cô thi nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc. Nghe thế Sọ Dừa không nói gì. Tiệc xong Sọ Dừa cho gọi vợ ra. Tôi thấy hai cô chị xấu hổ đã lẻn ra về và từ đó bỏ đi biệt xứ.

ĐỀ SỐ 20

Cảm nghĩ của em sau khi học truyện *Sọ Dừa*

Bài làm

Trong văn học dân gian, truyện cổ tích là thể loại rất tiêu biểu, được mọi người rất ưa thích. Không một truyện cổ tích nào có tuổi đời trẻ hơn ông bà chúng ta, nhưng cũng rất kì lạ, không có một truyện cổ tích nào già nua trong đôi mắt, tâm hồn thế hệ trẻ hôm nay. Truyện cổ tích *Sọ Dừa* là một minh chứng cho sức sống của nó trong lòng độc giả Việt Nam và thế hệ học sinh chúng em.

Sọ Dừa thuộc kiểu truyện người đội lốt vật hay người mang lốt xấu xí khá phổ biến trong cổ tích Việt Nam cũng như trên thế giới. Cũng kiểu truyện này, ở nước ta còn có câu truyện như lấy chồng Rế, người lấy cóc, nàng út ống tre... kể về các nhân vật có vỏ ngoài xấu xí, dị dạng nhưng lại có vẻ đẹp bên trong tuyệt vời cả về tài năng lẫn phẩm chất.

Sọ Dừa ra đời thật khác thường, từ lúc bà mẹ mang thai đến lúc sinh ra. Bà mẹ khát nước, thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bưng lên uống và thụ thai đến lúc sinh ra thì *đứa bé không chân, không tay tròn như một sọ dừa cứ lăn lông lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì*. Điều này khiến cho bà mẹ Sọ Dừa than phiền bởi hoàn cảnh éo le của gia đình bà. Sự ra đời của Sọ Dừa cũng chẳng khác nào sự ra đời lạ kì của Thánh Gióng hay Thạch Sanh bên gốc cây đa. Chỉ có điều, sự ra đời của Sọ Dừa lại có gì li kì hơn, khủng khiếp hơn. Chính điều này tạo ra sự bất ngờ cho chính chúng ta về chàng Sọ Dừa đáng yêu trong truyện. Tưởng rằng cục thịt đỏ hỏn cứ lăn lông lốc kia "vô tích sự" nhưng lại "không vô tích sự" một chút nào, ngược lại Sọ Dừa lại rất tài giỏi và thông minh. Sự tài giỏi và thông minh đến bất ngờ. Điều này được thể hiện qua hàng loạt chi tiết

trong truyện. Tác giả dân gian đã đặt nhân vật trước những tình huống thử thách để nhân vật tự bộc lộ tài năng. Khởi đầu trong công việc giúp mẹ cha là chăn bò, cậu chăn bò rất giỏi, con nào con nấy bụng no căng, lại chăn bò một cách rất ung dung thanh thản: ngồi trên võng thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Và lại đòi cưới con gái út của phú ông, có đủ ngay đồ sính lễ trước lời thách cưới cực kì khó khăn của phú ông. Và thế là lễ cưới được tổ chức linh đình trước sự ngạc nhiên của mọi người. Lễ tân hôn được tổ chức rất chu đáo cùng với sự "biến hình" thành một tràng trai khôi ngô tuấn tú. Không những thế, Sọ Dừa thông minh, học giỏi thi đỗ trạng nguyên và được vua cử đi sứ. Đến đây tài năng của Sọ Dừa càng được bộc lộ tuyệt vời, đó là sự dự đoán chính xác tình hình để đảm bảo an toàn cho vợ khi đưa cho cô út một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà. Cuối cùng là việc giấu vợ trong buồng giữa tiệc đoàn viên để trừng trị hai người chị ác độc, đã nói lên sự thông minh và cách cư xử khôn khéo của quan trạng. Như vậy, tác giả dân gian đã tạo nên sự "đối lập", trái ngược đến mức cực đoan giữa hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật Sọ Dừa. Bề ngoài Sọ Dừa xấu xí, dị dạng, kì quái, vô dụng...còn bên trong lại là tài năng, phẩm chất tuyệt vời của một nhân cách cao cả, chân chính. Sự biến đổi kì diệu từ một cậu bé có bề ngoài dị hình dị dạng, thân phận thấp kém, trở thành chàng trai tuấn tú, thông minh, đỗ đạt chính là sự thống nhất về lí tưởng giữa hình thù bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Điều đáng nói ở đây là sính lễ của Sọ Dừa chỉ có nghĩa đối với phú ông, không có nghĩa đối với ba con gái của lão. Nhưng giá trị chân chính của Sọ Dừa được phát lộ thăng hoa là nhờ cô út, mà sau này là vợ của chàng. Cô út hiền lành, hay thương người, cô đã từng đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế. Đặc biệt cô đã biết "Sọ Dừa không phải là kẻ phàm trần", chàng là người tài năng, đức độ. Cô đã đem lòng yêu và nhờ tình yêu chân chính ấy, cô nhìn rõ phẩm chất của Sọ Dừa. Con mắt tinh đời của cô chính là con mắt tinh đời của nhân dân ta nhìn thấy ở Sọ Dừa

– "con người vốn bị coi là hèn kém", những giá trị trong sáng nhất. Nhân dân ta đã gửi gắm vào Sọ Dừa bao mơ ước, khát vọng. Sọ Dừa từ thân phận thấp hèn, từ một con người dị hình, xấu xí đã trở thành đẹp đẽ, thông minh, tài giỏi và xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Đồng thời khơi dậy trong chúng ta niềm tin. Niềm tin ấy đã trở thành đạo lý mà nhân dân ta vẫn dạy: người tài giỏi, đức độ phải được hưởng hạnh phúc hay rộng hơn *ở hiền gặp lành*, còn những kẻ độc ác, gian tham sẽ bị trừng trị.

Truyện đề cao giá trị đích thực, vẻ đẹp bên trong của con người. Đây cũng là lời khuyên mọi người muốn đánh giá đúng bản chất con người đừng nên chỉ quan sát bên ngoài. Đây chính là giá trị nhân bản, truyền thống dân tộc *tốt gỗ hơn tốt nước sơn*. Hơn thế nữa, truyện còn đề cao lòng nhân ái đối với người bất hạnh. Lòng nhân ái đem lại hạnh phúc cho cả Sọ Dừa và cô út. Ý nghĩa ấy đã được đúc kết qua bao câu ca dao, tục ngữ như *Thương người như thể thương thân, Lá lành đùm lá rách...*

Câu chuyện toát lên sức sống mãnh liệt và niềm lạc quan của nhân dân lao động. Còn sống là còn hi vọng, còn mơ ước, còn tin vào chiến thắng cuối cùng của sự công bằng, của lẽ phải, của lòng tốt đối với sự bất công, độc ác. Thực tế cho thấy rằng trong cuộc đời cũng như trong truyện cổ tích, hạnh phúc của những con người chân chính luôn bị kẻ độc ác đe doạ, tìm cách cướp đoạt. Nhân dân ta đã ý thức rõ điều này nên đã để cho nhân vật cảnh giác, đấu tranh bảo vệ hạnh phúc của mình. Sọ Dừa đưa cho vợ những vật dụng khi chia tay cũng là vì thế. Truyện đã đề cập đến một loại người đau khổ nhất, một số phận thấp hèn nhất. Đau khổ thấp hèn đến nỗi từ vẻ bên ngoài đã không ra con người. Điều đó nói lên khi sáng tác truyện này, nhân dân đã nhận thức sâu sắc về số phận địa vị của mình. Thế nhưng ban đầu cái vỏ xấu xí làm cho thân phận nhân vật thấp kém bao nhiêu thì về sau tài năng phẩm chất và sự biến hoá lại làm cho nhân vật trở nên khác thường, đẹp đẽ bấy nhiêu. Đó là quan niệm dân chủ, thái độ trân trọng, khẳng định của nhân

dân đối với những con người bị coi là "hèn kém" trong xã hội giai cấp. Đó cũng chính là ước mơ của nhân dân về sự đổi đời.

Bằng những chi tiết bất ngờ thú vị, mô típ nhân vật quen thuộc làm cho câu truyện thú vị hấp dẫn. Truyện mang một giá trị nhân đạo cao cả, niềm mơ ước chân chính về sự công bằng trong cuộc sống, vì vậy chuyện Sọ Dừa tồn tại mãi mãi với thời gian cùng bạn đọc

ĐỀ SỐ 21

Kể theo phương pháp sáng tạo truyện *Sọ Dừa*.

Bài làm

Quê ngoại của em miền trung du với những rừng cọ, đồi chè xanh ngát. Hè nào cũng vậy, em lại được ba mẹ về thăm ông bà. Năm nay thời tiết ưu ái, đang giữa ngày hè nhưng bất chợt lại có những cơn mưa vội vã làm cho bầu trời dịu hẳn lại. Lần nào cũng vậy, khi được ngồi trong vòng tay âu yếm của bà, em lại kể cho bà nghe về thành tích học tập của mình. Mỗi lần như vậy bà thường âu yếm, khen ngợi. Rồi bỗng nhiên một hôm, bà gọi em đến cạnh bên và nói:

- Nghe nói cháu bà kể chuyện hay lắm phải không? Hãy kể cho bà nghe một câu chuyện nào đó mà cháu thích.

Em liền hỏi bà có thích nghe chuyện cổ tích không và kể cho bà nghe truyện Sọ Dừa.

Ngày xưa, xưa lắm có hai vợ chồng nghèo đi ở cho Phú Ông. Họ hiền lành tốt bụng nhưng mà mãi chẳng có con. Bỗng một hôm trong lúc kiếm củi, người vợ khát nước quá. Tìm mãi chẳng có con suối nào, hai vợ chồng như kiệt sức đến bên gốc cây đa ngồi. Lạ thay người vợ thấy một cái sọ dừa còn đọng một ít nước

mưa, không ngần ngại gì bà uống một mạch hết. Không ngờ về nhà bà lại có mang. Chẳng bao lâu người chồng qua đời, bà một thân một mình sinh nở. Đứa con ra đời lại quái dị không chân, không tay tròn lông lốc như quả dừa. Bà vô cùng đau buồn định vứt đi nhưng vì thương con nên để lại nuôi. Để mẹ khỏi buồn phiền Sọ Dừa đi ở cho nhà Phú Ông chăn bò. Cậu chăn bò rất giỏi, con nào con nấy bụng no căng. Phú Ông mừng lắm. Nhà có ba cô con gái chẳng hiểu sao hai cô chị luôn chê bai ghét bỏ Sọ Dừa, chỉ có cô út là quý mến thương yêu Sọ Dừa. Một hôm nghe tiếng sáo thổi véo von, cô út rình thì thấy một tràng trai tuấn tú. Biết Sọ Dừa không phải là người phàm trần, cô út hết lòng yêu thương. Cuối năm ấy, Sọ Dừa về nói với mẹ đòi sang nhà phú ông hỏi cô út về làm vợ. Thấy vậy, bà mẹ vô cùng sửng sốt, liền khuyên con đừng nghĩ tới chuyện đó. Nhưng Sọ Dừa không nghe cứ năn nỉ mãi, bà đành kiếm buồng cau sang nhà phú ông. Thấy vậy phú ông cười vẻ khinh bỉ và nói: đòi cưới con gái ta ư? Được ta sẽ gả con gái cho nếu đem đủ được đồ sính lễ: một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm. Đúng hẹn Sọ Dừa cùng mẹ và các gia nhân đem đủ đồ lễ đến khiến phú ông hoa cả mắt. Vì tham của nên phú ông chấp nhận gả con gái cho Sọ Dừa. Hai cô chị không đồng ý lấy Sọ Dừa, chỉ có cô út là nhận lời làm vợ Sọ Dừa.

Ngày cưới, Sọ Dừa tổ chức thật linh đình. Lúc rước dâu, mọi người vô cùng sửng sốt vì Sọ Dừa bỗng nhiên biến thành chàng trai khôi ngô, tuấn tú. Sau lễ cưới, họ sống với nhau vô cùng hạnh phúc. Ngày ngày Sọ Dừa miệt mài đèn sách chờ khoa thi, còn cô út chăm chỉ se tơ, dệt lụa, phụng dưỡng mẹ già. Bà mẹ Sọ Dừa vô cùng sung sướng khi có một người con dâu hiếu thảo. Thế rồi khoa thi đã mở Sọ Dừa đỗ trạng. Một năm sau nhà vua có chiếu sai quan trạng đi xứ. Trước lúc từ biệt mẹ và vợ, chàng đưa cho cô út một hòn đá, một con dao và hai quả trứng gà để phòng thân.

Ở nhà, hai cô chị lập mưu giết em để được làm bà trạng. Nhờ có những vật phòng thân, cô út thoát chết và sống trên

hoang đảo cùng hai con gà làm bạn. Gà gáy to khi thuyền quan trạng đi qua, cô út được chồng đón về. Hai cô chị xấu hổ bỏ đi biệt xứ.

Nghe đến đây bỗng nhiên bà hỏi em:

Thế cháu có biết truyện này có ý nghĩa như thế nào không?

- Thưa bà: có phải truyện muốn ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của những con người mặc dù có hình thức xấu xí. Đồng thời nhân dân ta muốn gửi gắm niềm tin và sự chiến thắng của những con người lương thiện chân chính.

Bà gật gật đầu khen em giỏi quá. Bà nói:

- Mỗi câu chuyện khi đọc xong phải hiểu được ý nghĩa như thì mới là thực sự hiểu một cách sâu sắc.

ĐỀ SỐ 22

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tóm tắt truyện *Thạch Sanh*

Bài làm

Ngày xưa, ở quận Cao Bình có vợ chồng Lục ông làm nghề đốn củi hiền lành, giàu lòng thương người. Ngọc Hoàng thương tình vợ chồng Lục ông hiếm hoi bèn cho Thế tử xuống trần đầu thai. Lục bà mang thai, nhưng đã nhiều năm vẫn chưa sinh nở. Rồi Lục ông qua đời... Mãi mấy năm sau, người mẹ già mới sinh được đứa con trai rất khôi ngô, đặt tên là Thạch Sanh. Chẳng bao lâu sau, mẹ hiền cũng qua đời. Thạch Sanh bơ vơ, lấy gốc đa làm nhà, kiếm củi độ thân. Ngọc Hoàng rất thương, bèn sai Thiên thần xuống trần dạy Thạch Sanh võ nghệ, các phép thần thông biến hoá, và cho búa thần làm vũ khí.

Gần vùng có Lý Thông làm nghề bán rượu. Hắn đã đón Thạch Sanh về nhà kết nghĩa làm anh em. Năm ấy, đến lượt Lý Thông phải nộp mình cho Trăn tinh, hắn bèn lập mưu để Thạch Sanh đi giết quái vật thay mình. Cắt đầu và xả xác quái vật, Thạch Sanh được bộ cung tên thần bằng vàng. Xách đầu Trăn tinh về, Thạch Sanh đập cửa gọi. Hai mẹ con họ Lý hoảng hồn... Nhưng khi mở cửa, Lý Thông nhìn thấy cái đầu khổng lồ của Trăn tinh, hắn bèn doạ Thạch Sanh giết chết báu vật của vua nuôi, phải mau mau trốn đi. Thạch Sanh lại trở về gốc đa chốn cũ. Lý Thông đem đầu trăn tinh dâng nộp triều đình và hắn được vua phong tước Quận công.

Trong lễ hội kén chọn phò mã, công chúa đã bị Đại bàng khổng lồ quắp đi. Thạch Sanh đang nằm nghỉ dưới gốc đa chợt thấy con chim lạ bay về hang ổ. Nhà vua hứa gả công chúa cho người tài nào cứu được nàng. Lý Thông tìm gặp "đứa em kết nghĩa". Thạch Sanh theo dấu máu tìm đến hang ổ đại bàng. ác điểu chống trả quyết liệt chàng dũng sĩ, nhưng nó đã bị chàng dùng cung tên vàng bắn mù cả hai mắt, dùng búa thần chém đứt vuốt sắc, bổ làm đôi đầu quái vật. Dòng dây đưa nàng công chúa thoát khỏi hang sâu, Lý Thông lại sai quân lính vần đá lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh. Chàng đã đi khắp hang lạnh, khám phá. Thạch Sanh lại dùng cung tên thần bắn tan cũi sắt, cứu thoát Thái tử con vua Thuỷ tề đang bị Đại bàng giam hãm. Thạch Sanh được Thái tử mời xuống chơi thuỷ phủ. Nhà vua hậu đãi chàng dũng sĩ cõi trần. Để đền ơn ân nhân, vua Thuỷ tề tặng Thạch Sanh nhiều vàng ngọc, nhưng chàng khước từ, chỉ xin nhận một cây đàn thần làm kỉ vật. Thạch Sanh lại trở về gốc đa. Hồn của đại bàng và trăn tinh căm thù hãm hãi Thạch Sanh nên đã cùng bàn mưu bị hạ ngục!

Công chúa sau khi được cứu thoát, đã bị câm. Các quan ngự y đều bó tay. Lý Thông vô cùng nóng ruột... Nằm trong ngục, Thạch Sanh lấy đàn thần ra gảy. Tiếng đàn lúc thì ai oán não nùng, lúc thì hờn căm uất hận. Nghe tiếng đàn thần, công chúa tự nhiên nói được, nàng xin vua cha được gặp người đánh đàn.

Gặp ân nhân, công chúa vui mừng khôn xiết kể lại câu chuyện dưới hang sâu. Nhà vua tức giận bắt giam Lý Thông và giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng đã tha tội cho cả hai mẹ con về quê. Nhưng đến giữa đường cả hai mẹ con Lý Thông đều bị sét đánh chết, hoá kiếp thành bọ hung.

Vua cho Thạch Sanh làm phò mã. Mười tám nước chư hầu bất bình kéo quân vây đánh kinh đô. Thạch Sanh lại dùng đàn thần lui giặc. Hàng vạn tướng sĩ chư hầu được Thạch Sanh đãi một niêu cơm thần bé xíu mà ăn mãi chẳng hết.

Mấy năm sau, vua già yếu, nhường ngôi báu cho Thạch Sanh.

ĐỀ SỐ 23

Thạch Sanh – Một truyện cổ tích hay trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Trí tưởng tượng phong phú và kì diệu của nhân dân ta đã sáng tạo nên những truyện cổ tích óng ánh, muôn sắc màu, vừa lấp lánh vẻ đẹp kì ảo, vừa giàu tính nhân văn Việt Nam, vừa có khả năng bồi đắp nên những tư tưởng tình cảm và ước mơ cao đẹp cho con người. *Thạch Sanh* là một trong những sáng tác ấy.

Thạch Sanh là truyện cổ tích tiêu biểu về nhiều phương diện.

Thứ nhất, về bố cục và kết cấu. Truyện có một bố cục tương đối hoàn chỉnh: có sự ra đời, lớn lên và hình thành tài năng của nhân vật đại diện cho công lí và chính nghĩa; có những chặng đường phiêu lưu để thử thách và rèn luyện tài năng và phẩm chất của nhân vật, có kết thúc có hậu. Truyện *Thạch Sanh* mang hình thức kết cấu phổ biến của truyện cổ tích kết cấu song tuyến. Hơn nữa, đây là kết cấu đặc trưng của nhóm truyện cổ tích thần kì.

Hai tuyến nhân vật chính diện và phản diện trong truyện bao gồm có cả con người và lực lượng siêu nhiên, thần kì.

Ở tuyến nhân vật chính diện có: Thạch Sanh, vua, công chúa, thái tử con vua Thuỷ Tề, ngọc Hoàng và vị thiên sứ, chiếc đàn thần và niêu cơm thần.

Ở tuyến nhân vật phản diện có: Mẹ con Lí Thông, trăn tinh, đại bàng.

Những thử thách đặt ra cho nhân vật chính diện cũng được sắp xếp theo hình thức thăng tiến: thử thách sau ngày một khó khăn, phức tạp hơn thử thách trước. Do vậy mà chiến công, tài trí và phẩm chất của chàng dũng sĩ Thạch Sanh ngày càng được tô đậm.

Cũng về kết cấu phải kể đến một số mô típ quen thuộc của cổ tích như tiếng đàn thần kì và niêu cơm thần kì. Đây vừa là vũ khí của Thạch Sanh vừa là tấm lòng và tình cảm của chàng.

Thứ hai, về xây dựng nhân vật. Nhân vật Thạch Sanh mang trong mình đầy đủ những đặc điểm và phẩm chất cần thiết của nhân vật cổ tích. Ở chàng hội tụ đầy đủ những đặc điểm của con người bình thường và những nét khác thường chỉ có ở nhân vật cổ tích. Thạch Sanh không phải ai xa lạ, chàng là con của một gia đình nông dân lao động nghèo và tốt bụng. Chính gia đình là cái nôi đã nuôi dưỡng phẩm chất thật thà, chất phác và nhân hậu nơi chàng. Cuộc đời chàng từ lúc sinh ra, đến khi trưởng thành, là cuộc sống kiếm củi nghèo khổ và lương thiện. Thạch Sanh chính là hình ảnh, bóng dáng của nhân dân lao động.

Tuy nhiên, để tô đậm vẻ đẹp của nhân vật lí tưởng và làm tăng tính hấp dẫn cho câu chuyện, tác giả dân gian đã khoác cho Thạch Sanh chiếc áo kì ảo của cổ tích. Tức là điểm tô cho nhân vật những cái khác thường. Sự kì lạ về nguồn gốc xuất thân (Thạch Sanh ra đời là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai làm con hai vợ chồng ông lão tiều phu); kì lạ về sự ra đời (bà mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh), kì lạ về tài trí (được thiên thần dạy cho đủ các môn võ nghệ và phép thần thông). Khoác cho nhân vật chiếc áo kì ảo về nguồn gốc, sự ra đời và tài trí, nhân dân

mong muốn Thạch Sanh sẽ lập được nhiều chiến công thần kì, vung lưỡi rìu của mình lên để quét sạch cái xấu, cái ác trong xã hội, lập lại công lí và công bằng cho người lương thiện.

Cũng như mọi nhân vật lí tưởng trong cổ tích, Thạch Sanh cũng phải trải qua những chặng đường phiêu lưu, những thử thách đầy khó khăn, trắc trở.

Lần một: Bị mẹ con Lí Thông lừa đi canh miếu thờ, thế mạng, diệt trăn tinh

Lần hai: Xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa, bị Lí Thông lấp cửa hang.

Lần ba: Bị hồn trăn tinh và đại bàng báo thù, bị bắt hạ ngục.

Lần bốn: Sau khi kết hôn với công chúa, phải đối phó với quân của mười tám nước chư hầu hội binh kéo sang đánh.

Đặt nhân vật vào những tình huống như vậy, tác giả dân gian một mặt muốn thử thách chàng, một mặt muốn khẳng định tài năng và phẩm chất của chàng.

Và quả thực, qua những thử thách, Thạch Sanh đã bộc lộ được những phẩm chất hết sức quý báu. Chàng vẫn giữ nguyên được sự thật thà, chất phát, nhân hậu vốn có, bộc lộ được tài năng và tôi luyện thêm sự dũng cảm, lòng yêu chuộng hoà bình.

Không chỉ đặt nhân vật Thạch Sanh trong những tình huống thử thách, tác giả dân gian còn đặt Thạch Sanh trong thế đối lập với nhân vật phản diện Lí Thông về tính cách, hành động. Thạch Sanh càng thật thà bao nhiêu thì Lí Thông càng xảo trá bấy nhiêu, Thạch Sanh càng vị tha bao nhiêu thì Lí Thông càng ích kỉ bấy nhiêu, Thạch Sanh càng nhân hậu bao nhiêu thì Lí Thông càng độc ác bấy nhiêu. Sự đối lập giữa Thạch Sanh với Lí Thông là sự đối lập giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩa.

Nhân vật Thạch Sanh được đặt trong thế đối lập với Lí Thông và trong thế tương quan với các nhân vật chính diện khác, đặc biệt là với những lực lượng thần kì như thiên thần, vua Thuỷ

Tề. Nhờ có sự giúp đỡ của họ mà Thạch Sanh đã chiến thắng cái thế lực hung ác, vạch mặt được kẻ vong ân bội nghĩa.

Thứ ba, về mặt ý nghĩa của truyện. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích chứa đựng nhiều ý nghĩa. Từ câu chuyện chàng dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ân bội nghĩa, chống quân xâm lược, truyện đã thể hiện ước mơ và niềm tin của nhân dân ta về đạo đức, công lí xã hội, lí tưởng nhân đạo, lòng yêu chuộng hoà bình, ước mơ và chân lí về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác.

Với những đặc điểm như trên, có thể khẳng định rằng; *Thạch Sanh* là một trong những truyện cổ tích tiêu biểu nhất và hấp dẫn nhất của kho tàng cổ tích Việt Nam, làm xúc động và say mê nhiều thế hệ bạn đọc.

ĐỀ SỐ 24

Thạch Sanh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái các

Bài làm

Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác là chủ đề chính trong truyện cổ tích. Trong xã hội, cái ác luôn hoành hành, làm tổn hại đạo lí tốt đẹp của dân tộc. Không những thế, nó còn đe doạ trực tiếp cuộc sống xã hội, làm hại tới sự bình yên của nhiều người lương thiện. Trong thực tế đời sống xã hội, nhân dân ta không hề chấp nhận và dung tha cho cái ác. Cuộc đấu tranh chống cái ác là một trận chiến gay go, phức tạp và dai dẳng. Tuy vậy, niềm tin và ước mơ về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác của nhân dân vẫn không hề suy giảm. Niềm tin và ước mơ ấy được họ gửi gắm vào trong các truyện cổ tích.

Thạch Sanh là một truyện cổ tích tiêu biểu cho chủ đề chống cái ác.

Cái ác trong truyện cổ tích hiện ra muôn hình vạn trạng. Ở *Tấm Cám* ta bắt gặp cái ác ở chỗ một người mẹ kế và một cô em cùng cha khác mẹ tìm mọi cách để giết chết người con chồng, người chị. ở *Sọ Dừa*, cái ác còn đáng sợ hơn: hai người chị đang tâm xô đứa em ruột của mình xuống biển để cướp chồng của em...

Tuy nhiên, trong *Sọ Dừa* và *Tấm Cám*, cái ác tuy rất tàn bạo, vẫn là những hành động từ con người bình thường và đơn lẻ, nên phần nào dễ đối phó hơn dễ trừng trị hơn. Đến *Thạch Sanh*, cái ác đã thực sự trở thành một lực lượng đông đảo, vô tình hỗ trợ nhau cùng nhằm vào một con người lương thiện. Đối phó với chúng không dễ, bởi chúng không chỉ là những người phàm trần mà còn gồm cả lũ yêu ma, thần thông biến hóa. Ngay cả những con người là phàm trần thì cũng rất gian ngoan, xảo quyệt.

Trước hết ta hãy xét đến bọn ác nhân là lũ yêu ma, ác quỷ. Chúng được đại diện bằng hai tên trăn tinh và đại bàng.

Trăn tinh là một con yêu do một con trăn núi khổng lồ sống lâu đã hoá tinh mà thành. Hắn rất độc ác. Hàng ngàn người lương thiện đã bị nó ăn thịt. Ngay đến nhà vua cũng phải nhượng bộ nó, lập đền thờ và hàng năm dâng nộp người. Đã độc ác lại có tài biến hoá, trăn tinh thực sự là mối hiểm hoạ lớn.

Đồng đảng với trăn tinh là đại bàng – con yêu núi thứ hai. Tên này còn đáng sợ hơn cả trăn tinh. Đến cả thái tử con vua Thuỷ Tề – một vị vua đứng đầu một cõi thần linh, thuộc lực lượng siêu nhiên – còn bị hắn bắt nhốt vào trong cũi sắt không thoát ra được.

Để đối phó với hai con yêu núi này cần phải có một chàng dũng sĩ quả cảm. Và Thạch Sanh xuất hiện. Song để chuẩn bị cho hai cuộc quyết chiến tiêu diệt trăn tinh và đại bàng, phải có

sự giúp đỡ của thần linh. Thiên thần đã dạy cho Thạch Sanh đủ các môn võ nghệ và các phép thần thông.

Mặc dù đã được thần linh giúp đỡ, nhưng trong trận chiến tiêu diệt kẻ ác, Thạch Sanh vẫn là người đơn độc. Chàng phải tự lực là chính. Với tài trí phi thường, lòng quả cảm vô song và ý chí tiêu diệt kẻ ác, Thạch Sanh đã chiến thắng và chiến thắng giòn giã: chàng đã chém chết trăn tinh, xé xác nó làm hai, bắn chết tươi đại bàng. Và thật lí thú, Thạch Sanh lại bắn chết đại bàng bằng bộ cung tên vàng lấy được từ tay trăn tinh. Phải chăng đấy là quan niệm của nhân dân: diệt kẻ ác này sẽ là cơ hội để diệt kẻ ác khác, diệt kẻ ác mạnh vừa sẽ là điều kiện để diệt kẻ ác mạnh hơn.

Giết được trăn tinh và đại bàng, trừ được hoạ cho dân, nhưng chính chàng dũng sĩ diệt trăn tinh và đại bàng lại bị mang vạ vào thân: hồn chúng liên kết với nhau tìm cách báo thù và chàng dũng sĩ lương thiện phải chịu nỗi oan trong nhà ngục. Thế mới biết cuộc đấu tranh chống cái ác không đơn giản. Người có công không khéo có thể trở thành người có tội. Tuy nhiên, Thạch Sanh không mất niềm tin. Và nỗi oan của chàng đã được giải, Thạch Sanh đàng hoàng ngẩng cao đầu với tư thế của chàng dũng sĩ đấu tranh vì cái thiện.

SÁCH GIÁ
www.sachgiai.com

Cuộc đấu tranh chống cái ác là lực lượng yêu ma vốn đã khó khăn và dai dẳng, nhưng cuộc đấu tranh chống cái ác ở ngay trong hàng ngũ con người còn khó khăn, phức tạp và dai dẳng hơn nhiều.

Kẻ ác ở đây tuy không có phép thần thông biến hoá nhưng lại rất nham hiểm, xảo trá. Đầu tiên, hắn vờ kết nghĩa anh em, rồi ngụy trang bằng tình anh em để lừa Thạch Sanh đi thế mạng thay mình. Đến khi Thạch Sanh chém được đầu trăn tinh xách về thì hắn lại nảy sinh lòng tham, lừa đuổi Thạch Sanh đi để cướp công. Cướp được công của Thạch Sanh, được hưởng vinh hoa phú quý hắn vẫn không từ bỏ lòng tham và dã tâm. Hắn lại tiếp tục lợi dụng Thạch Sanh để lập công lớn hơn, nhằm có địa vị và danh vọng cao hơn. Lần này, để đạt được mục đích ấy, hắn sẵn

sàng ra tay giết người. Hành động giết người vốn đã là đỉnh cao của tội ác, đáng sợ và ghê tởm hơn, người bị giết lại vừa là người em kết nghĩa, vừa là ân nhân của kẻ gây tội ác. Đã thế hành động gây tội ác của hắn không cần che giấu, mà phơi bày giữa thanh thiên bạch nhật, trước mắt bao người. Có thể nói, Lí Thông đã lộ rõ nguyên hình của kẻ ác.

Cái ác của Lí Thông là cái ác có thực trong xã hội. Nó bắt nguồn từ lòng tham, sự đố kị ghen ghét trước tài năng và công lao, thành tích của người khác. Cái ác của Lí Thông không chỉ là tội ác giết người, mà còn là tội ác của sự vong ân bội nghĩa, khiến cả con người lẫn đất trời đều phẫn nộ. Cuối cùng Thạch Sanh phải lên tiếng vạch mặt Lí Thông. Và dù Thạch Sanh có nhân từ tha tội chết cho mẹ con Lí Thông thì trời đất cũng không dung tha. Và lưỡi tầm sét của Thiên Lôi chính là lưỡi gươm công lí của nhân dân vung lên tiễu trừ kẻ ác. Kẻ ác không những bị trừng trị mà còn bị trừng trị thật đích đáng: bị biến thành bọ hung để đời đời kiếp kiếp bị người đời nguyền rủa và khinh bỉ.

Đến đây, tôi lại nhớ tới sự trừng trị của nhân dân Nga dành cho kẻ tham lam bội bạc là mụ vợ ông lão đánh cá trong truyện cổ tích *Ông lão đánh cá và con cá vàng*. Và tôi mỉm cười: Công lí của nhân dân ở đâu cũng thật công bằng. Điều đó tạo cho tôi một niềm tin sâu sắc về sự chiến thắng của cái thiện đối với cái ác trong cuộc đời thực.

SÁCH GIÁO KHOA
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 25

Kể sáng tạo truyện *Thạch Sanh* (Theo lời kể của Công chúa)

Bài làm

Tôi vừa lên khỏi hang thì Lí Thông sai quân sĩ lấy đá ném cửa hang. Tôi bàng hoàng không tin vào mắt mình nữa. Làm sao hắn có thể nhẫn tâm đến thế? Làm sao hắn có thể đối xử

với ân nhân của mình như thế? Một niềm căm uất dâng lên khiến cổ họng tôi nghẹn lại, không nói được câu nào.

Sau khi đã lấp kín cửa hang, Lí Thông đến bên tôi tâu rằng:

– Dạ, thưa công chúa, thần rất hân hạnh được rước công chúa về cung ạ.

Rồi hắn đem kiệu tôi. Lòng nặng trĩu, tôi bước lên kiệu, đưa đôi mắt đẫm lệ nhìn về phía cửa hang lần cuối cùng.

Vừa trông thấy vua cha, tôi oà lên khóc nức nở, nhưng vẫn không nói được câu nào. Nghĩ tới ân nhân của mình đang ở dưới hang sâu không có đường lên, lòng tôi đau như cắt. Tội nghiệp Thạch Sanh, làm sao chàng có thể thoát khỏi cái chết. Tên Lí Thông độc ác và nham hiểm quá. Hắn muốn cướp công của Thạch Sanh đây.

Tôi đang miên man suy nghĩ thì bỗng nghe vua cha truyền lệnh:

– Quận công Lí Thông đã lập được công lớn, đã cứu được con gái yêu của ta. Nay ta ban thưởng được kết hôn cùng công chúa.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tôi kinh hoàng. Trời đất tối sầm lại trước mắt tôi. Làm sao tôi có thể chung sống cùng con người đáng ghê tởm ấy. Tôi muốn kêu to lên tố cáo hành động bỉ ổi của Lí Thông . Tôi muốn kêu to lên xin vua cha rút lại lệnh ban kết hôn của Người. Nhưng không hiểu sao tôi không thể nói nên lời.

Mẫu hậu cùng đám cung nữ nghe tin tôi vội vã đến. Bà ôm tôi vào lòng vỗ về. Lát sau mọi người thi nhau hỏi chuyện tôi. Nỗi đau khiến tôi câm lặng tưởng như hoá đá. Mẫu hậu thảng thốt kêu lên:

– Trời ơi! Con tôi bị câm rồi!

Vua cha và triều thần xúm lại. Tôi vẫn im lặng. Vua cha bèn ra lệnh:

– Hãy tạm hoãn lễ cưới lại. Lí Thông, phò mã hãy tìm các thầy thuốc giỏi nhất đến chữa cho công chúa.

Bao nhiêu thầy thuốc giỏi nhất nước được mời đến, nhưng chẳng ăn thua gì. Suốt ngày tôi sống âm thầm như một cái bóng, không nói, không cười. Có thầy thuuốc nào chữa được cõi lòng đang tan nát của tôi? Và lễ cưới vẫn cứ phải hoãn lại.

Một hôm, tôi đang ngồi im lặng lẽ trên lầu cao, bỗng có tiếng đàn vọng đến.

Đàn kêu tích tịch tình tang
Ai mang công chúa dưới hang trở về?

– Trời ơi, tiếng đàn của Thạch Sanh, đúng là chàng rồi! Chàng ở đâu? Tôi kêu lên.

Bọn cung nữ thấy vậy, mừng quá, cùng xúm lại chỗ tôi. Một cung nữ cho tôi biết đó là tiếng đàn của một người bị nhốt trong ngục vì tội ăn cắp vàng bạc trong cung vua.

Tôi chạy đi tìm vua cha, xin Người cho gọi người đánh đàn tới. Vua cha thấy tôi nói được, vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, vội sai quân lính thực hiện ngay.

Vừa trông thấy Thạch Sanh, bỗng nhiên bao nhiêu đau buồn trong tôi tan biến hết. Tôi vui mừng thưa với vua cha:

– Bẩm vua cha, đây là chàng dũng sĩ đã giết đại bàng, cứu con từ dưới hang sâu. Chàng đã nhường con lên trước để chàng lên sau. Nhưng khi con vừa lên được khỏi hang sâu, Lí Thông đã sai quân lính lấp cửa hang để giết chàng, cướp công.

Vua cha nghe tôi thưa chuyện bèn quay sang hỏi Thạch Sanh:

– Làm sao ngươi lên được?

– Dạ, tâu Đại vương, sau khi bị lấp kín dưới hang sâu, hạ thần đã cố tìm lối thoát. Hạ thần đi mãi, tới cuối hang gặp thái tử con vua Thuỷ Tề đang bị nhốt trong cũi sắt, hạ thần đã dùng bộ cung tên vàng này bắn tan cũi sắt, cứu thoát thái tử. Thái tử mời hạ thần xuống thăm Thuỷ Phủ. Hạ thần được trọng đãi và ban thưởng nhiều vàng bạc. Nhưng hạ thần từ chối, chỉ nhận

một cây đàn này. Sau đó, vua Thuỷ Tề sai rẽ nước đưa hạ thần lên trần gian.

Vua cha hỏi tiếp:

– Thế sao ngươi lại bị kết tội ăn cắp của cải trong cung và bị nhốt vào ngục?

Thạch Sanh chưa kịp nói thì đàn thần kêu lên:

– Tích tịch tình tang, hồn đại bàng và trăn tinh báo thù, vu oan cho Thạch Sanh.

Vua cha hỏi tiếp:

– Thế bộ cung tên vàng kia ở đâu ra?

Thạch Sanh bèn kể lại đâu đuôi câu chuyện. Từ chuyện chàng được Ngọc Hoàng sai xuống trần gian đầu thai làm con hai vợ chồng ông lão tiều phu nghèo tốt bụng đến chuyện chàng mồ côi cha mẹ, sống lủi thủi một mình ở dưới gốc đa với nghề kiếm củi; rồi chuyện kết nghĩa anh em với Lí Thông; rồi chuyện Lí Thông nhờ đi canh miếu thần; rồi chuyện chàng giết trăn tinh lấy được bộ cung tên vàng. Chàng kể tiếp:

– Khi hạ thần đem đầu trăn tinh về đến nhà. Lí Thông lại bảo với thần: "Đây là con vật quý vua nuôi, giết nó ắt không thoát khỏi tội chết. Bây giờ em hãy trốn đi ngay, mọi việc để ta lo liệu". Dạ tâu Đại vương, hạ thần vốn là kẻ thật thà, tin là thật. Lại trở về gốc đa làm nghề kiếm củi. Một hôm, vừa gánh củi về thì trông thấy một con đại bàng khổng lồ đang cắp một người con gái (lúc đó thần chưa biết là công chúa). Hạ thần giương cung bắn nó bị thương. Rồi hạ thần lần theo vết máu, tìm được cửa hang nó ở. Vài hôm sau, Lí Thông tìm đến gốc đa, nói là vua sai đi cứu công chúa. Thần đã kể hết cho Lí Thông nghe chuyện đại bàng, chuyện biết cửa hang đại bàng. Lí Thông nhờ thần giúp, nhờ vậy mà thần có may mắn gặp được công chúa.

Vua cha nghe xong tức giận nói:

– Tên Lí Thông khốn kiếp, xảo trá. Ta vốn đã muốn diệt trăn tinh từ lâu để trừ hoạ cho dân, hiềm một nỗi nó thần thông biến hoá khiến ta đành bó tay. Năm nào cũng phải dâng một mạng người, ta đau lòng lắm. May có dũng sĩ đây diệt được trăn tinh. Thế mà hắn lại lừa đảo để cướp công. Ta tưởng hắn đã giết được trăn tinh, nên mới phong cho hắn làm Quận công.

Người ra lệnh:

– Lính đâu? hãy tống mẹ con tên Lí Thông vào ngục.

Rồi Người quay sang Thạch Sanh:

– Còn dũng sĩ, đã có công diệt trăn tinh, đại bàng, trừ họa cho dân, lại có công cứu công chúa, ta ban thưởng cho được kết hôn cùng công chúa và giao cho xét xử mẹ con Lí Thông.

Thạch Sanh vâng mệnh vua cha. Lễ cưới của chúng tôi được tổ chức rất trọng thể. Chưa bao giờ kinh kì mở hội vui như thế.

Về phần Thạch Sanh, chàng đã tha chết cho mẹ con Lí Thông, cho về quê cũ làm ăn. Nhưng nghe đâu, dọc đường, mẹ con hắn bị Thiên Lôi đánh chết rồi bắt hoá kiếp làm bọ hung. Thật đáng đời kẻ gian ác, xảo trá.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Lễ cưới chưa kết thúc thì có tin cấp báo có quân binh của thái tử mười tám nước chư hầu hội nhau lại kéo sang đánh (Họ tức giận vì trước đây tôi đã từ hôn họ).

Vua cha sai Thạch Sanh đi đánh giặc. Chàng xin vua cha không động binh. Rồi chàng đem đàn thần ra gảy. Nghe tiếng đàn của chàng, quân lính mười tám nước rụng rời chân tay, cuốn binh khí xin hàng. Thạch Sanh tha tội chết cho chúng và sai thết đãi cơm rượu.

Khi nhìn thấy niêu cơm bé tẹo, chúng tỏ ý không muốn ăn. Thạch Sanh bèn đố chúng ăn hết sẽ ban thưởng thêm. Lạ chưa, niêu cơm cứ vơi lại đầy, không sao ăn hết. Bấy giờ mọi người càng phục Thạch Sanh.Về sau, vua cha tôi đã truyền ngôi cho Thạch Sanh, vì Người không có con trai.

ĐỀ SỐ 26

Cảm nhận về truyện cổ tích *Thạch Sanh*

Bài làm

Thạch Sanh là một truyện cổ tích kì diệu nhất trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam. Hình ảnh chàng dũng sĩ chém Trăn tinh, bắn Đại bàng; cây đàn thần, niêu cơm thần của chàng dũng sĩ đã đem đến cho thế giới tuổi thơ bao kỳ thú, bao giấc mơ đẹp.

Thạch Sanh là con Trời. Vợ chồng Lục ông hiền lành, tốt bụng, gần xa ai ai cũng quý mến. Ngọc Hoàng đã thương tình cho thái tử xuống trần đầu thai. Khác với người trần, Thạch Sanh nằm trong bụng mẹ (Lục bà) nhiều năm mới cất tiếng chào đời. Yếu tố hoang đường ấy tạo nên chất kỳ diệu của truyện ca ngợi tính phi thường của Thạch Sanh. Vợ chồng Lục ông đã được Ngọc Hoàng thương cho đứa con trai khôi ngô tuấn tú nối dõi tông đường. Đó là niềm tin của dân gian: *ở hiền gặp lành.*

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Mọi thứ hạnh phúc đều có giá và phải trả giá. Con đường của Thạch Sanh cũng đầy gian truân. Phải chăng Ngọc Hoàng thử thách Thái tử? Mồ côi cả bố lẫn mẹ. Nhà nghèo, một túp lều ở gốc đa. Chỉ một chiếc búa cùn, chỉ có một nghề kiếm củi độ thân. Tuổi thơ chàng bơ vơ, thật đáng thương! Thiên thần đã đến với đứa con mồ côi: dạy võ nghệ, các phép thần thông biến hoá, và trao cho chiếc búa thần. Qua các chi tiết hoang đường ấy, nhân dân gửi gắm bao ước mơ: phải có sức mạnh vô địch để sống, để tồn tại, để chiến thắng!

Cuộc đời Thạch Sanh là những năm tháng đầy gian truân thử thách, chiến công nối tiếp chiến công.

Thạch Sanh đến miếu thần là để thế mạng cho Lý Thông. Nhưng chàng đâu có biết? Trăn tinh là một yêu quái khổng lồ, có nanh sắc, có nọc độc, có sức mạnh ghê gớm, lại biết tàng

hình, lắm phép lạ, người đời khiếp sợ, vua quan chịu bó tay. Trăn tinh xuất hiện bất ngờ khi Thạch Sanh đang lim dim mắt nằm ngủ... Trong thế bị động, nhưng Thạch Sanh cực kỳ dũng cảm, tài trí đã dùng phép lạ và búa thần giáng trả quái vật. Trăn tinh bị Thạch Sanh chém giết, bị cắt đầu, bị bổ xác. Chàng thu được một bộ cung tên vàng. Thạch Sanh đã diệt trừ quái vật, trừ hậu hoạ cho nhân dân. Chàng dũng sĩ có thêm vũ khí mới: cung tên thần. Thạch Sanh đã có búa thần để đánh gần, đánh ở tầm thấp, giờ đây lại có thêm cung tên thần, để đánh ở tầm cao, tầm xa. Thử hỏi, kẻ thù nào địch nổi chàng dũng sĩ?.

Đại bàng là một kẻ thù rất nguy hiểm vì nó ở trên trời, lại có hang sâu bí mật. Thái tử con vua Thuỷ tề còn bị Đại bàng bắt sống, giam giữ trong cũi sắt! Công chúa con vua còn bị Đại bàng quắp đi giữa thanh nhiên bạch nhật trong lễ hội kén phò mã trước mắt bá quan văn võ và đông đủ anh tài trong thiên hạ! Thạch Sanh chỉ bắn một mũi tên vàng đã làm cho Đại bàng bị trọng thương. Lần theo vết máu, dũng sĩ tìm đến hang ổ ác điểu. Đại bàng có mỏ sắc, vuốt nhọn, có sức mạnh ghê gớm lao tới mổ, cắn xé Thạch Sanh. Vung búa thần giáng trả, dùng cung tên thần bắn mù hai mắt quái vật. Đại bàng bị giết, bị phanh xác. Một kẻ thù nguy hiểm nữa của nhân dân đã bị chàng dũng sĩ tiêu diệt! Chiến công diệt Đại bàng là một kì tích vì Thạch Sanh đã cứu được nàng công chúa và Thái tử con vua Thuỷ tề. Chiến công chấn động cõi đời mà còn vang động tới vương quốc Thuỷ tề. Từ thuỷ phủ trở về, Thạch Sanh chỉ cầm trong tay một cây đàn thần làm kỉ niệm một chuyến viễn du thú vị. Chàng lại trở về gốc đa, chốn cũ yêu thương. Với chàng dũng sĩ thì vàng bạc châu báu cũng như dinh thự nguy nga, của ngon vật lạ đều trở nên xa lạ. Túp lều gốc đa là nơi chàng đã sinh ra, lớn lên, với bao kỷ niệm buồn vui. Thạch Sanh trở về gốc đa, một tình tiết, phải chăng nói lên quan niệm nhân sinh tốt đẹp của nhân dân thời xưa: *Một túp lều tranh, một trái tim vàng?*

Với Thạch Sanh, cây đàn thần không phải là một nhạc cụ để mua vui mà là một vũ khí vô cùng linh nghiệm. Nơi chàng đánh đành, gảy đàn là trong ngục. Tiếng đàn để giãi bày. Tiếng đàn như một thứ "thần dược" làm cho công chúa đang bị câm nghe tiếng đàn mà nói lên được! Nhờ tiếng đàn mà chàng dũng sĩ được gặp lại người đẹp, rồi được minh oanh, để vạch trần bộ mặt thật của Lý Thông, tên bán rượu xảo quyệt, cướp công, độc ác, âm mưu hãm hại người... Thạch Sanh không dùng búa thần, cung tên thần để giao tranh với tướng sĩ 18 nước chư hầu, mà chỉ dùng đàn thần để lui giặc. Đó là tiếng đàn hoà bình. Niêu cơm Thạch Sanh là niêu cơm hàng vạn người ăn mãi không hết; niêu cơm ấm no, hạnh phúc. Đàn thần và niêu cơm thần đã góp phần tô đậm vẻ đẹp kì diệu truyện *Thạch Sanh*.

Thạch Sanh tha tội cho Lý Thông, kẻ đã cướp công và hãm hại mình. Hành động ấy thể hiện đức độ lượng, lòng nhân ái bao dung cao đẹp.

Nhân vật Thạch Sanh thật đẹp. Với búa thần, cung tên vàng, đàn thần, với võ nghệ và phép thần thông biến hoá, chàng dũng sĩ đã chém Trăn tinh, giết Đại bàng, trừ diệt cái ác, tai hoạ cho nhân dân, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, đem lại hoà bình. Thạch Sanh đã trải qua bao gian truân thử thách, lấp lánh bao chiến công hiển hách. Anh đã được kết duyên với công chúa. chàng đã thể hiện ước mơ của nhân dân, những ước mơ hồn nhiên, trong sáng và rất đẹp. Thật vậy, truyện *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích thần kì, nói lên một giấc mơ đẹp của nhân dân ta bao đời nay.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 27

Phân tích truyện cổ dân gian *Em bé thông minh*

Bài làm

Em bé thông minh là một trong những truyện cổ dân gian Việt Nam có sức hấp dẫn riêng và được nhân dân ưa thích. Truyện ca ngợi trí thông minh của nhân dân ta trong cuộc sống.

Nhân vật trung tâm là em bé thông minh. Trí thông minh của em bé được trổ tài trong bốn lần.

Lần thứ nhất, trước câu hỏi oái ăm của tên quan: "Trâu... cày một ngày được mấy đường?" thì em bé đã hỏi vặn lại: "Ngựa... đi một ngày được mấy bước?". Em đã lấy cái không xác định để giải đáp cái không xác định. Thể thức này ta thường bắt gặp trong nhiều truyện dân gian. Ví dụ, hỏi: "trên đầu có bao nhiêu sợi tóc?" thì vặn lại: "lỗ mũi có bao nhiêu cái lông?",...

Lần thứ hai, vua ban cho làng em 3 thúng gạo nếp, 3 con trâu đực, hạn trong 3 năm, trâu ấy phải đẻ thành 9 con. Thật kì quặc vì trâu đực sao đẻ được? Có loại trâu nào đẻ được 3 con trong 3 năm? Lệnh vua ai dám chống lại? Dí dỏm ở chỗ: cả làng thì lo, còn em bé lại có cách xử trí rất "lạ": giết hai trâu, đem 2 thúng gạo nếp đồ xôi, cả làng ăn... một trận cho sướng miệng; còn 1 thúng gạo nếp, 1 con trâu thì đem bán đi để hai cha con em làm lộ phí lên kinh một chuyến. Em đã tìm cách gặp được vua. Cuộc đối đáp của em cũng rất thông minh. Em gặp vua và em khóc vì mẹ đã chết mà cha em không đẻ được một bé nào nữa... Câu hỏi ngây thơ ngộ nghĩnh của em đã làm cho ông vua phì cười cắt nghĩa: "Bố mày là giống đực thì làm sao mà đẻ được!". Em đã "giương bẫy" để vua mắc mưu, và em có cớ vặn lại: "Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi 3 con trâu đực cho đẻ thành 9 con để nộp đức vua?...". Em bé rất thông minh và đã biết sử dụng phép luận suy là lấy cái vô lí, cái phi lí để giải thích, để bác bỏ

cái phi lí, cái vô lí: đàn ông không đẻ được thì trâu đực cũng không đẻ được, đó là chuyện đương nhiên!

Vua vẫn chưa tin em bé này thông minh, nên đã sai sứ mang đến một con chim sẻ bắt cha con em phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em đã gửi sứ giả một chiếc kim đem về tâu với đức vua rèn cho ba con dao. Trong điều kiện kiện thủ công lạc hậu, thô sơ thì một cái kim không thể nào rèn được ba con dao. Đã không có dao, hoặc chưa có dao thì chưa thể giết được sẻ để dọn cỗ cho vua. Rất dí dỏm, thú vị. Em bé thông minh lắm: Em đã lấy cái không thể nào làm được để giải thích sự việc thành không thể nào được! Không thể nào rèn một chiếc kim thành ba con dao cũng như không thể giết một con chim sẻ dọn thành ba cỗ thức ăn được!

Lần thứ tư em đọ trí với sứ giả một nước láng giềng (cũng như Trạng Quỳnh gặp sứ tào thuở nào!). Làm sao xâu sợi chỉ luồn qua đường ruột con ốc xoắn? Trong lúc Trạng nguyên, đại thần, văn võ bá quan vô kế khả thi thì em bé ung dung, hát lên một bài vè:

SÁCH GIÁI
www.sachgiai.com

Tang tình tang! Tang tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng,
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang....

Câu đố tưởng là hóc hiểm nhưng đối với em bé thì dễ ợt! Em đã làm cho vị sứ giả nước láng giềng phải thán phục khi nhìn thấy con kiến càng kéo sợi chỉ qua ruột con ốc xoắn.

Sau bốn lần trổ tài, em bé đã được phong Trạng nguyên, được ở gần vua để tiện hỏi han, nghĩa là em đã trở thành thái sư của hoàng đế!

Truyện cổ tích *Em bé thông minh* gần giống một truyện Trạng Quỳnh. Truyện hàm chứa nhiều chất dí dỏm, hài hước. Một em bé 7, 8 tuổi thế mà được phong Trạng nguyên, trở thành cố vấn đầu triều cho hoàng đế, làm cho sứ giả nước láng giềng phải

trố mắt thán phục. Cuộc sống lam lũ, cực nhọc nên nhân dân ta tưởng tượng ra một câu chuyện dí dỏm để mua vui, để yêu đời...

Truyện đề cao trí khôn dân gian. Em bé thông minh tiêu biểu cho trí khôn dân gian, mẫn tiệp, sắc sảo trong ứng xử. Qua truyện cổ tích này, nhân dân ta thể hiện lòng quý mến, trân trọng những con người thông minh, tài trí trong xã hội, đồng thời khẳng định: trí khôn, sự thông minh, tính sáng tạo là vô giá! Ai cũng phải rèn luyện trí thông minh.

ĐỀ SỐ 28

Phân tích truyện Thầy bói xem voi

Bài làm

Nhân dân vẫn lấy tiếng cười để mua vui giải trí, để đánh địch, để chế giễu những thói hư tật xấu quanh ta. Truyện *Thầy bói xem voi* là một truyện cười mang tính ngụ ngôn sâu sắc.

Truyện nói về một cuộc hội ngộ của năm ông thầy bói nhân buổi chợ ế hàng. Họ tranh luận về con voi mà họ xem bằng "tay"; tất cả đều mù nên mỗi "thầy" nhận diện con voi một cách khác nhau.

Thầy bói sờ vòi voi thì bảo "sun sun như con đỉa".

Thầy bói sờ ngà lại phán con voi "chần chẫn như cái đòn càn".

Lão thầy bói sờ tai voi lại khẳng định nó "bè bè như cái quạt thóc".

Lão thầy bói thứ tư sờ chân voi, lại cãi là voi "sừng sững như cái cột nhà".

Thầy bói thứ năm sờ đuôi lại nói con voi "tun tủn như cái chổi sể cùn".

Cả năm ông thầy bói đều thuộc thế giới mù, nên thầy nào cũng dùng cách ví von so sánh tả con voi thật hóm hỉnh, buồn cười. Năm thầy bói đều có nhận xét đúng nhưng chỉ đúng một bộ phận của con voi. Vì mù quen nói mò, nhưng thầy bói nào cũng tin là mình tuyệt đối đúng, đắp tai trước chân lí, trước sự thật.

Cuộc cãi vã của năm ông thầy bói trở nên ồn ào. Cuộc đấu khẩu thành cuộc xô xát. Màn hài kịch trở thành màn bi – hài kịch. Năm lão thầy bói đã "đánh nhau toạc đầu, chảy máu" làm cho thiên hạ được một bữa ôm bụng mà cười!

Từ câu chuyện cười *thầy bói xem voi* mà nhân dân ta có câu tục ngữ: *Thầy bói nói mò*. Truyện cười này nhằm chế giễu bọn thầy bói mắt đã mù mà còn giở trò bịp bợm, kiếm ăn bằng trò mê tín dị đoan.

Truyện *Thầy bói xem voi* còn mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Nhân dân nêu lên bài học về cách nhìn và cách đánh giá sự vật, hiện tượng, không được chủ quan, phiến diện, phải có quan điểm toàn diện. Trong học tập và cuộc sống hàng ngày, bài học ấy rất cần thiết đối với mỗi người.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 29

Phân tích truyện Đeo nhạc cho mèo

Bài làm

Ba tiếng *hội đồng chuột* là tiếng cười châm biếm, chế giễu của dân gian. Truyện ngụ ngôn *Đeo nhạc cho mèo* cũng là một trong những chuyện *hội đồng chuột* ấy.

Làng chuột hội họp đông đủ, bàn việc rất hệ trọng. Chiếu trên ngất ngưỡng ông Cống. Chiếu giữa có hai anh Nhắt. Chiếu cuối của anh Chù, dù hôi hám nhưng cũng là tráng đinh.

Chương trình nghị sự do ông Cống trình bày là bàn chuyện đeo nhạc cho Mèo để làng chuột được báo động từ xa mà an tâm làm ăn. "Hay quá! Cao kiến quá!", cả làng chuột reo lên khi ông Cống dứt lời.

Mấy ngày sau, nhạc đã mua về. Làng chuột lại nhóm họp để cử "người" đi đeo nhạc vào cổ Mèo. Ai sẽ được vinh dự lĩnh ấn tiên phong?

Người đầu tiên được cả làng chuột đồng thanh nhất trí giới thiệu là ông Cống. Nhưng ông vểnh râu khước từ cho đó là "việc làm tầm thường" không xứng với danh hiệu cao quý của mình.

Anh Nhắt được cử đi. Anh nhanh nhẹn được cả làng chuột tín nhiệm. Anh bảo là giữa làng chuột thì anh vẫn là người có vai vế "ở chiếu trên". Việc tẹp nhẹp ấy dành cho bọn "đàn em"...

Cuối cùng Chù được vinh dự nhận công việc vinh quang "đeo nhạc cho Mèo".

Chù thấp cổ bé họng, chối không được, phải cõng cái nhạc ra đi. Gặp Mèo, Chù đánh bạo đến gần. Mèo liền nhe nanh giương vuốt, gầm gừ. Chù cắm đầu tháo chạy, vứt cái nhạc lại, không biết cái nhạc bon đi đâu! Cả làng chuột vừa thấy Chù chạy về, vô cùng sợ hãi bỏ chạy tán loạn.

Cái hay, cái thú ở truyện ngụ ngôn này là ở ba tình tiết. Một, ông Cống dâng ý kiến đeo nhạc cho Mèo. Hai cả làng chuột đùn đẩy nhau. Ba, Chù phải cõng nhạc đi. Mới gặp Mèo, Chù sợ quá vứt nhạc lại hổn hển chạy về... Cả làng chuột bạt vía kinh hồn, mạnh ai nấy chạy, lo bảo toàn tính mạng của mình.

Đeo nhạc cho Mèo cứ ngỡ là một sáng kiến, nhưng chỉ là một ý đồ viển vông, không thực tế. Trong cuộc sống, mọi kế hoạch, mọi "sáng kiến" phải mang tính khả thi mới có giá trị. Đó là bài học luận lí hàm chứa trong truyện cười – ngụ ngôn *Đeo nhạc cho Mèo*.

ĐỀ SỐ 30

Cảm nghĩ của em sau khi học xong truyện cười *Lợn cưới, áo mới*

Bài làm

Lợn cưới, áo mới là một trong những chuyện cười hay của nước ta, mang nhiều nét đặc trưng tiêu biểu cho thể loại này. Câu chuyện ngắn gọn giống như màn kịch nhỏ kể lại một cuộc "chạm trán" thật bất ngờ và thú vị của hai anh hay khoe của: Một anh khoe con lợn cưới bị sổng và một anh khoe chiếc áo mới may. Từ đó mà bật ra tiếng cười khoái trá trước cái cảnh hai con người "trổ tài khoe của".

Tính khoe của cũng là tính khoe khoang nói chung của con người nhưng lại mang một sắc thái riêng khá đặc biệt. Đây không phải là khoe trí tuệ, tài năng, học vấn, hay công lao, đóng góp, địa vị trong xã hội... mà là khoe của. Đành rằng khoe cái gì cũng là xấu, là không nên cần phải tránh nhưng khoe của thì thật là tầm thường, lố bịch, đáng cười, đáng phê phán chứng tỏ một nhân cách thấp hèn của loại người chỉ chú mục vào cuộc sống vật chất, tìm nguồn vui vào cuộc sống vật chất. Người có tính khoe của là người thích phô trương, huênh hoang những gì mình có với mọi người cho dù đó chỉ là "một chiếc áo mới" hay "một con lợn cưới".

Thói phô trương, huênh hoang đã trở thành một nhu cầu, một thói quen trong cuộc sống của họ đến mức không khoe của thì không thể nào chịu được. Khi khoe của, họ hãnh diện, họ sung sướng vì thấy mình giàu có hơn người, có những cái mà người khác không có và lấy đó làm hạnh phúc trong cuộc sống. Nhưng thật nực cười, lố bịch, tầm thường là những thứ mà họ khoe nào có lớn lao, nào có làm cho họ cao siêu, nào có phải là

thước đo giá trị con người, mà trái lại chỉ làm cho họ nhỏ bé và thấp kém.

Anh đi tìm lợn khoe của trong một hoàn cảnh đặc biệt: đang tất tưởi chạy đi tìm con lợn sổng, vậy mà vẫn không quên việc khoe của, bởi nó đã thành một nhu cầu, thành thói quen trong cuộc sống của anh. Trên thực tế, ta thấy rằng những người hay khoe bao giờ cũng tìm cơ hội để khoe của. Và cơ hội đã đến khi đi tìm lợn sổng lại gặp người đứng đó. Đi tìm lợn lẽ ra phải hỏi: *Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?* thì anh lại hỏi to: *Bác có thấy con lợn cưới của tội chạy qua đây không?*. Trong câu hỏi đã thừa từ cưới với người được hỏi nhưng lại cần đối với anh chàng khoe của. Thành ra câu hỏi của anh vừa có mục đích tìm lợn, vừa có thêm mục đích khoe của và dường như mục đích thứ hai "khoe của" quan trọng hơn, cần hơn. Từ cưới hoàn toàn lạc lõng trong câu hỏi tìm lợn, được chú ý hơn, ý thức hơn, nên hỏi to, nhấn mạnh, xoáy sâu vào đó và như vậy khiến người được hỏi phải chú ý vào điều mà anh ta muốn "khoe" của.

Như vậy ta thấy rằng tính khoe khoang, phô trương của anh chàng trên đây đã rõ. Nó đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu được trong cuộc sống. Anh ta lợi dụng việc tìm lợn để khoe của, và dĩ nhiên khoe khoang là hành động lố bịch, gây cười, nhưng khoe như anh ta lại càng đáng chê trách nhiều hơn. Anh ta nhấn mạnh "con lợn cưới" để cho anh chàng đứng đó tập trung chú ý và đâu biết rằng "anh áo mới" đang tìm cơ hội.

Các cụ xưa vẫn nói *già bát cơm canh, trẻ manh áo mới* nhưng thích thú đến như anh chàng trong truyện thì thật là điển hình cho sự lố bịch đáng chê cười và phê phán. Có áo mới, anh ta diện ngay rồi đứng hóng ở cửa, đợi mọi người đi qua khen. Chi tiết "đứng hóng ở cửa" thật buồn cười, đành rằng áo mới nhưng trẻ con cũng không đến mức như vậy. Nhưng đối với anh chàng trong truyện đó lại là điều bình thường, thói quen. Đứng suốt từ sáng đến chiều chỉ để khoe một cái áo thì quá buồn cười. Nó hoàn toàn trái với lẽ tự nhiên, thật lố bịch, ngớ ngẩn đến khó tin. Ấy thế mà hoàn toàn thật.

Rồi chờ mãi cũng có người đi qua, khi trả lời anh lợn cưới thì cái tính khoe của ấy lại càng bộc lộ một cách hài hước và tức cười hơn nữa trong cả điệu bộ và lời nói của nhân vật. Anh ta liền giơ ngay vạt áo ra, bảo: *Từ lúc tôi mặc cái áo này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*. Rõ ràng trong câu trả lời bộc lộ niềm vui sướng khi được cởi mở lòng mình, được "khoe" mà từ sáng đến giờ mới được bộc lộ, và như vậy cho nên phần đầu câu trả lời là thừa, không liên quan gì đến việc tìm lợn, thấy lợn cả. Người ta hỏi về con lợn song sao lại trả lời về cái áo mới? Anh ta lợi dụng câu trả lời để khoe chiếc áo mới, và để cho anh kia biết rõ hơn, anh ta giơ vạt áo lên cái áo có mặt trong câu trả lời về việc tìm con lợn thật lạc lõng. Nhưng có cụm từ *từ lúc tôi mặc cái áo này* có nghĩa là *từ sáng đến chiều chẳng thấy con lợn nào chạy qua cả* có phần hóm hỉnh làm cho phần thông tin thừa bỗng biến thành phần chỉ ý thời gian. Song nó càng lố bịch, nực cười của hai kẻ thích khoe của gặp nhau.

Câu chuyện ngắn gọn nhưng ý nghĩa sâu sắc bao nhiêu. Truyện phê phán tính khoe khoang khoác lác của con người. Đây là một tính xấu khá phổ biến ở mỗi người mà vẫn thường mắc phải.

Tính xấu ấy thể hiện trong cách nói năng, dáng điệu, cử chỉ và nó đã biến nhân vật thành trò cười cho thiên hạ. Trong cuộc sống ta vẫn thấy những sự việc như vậy. Người ta nhiều khi muốn người khác hiểu hơn về những khả năng của bản thân lại hoá ra lố bịch, nực cười. Do vậy trong cuộc sống cần tránh mắc phải những tính xấu này, đôi khi bản thân không kiểm soát được hành vi của mình để dẫn đến thành kẻ khoác lác, trò cười cho tính khoe của. Đã có bao câu chuyện phê phán những kẻ khoác lác khoe khoang trong cuộc sống. Tất cả, dân gian đã nhằm phê phán đả kích những thói hư tật xấu và khuyên mọi người hãy sống thật giản dị, khiêm tốn chân thành chớ đừng như hai anh khoe của như câu chuyện trên đây.

Hai anh khoe của chạm trán nhau, họ rất tự nhiên bộc lộ bản tính của mình nhưng dẫu thế nào cũng không giấu được thói khoe của, khoác lác đến lực cười, đến lố bịch. Câu chuyện là một bài học đầy ý nghĩa cho chúng ta trong cuộc sống.

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

ĐỀ SỐ 31

Cảm nghĩ của em sau khi học xong câu chuyện *Mẹ hiền dạy con.*

Bài làm

Chúng ta đều biết rằng, không ai yêu thương lo lắng cho con bằng cha mẹ, không ai cả một đời lam lũ vì con bằng cha mẹ. Tình yêu thương chỉ có thể sánh với núi sông trường cửu mà thôi. Đã có biết bao câu chuyện, bài ca ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng. Tiêu biểu cho tình yêu thương, chăm sóc mong con khôn lớn thành người là người mẹ hiền của thầy Mạnh Tử trong câu chuyện *Mẹ hiền dạy con.*

Mẹ hiền – hai tiếng gọi thiêng liêng, cao quý của những đứa con dành cho cha mẹ. Sao có thể quên được mẹ chín tháng mang nặng rồi đẻ đau, chắt chiu từng giọt sữa ngọt ngào nuôi con khôn lớn. Người mẹ nào chẳng ước ao con thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bởi vậy người mẹ không chỉ có chăm chút chắt chiu nuôi nấng mà luôn san sẻ, thậm chí hy sinh vì con cái.

Miếng nạc thì để dành chồng
Miếng xương mẹ gặm, miếng lòng con ăn.

Mẹ cho ta sự sống, cho ta một thân xác khoẻ mạnh và hơn thế mẹ cho ta một tâm hồn, một nhân cách và những tri thức về lễ giáo giúp con đứng vững trên cuộc đời này. Do vậy việc dạy con cực kì quan trọng, hơn thế phải lựa chọn cách dạy con cho phù hợp. Bà mẹ thầy Mạnh Tử quan tâm trước hết trong việc dạy con là vấn đề môi trường sống của đứa trẻ. Bà hiểu

rằng trẻ con *Như tờ giấy trắng* nó sẽ bị bôi đen nếu như môi trường xung quanh thiếu lành mạnh. Phải tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp để đứa trẻ có thể tiếp thu những mặt tích cực, những yếu tố lành mạnh của môi trường sống đó mà tự phát triển và trưởng thành. Trẻ em trình độ nhận thức còn thấp chúng chưa thể phân biệt tốt xấu, trắng đen và do vậy chúng có thể bắt chước, làm theo tất cả những gì người lớn làm, nếu ở môi trường sống không tốt thì sẽ bị ảnh hưởng ngay những điều không tốt đó, như khi ở gần nghĩa địa, thầy Mạnh Tử đã bắt chước người ta đào, chôn, lăn khóc; đến lúc dọn nhà ra gần chợ thì lại bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo. Cuộc sống chợ búa buôn bán làm cho đứa trẻ bị ô nhiễm, và mất đi những ý thức tuổi thơ, thay vào đó là sự đấu đá, bon chen thậm chí còn tồi tệ hơn thế kia. Bà mẹ thấy Mạnh Tử ý thức rõ ràng không thể cho con sống trong môi trường này được, bà dọn nhà đến bên cạnh trường học. Đến đây bà mới yên tâm *Chỗ này là chỗ con ta ở được đây*, đến ở cạnh trường học, một môi trường sư phạm dạy chữ, dạy người. Thầy Mạnh Tử đã bắt nhập và ảnh hưởng ngay cách *Học tập lễ phép, cắp sách vở*. Đúng là sự bắt chước học đòi của trẻ nhỏ khá nhanh nhạy, chúng có thể thích ứng ngay với môi trường sống. Môi trường sống lành mạnh, tốt đẹp thì nó có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách. Được giao du, được sống bên cạnh những con người tốt trẻ nhỏ sẽ học tập được cách sống tốt. Và ngược lại nếu giao du với kẻ sấu, sẽ bị tiêm nhiễm thói hư tật xấu, làm ảnh hưởng đến nhân cách của trẻ nhỏ thậm trí làm cho chúng phát triển lệch hướng trong nhận thức. Do vậy sự lựa chọn môt trường sống cho con, dạy con ra sao cũng là những công việc mà các bậc cha mẹ phải cần chú ý và thận trọng. Bà mẹ thầy Mạnh Tử đã lựa chọn môi trường sống cho con là cạnh trường học. Trong môi trường này thầy Mạnh Tử đã học tập được bao điểm tốt. Cách cư xử trong giao tiếp quan hệ thầy trò, quan hệ bạn bè, đồng môn, anh em...

Tuy nhiên thầy Mạnh Tử không chỉ được sống trong môi trường mà người mẹ hiền thân yêu tạo lập, mà còn được bà dạy bảo ân cần. Bà nhận thấy cần phải làm gương cho con trong mọi công việc từ ăn nói, cử chỉ, hành động. Khi biết mình lỡ mồm bà mẹ đã kịp thời chữa lại ngay. Không phải bà đính chính lại câu nói đùa của mình mà đi mua thịt lợn về cho con ăn thật. Bà muốn chứng tỏ với con câu nói của bà là đúng vì *Con ta thơ ấu, tri thức mới mỡ màng mà ta nói dối nó chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao?*. Cách dạy con của bà thật khéo léo, bởi nếu để trẻ em nói dối từ lúc nhỏ thì thật nguy hiểm vô cùng. Hành động này của bà nhằm khẳng định một điểm rằng trẻ em có thể tiếp thu tất cả những gì mà nó thấy qua biểu hiện của người lớn. Và dĩ nhiên các cụ đã nói *Giỏ nhà ai, quai nhà nấy* câu nói không đơn thuần là dòng giống, thế hệ mà nó còn mang nặng tư tưởng nhân cách từ gia đình và cha mẹ. Cho nên không thể cho tâm hồn trẻ thơ một chút vẩn đục nào.

Đối lập với cách dạy khéo léo là cách dạy kiên quyết. Phải nói rằng cách dạy này của bà đã gây ấn tượng mạnh và có tác dụng tích cực đối với thầy Mạnh Tử. Bởi không chỉ tỏ thái độ kiên quyết phủ định việc bỏ học đi chơi bằng hành động cắt đứt tấm vải đang dệt mà nó còn vang lên trong câu nói *Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy*. Bà mẹ phải đau đớn lắm mới nói như thế, và cũng kiên quyết lắm mới cắt đứt tấm vải như thế. Bà thật kiên quyết, đi học mà bỏ học đi chơi là hư, là thiếu ý thức, không cần cù siêng năng và như vậy tất dẫn đến hư hỏng. Hiện nay không ít những hiện tượng học trò bỏ giờ, trốn học hư hỏng mà cha mẹ không hay biết. Nếu như bà mẹ thầy Mạnh Tử không kiên quyết làm như vậy thì làm sao Mạnh Tử nhận ra lỗi lầm của mình. Bà yêu thương con nhưng không nuông chiều con quá mức.

Bài học cắt đứt tấm vải đang dệt mà thầy Mạnh Tử được chứng kiến như thức tỉnh trong mình. Đau xót lắm bà mới làm như vậy. Tình yêu thương của bà mẹ dành cho Mạnh Tử vô bờ bến và đúng như dân gian đã nói *Dạy con từ thuở còn thơ, Yêu*

thì cho roi cho vọt. Muốn cho con nên người, phải mẫu mực, nghiêm khắc đồng thời chọn cách dạy phù hợp mới đạt được kết quả cao. Mẹ thương con chưa đủ mà phải biết dạy con. Bà mẹ thầy Mạnh Tử là tấm gương sáng về tình thương và cách dạy con.

Trên thực tế hiện nay cũng không thiếu những tấm gương sáng về sự giáo dục con cái thành người, nhưng bên cạnh đó còn khá phổ biến tình trạng nuông chiều con cái quá mức, để rồi các "Cậu ấm", "Quý tử", "Công chúa" kia mắc vào con đường tội lỗi từ khi nào mà gia đình không biết.

Câu chuyện tuy đơn giản nhưng có giá trị sâu sắc, nhắc nhở mọi người chúng ta trong việc dạy con cần phải thận trọng. Muốn chúng nên người trước hết phải lựa chọn môi trường sống thích hợp, cùng với lòng yêu thương, đức độ và đặc biệt phải mẫu mực về nhân cách cho các con noi theo. Có được như vậy các bậc cha, mẹ cần phải hiểu con cái cần gì, cho chúng học cái gì và dạy chúng ra sao?. Trong xã hội hiện đại với nền kinh tế thị trường hiện nay, làm được điều này không phải là dễ. Đây là vấn đề toàn cầu được xã hội quan tâm bởi *Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai.*

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Xuất phát từ câu nói ấy, câu chuyện *Mẹ hiền dạy con* lại càng có triết lý sâu sắc. Nó nhắc nhở chúng ta trong việc giáo dục con cái nói riêng và trẻ em nói chung. Xã hội tương lai sẽ ra sao, tốt hay sấu chính là nhờ vào thế hệ trẻ hôm nay: Câu chuyện không còn là vấn đề gia đình mà nó là vấn đề xã hội, vấn đề nhân loại trong việc giáo dục nhân cách con người.

ĐỀ SỐ 32

Cảm nghĩ về truyện *Mẹ hiền dạy con*

Bài làm

Nếu không có người mẹ hiền thì cũng không có anh hùng, thi sĩ. Mỗi một đứa trẻ trên trái đất đều có một người mẹ; hạnh phúc nhất của đứa con là có người mẹ hiền.

Mẹ hiền là người mẹ sinh thành nuôi dưỡng đứa con. Tục ngữ có câu: *Đứa con là hạt máu cắt đôi của mẹ*. Mẹ hiền là người yêu thương dạy bảo con nên người, biết nuôi dưỡng chí hướng và lẽ sống cho con, hình thành nhân cách văn hoá cho con. Bà mẹ Mạnh Tử là một người mẹ hiền lý tưởng xưa nay.

Bà thay đổi nơi ở đến nhiều lần. Lần thứ nhất dời nhà đến ở gần nghĩa địa, bà quan sát thấy con chỉ biết bắt chước "đào, chôn, lăn khóc". Đó là việc của phu đào huyệt, là những biểu hiện đau buồn của tang gia. Mạnh mẫu nói với mình, nói cho mình: *chỗ này không phải chỗ con ta ở được*. Lần thứ hai, bà phải dời nhà; dời nhà vì con thơ. Đến nơi ở mới, gần chợ, con trai bà *cũng bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo*. Không thể để con nhiễm phải tính xấu ấy, bà lại nói như nhắc khẽ mình: *Chỗ này cũng không phải chỗ con ta ở được*. Bà lại dời nhà đến nơi khác. Tất cả vì con. Lần thứ ba, Mạnh mẫu chuyện nhà đến ở gần trường học. Con bà *thấy trẻ đua nhau học tập lễ phép, cắp sách vở*, về nhà cũng bắt chước *học tập lễ phép, cắp sách vở*. Mẹ Mạnh Tử rất vui lòng, nói: *Chỗ này là chỗ con ta ở được đây*. Qua đó, ta thấy Mạnh mẫu rất quan tâm đến con, luôn luôn theo dõi những biến đổi, những tiến bộ của con, tìm môi trường sống, môi trường học tập tốt đẹp cho con. Đó là cách dạy con rất tích cực, rất tiến bộ.

Bà mẹ Mạnh Tử quan tâm giáo dục con tính trung thực, thật thà. Mẹ không được nói dối con thơ. Mẹ phải làm gương cho con

trong nói năng, ứng xử, trong mọi việc lớn nhỏ. Nhỡ nói đùa con: "Để cho ăn ăn cơm đấy", khi con hỏi: *Người ta giết lợn làm gì thế*, bà nghĩ và hối hận. Bà tự trách mình: *Ta nói lỡ mồn rồi! Con ta thơ ấu, tri thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng hoá ra ta dạy nó nói dối hay sao*?. Mẹ hiền đã đi mua thịt lợn, đem về cho con ăn thật. Lời nói ấy, cách suy nghĩ ấy, việc làm ấy cho thấy người mẹ hiền rất gương mẫu trong giáo dục đạo đức cho con thơ.

Mạnh mẫu rất thương con, nhưng không nuông chiều. Bà rất nghiêm khắc, rất kiên quyết trước ý thức vô kỷ luật trong học tập của con. Mạnh Tử *đang đi học, bỏ học về nhà chơi*. Cử chỉ người mẹ trông thấy con bỏ học *liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung* thể hiện thái độ rất giận trước ý thức kém cỏi của con. Tấm vải đang dệt mà bị cắt đứt, xem như bị hỏng. Không la mắng! Không roi vọt! Bà chỉ nói với con: *Con đang đi học mà bỏ học, thì cũng như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt đi vậy*. Một lời dạy con rất nghiêm, rất sâu sắc. Mạnh mẫu đã dạy con tính nghiêm túc, tính chăm chỉ trong học tập. Nhờ công giáo dục quý báu của mẹ hiền mà từ đó về sau, Mạnh Tử học tập rất chuyên cần, chẳng bao lâu trở thành một bậc đại hiền, được người đời ngưỡng mộ.

Mẹ hiền dạy con là một truyện lí thú. Một cách viết ngắn, lớp lang mạch lạc, giản dị mà sâu sắc: Ba lần chuyển chỗ ở, một lần hối hận vì "nói đùa" với con, một lần cắt đứt tấm vải đang dệt... để dạy con ý thức học tập. Mạnh mẫu rất yêu con, lại có phương pháp dạy con, quan tâm giáo dục đạo đức và chí hướng học hành cho con. Mạnh mẫu là một bà mẹ hiền vĩ đại. Mạnh Tử là một nhà hiền triết vĩ đại mới có người con vĩ đại. Đọc truyện *Mẹ hiền dạy con*, càng kính trọng Mạnh mẫu bao nhiêu thì ta càng yêu quý mẹ cha mình bấy nhiêu!

ĐỀ SỐ 33

Cảm nhận về truyện *Con hổ có nghĩa*

Bài làm

Con hổ có nghĩa nói về chuyện bà đỡ Trần và bác tiều thu gặp hổ, và đã được hổ đền ơn đáp nghĩa. Truyện đề cao đạo lí ân nghĩa thuỷ chung ở đời. Truyện gồm có hai phần, phần nào cũng tinh giản mà kì thú, gợi cảm.

Ở đây ta nói về mẩu chuyện bà đỡ Trần gặp hổ. Tình huống li kì hồi hộp: đêm, nghe tiếng gõ cửa, bà đỡ ra mở cửa, rồi bị con hổ *lao tới cõng bà đi*. Bị hổ bắt làm sao mà sống được? Bà đỡ, ban đầu *sợ đến chết khiếp*. Hổ *dùng một chân ôm lấy bà chạy như bay*, hễ gặp bụi rậm, gai góc thì *dùng tay rẽ lối chạy vào rừng sâu*. Phải chăng hổ bắt được mồi, nên vội vã tha mồi về hang ổ? Nhưng cái cử *chỉ một chân ôm lấy bà, một tay rẽ lối* của hổ thì có vẻ như nương nhẹ, cẩn trọng? Một tình tiết hồi hộp, hấp dẫn.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Cảnh thứ hai cũng đầy kịch tính. Bà đỡ nhìn thấy hổ cái *đang lăn lộn cào đất,* bà đỡ *run sợ không dám nhúc nhích*. Bà sợ lắm vì tưởng là hổ định ăn thịt mình. Hổ đực dùng cử chỉ để thay lời nói. Nó *nhỏ nước mắt*, thương hổ cái lắm. Nó "cầm tay bà nhìn hổ cái" như kêu van, như xin được cứu giúp. Người và hổ đã tương tri, đã biết cảnh ngộ nhau, biết tấm lòng của nhau. Bà đỡ rất cần mẫn, có tay nghề giỏi, bà chỉ nhìn bụng hổ cái *như có cái gì động đậy*, thế là bà *biết ngay hổ cái sắp đẻ*. Thật nhân đức, bà đỡ hoà thuốc với nước suối cho hổ cái uống, bà còn dán *xoa bụng cho hổ*. Cử chỉ của bà đầy tình thương. Đã mấy ai trong thiện hạ dám đưa tay xoa bóp bụng hổ. Với bà đỡ Trần thì hổ cái là một sản phụ, đang đau đẻ, cần giúp đỡ để cứu cả mẹ lẫn con.

Cảnh thứ ba là cảnh hổ cái đẻ con và hổ đực đưa tiễn bà đỡ. Hổ đực rất tình cảm và có nghĩa. Nó vui mừng *đùa giỡn với con*. Nó *quỳ xuống* bên một gốc cây, *lấy tay đào lên một cục bạc* để tặng bà đỡ. Nó *đứng dậy đi, quay nhìn bà* để ra hiệu đưa tiến bà về. Nghe bà đỡ nói: *Xin chúa rừng quay về, nó cúi đầu vẫy đuôi*, rồi *gầm lên một tiếng*. Cảnh tiễn biệt đầy lưu luyến và sâu nặng tình nghĩa biết bao!.

Câu chuyện thật hay, thật hồi hộp cảm động. Người đỡ đẻ, giúp hổ cái mẹ tròn con vuông. Hổ đền ơn người một cục bạc, nhờ món quà ấy mà bà đỡ sống qua được năm mất mùa đói kém. Chuyện cũng là chuyện người. Bài học đền ơn đáp nghĩa thật kỳ thú, gợi cảm.

ĐỀ SỐ 34

Kể lại chuyện *Con Hổ có nghĩa* theo phương pháp sáng tạo.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Vào một ngày đẹp trời, ở dưới một gốc cây cổ thụ trong khu rừng già, một đàn hổ con đang quây quần bên bà nội. Chúng say sưa nghe bà kể chuyện.

Lúc đầu là tiếng một con hổ đầu đàn cất lên:

– Bà ơi bà kể chuyện cho chúng cháu nghe đi.

– Các cháu của bà thích nghe chuyện gì nào?

– Chúng cháu thích nghe một câu chuyện có ý nghĩa nhất.

Hổ bà trầm ngâm suy nghĩ và nói : "Được rồi, bà sẽ kể cho các cháu nghe về cái ngày mà cha các cháu ra đời. Các cháu có

thích nghe không nào?" Đàn hổ con reo lên: "Chúng cháu rất thích ạ!" – Thế là hổ bà bắt đầu kể.

Các cháu biết không cách đây hai mươi năm năm về trước, bà đã mang thai cha các cháu, thế rồi đến ngày trở dạ, bụng bà đau quần quại, những cơn đau co thắt làm bà tưởng như chết đi, sống lại. Cứ như thế kéo dài từ sáng sớm đến đêm. Ông các cháu cứ loay hoay mãi mà chẳng thể nào giúp bà cho được. Thế rồi trong cơn đau bà chợt nghĩ đến loài người. Loài người thật thông minh và nhân hậu, loài người được tiếp thu những văn minh của khoa học. Chỉ có loài người mới giúp bà qua được cơn nguy này. Thế là bà liền kêu ông cháu đi tìm đến loài người. Hồi ấy, cách khu rừng của chúng ta không xa, ở huyện Đông Triều loài người sinh sống rất đông. Trong số họ, có bà đỡ Trần đỡ đẻ cho người rất giỏi. Ông cháu liền tới gõ cửa. Khi bà Trần mở cửa, đang khẩn cấp, ông cháu vội lao tới cõng bà ấy tới nhà của chúng ta. Bà Trần đến cũng là lúc mà bà của cháu đang lăn lộn vì đau đớn, bà cào tung cả đất lên. Thấy vậy, bà Trần lại ngỡ rằng bà và ông các cháu chuẩn bị để ăn thịt bà ấy. Các cháu biết không lúc đó, bà Trần run lên bần bật, gương mặt xinh tươi hiền hậu bỗng trở nên tái mét. Bà Trần cứ đứng im một chỗ không dám nhúc nhích.

Ông các cháu hiểu ý run sợ của bà Trần, ông liền đến gần cầm tay bà Trần rồi nhìn bà trong cơn đau mà rơi nước mắt. Chỉ thế thôi bà Trần đã hiểu ý, bà ấy lấy ngay thuốc sẵn có trong túi, rồi hoà với nước muối cho bà uống, lại còn xoa bụng cho bà nữa. Lát sau, bà sinh ngay ra được cha cháu cùng chú hổ hai, chú hổ ba, chú hổ tư, cô hổ năm. Ông cháu thấy vậy mừng lắm còn bà thì mỏi mệt, nằm sụp xuống. Để cám ơn bà Trần, chẳng biết lấy gì hơn, ông các cháu vội đào số bạc có hơn mười lạng dành dụm đem biếu bà Trần. Bà Trần cũng hiểu tấm lòng của ông các cháu. Bà ấy còn đến vuốt ve bố và các chú, cô của các cháu rồi mới trở về. Cảm phục bà Trần, ông cháu còn tiễn bà ấy ra tận cửa rừng, rồi cứ đứng nhìn theo bóng bà ấy và gầm lên một tiếng khá to để cám ơn mới quay về.

Năm ấy, được biết loài người bị mất mùa đói kém lắm, nhưng nhờ có số bạc nhà ta, gia trình bà Trần đã qua nạn đói.

Nghe đến đây lũ hổ con rất cảm động trước ơn nghĩa của con người. Hổ bà lại nói tiếp: Đó mới chỉ là một chuyện thôi. Còn chuyện về bác hổ trắng ở xóm bên mới xúc động làm sao! Các cháu có muốn nghe nữa không?

Lũ hổ con đồng thanh đáp: Có ạ!

Hổ bà tiếp tục kể:

Ngày ấy bác hổ trán trắng ở xóm bên đi ăn cỗ, không may bị hóc xương, mà lại là xương bò, rất to. Chẳng biết làm thế nào, bác liền chạy xuống thung lũng để móc họng lấy chiếc xương ra. Nhưng càng móc lại càng đau, máu me, nhớt dãi trào ra. Đau quá bác ấy cào bới đất rồi nhảy lên, nhảy xuống vật lộn đến khổ. Tưởng rằng bác ấy sẽ chết. May sao lại gặp loài người – một người đi kiếm củi thấy thế liền trèo lên ngọn cây kêu to: "Cổ họng ngươi đau phải không, đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho." Bác hổ trán trắng nghe thấy dù đau nhưng rất mừng, vội nằm phục xuống mồm há to nhìn người kiếm củi như cầu cứu. Người kiếm củi trèo ngay xuống lấy tay thò vào cổ họng bác hổ lấy ra chiếc xương to như bắp chân của bà. Bác hổ liếm mép, nhìn người ra hiệu cám ơn, rồi bỏ đi. Mấy hôm sau, bác hổ trán trắng có bắt được con nai to và béo, bèn đến gõ cửa nhà người đã cứu mình và biếu bác ấy con nai. Thế rồi hơn mười năm sau, người cứu mạng bác hổ qua đời, bác hổ biết tin đã đến khóc thương, chia buồn. Từ đó trở đi cứ mỗi năm đến ngày giỗ người ấy, bác hổ trán trắng lại đem đến con dê hoặc con lợn để thắp hương, nhớ ơn cứu mạng.

SÁCH GIÁI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 35

Truyện *Con hổ có nghĩa* là một truyện hay mang tính giáo huấn sâu sắc. Hãy cho biết cảm nghĩ của em khi đọc truyện.

Bài làm

Truyện trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIX là loại truyện văn xuôi chữ hán, có cách viết không giống với truyện hiện đại ngày nay. Truyện nhiều khi gần với kể, với sử và thường mang tính giáo huấn. Tuy vậy cũng có loại truyện hư cấu, tưởng tượng nghệ thuật, các nhà văn mượn hình ảnh của loài vật để nói về con người, đạo đức nhân sinh... Truyện *con hổ có nghĩa* là một thí dụ điển hình.

Ngay sau khi bà trần cứu được hổ cái qua cơn hoạn nạn mà tưởng chừng không thể vượt qua. Hổ cái được mẹ tròn con vuông, gia đình nhà hổ vô cùng hạnh phúc và sung sướng mừng rỡ đùa giỡn với con. Cảm động trước ơn cứu mạng của bà Trần, Hổ đực quỳ xuống bên cạnh một gốc cây, lấy tay đào lên một cục bạc, tặng ngay cho bà Trần giúp bà sống qua năm mất mùa đói kém. Hành động trả ơn của hổ đực để lại trong em bao ấn tượng sâu sắc. Việc trả ơn diễn ra tức thì, không đắn đo suy nghĩ, mà số bạc đâu có ít những "hơn mười lạng bạc".

Hình ảnh hổ đực được khắc họa sinh động, ấn tượng qua thủ pháp nghệ thuật nhân hoá, nhờ đó chúng ta thấy rằng con hổ đực mang trong mình những hành động, suy nghĩ như một con người. Trong gia đình, nó hết lòng với vợ con lúc bụng mang dạ chửa, luôn biết quan tâm, chăm sóc yêu thương hổ cái lúc sắp sinh con..., hổ đực vui mừng, sung sướng đến tột độ khi được làm cha, lưu luyến cảm động nghẹn ngào khi chia tay ân nhân cứu mạng vợ mình.

Hổ đực nhận thức được rằng nó sẽ chẳng bao giờ thấy vợ và con trên cõi đời này nữa nếu như không có bà đỡ Trần. Nó hiểu rằng hạnh phúc hôm nay với gia đình nó là do bà đỡ Trần đem lại. Từ những suy nghĩ mang đậm chất nhân văn, chất *Con người* như vậy giúp hổ đực hành động thật cao đẹp và cảm động nhường nào – ân nghĩa vẹn tròn. Hành động trả ơn được diễn ra tự nhiên như một bản năng, một thói quen đã ăn sâu vào tiềm thức. Nó như hiểu vô đạo lí ở đời rằng *Ơn ai một chút chẳng quên,* chịu ơn cứu mạng thì phải *Khắc cốt ghi xương.* Trong đôi mắt hổ đực, bàn tay của bà Trần như đôi bàn tay tiên tri, nhẹ nhàng cứu vợ nó qua cơn vật lộn với tử thần. Và trong tâm khảm hổ đực ơn cứu mạng này phải ghi lòng tạc dạ và đền đáp ân sinh. Khi tiễn bà Trần – vị ân nhân đáng kính ra về, *Hổ vẫn cúi đầu vẫy đuôi,* khi bà Trần đã rời xa nó vẫn *Gầm lên một tiếng rồi bỏ đi.*

Tiếng gầm của hổ đực phải chăng cảm phục đến nghẹn ngào mà không cất được nên lời? Hay chính là lời chào tiễn biệt vị ân nhân, mà cả đời mang ơn cứu mạng. Trong đôi mắt hổ đực hình ảnh bà Trần như một vị tiên, và chính trong đôi mắt ấy hiện lên lòng biết ơn vô hạn với người đã cứu sống vợ con mình. Và để rồi hổ đực, hổ cái ngày ngày bên con và cũng ngày ngày nhớ đến bà Trần, dẫu rằng đã hậu tạ chút bạc. Nó hiểu rằng chút bạc ấy không thể so sánh, mua bán ơn cứu mạng. Cả gia đình nó, cha truyền cho con ghi nhớ đời đời.

Cũng là lối sống có nhân nghĩa nhưng cách báo đáp ân nghĩa của hổ trán trắng lại khác. Nó được cứu sống sau lần hóc xương. Và nó cũng hiểu rằng, nó sẽ chẳng bao giờ được nhìn thấy thiên nhiên cuộc sống, chốn rừng thiêng kia nếu như không có bác tiều. Vị ân nhân ấy như một vị thánh xuất hiện trước mặt nó, ân cần, hết lòng giúp nó trước khi nó từ giã cuộc sống. Nó cũng san xẻ miếng ngon cho ân nhân của mình. Nhưng cảm động hơn khi biết rằng vị ân nhân đã chết, nó đau xót vô chừng bởi nó không thể làm gì giúp bác được. Nén chặt đau thương, tình cảm dâng trào, hổ trán trắng đã đến đưa tang bác

tiều. *Khi chôn cất, hổ bỗng nhiên đến trước mộ nhẩy nhót... Từ xa, nhìn thấy hổ dụi đầu vào quan tài gầm lên, chạy quanh quan tài vài vòng rồi đi.* Và đâu phải chỉ ngày bác mất, mà *Từ đó về sau, mỗi dịp ngày giỗ bác tiều hổ lại đưa dê hoặc lợn đến để ở ngoài cửa nhà bác tiều.*

Thật cảm động và đáng khâm phục biết bao trước hành động của hổ trán trắng. Nhớ ơn cứu mạng, trong tâm khảm hổ trán trắng, hình ảnh vị ân nhân đã cứu sống mình không bao giờ phai nhạt. Lúc sống hổ quan tâm, chăm sóc, có miếng ngon đều mang biếu bác tiều, và khi qua đời nó vẫn giữ trong lòng biết ơn như ngày nào. dân gian có câu Sông *tết chết giỗ*, tỏ lòng biết ơn, ngày giỗ lần nào hổ trán trắng đều có lễ vật cúng, tế ân nhân ân nghĩa ấy được kết tụ trong hai tiếng ngầm của nó; một tiếng ngầm *Đền ơn* khi đem nai đến cho ân nhân khi còn sống, mà một tiếng gầm *đau thương* khi ân nhân sang thế giới bên kia. Trong những tiếng gầm ấy hằn lên niềm tiếc thương vô hạn với người đã cứu mình. Đồng thời nó cũng khẳng định với cuộc đời và chính bản thân nó phải ghi lòng tạc dạ với lời hứa, với ân nhân cứu mạng cả khi sống cũng như đã khuất.

Chúng ta thấy rằng trên thực tế có những con hổ có nghĩa nhưng hẳn không thể cao đẹp như con hổ trong truyện .

Mục đích của các nhà nho phong kiến dựng lên câu chuyện này nhằm mục đích giáo huấn, răn dạy con người, hay nói theo cách khác là *mượn chuyện hổ nói chuyện người*. Quan niệm nho giáo phong kiến ngày xưa luôn đề cao lối sống nhân nghĩa, vì vậy các tác giả xây dựng hai con hổ trong câu chuyện là tiêu biểu cho suy nghĩ, hành động của người *đền ơn đáp nghĩa*. Nhưng từ xưa đến nay trong tiềm thức nhân dân ta hổ là loài hung tợn nhất vậy sao lại có nghĩa và ân tình đến thế. Con hổ đực và hổ trán trắng đã được tác giả thổi vào suy nghĩ và hành động của con người, và nó hành động như con người. Loài vật dữ tợn như vậy mà trong lòng ẩn chứa bao tình cảm con người, ân nghĩa vẹn tròn, có tình có nghĩa. Vậy con người thì sao. Câu

chuyện mượn hình ảnh hai con hổ trả ơn đáp nghĩa để răn dạy con người phải sống có nghĩa. Khi người khác gặp hoạn nạn phải sẵn lòng giúp đỡ không nề hà, nguy hiểm. Bà đỡ Trần và bác tiều phu có sợ hổ ăn thịt không? Họ sợ chứ, nhưng nhờ lòng yêu thương của một con người, tình cảm con người họ vượt qua sợ hãi cứu hai con hổ thoát chết.

Và khi mang ơn, chịu ơn phải biết nhớ ơn và tìm cách trả ơn. Sự trả ơn phải xuất phát từ sự ngưỡng mộ, khâm phục và lòng biết ơn chân thành, từ suy nghĩ và hành động, từ sự nhận thức về đạo lí, cuộc sống ở đời. Người làm ơn không so đo tính toán, giúp đỡ kẻ khác gặp hoạn nạn là bổn phận, trách nhiệm, đồng thời kẻ chịu ơn phải *khắc cốt ghi xương*. Ở đây ta nhận thấy điều đáng quý, đáng khâm phục của hình ảnh hai người làm việc nghĩa là bác Tiều và bà Trần là: Họ không hề đòi hỏi gì sau khi cứu hổ mẹ và hổ trán trắng. Và dường như họ sinh ra là để làm việc thiện. Và cũng rất tự nhiên, hai con hổ trả ơn, đáp nghĩa như một thói quen, bản năng có sẵn.

Câu chuyện hết sức sâu sắc, nó không chỉ dừng lại ở góc độ một con vật, một giai đoạn lịch sử mà nó mang yếu tố thời đại. Bất kì một xã hội nào mà con người sống với nhau nhân nghĩa, yêu thương đều phải ca ngợi, và có như vậy xã hội mới tốt đẹp. Từ xưa cho đến nay dân tộc ta luôn có truyền thống đẹp "sống có ân nghĩa". Đặc biệt qua câu chuyện này chúng ta càng hiểu thêm rằng "ân nghĩa" là sợi dây nối kết con người gần nhau hơn, giúp họ vượt qua rào cản của tiền bạc, công danh, giúp họ quên đi sự sòng phẳng mua bán bằng tiền. Câu chuyện mang tính triết lí sâu sắc, mang một lối sống đáng khâm phục, cảm động xiết bao. Đã bao câu chuyện, đã bao lần con người nói đến "có nghĩa". Cái nghĩa chính là cái gốc làm nên giá trị đích thực trong nhân cách sống của con người. Và hơn thế cái nghĩa trong mỗi người phải luôn tự tu dưỡng, hoàn chỉnh. Đó cũng chính là đạo đức sống. Câu chuyện khuyên dạy chúng ta hãy sống tốt đẹp hơn, yêu thương nhau hơn. Đồng thời câu chuyện đề cao lối sống ân nghĩa vẹn tròn sau trước. Các tác giả viết câu chuyện

này cũng thầm gửi tới cho chúng ta một thông điệp: Mọi người hãy biết quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, sống nhân nghĩa với nhau sống đúng với đạo lý làm người để nhằm xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Câu chuyện có giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị thời đại to lớn.

Khi học xong câu chuyện, em như lớn lên trước đạo lý trong cuộc sống, chịu ơn thì phải trả ơn, ơn nghĩa ấy trả đến bao giờ cũng không hết, và phải lấy đó làm phương châm sống, lẽ sống. Em thầm mơ ước xã hội này, thế giới này, ai ai cũng hiểu và làm được như vậy.

ĐỀ SỐ 36

Kể sáng tạo truyện Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Tổ tiên tôi có nghề y gia truyền nổi tiếng từ lâu đời. Vì thế, vào đời hoàng đế Trần Anh Tông trị vì đất nước, tôi được bổ nhiệm giữ chức Thái y lệnh trông coi việc chữa bệnh trong cung.

Mặc dù ở địa vị cao sang, được hưởng nhiều vinh hoa phú quý, nhưng tôi vẫn nhớ lời răn dạy của cha tôi: *Bân à, con nên ghi nhớ phương châm hành nghề của gia tộc họ Phạm ta: Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*. Vì thế, ngoài bổn phận phụng sự Trần Anh Tông hoàng đế, tôi còn mở thêm y viện tại nhà để khám chữa bệnh cho dân.

Tiền của trong nhà tôi phần lớn được dùng vào việc mua thuốc và thóc gạo để chữa bệnh cứu người. Y viện của tôi gồm đủ các hạng người. Từ kẻ giàu có đến kẻ cơ khổ. Tôi không phân biệt họ giàu hay nghèo, chỉ phân biệt nặng hay nhẹ để ưu tiên chữa trước, ưu tiên thuốc tốt. Có nhiều kẻ cơ hàn nghèo khó đến

mức cơm không đủ ăn, chẳng có tiền mà chữa bệnh tôi cho họ ở nhà mình, cấp cho họ cơm cháo và chữa trị không lấy tiền.

Đối với những bệnh nhân máu mủ tanh tưởi hoặc bị cả những chứng bệnh lây truyền, nhiều thầy thuốc khác né tránh, từ chối. Tôi nghĩ: Nếu ai cũng né tránh họ thì ai sẽ chữa cho họ?, và thế là tôi nhận chữa trị cho tất cả mọi người. Vì thế, bệnh nhân đến nhà tôi chữa bệnh rất khá đông, các giường bệnh lúc nào cũng chật người.

Một số người cho rằng tôi dại, số khác lại nghĩ tôi gàn dở. Mặc những lời gièm pha, tôi chỉ cặm cụi chữa bệnh cứu người.

Rồi liền mấy năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, bệnh nhân quá nhiều, những nhà dưỡng bệnh cũ không đủ, tôi phải dựng thêm nhà cho kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở có khi có tới hơn ngàn người.

Một hôm, tôi đang nghỉ thì có tiếng gõ cửa gấp. Tôi bảo người nhà ra mời vào. Trông thấy tôi, người đó quỳ sụp lạy và cầu xin:

SÁCH GIÁI
www.sachgiai.com

– Thưa đại nhân, vợ con bệnh quá nguy kịch, máu chảy như xối, mặt mày xanh lét. Cúi xin đại nhân sinh phúc cứu giúp! Gia đình con xin đội ơn ngài!

Tôi bảo người đó đứng lên rồi sửa soạn đi ngay. Vừa ra đến cửa thì gặp sứ giả do nhà vua sai tới, truyền rằng:

– Trong cung có bậc quý nhân bị sốt, Anh Tông hoàng đế lệnh cho ngài đến khám.

Tôi thưa:

– Nhờ đại nhân tâu lại với Chúa thượng, bệnh đó không nguy kịch, có thể chữa sau. Nay mệnh sống của vợ người đàn ông này chỉ trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát sẽ đến vương phủ.

Quan Trung sứ tức giận nói:

– Phận làm tôi sao ông dám trái lệnh chúa thượng? Ông định cứu tính mạng người ta mà không định cứu tính mạng mình chăng?

Tôi biết làm như vậy là khi quân phạm thượng, có thể sẽ rước họa vào thân. Nhưng tính mạng người đàn bà kia kể như trứng đang ở dưới chân voi, tôi không thể suy tính thiệt hơn. Là thầy thuốc tôi không thể bỏ mặc, thấy người sắp chết mà không cứu.

Tôi đành đáp:

– Bẩm đại nhân, tôi biết thế là đắc tội với Chúa thượng, nhưng cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mệnh của tiểu thần còn trông vào Chúa thượng, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.

Nói rồi, tôi quả quyết đi cứu người đàn bà kia. Thật may, tôi đến vừa kịp.

Sau khi người đàn bà qua cơn nguy hiểm, tôi dặn dò người nhà cách chăm sóc, thuốc thang cho người bệnh rồi lập tức tới vương phủ yết kiến. Trông thấy tôi, hoàng đế Anh Tông quở trách:

– Sao khanh dám coi thường lệnh Trẫm đến vậy? Khanh có biết thế là mắc tội chết không?

Tôi quỳ lạy:

– Muôn tâu Chúa thượng, hạ thần có tội, xin Chúa thượng giáng tội. Nhưng hạ thần cũng vì bổn phận của người thầy thuốc thương xót kẻ sắp chết vì bệnh tật nguy kịch mà đành làm trái lệnh Chúa thượng, cúi xin Người anh minh khoan dung kẻ có tội như hạ thần đây. Được như thế thì hạ thần vô cùng cảm kích và đội ơn sâu, mà mong báo đáp Chúa thượng suốt đời.

Hoàng đế Anh Tông nghe xong, ngài mừng rỡ nói:

– Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp, lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đỏ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi.

Lời khen của nhà vua khiến tôi vô cùng cảm động và sung sướng. Tôi sung sướng không phải vì được một bậc quân vương khen là giỏi và nhân đức, mà tôi mừng vì xã tắc có một vị hoàng đế anh minh, khoan từ nhân thứ như ngài trị vì. Đó thật là phúc cho trăm họ.

Từ đấy, tôi lại dốc vào phụng sự hoàng đế Anh Tông và chữa bệnh cứu người.

ĐỀ SỐ 37

Suy nghĩ về nhân vật Thái y lệnh Phạm Bân trong *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.*

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Trong lịch sử y học nước nhà, đã có không ít vị danh y được người đời mến mộ và trọng vọng. Họ là những bậc lương y chân chính, vừa giỏi về y thuật, vừa có lòng nhân đức thương xót người bệnh như chính bản thân mình. Tên tuổi của họ được lưu danh trong sử sách và được người đời truyền tụng.

Cũng đã có không ít những truyền thuyết, những giai thoại về những bậc danh y ấy, để người đời sau nhìn vào mà noi gương.

Văn chương cũng đã có những tác phẩm (dù ở mức độ kể sơ lược) viết về tài đức của các bậc danh y. Trong tác phẩm *Nam Ông mộng lục*, phần *Y thiện dụng tâm* của Hồ Nguyên Trừng, ta bắt gặp một hình ảnh đẹp về một bậc lương y chân chính: Thái y lệnh Phạm Bân.

Lương y Phạm Bân xuất thân con nhà thuốc. Tổ tiên của ông có nghề y gia truyền được ca tụng. Vì thế ông được bổ nhiệm chức Thái y lệnh coi sóc việc chữa bệnh trong cung vua.

Được làm lương y ở trong cung vua đã là mơ ước của nhiều thầy thuốc. thái y lệnh lại là một chức bậc mà không ít kẻ thèm muốn dòm ngó. Cả một ngàn năm phong kiến Việt Nam với sự trị vì của cả trăm vị hoàng đế, đời nào chẳng có Thái y lệnh. Nhưng tên tuổi của mấy ai đã được lưu truyền?

Tác giả Hồ Nguyên Trừng không đi sâu kể về tài năng của Thái y lệnh Phạm Bân, chỉ lướt qua vài chi tiết như:

– Ông được bổ nhiệm chức Thái y lệnh.

– Bệnh nhân đến chữa tới khi khoẻ mạnh rồi đi. Cứ như vậy, trên giường không lúc nào vắng người.

– Bỗng liền năm đói kém, dịch bệnh nổi lên, ngài lại dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người. Ngài được người đương thời trọng vọng.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

– Cứu sống người đàn bà nguy kịch, máu chảy như xối, mặt mày xanh lét.

–Vua Anh Tông khen là giỏi về nghề nghiệp.

Chỉ một vài chi tiết nhỏ cũng đủ để ta hình dung ra tài năng của vị lương y đó. Thật là một tài năng hiếm có.

Thái y lệnh Phạm Bân không chỉ giỏi về nghề nghiệp, nét nổi bật trong ông là lòng nhân đức, thương yêu người bệnh và hết lòng chữa bệnh cứu người.

Người bệnh ở đây không phải chỉ là các vị trong hoàng thất, các vị đại thần, quý tộc, mà chủ yếu là người dân, kể cả những kẻ cơ khổ khốn cùng nhất. Mặc dù ở địa vị cao sang, được hưởng vinh hoa phú quý vua ban, Thái y lệnh Phạm Bân vẫn dốc lòng, dốc sức chữa bệnh cho dân.

Mục đích của việc ông xây các nhà dưỡng bệnh tại nhà riêng của mình, nhận bệnh nhân về chữa trị không phải vì kiếm lợi

(mà nếu có nhằm mục đích này cũng là đáng quý, vì ông đem tài năng ra để trị bệnh cứu người), song đáng quý hơn mục đích của ông là cứu người!

Vì mục đích cứu người mà ông đã dốc hết tiền của trong nhà ra để *mua thuốc tốt, tích trữ lương thực*. Mua thuốc tốt để chữa bệnh là điều dễ hiểu. Song tích trữ lương thực để làm gì? Thì ra để *cấp cơm cháo* cho những *kẻ tật bệnh cơ khổ* khi họ đến chữa trị. Rồi năm đói kém, bệnh dịch nổi lên, ông đã *dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát về bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người*. Thật hiếm có một tấm lòng như thế!

Không chỉ cứu mạng, sẵn sàng chữa trị cho những kẻ khốn cùng, tinh thần phục vụ người bệnh của ông cũng thật đáng quý *Dẫu bệnh có dầm dề máu mủ, ngài cũng không hề né tránh.*

Để làm nổi bật tính cách nhân vật, tác giả đã đặt Thái y lệnh Phạm Bân vào một tình huống gay cấn. Cùng một lúc ông được hai nơi mời đi chữa bệnh: một bên là người dân thường đang trong cơn nguy kịch *máu chảy như xối, mặt mày xanh lét*; một bên là một bậc quý nhân trong cung bị sốt, vua triệu ông đến khám cho vị quý nhân đó.

Thực hiện bổn phận của kẻ tôi với bề trên thì ông phải đến ngay Vương phủ khám bệnh. Thực hiện bổn phận của thầy thuốc thì ông phải đến ngay nhà người đàn bà nguy kịch để cứu người. Nếu thực hiện thực hiện bổn phận bề tôi thì người phụ nữ nguy kịch sẽ *chết trong khoảnh khắc*. Nếu thực hiện bổn phận thầy thuốc thì sẽ đắc tội với bề trên, với nhà vua, có thể sẽ rước hoạ vào thân. Ta thật khâm phục và cảm động thay suy nghĩ và hành động của ông: *Tôi có mắc tội cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mạng của tiểu thần còn biết trông cậy vào chúa thượng, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.* Nói rồi, lập tức đi cứu người kia đàn bà dân thường đang trong cơn nguy kịch kia.

(mà nếu có nhằm mục đích này cũng là đáng quý, vì ông đem tài năng ra để trị bệnh cứu người), song đáng quý hơn mục đích của ông là cứu người!

Vì mục đích cứu người mà ông đã dốc hết tiền của trong nhà ra để *mua thuốc tốt, tích trữ lương thực*. Mua thuốc tốt để chữa bệnh là điều dễ hiểu. Song tích trữ lương thực để làm gì? Thì ra để *cấp cơm cháo* cho những *kẻ tật bệnh cơ khổ* khi họ đến chữa trị. Rồi năm đói kém, bệnh dịch nổi lên, ông đã *dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát về bệnh tật đến ở, cứu sống hơn ngàn người*. Thật hiếm có một tấm lòng như thế!

Không chỉ cứu mạng, sẵn sàng chữa trị cho những kẻ khốn cùng, tinh thần phục vụ người bệnh của ông cũng thật đáng quý *Dẫu bệnh có dầm dề máu mủ, ngài cũng không hề né tránh.*

Để làm nổi bật tính cách nhân vật, tác giả đã đặt Thái y lệnh Phạm Bân vào một tình huống gay cấn. Cùng một lúc ông được hai nơi mời đi chữa bệnh: một bên là người dân thường đang trong cơn nguy kịch *máu chảy như xối, mặt mày xanh lét*; một bên là một bậc quý nhân trong cung bị sốt, vua triệu ông đến khám cho vị quý nhân đó.

Thực hiện bổn phận của kẻ tôi với bề trên thì ông phải đến ngay Vương phủ khám bệnh. Thực hiện bổn phận của thầy thuốc thì ông phải đến ngay nhà người đàn bà nguy kịch để cứu người. Nếu thực hiện thực hiện bổn phận bề tôi thì người phụ nữ nguy kịch sẽ *chết trong khoảnh khắc*. Nếu thực hiện bổn phận thầy thuốc thì sẽ đắc tội với bề trên, với nhà vua, có thể sẽ rước hoạ vào thân. Ta thật khâm phục và cảm động thay suy nghĩ và hành động của ông: *Tôi có mắc tội cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mạng của tiểu thần còn biết trông cậy vào chúa thượng, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.* Nói rồi, lập tức đi cứu người kia đàn bà dân thường đang trong cơn nguy kịch kia.

và con người được tác giả nhớ đến thấp thoáng một số nét về xã hội, lịch sử, văn hoá thời Lý – Trần.

Thiên thứ 8, nhan đề chữ Hán là *Y thiên dụng tâm* (Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng) kể chuyện Phạm Bân, một thầy thuốc giỏi, qua đó ca ngợi y đức, kín đáo biểu lộ niềm tự hào về ông cha, tổ tiên mình.

Phạm Bân là cụ tổ bên ngoại của Hồ Nguyên Trừng, một thầy thuốc giỏi "có nghề y gia truyền" giữ chức Thái y lệnh dưới thời Trần Anh Tông (1293 – 1314). Ông là một thầy thuốc có địa vị cao sang, lại còn giàu lòng nhân ái. Ông không tích của mà tích đức, đã đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt và tích trữ thóc gạo để chữa bệnh giúp người. Ông không "né tránh" máu mủ dầm dề của bệnh nhân. Bệnh nhân chữa trị "tới khi khoẻ mạnh rồi đi", ông không lấy tiền. Trong *Ngư tiều y thuật vấn đáp*, ta cũng bắt gặp một cụ lương y cao đẹp như thế:

Đứa ăn mày cũng trời sinh,
Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không.

www.sachgiai.com

(Nguyễn Đình Chiểu)

Những năm đói kém dịch bệnh nổi lên, Phạm Bân còn *dựng thêm nhà* đón những kẻ *khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở*. Ông đã cứu chữa được hơn ngàn người. Nhà ông đã trở thành một bệnh viện làm phúc. Quan Thái y lệnh không làm giàu mà chỉ làm phúc. Y đức của ông toả sáng, cho nên *được người đương thời trọng vọng*. Tác giả nêu lên một số sự việc rất điển hình để làm nổi bật *y thiện dụng tâm* của Phạm Bân với bao tự hào ngợi ca của mọi người.

Truyện *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* có một tình huống gây cấn, đầy xung đột giữa tâm đức và danh lợi, giữa cái *sống và cái chết, giữa an và nguy*. Qua đó, tính cách, nhân cách, bản lĩnh xử thế của người thầy thuốc được tỏ rõ. Cùng một lúc có hai bệnh nhân, người đàn bà thì *nguy kịch máu chảy như xối, mặt mày xanh lét* bậc quý nhân trong cung đang *bị sốt*. Một bên

là *người đến gõ cửa mời gấp*, một bên là *vương triệu đến khám*. Đã mấy ai dám trái lệnh vua? Phạm Bân đã có một cách ứng xử rất đẹp. Ông đã *đi ngay* đến cứu bệnh nhân khi *mệnh sống... chỉ ở trong khoảnh khắc*, còn bệnh của quý nhân thì *không gấp*, sẽ đến vương phủ sau: *Tôi cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ*. Cứu mệnh sống cho con bệnh nguy kịch là trên hết, trước hết. Phạm Bân đã ứng xử theo lương tâm người thầy thuốc, cho dù *phận làm tôi* không trọn vẹn, có thể nguy hiểm đến tính mệnh mình. Câu đối đáp của quan Thái y lệnh với quan Trung sứ đã thể hiện tầm vóc cao đẹp của một vị danh y. Trái mệnh vua là tội lớn: *Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào*. Ông thật là người dũng cảm, giàu đức hy sinh, có tâm đức, giàu y đức mới có sự lựa chọn vô cùng dũng cảm và đầy tình người như thế, như ông nói: *Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu*. Ông nói lên niềm tin và sự anh minh của đức vua: *Tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng may ra thoát*. Vì trái lệnh vua triệu, ông dũng cảm nhận: *Tội tôi xin chịu*. Qua đó, ta thấy Phạm Bân đã có "một tấm lòng" cao cả khi đứng trước sự lựa chọn giữa y đức và danh lợi, giữa mệnh sống bệnh nhân và sự nguy hiểm của bản thân mình. Câu nói của Phạm Bân vừa có lý vừa có tình, rất nhân bản, toả sáng một nhân cách cao quý. Có phần thưởng nào to lớn hơn khi Phạm Bân được Trần Anh Tông ngợi khen: *Ngươi thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức....*

Phạm Bân là hình ảnh tuyệt đẹp về người thầy thuốc giàu tình thương người, toả sáng tâm đức, y đức, để lại bao kính yêu và ngưỡng mộ trong lòng ta. Lương y như từ mẫu. Cùng với các bậc danh y như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông, Lê Hữu Trác... nhân vật Phạm Bân sống mãi trong thời gian và lòng người. Đây là một truyện giản dị mà hấp dẫn, chứa chan tình người, nêu cao đạo đức của người thầy thuốc chân chính.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

ĐỀ SỐ 39

Cảm nhận của em sau khi học đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* thuộc chương I tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài.

Bài làm

Dế Mèn phiêu lưu kí là một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Tô Hoài. Ngay từ khi mới ra đời, truyện đã thu hút sự chú ý của độc giả và được trẻ thơ Việt Nam rất mến mộ. Trong đó, chương I: Tôi sống độc lập từ thuở bé – Một sự ngỗ nghĩnh đáng ân hận suốt đời (Bài học đường đời đầu tiên) là được yêu thích nhất bởi lối kể "tự truyện" và một ngôn ngữ kể phù hợp với ngôn ngữ trẻ thơ. Đoạn trích kể về một chú Dế Mèn sớm có ý thức tự lập, ham muốn làm việc, có bản lĩnh và cá tính mạnh mẽ, song bên cạnh đó cũng có không ít những sở thích ngông cuồng của tuổi trẻ. Trả giá cho sự "ngỗ nghịch" ấy là nỗi "ân hận" suốt đời của Dế Mèn.

Sau khi sinh ra được ba ngày, tối hôm đó Dế Mèn rời xa mẹ. Chú không sợ cũng không buồn, chú thầm cảm ơn mẹ đã tạo điều kiện cho chú được sống độc lập. Chú khoan khoái vì được sống tự do, tha hồ thoả mãn tính hiếu động của mình. Mới đến hang, chú ta đã sục sạo khắp nơi, xem xét cẩn thận chỗ ở, nhìn ngắm trời đất. Thích thú, chú *cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to* như để tuyên bố cuộc sống độc lập của mình bắt đầu và gửi lời chào đến tất cả cư dân vùng đầm nước ấy. Quả là một chú dế rất đáng yêu.

Dế Mèn rất ham làm việc và có ý thức làm việc để để chuẩn bị chu đáo cho cuộc sống độc lập của mình. Chú làm việc suốt ngày *đến tận chập tối mới ngơi tay*. Mèn hay lam hay làm, cần cù như một người lao động thực thụ, với cả bản tính *lo xa như các cụ già trong họ*. Thật đáng khâm phục. Tuy còn nhỏ, nhưng Dế Mèn đã tỏ ra là một chàng dế có bản lĩnh. Mèn không ngừng luyện tập và trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, dáng vẻ oai vệ. Đoạn văn miêu tả hình dáng, cử chỉ của Dế Mèn thật sinh động, cụ thể, phù hợp với cách nhìn của trẻ em về thế giới loài vật.

Cuộc sống ở xóm quanh bờ ruộng diễn ra thật vui vẻ: đêm đến, họ nhà Dế rủ nhau đàn hát, nhảy múa, ăn sương đọng, cỏ ướt. Nhưng những niềm vui chỉ có thể thoả mãn những tâm hồn ưa bình yên, giản dị, ít khát vọng. Còn Dế ta, vốn hiếu động, thích cuộc sống phóng khoáng, mạnh mẽ, luôn luôn mới mẻ, vì thế chú thấy nhàm chán dần. Nỗi chán chường vì cuộc sống cứ lặp đi lặp lại một cách đơn điệu đó chính là niềm thôi thúc Dế Mèn sau này tiến hành một cuộc phiêu lưu vô cùng hấp dẫn nhưng đầy mạo hiểm. Những ngày sống quanh quẩn bên đầm nước toàn gặp những khuôn mặt quen thuộc, chưa thấy ai tài giỏi hơn mình, cũng làm cho Dế Mèn nảy sinh những tính cách khác thường.

Dế Mèn tự say sưa ngắm mình trong tư thế *đi đứng oai vệ, sợi râu dài một vẻ rất đỗi hùng dũng,* tự thoả mãn với *tiếng phành phạch giòn giã của đôi cánh.* Vậy nên chú càng ngày càng cho mình là giỏi, là *tay ghê gớm*, là *sắp đứng đầu thiên hạ,* càng trở nên *hung hăng hống hách.* Mèn cà khịa, bắt nạt, trêu chọc tất cả bà con trong xóm. Cái tính khí ngỗ ngược, trẻ con ấy khiến Dế Mèn từ một chú dế đáng yêu trở thành một kẻ đáng ghét làm sao! Chẳng ai nói ra, nhưng có lẽ cả cái xóm bờ đầm đều nghĩ thế. Đỉnh điểm của trò ngỗ ngược, nghịch ranh là chuyện đến trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thê thảm của Dế Choắt.

Kể về sự việc này, ngòi bút của Tô Hoài thật tinh tế khi miêu tả diễn biến, thái độ và tâm lý nhân vật. Lúc đầu Dế Mèn huênh hoang trước Dế Choắt: *Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa! Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này*. Sau đó Dế Mèn chui tọt ngay vào hang yên trí với nơi ẩn nấp kiên cố của mình. *Tôi... lên giường nằm khểnh, bắc chân chữ ngũ....* Nhưng khi Dế Choắt bị Cốc mổ thì *núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thin thít,* cho đến khi biết chị Cốc đi rồi, *tôi mới mon men bò lên*. Đến đây, có lẽ người đọc đều chung một suy nghĩ: "đồ hèn nhát". Tô Hoài đã thành công trong việc khắc họa tính cách nhân vật và để lại một ấn tượng về nhân vật của mình.

Sự việc đau lòng này đã làm cho Dế Mèn tỉnh ngộ và nhận ra cái xấu, cái tai hại của những cử chỉ ngông cuồng, ngu dại của mình. Dế Mèn thấy mình ích kỷ. Những lời trăng trối của Dế Choắt được coi là bài học sâu sắc, bài học đầu tiên trong đời Dế Mèn: *ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình.*

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Dế Mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài là truyện "đồng thoại" chứ không phải truyện ngụ ngôn. Nhưng tác giả đã thông qua truyện về thế giới loài vật, lồng vào đó những bài học triết lí nhân sinh sâu sắc, không kém gì truyện ngụ ngôn. Thông qua những trò nghịch tinh quái, những tâm tư tình cảm của Dế Mèn, nhà văn đã khéo đưa câu chuyện (đặc biệt ở chương I) những bài học về cách sống của mình: không nên làm những việc ngu dại, ngông cuồng chỉ để thoả mãn tính hiếu thắng, tính ích kỷ của mình; phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu sót của mình... Những bài học đạo lý ấy vừa nhẹ nhàng, vừa sâu sắc, thấm thía. Vì vậy tác phẩm không chỉ có giá trị đối với thiếu nhi Việt Nam, mà còn được tuổi thơ các nước Nga, Ru-ma-ni, Ba Lan, Ấn Độ, Nam tư, Đức, Pháp... rất yêu chuộng.

ĐỀ SỐ 40

Phân tích nhân vật Dế Mèn trong tác *phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài.

Bài làm

Dế Mèn phiêu lưu kí là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi (truyện đồng thoại). Trong truyện, Dế Mèn là nhân vật chính đã trải qua những cuộc phiêu lưu lí thú, đầy mạo hiểm. Sự trải nghiệm cuộc đời của Dế Mèn, những bài học mà Dế Mèn rút ra qua bao nhiêu hiểm nguy sóng gió chính là hành trang để Mèn bước vào đời và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chính vì thế, có thể nói rằng cuộc đời của Dế Mèn là một bài học lớn – *đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*

Từ những ngày đầu, Dế Mèn được mẹ cho ra ở riêng, sống độc lập để sau này ra đời khỏi bỡ ngỡ, Dế Mèn đã thấy được cuộc sống phức tạp như thế nào! Những suy nghĩ đầu tiên của chú là ý thức được rằng *khổ quá, những kẻ yếu đuối vật lộn cật lực mà cũng không sống nổi.* Thế nhưng một sự kiện đau lòng xảy ra và là một bài học lớn cho Dế Mèn. Đó là cái chết của Dế Choắt. Lần đầu tiên trong đời, Dế Mèn gây ra tội lỗi. Chỉ vì sự trêu chọc của chú với chị Cốc mà Dế Choắt chết oan. Những lời nói cuối cùng của Dế Choắt *ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy* đã là bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn không thể nào quên. Nó ám ảnh Dế Mèn suốt đời về thói hung hăng, không biết suy nghĩ của tuổi trẻ. Những giọt nước mắt hối hận của Dế Mèn cũng là sự thức tỉnh lương tâm trên chặng đường vào đời của Mèn. Rồi sự sôi nổi, bồng bột của Mèn tưởng có thể làm lu mờ biến cố đầu tiên ấy. Nhưng cuộc phiêu lưu bất đắc dĩ

của Dế Mèn khi bị bọn trẻ bắt làm đồ chơi với sự xuất hiện của anh Xén Tóc đã làm cho Mèn thêm một bài học nữa.

Dế Mèn đã biến mình thành một thứ trò chơi cho bọn trẻ con mà không hề hay biết. Mèn rất tự hào và kiêu hãnh ở vị trí của một con dế cụ bách chiến bách thắng, nông cạn và không biết suy nghĩ. Dế Mèn đã trở nên nhỏ bé, ích kỷ và tàn nhẫn. Nó thẳng tay đánh cả những con dế nhỏ bé, yếu đuối để đổi lấy những lời khen ngợi làm Mèn phổng mũi. Thế rồi! Theo quy luật của cuộc đời, những kẻ hay cậy sức đi áp bức kẻ khác thì sẽ có kẻ mạnh hơn trị lại. Dế Mèn đã được anh Xén Tóc thức tỉnh. Hai cái râu cụt là bài học đích đáng cho Mèn. Dế Mèn đã hiểu ra, nhận thức được lỗi lầm của mình và quyết tâm sửa chữa. Cuộc đời này tuy không thuận lợi, dễ dàng nhưng cũng đã đem đến cho Dế Mèn bao nhiêu là bài học. Mèn nhận thấy cần phải đi nhiều hơn nữa: *Đời trai mà không biết bay nhảy, không biết đi đó đi đây thì cuộc sống nhạt nhẽo lắm.*

Trốn thoát, trở về quê, Dế Mèn trở thành một chàng trai đứng đắn, làm nhiều việc nghĩa, trừng trị những kẻ hay bắt nạt chị Nhà Trò yếu ớt. Sau bao lần lầm lỗi, với việc làm nhân nghĩa, Dế Mèn đã lớn lên rất nhiều và nhận ra ích lợi của việc "đi" trong cuộc đời. Cuộc phiêu lưu lần thứ hai của Dế Mèn mà chú mong mỏi đã xảy ra, đem lại bao bài học, bao nhiêu tri thức mới mẻ, thú vị trong cuộc đời. Đúng là càng đi, tầm mắt của Dế Mèn càng được mở rộng. Những cuộc phiêu lưu dũng cảm đã nâng Mèn lớn lên, dần dần hoàn thiện tính cách tốt đẹp của một thanh niên.

Nhưng trong cuộc sống không ít những kẻ thiển cận theo kiểu "ếch ngồi đáy giếng". Đó là người anh trai của Dế Mèn sống cuộc đời vô nghĩa, nhàm chán, "đớn hèn" và ốm yếu. Người anh cả tuy khoẻ mạnh, khá giả nhưng chỉ quanh quẩn bắt nạt những kẻ khác. Đó cũng chính là bài học của sự "không đi". Ngạo mạn, khinh bỉ những kẻ không muốn mở mang trí óc, Dế Mèn lại ra đi. Lần này ra đi, Dế Mèn lại có thêm người bạn

đồng hành là Dế Trũi. Trũi tính tình cũng thẳng thắn và hay đi đây đó. Trải bao sóng gió Mèn đã "lớn lên" thực sự, nhất là sau mười ngày lênh đênh trên nước, không ăn. Mười ngày đáng nhớ đem đến cho Mèn ý thức yêu mến cuộc sống, tinh thần vươn lên để chống trọi khó khăn đôi khi tưởng không chịu nổi ở đời. Dế Mèn hiểu được sức mạnh của tình bạn, của lòng kiên trì, và niềm lạc quan tin tưởng.

Cuộc phiêu lưu của Dế Mèn còn đánh dấu những giây phút thiêng liêng của tình bạn. Dế Mèn bằng tất cả sức mình, cứu Trũi thoát khỏi cái chết, điều mà trước đây, Mèn đã không thể làm được với Dế Choắt. Chính cuộc đời này, chính cuộc hành trình trên đường đời đã rèn luyện để Mèn có một trái tim cao thượng. Hành động anh hùng, lòng nhân ái nơi Mèn là ở sự phát triển nhân cách cao nhất sau những chuyến đi ấy.

Những trang cảm động nhất của Tô Hoài là những trang miêu tả tâm trạng Dế Mèn thương nhớ Trũi. Với tình cảm chân thành và lòng tin tưởng vào cuộc sống, Mèn đã chiến thắng. Sau bao chặn đường chông gai vất vả, Mèn và Trũi lại được gặp nhau. Sự hoàn thiện tính cách của Trũi cũng được hoàn thiện sau chuyến đi này. Trũi không còn bồng bột nữa, đã trở thành "người" chín chắn sau chuyến phiêu lưu thứ hai. Tất cả Dế Mèn, Dế Trũi, Xén Tóc đã trở thành những "người" có tâm hồn đầy nhân ái, tấm lòng cao thượng và trái tim dũng cảm. Dế Mèn đã rút ra được nhiều bài học thấm thía qua bao nhiêu "ngày đàng". Mèn và các bạn đã lớn lên cả về thể xác và tâm hồn. Cuộc phiêu lưu thứ ba là sự nối tiếp của tính cách ham học hỏi hiểu biết của Dế Mèn, với mục đích cao quí hơn đó là làm "sứ giả hoà bình".

Câu tục ngữ *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn* đã được chứng minh thật sống động qua *Dế Mèn phiêu lưu kí* mà tập trung cao độ ở nhân vật Dế Mèn.

Dế Mèn là một nhân vật văn học quen thuộc, thân yêu của các em thiếu nhi. Qua những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn, ta nhận ra rằng: *trường đại học chân chính nhất để rèn luyện con*

người chính là cuộc đời. Trải qua những cuộc phiêu lưu mạo hiểm với đường đời đã giúp Dế Mèn thực sự trở thành một chàng dế "bình thường" chứ không "tầm thường" với trái tim "nhân ái, cao thượng". Đó cũng chính là con đường mà mỗi chúng ta đã và sẽ đi.

ĐỀ SỐ 41

Sau khi học xong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí* của nhà văn Tô Hoài, mỗi em học sinh đều có cảm nghĩ riêng. Em hãy viết thư cho bạn thân của em trao đổi cảm nghĩ của mình với bạn.

Bài làm

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Hà nội, ngày..... tháng..... năm.....

Triệu Vi thân mến!

Kể từ hôm chúng ta trao đổi với nhau về chương văn học dân gian, trong đó câu chuyện ngụ ngôn *Kiến giết voi* đã để lại cho chúng mình nhiều điều bổ ích và lý thú, bạn nhỉ? Từ đó đến nay cũng đã hơn một tháng rồi, chắc bạn cũng như mình bận học lắm phải không? Hôm nay, điều gì đã thôi thúc bạn viết thư cho mình đấy? Phải chăng là anh Dế Mèn trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài? Chúng mình cùng tranh luận nhé!

Trước khi vào phần việc chính, mình không thể không bày tỏ niềm vui của mình với bạn. Càng nghĩ mình càng thấy vui bạn ạ. Bởi chúng mình tuy xa cách nhau nhưng lại rất gần. Tình bạn của chúng ta sẽ không bao giờ phai nhạt vì mình đều giống nhau ở chỗ là rất thích học văn và hay tranh luận về các tác phẩm mình đã học. Nếu bạn mà không biên thư cho mình thì mình cũng biên thư cho bạn mỗi khi đọc hoặc học xong tác phẩm hay.

Bây giờ mình và Vi cùng quay về để "sống" với nhân vật của chúng mình nhé! Vi hỏi mình có thích Dế Mèn không hả? Xin trả lời ngay với bạn rằng mình thích lắm đấy! Vi biết không, càng đọc càng thích thú bạn ạ. Cả tác phẩm là một bức tranh sinh động về tổ chức của các loài côn trùng nhỏ bé và rất quen thuộc của tuổi thơ chúng ta, nhất là trò chơi đá dế nữa ai mà chẳng thích? Bạn có thể tưởng tượng những lúc thức khuya đọc "Dế Mèn" là khi mình ngủ chiêm bao đấy, mình thấy mình cùng với Dế Mèn đi phiêu lưu khắp nơi, gặp cào cào, châu chấu, chuồn chuồn nữa chứ. Bạn có thấy ngộ nghĩnh khi "Dế ta" vỗ cánh bay một đoạn trong cảnh náo nức đi hội của họ hàng nhà chuồn chuồn không? Còn mình đến đây tuy có một mình nhưng bật cười và thốt lên: "văn chương giúp mình cảm nhận được thế giới loài vật sinh động quá!". Mỗi khi ra gặp ổ kiến, hay những lúc trời mưa nghe nhái kêu la mình lại liên tưởng đến họ hàng nhà kiến, bọ ngựa, ếch nhái trong tác phẩm. Càng nghĩ mình càng phục Tô Hoài, một nhà văn tuyệt vời. Có lẽ nhà văn phải quan sát, nghiên cứu kỹ lắm thì mới miêu tả được những cảnh sinh hoạt của các con vật vô cùng tinh tế và hấp dẫn người đọc đến như vậy! Phải nói là các nhân vật trong truyện đều thu hút mình Vi ạ. Lúc nào hình ảnh Dế Mèn, Dế Trũi, võ sĩ Bọ Ngựa, Dế Choắt cùng các cuộc phiêu lưu, các cuộc đánh nhau cũng ở trong tâm trí của mình. Bạn có cảm giác như mình không? Trong thư bạn có nói với mình rằng chỉ có đọc truyện thôi chứ chưa được nhìn con Dế Mèn ở Việt Nam bao giờ, thế mà các bạn nhỏ ở một trường học ở Mát–xcơ–va đã yêu thích chú Dế Mèn của bác Tô Hoài. Các bạn đã say sưa đắp một con Dế Mèn bằng thạch cao gửi cho bác Tô Hoài và hỏi xem có giống với con Dế Mèn ở ngoài đời hay không? Thật khó có thể tin được rằng trong niềm vui bất ngờ và sung sướng, bác Tô Hoài đã viết thư trả lời các bạn ở Mát–xcơ–va: con dế các bạn đắp rất giống với con dế thật ở Việt Nam. Phải chăng ngoài tài quan sát và hiểu biết về thế giới loài vật, nhà văn phải yêu thiên nhiên lắm! Đặc biệt là đối với trẻ thơ, tác giả đã dồn hết tâm trí và lòng yêu

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

quí trẻ để viết lên thiên truyện này, để cho mình, bạn và tất cả thiếu nhi Việt Nam, thế giới đều hâm mộ có phải không Vi?

Triệu Vi thân mến!

Theo mình, Tô Hoài không chỉ có ý miêu tả cuộc sống của loài vật mà qua sinh hoạt của chúng, tác giả ngụ ý muốn nói về cuộc sống của con người. Mỗi con vật trong truyện là đại diện cho một lớp người khác nhau trong xã hội. Nói đến đây mình mới nhớ, lúc nghe cô giáo giảng phần này mình chưa thấm lắm đâu. Đến khi về nhà, đọc đi đọc lại, càng suy nghĩ càng thấm thía ý nghĩa sâu sắc của tác phẩm. Mình thầm nghĩ, cứ gì cứ phải truyện ngụ ngôn mới rút ra được bài học triết lý nhân sinh mà truyện "đồng thoại" cũng chả kém gì, hơn thế nữa còn thú vị nữa phải không Vi? Vi đã đọc truyện *Cái tết của Mèo Con* của nhà văn Nguyễn Đình Thi chưa? Cũng vui và thấm thía lắm đấy!

Vi à! Chắc bạn cũng đồng ý với tôi nhân vật chính Dế Mèn là nhân vật mình yêu thích nhất phải không? Dế Mèn thích cuộc sống tự lập và đã thực hiện ý định đó một cách sinh động qua cuộc phiêu lưu đầy hấp dẫn. Dế Mèn tuy nghịch ngợm dại dột, nhưng biết ăn năn hối lỗi, biết tôn trọng lẽ phải, công bằng, có lòng vị tha, hết lòng hết sức vì muôn loài và luôn phấn đấu thực hiện lí tưởng đoàn kết các loài vật vì một thế giới hoà bình và hữu nghị, thuỷ chung với anh em kết nghĩa. Suy nghĩ ấy, lí tưởng ấy lãng mạn thật và tuy không có cơ sở thực hiện được nhưng ta thấy nó đáng yêu vô cùng. Mặc dầu nó có màu sắc không tưởng nhưng qua đó ta cũng thấy được ý nghĩ tốt đẹp của Dế Mèn. Bạn nghĩ có phải như thế không?

Văn học thật muôn màu muôn vẻ, nó thu hút chúng ta, nó thôi thúc ta cứ phải suy nghĩ, tìm tòi, nó gợi cho ta bao cảm xúc kì diệu. Mình mong rằng hai chúng mình cùng giữ mãi sở thích đọc truyện, đọc thơ và bàn luận văn học. Tuy ước mơ trở thành nhà văn thì thật khó, nhưng say mê văn học là điều mình và Vi đã có, không nên bỏ sở thích này vì mỗi tác phẩm văn học đều

mang lại những điều tốt đẹp cho đời sống tâm hồn con người đúng không Vi.

Cuối thư, mình mong muốn bạn luôn dồi dào sức khoẻ và học tốt. Đừng quên viết thư trao đổi văn học với mình nhé! Qua bạn cho mình gửi lời chúc sức khoẻ hai bác và gia đình. Hẹn gặp bạn trong thư sau.

Xiết chặt tay bạn.

Chào thân ái!

Bảo Phượng.

ĐỀ SỐ 42

Cảm nhận của em sau khi học xong đoạn *trích Sông nước Cà Mau* trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Bài văn *Sông nước Cà Mau* trích từ chương XVIII truyện *Đất rừng phương Nam* (1987) của nhà văn Đoàn Giỏi. Đây là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của văn học thiếu nhi nước ta, được nhiều thế hệ bạn đọc nhỏ tuổi yêu thích. Tác phẩm được in lại nhiều lần, được dựng thành phim khá thành công. Bộ phim *Đất Phương Nam* ra đời đã chiếm được tình cảm mến mộ của công chúng. Tuy trích từ một tác phẩm truyện nhưng văn bản này có thể xem là miêu tả khá hoàn chỉnh về cảnh quan sông nước vùng Cà Mau ở cực nam của Tổ quốc.

Đoàn Giỏi miêu tả cảnh quan sông nước vùng Cà Mau theo một trình tự: bắt đầu từ những ấn tượng chung về thiên nhiên vùng đất Cà Mau, rồi tập trung miêu tả và thuyết minh về các

kênh rạch, sông ngòi với cảnh vật hai bên bờ. Cuối cùng là cảnh chợ Năm Căn họp ngay trên sông nước. Với trình tự tự nhiên, hợp lý những hình ảnh trong bài văn được hiện lên như trong khuôn hình của một cuốn phim, lúc lướt nhanh, lúc chậm lại, có đoạn đặc tả cận cảnh, có chỗ lùi xa bao quát toàn cảnh. Điểm nhìn để quan sát và miêu tả của người kể chuyện là "trên con thuyền" xuôi theo các kênh rạch và dừng lại ở chợ Năm Căn.

Mở đầu "cuốn phim" là đoạn văn nêu ấn tượng chung ban đầu về vùng sông nước Cà Mau. Tác giả chưa miêu tả một hình ảnh cụ thể nào mà chỉ là những hình ảnh khái quát được cảm nhận qua thị giác và thính giác của nhà văn. Đo là ấn tượng về một vùng không gian rộng lớn mênh mông với sông ngòi, kênh rạch bủa giăng chi chít như mạng nhện và tất cả được bao trùm trong màu xanh của trời của nước, và tiếng rì rào bất tận của rừng cây, của sóng và gió. "Màu xanh" đã thành một ấn tượng nổi bật: trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, xung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá tạo nên cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu. Và tiếng rì rào cũng thành một thứ âm thanh đơn điệu, triền miên ru ngủ thính giác: đó là *tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối....*

Tiếp theo là cảnh kênh rạch vùng Cà Mau được kể lại qua những cái tên lạ và những lời giải thích thú vị: rạch Mái Giầm, kênh Bọ Mắt, kênh Ba Khía... Qua cách đặt tên, ta thấy thiên nhiên ở đây còn rất tự nhiên, hoang dã, phong phú và con người sống rất gần với thiên nhiên, nên họ giản dị, chất phác ngay từ cách đặt tên cho kênh rạch, đất đai *không phải bằng những danh từ mĩ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên.*

Dòng sông Năm Căn hiện lên với một vẻ đẹp riêng: rộng lớn, hùng vĩ mà hoang dã. *Cái nét rộng lớn, hùng vĩ* được nhà văn tập trung miêu tả trong nhiều chi tiết gây ấn tượng: con sông mênh

mông rộng lớn hàng ngàn thước, *nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên, hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận*.... Còn cái vẻ "hoang dã" thì được vẽ lại tài tình trong cái màu xanh rừng đước hai bên sông với những mức độ, sắc thái khác nhau: *Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai*. Những "bậc" màu xanh ấy đã miêu tả các lớp cây đước từ non đến già, tiếp nối nhau từ bao đời nay vẫn như thế! Nhà văn không những đã quan sát tinh tế mà còn miêu tả lại một cách tài tình bức tranh phong cảnh thiên nhiên, thể hiện qua cách dùng tính từ chỉ màu sắc. Trong cách dùng động từ cũng vậy: *thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn*. Các động từ "thoát qua", "đổ ra", "xuôi về" đều chỉ hoạt động của con thuyền nhưng không thể thay đổi trình tự các động từ ấy trong câu: "thoát qua" nói con thuyền vượt qua một nơi khó khăn, nguy hiểm; "đổ ra" diễn tả con thuyền từ kênh nhỏ ra dòng sông lớn; còn "xuôi về" là lúc con thuyền nhẹ nhàng xuôi theo dòng nước êm ả trên sông Năm Căn.

Chỉ nửa trang văn mà tác giả đã làm sống lại như thật trước mắt ta cảnh sắc của cái chợ ở vùng đất cuối cùng của Tổ quốc với vẻ đẹp riêng vừa trù phú, vừa độc đáo. Sự trù phú được thể hiện qua khung cảnh rộng lớn, tấp nập, hàng hoá phong phú, thuyền bè san sát, với các chi tiết tiêu biểu: *những đống gỗ cao ngất như núi, những bến vân hà nhộn nhịp dọc dài theo sông, những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi*.... Tác giả đã sử dụng thành công biện pháp liệt kê với điệp từ "những" để gây ấn tượng về sự trù phú của chợ trên sông. "những"..., rồi lại "những"... cả đoạn văn có đến 12 chữ "những". Tuy nhiên, không chỉ trù phú, chợ Năm Căn còn có vẻ đẹp độc đáo: "một xóm chợ vùng cận biển" có cái bề thế của một trấn "anh chị rừng xanh" đứng kiêu

hãnh phô trương sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Chợ họp ngay trên sông nước với những nhà bè như những khu phố nối và những con thuyền bán hàng len lỏi mọi nơi, có thể có mọi thứ mà không cần bước ra khỏi thuyền, với sự đa dạng về màu sắc, trang phục, tiếng nói của người bán hàng thuộc nhiều dân tộc: *Những người con gái Hoa kiều bán hàng xởi lởi, những người Chà Châu giang bán vải, những cụ già người Miên bán rượu, với đủ các giọng nói líu lô, đủ kiểu ăn vận sặc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo, hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.*

"Cuốn phim" được khép lại sau cảnh chợ Cà Mau, nhưng lại gợi ra những suy nghĩ cho người xem. Phải chăng đó là bức tranh *Sông nước Cà Mau* với những vẻ đẹp riêng độc đáo của nó, tác giả không chỉ đem lại cho độc giả những hiểu biết mới, những phát hiện thú vị về vùng đất này, mà quan trọng hơn, nhà văn đã truyền cho chúng ta tình yêu đất nước để ta càng thêm yêu mảnh đất cực nam của Tổ quốc, bởi một lẽ giản dị rằng: đất nước ta, nơi nào cũng đẹp, cũng đáng yêu !

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 43

Nghệ thuật đặc sắc trong văn bản *Sông nước Cà Mau* (Ngữ văn 6 – Tập II) trích trong truyện *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi.

Bài làm

Sông nước Cà Mau tuy được trích trong truyện Đất *rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi, nhưng văn bản này có thể xem là một bài văn miêu tả khá hoàn chỉnh về cảnh quan sông nước vùng Cà Mau ở cực nam Tổ quốc. Bài văn như một "cuốn phim" lần lượt mở ra trước mắt người đọc những vẻ đẹp riêng và độc

đáo của vùng *Sông nước Cà Mau*. Đó chính là sự phối hợp rất khéo léo, tài tình của tác giả với nghệ thuật vừa tả cảnh, vừa kể chuyện và thuyết minh được đan xen, lồng ghép hợp lí. Tất cả đã tạo nên một bức tranh thiên nhiên kì thú và một bức tranh sinh hoạt đặc sắc của con người không thể nào quên.

Đoạn đầu của văn bản, nhà văn đã sử dụng hiệu quả văn tả cảnh với những hình ảnh khái quát được cảm nhận qua thị giác và thính giác *Sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện... tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối...* Phải chăng đó là ấn tượng về một vùng không gian rộng lớn mênh mông sông ngòi, kênh rạch? Tất cả được bao trùm trong màu xanh – *trên trời thì xanh, dưới nước thì xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá... những khu rừng xanh bốn mùa.* Những màu sắc, âm thanh đã được hoà quyện lại tạo nên được cái ấn tượng chung ban đầu về cảnh quan thiên nhiên vùng Cà Mau. Có thể nói, đoạn văn như những "thước phim" quay chậm, mà người quay đã lùi xa để bao quát được toàn cảnh.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tiếp đến là đoạn văn thuyết minh, giải thích về một số địa danh của thiên nhiện và con người vùng Cà Mau được đan xen vào với đoạn văn đặc tả dòng sông Năm Căn. Kênh rạch vùng Cà Mau được kể qua những cái tên lạ: *rạch Mái Giầm, kênh Bọ Mắt, kênh Ba Khía...* và những lời giải thích vô cùng thú vị: *chẳng hạn như gọi rạch Mái Giầm, vì hai bên bờ rạch mọc toàn những cây mái giầm cong xốp nhẹ... hoặc Ba Khía là một loại còng biển lai cua, càng sắc tím đỏ, làm mắm xé ra trộn tỏi ớt ăn rất ngon...* Qua cách đặt tên ta thấy thiên nhiên ở đây còn rất tự nhiên, hoang dã, phong phú và con người sống rất gần với thiên nhiên. Họ giản dị, chất phát ngay từ cách đặt tên cho kênh rạch, đất đai *Không phải bằng những danh từ mĩ lệ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên.* Rồi đến đoạn tả dòng sông Năm Căn, nhà văn đã kết hợp nhiều nghệ thuật đặc sắc như: tập trung nhiều chi tiết để miêu

tả sự rộng lớn, hùng vĩ của dòng sông và rừng đước một cách rất ấn tượng: *Con sông mênh mông hàng ngàn thước, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng... Rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận...* Cách dùng động từ chính xác và tinh tế để cùng chỉ một hoạt động của con thuyền: *Thuyền chúng tôi chèo thoát ra qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn.* Các cụm động từ *thoát ra, đổ ra, xuôi về* đều chỉ hoạt động của con thuyền. Nhưng cái tài của nhà văn đã lựa chọn từ và sắp xếp các từ đó theo một trình tự "tối ưu" gợi ra khung cảnh mà con thuyền vượt qua: "thoát qua" diễn tả trạng thái vượt qua nơi khó khăn, nguy hiểm; *đổ ra* diễn tả trạng thái từ nơi hẹp (kênh nhỏ) ra nơi rộng (sông lớn); còn *xuôi về* diễn tả trạng thái con thuyền nhẹ nhàng trôi trên dòng sông nước êm ả. Như vậy chẳng phải là nghệ thuật đặc sắc đó sao? Còn cái vẻ hoang dã của dòng sông Năm Căn thì được vẽ lại tài tình bằng cái màu xanh rừng đước hai bên sông với những mức độ sắc thái khác nhau: *Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.* Những cung bậc màu xanh ấy đã miêu tả các lớp cây đước từ non đến già, tiếp nối nhau từ bao đời nay vẫn như thế! Quả thật là nhà văn đã quan sát tinh tế mà miêu tả lại càng tài tình trong cách dùng tính từ chỉ màu sắc.

Cảnh sắc chợ Năm Căn như được hiện lên rõ rệt và sinh động trước mắt người đọc. Phải chăng tác giả đã quan sát kỹ lưỡng, vừa bao quát vừa cụ thể, kết hợp giữa kể và tả, giữa liệt kê và chọn lọc chi tiết đặc sắc, cuốn hút chúng ta đến với vẻ đẹp vừa trù phú vừa độc đáo của chợ.

Bằng hàng loạt các chi tiết liệt kê: *những đống gỗ cao như núi, những bến vân hà nhộn nhịp dọc dài theo sông, những ngôi nhà bè ban đêm ánh đền măng sông chiếu rực trên mặt nước như*

những khu phố nổi... Đoạn văn đã sử dụng đến 12 chữ *những* để gây ấn tượng về sự trù phú. Không chỉ trù phú, chợ Năm Căn còn có vẻ đẹp độc đáo: một xóm chợ vùng cận biển có cái bề thế của một trấn "anh chị rừng xanh" đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc. Chợ họp chủ yếu ngay trên sông nước với những nhà bè như những khu phố nổi và những con thuyền bán hàng len lỏi mọi nơi, có thể mua mọi thứ mà không cần bước ra khỏi thuyền. Với sự đa dạng màu sắc, trang phục, tiếng nói của người bán hàng thuộc nhiều dân tộc: người Hoa, Miên, người Chà Châu giang...

Mảnh đất tận cùng phía nam của Tổ quốc hiện lên thật sống động thông qua nghệ thuật miêu tả đầy sáng tạo của nhà văn. Tác giả đã huy động các giác quan và nhiều điểm nhìn để quan sát, miêu tả cùng với sự hiểu biết phong phú về thiên nhiên và cuộc sống ở vùng đất ấy, giúp cho người đọc vừa hình dung được cụ thể, vừa có thêm những hiểu biết để yêu mảnh đất Cà Mau thân yêu!

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 44

Học xong văn bản *Sông nước Cà Mau* (Ngữ văn 6 – Tập II) trích trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi. Em thích nhất đoạn văn nào? Nêu cảm nghĩ của em về đoạn văn đó.

Bài làm

Em đã được xem phim *Đất Phương Nam* dựa theo truyện *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi. Quãng đời lưu lạc của bé An– nhân vật chính trong phim đã làm cho em vô cùng cảm phục. Còn hình ảnh sông nước Cà Mau, đặc biệt là cảnh sắc chợ Năm Căn nằm trên mảnh đất cuối cùng cực nam

của Tổ quốc thì mãi mãi tới tận hôm nay, sau khi học xong văn bản *Sông nước Cà Mau* mới để lại trong tâm trí em những ấn tượng vô cùng mới lạ, qua tài năng quan sát tinh tế và nghệ thuật miêu tả điêu luyện của nhà văn Đoàn Giỏi.

Một đoạn văn không dài (chỉ nửa trang văn) mà tác giả đã làm sống lại như thật trước mắt người đọc cảnh sắc của cái chợ ở vùng sông nước Cà Mau một vẻ đẹp riêng, vừa trù phú vừa độc đáo làm sao!

Dưới ngòi bút miêu tả đặc sắc của nhà văn, lần đầu tiên em được "thưởng thức" một cảnh chợ nằm sát bên bờ dòng sông Năm Căn. *Với những túp lều lá thô sơ kiểu cổ xưa nằm bên cạnh những ngôi nhà gạch văn minh hai tầng...* Phải chăng đó là kiểu cấu trúc vừa mang dáng dấp của thời đại vừa giữ được truyền thống dân tộc: *Vẫn là quang cảnh quen thuộc của một xóm chợ vùng rừng cận biển thuộc tỉnh Bạc Liêu.* Nhưng không, đó là một sự "ồn ào, đông vui, tấp nập". Không những thế, "Năm Căn còn có cái bề thế của một trấn "anh chị rừng xanh" đứng kiêu hãnh phô phang sự trù phú của nó trên vùng đất cuối cùng của Tổ quốc". Sự trù phú của nó được thể hiện qua khung cảnh rộng lớn tấp nập, hàng hoá phong phú, thuyền bè san sát: *những đống gỗ cao như núi, những bến vân hà nhộn nhịp dọc dài theo dòng sông, những ngôi nhà bè...* Với 12 điệp từ *những* trong đoạn văn, có thể nói Đoàn Giỏi đã thành công trong biện pháp liệt kê gây ấn tượng về sự trù của chợ Năm Căn.

Trù phú thôi chưa đủ! Chợ còn có vẻ đẹp, một vẻ đẹp độc đáo mà chẳng thể có nơi nào có được. Chợ họp ngay trên sông nước với những nhà bè như những khu phố nổi và những con thuyền bán hàng len lỏi ở mọi nơi. Khách mua hàng có thể mua mọi thứ mà không phải bước ra khỏi thuyền. Chợ lại họp cả ban đêm nữa mới thích chứ! *Những ngôi nhà lá ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi, và ở nơi đây người ta có thể cập thuyền lại...* Đọc đến đây khiến em liên tưởng đến một hội hoa đăng trên sông nước, hay là một bầu

trời đầy sao in hình xuống dòng sông Năm Căn lung linh, lấp lánh như một "thiên cung". Đẹp làm sao! Em đã phải thầm thốt lên trong tâm trí của mình.

Chợ Năm Căn đã đẹp lại còn đẹp hơn bởi sự tô điểm về màu sắc, trang phục, tiếng nói của người bán hàng của rất nhiều các dân tộc: *những người con gái Hoa kiều bán hàng xởi lởi, những người Chà Châu giang bán vải, những bà cụ già người Miên bán rượu với đủ các giọng nói líu lô, đủ cách ăn vận sặc sỡ, đã điểm tô cho Năm Căn một màu sắc độc đáo hơn tất cả các xóm chợ vùng rừng Cà Mau.* Chợ Năm Căn còn "khêu gợi" hấp dẫn du khách bởi những hương vị của các "món xào", món nấu Trung quốc rất mới lạ, hoặc những món ăn dân dã không kém phần thú vị: *một đĩa thịt rừng nướng ướp kiểu địa phương kèm theo vài cút rượu.* Thật tài hoa! Nhà văn như "hội tụ" được những hương vị đậm đà của đời thường vào ngòi bút của mình để rồi "toả" ra trên những trang viết làm ngất ngây lòng người.

Cảnh chợ Năm Căn là một bức tranh vô cùng sống động. Một bức tranh được vẽ bằng ngôn ngữ văn chương có đường nét, hình khối, có màu sắc âm thanh, và đặc biệt còn có cả hương vị đậm đà mà chỉ một vùng đất cuối cùng của Tổ quốc mới có được. Nhờ có bức tranh này mà chợ Năm Căn được hiện lên với những màu sắc độc đáo cùng với sự tấp nập của nó. Tuy chưa được đặt chân lên vùng đất xa xôi này nhưng những trang văn đã giúp em vừa hình dung được cụ thể, vừa có những hiểu biết rộng lớn hơn để yêu mến mảnh đất ở tận cùng phía nam của đất nước. Học xong bài *Sông nước Cà Mau* bỗng nhiên trong em ấp ủ một ước mơ khát vọng: sau này khi đã trưởng thành, em sẽ được đến mảnh đất yêu thương này để được tận mắt chiêm ngưỡng và đóng góp một phần trí tuệ, sức lực của mình xây dựng và bảo tồn những nét văn hoá đẹp của chợ Năm Căn.

ĐỀ SỐ 45

Cảm nhận của em sau khi học xong truyện ngắn ***Bức tranh của em gái tôi*** của Tạ Duy Anh. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Bức tranh của em gái tôi là truyện ngắn đoạt giải cao nhất (giải nhì) trong cuộc thi viết *Tương lai vẫy gọi* của báo *Thiếu niên Tiền phong*. Tác giả Tạ Duy Anh, một cây bút trẻ xuất hiện trong văn học thời kỳ đổi mới đã có những truyện ngắn gây được sự chú ý của đông đảo người đọc. Tác phẩm kể một câu chuyện khá gần gũi với đời sống bình thường. Câu chuyện xảy ra trong một gia đình có hai anh em: người anh và cô em gái tên Kiều Phương.

Truyện *Bức tranh của em gái tôi* đã mở ra một tình huống hấp dẫn, có kịch tính và đã miêu tả tinh tế tâm lý nhân vật người anh qua cách kể chuyện từ ngôi thứ nhất. Cả hai nhân vật trong chuyện – người anh và cô em gái – đều được miêu tả rất sống động, rất thật, gần gũi với cuộc sống tuổi thơ của các em. Câu chuyện cuốn hút người đọc qua diễn biến tâm trạng và thái độ của người anh qua ba thời điểm.

Mở đầu, Tạ Duy Anh đã để cho người anh tự giới thiệu về em gái mình với cái tên có ý để chê bai: "Mèo" và thể hiện thái độ "khó chịu" với sự lục lọi của "Mèo":

Này, em không để chúng nó yên được à?.

Khi phát hiện thấy em gái thích vẽ và mày mò tự chế tạo màu vẽ, người anh chỉ coi đó là những trò nghịch ngợm của trẻ con và nhìn nó bằng cái nhìn kẻ cả với thái độ coi thường, không cần để ý đến việc "Mèo con" đã vẽ những gì – *thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào cái đít xoong, chảo bị nó cạo trắng cả.*

Qua lời nhận xét của người anh, người đọc thoáng thấy trong suy nghĩ người anh "Mèo thì vẽ vời gì?".

Câu chuyện tưởng chừng như xảy ra bình thường. Một tình huống bất ngờ đã xảy ra, kịch tính của chuyện bắt đầu từ đây : *nhưng mọi bí mật của Mèo cuối cùng cũng bị bại lộ...* Tài năng hội họa của cô em được phát hiện thì tâm trạng người anh cũng bị biến đổi. Trong khi cả bố, mẹ, chú Tiến Lê đều ngạc nhiên vui mừng sung sướng thì người anh lại cảm thấy buồn và thất vọng vì không tìm thấy ở mình một tài năng nào và cảm thấy mình bị cả nhà lãng quên. Từ đó mà nảy sinh thái độ khó chịu, hay gắt gỏng với em gái và không thể thân với em gái như trước nữa. *Chỉ cần một lỗi nhỏ là tôi gắt um lên*. Tâm lí mặc cảm tự ti đã khiến cho người anh đau khổ: *những lúc ngồi học bên bàn, tôi chỉ muốn gục xuống khóc.* Đến nỗi vẻ mặt đáng yêu của cô em gái Kiều Phương trước kia, bây giờ cũng làm cho cậu khó chịu, cảm thấy như đang bị "chọc tức"... Dẫu vậy, tâm lí tò mò vẫn xui khiến cậu ta xem trộm những bức tranh của cô em gái, để rồi khi xem xong thì khiến cậu *lén trút ra một tiếng thở dài*... Phải chăng đó là giây phút đầu tiên mà người anh cảm phục tài năng của Kiều Phương? Đến đây, người đọc chắc có lẽ đã hài lòng hơn với thái độ của người anh. Độ "căng" của truyện dường như được chùng xuống.

Truyện vẫn tiếp tục hấp dẫn người đọc với những bất ngờ liên tiếp mà người anh được chứng kiến khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái mình. Cậu đã nhận ra mình trong bức tranh. Bất ngờ hơn là: *Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa.* Vì thế, sau cái "giật sững mình" là một diễn biến tâm trạng đầy phức tạp nhưng lại rất dễ hiểu và đúng với nhân vật lúc đó: *thoạt tiên là sự ngỡ ngàng rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ.* Ngỡ ngàng là vì không thể ngờ lại có bức tranh như thế. Hãnh diện là vì thấy mình hiện ra với những nét đẹp đến như vậy

trong bức tranh của em gái. Nhưng điều quan trọng hơn là người anh không dừng lại ở sự hãnh diện, thoả mãn mà đã thấy "xấu hổ". Đây chính là lúc nhân vật đã nhận ra được những yếu kém của mình, thấy mình không xứng đáng được như vậy: *Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo thế kia ư?* Trong giây phút xấu hổ này, người anh đã nhận ra một điều sâu sắc: bức chân dung của mình được vẽ lên bằng "tâm hồn và lòng nhân hậu" của cô em gái. Và đây cũng là lúc nhân vật tự thức tỉnh để hoàn thiện nhân cách của mình.

Kiều Phương với biệt danh là "Mèo" rất hồn nhiên, hiếu động, có tài năng hội hoạ hiếm có. Đặc biệt "Mèo" có tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu, đây mới là đáng quí của em. Lòng nhân hậu của em thể hiện rõ trong bức tranh "Anh trai tôi". Soi vào bức tranh ấy, cũng tức là soi vào tâm hồn trong sáng và nhân hậu của em gái, giúp cho người anh tự nhìn rõ mình hơn để vượt lên được những hạn chế của tính đố kị, lòng tự ái và tự ti.

Truyện đã đem đến cho mỗi người chúng ta bài học ứng xử trong cuộc sống: cần có thái độ thiện chí, có sự trân trọng và niềm vui thực sự chân thành trước thành công hay tài năng của người khác, ngay cả khi người đó là bạn bè trong lớp hay người thân trong gia đình.

Với cách kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật tinh tế, Tạ Duy Anh đã cuốn hút người đọc vào truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi.* Truyện có tác dụng truyền cảm để rồi mỗi người tự rút ra bài học một cách tự nhiên, thấm thía: hãy lấy "nhân hậu" làm tiêu chuẩn để soi sáng cho tâm hồn của chính mình.

ĐỀ SỐ 46

Nghệ thuật đặc sắc truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* của cây bút trẻ Tạ Duy Anh. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Tạ Duy Anh là một cây bút trẻ xuất hiện trong văn học thời kì đổi mới, đã có những truyện ngắn gây được sự chú ý của bạn đọc bởi nghệ thuật đặc sắc và phong cách riêng biệt, độc đáo của mình. Trong đó có tác phẩm *Bức tranh của em gái tôi*. Truyện đã đạt được giải nhì (giải cao nhất) trong cuộc thi viết *Tương lai vẫy gọi* do báo Thiếu niên Tiền phong phát động.

Truyện *Bức tranh của em gái tôi* không dài (chỉ hơn hai trang sách), nhưng cũng đủ để cho ta thấy tài năng của tác giả qua cách kể chuyện và xây dựng hệ thống nhân vật.

Trước hết phải kể đến phương thức kể chuyện. Tạ Duy Anh đã lựa chọn ngôi kể chuyện là ngôi thứ nhất. Truyện được kể bằng lời kể của nhân vật người anh. Lựa chọn như vậy giúp cho việc miêu tả tâm trạng của nhân vật sinh động hơn, có nghĩa là lời kể tự nhiên hơn và bộc lộ tâm trạng kín đáo, sâu sắc hơn. Theo cách kể này thì diễn biến tâm trạng, sự biến đổi về cách nhìn của người anh đối với cô em gái, và cả vẻ đẹp của người em gái sẽ được thể hiện một cách tự nhiên. Qua người anh, ta thấy được sự thức tỉnh của cậu ta, lại vừa thấy rõ vẻ đẹp của cô em gái. Nhờ vậy mà chủ đề tác phẩm càng được bộc lộ sâu sắc. Bài học về sự tự đánh giá, tự nhận thức càng thấm thía hơn với người anh.

Người đọc đánh giá rất cao nghệ thuật xây dựng hệ thống nhân vật qua diễn biến tâm trạng và thái độ của người anh và cô em gái. Nhờ vậy, truyện đã dẫn dắt ta từ tình huống bất ngờ này đến những bất ngờ khác, liên tiếp từ đầu cho đến khi kết thúc.

Diễn biến tâm trạng của người anh được xây dựng bằng chính lời kể của nhân vật. Tâm trạng đó được thay đổi qua diễn biến của câu chuyện: thoạt đầu, khi thấy em gái vẽ và mày mò tự chế thuốc vẽ; khi tài năng hội hoạ của cô em gái được phát hiện; và ở cuối truyện, khi đứng trước bức tranh được giải nhất của em gái mình.

Thoạt đầu là thái độ coi thường việc làm của Kiều Phương. Khi thấy em gái vẽ và mày mò tự chế tạo màu vẽ, người anh chỉ coi đó là những trò nghịch ngợm của trẻ con và nhìn bằng cái nhìn kẻ cả, không cần để ý đến "Mèo con" đã vẽ những gì. Cách nhìn ấy được thể hiện qua giọng kể của người anh: *tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.* "Mèo" luôn bị nhắc nhở vì hay lục lọi các đồ vật trong nhà: *Này, em không để chúng nó yên được à?* Khi phát hiện được cô em nhào bột vẽ, người anh buông một câu: *Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả.* Quả thật, thái độ của những người làm anh trong một gia đình thường coi em gái mình là như vậy!

Khi tài năng hội hoạ của người em được phát hiện thì tâm trạng của người anh cũng bị biến đổi. Do tình cờ mà chú Tiến Lê phát hiện ra năng khiếu hội họa của người em. Sáu bức tranh của người em làm cho bố, mẹ và mọi người đều ngạc nhiên, vui mừng, sung sướng. Duy có người anh lại cảm thấy buồn, buồn vì cảm thấy mình bất tài và cho rằng vì lí do đó mà mình bị đẩy ra ngoài, bị cả nhà lãng quên. Sống với tâm trạng như vậy, người anh không thể thân với em gái như trước nữa, rồi đối xử với em gái không công bằng *chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên.* Tâm lí mặc cảm, tự ti đã khiến người anh *những lúc ngồi bên bàn học chỉ muốn gục xuống khóc.* Thậm chí vẻ mặt ngộ nghĩnh của em gái trước kia bây giờ làm cho người anh vô cùng khó chịu, cảm thấy như mình đang bị "chọc tức". Đây là một kiểu tâm lí dễ gặp ở mọi người, nhất là ở tuổi thiếu niên, đó là lòng tự ái và mặc cảm tự ti khi thấy người khác có tài năng nổi bật. Phải là người am hiểu tâm lí trẻ em lắm, tác

giả mới đưa ra một tình huống thay đổi tâm lí của người anh hấp dẫn và tạo được kịch tính cho truyện hay đến như vậy!

Một tình huống quan trọng hơn nữa đã tạo nên điểm nút của diễn biến tâm trạng nhân vật người anh là ở cuối truyện. Đó là một loạt các bất ngờ liên tiếp đến với người anh, khi cậu ta đứng trước bức tranh được tặng giải nhất của người em. Điều bất ngờ trước tiên là bức tranh lại vẽ chính cậu. Hơn thế nữa, điều cậu không thể ngờ được còn là hình ảnh mình qua cái nhìn của người em gái: *Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như toả ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ suy tư mà còn rất mơ mộng nữa!* Trong phút chốc, tâm trạng của cậu đã đi từ ngạc nhiên đến hãnh diện rồi xấu hổ. Ngạc nhiên vì bức tranh lại chính là cậu, bức tranh ấy hoàn toàn bất ngờ với cậu. Còn hãnh diện thì cũng dễ hiểu vì cậu thấy mình hiện ra với những đường nét đẹp trong bức tranh của cô em gái. Nếu Tạ Duy Anh để tâm trạng của người anh kết thúc tại đây thì truyện chẳng có gì phải bàn nữa. Nhưng điều quan trọng hơn mà tác giả đã khơi dậy được là người anh đã không dừng lại ở sự hãnh diện thoả mãn, mà đó là tâm trạng xấu hổ. Trạng thái xấu hổ của cậu đã "cởi nút" cho kịch tính của truyện. Và đấy cũng chính là lúc nhân vật tự thức tỉnh để hoàn thiện nhân cách của mình. *Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư?* Một câu bỏ lửng có dụng ý nghệ thuật của tác giả. *Vậy mà dưới mắt tôi thì...* để người đọc tự hình dung ra trạng thái dằn vặt, sự thức tỉnh của nhân vật. Nhưng cũng phảng phất đâu đó lời nhắc rất "khẽ": mỗi người hãy tự nhìn lại chính mình.

Nhân vật Kiều Phương – cô em gái – được tác giả xây dựng rất nhẹ nhàng qua các phương diện: ngoại hình (nét mặt), cử chỉ và hành động (tò mò, hiếu động, mê vẽ tranh), qua thái độ và quan hệ với người anh chứ không phải trải qua sự căng thẳng về tâm trạng như người anh. Cái đặc sắc ở đây là tác giả đã để cho vẻ đẹp của cô em gái được hiện ra dần dần qua con mắt nhìn và lời kể của người anh, ngày càng đẹp cho đến cuối truyện

thì vẻ đẹp ấy đọng lại một cách sâu sắc trong lòng người anh và gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc: một cô gái có tài năng và được đánh giá cao nhưng Kiều Phương vẫn không hề mất đi sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ và nhất là vẫn dành cho anh trai những tình cảm thật tốt đẹp, thể hiện ở bức tranh "Anh trai tôi". Soi vào bức tranh ấy, cũng chính là soi vào tâm hồn trong sáng, nhân hậu của em gái, nhân vật người anh đã tự nhìn rõ hơn về mình để vượt lên những hạn chế của lòng tự ái và tự ti.

Bức tranh của em gái tôi là một câu chuyện rất đời thường, tưởng chừng như không có chất văn. Nhưng bằng tài năng sáng tạo nghệ thuật, Tạ Duy Anh đã thành công trong việc khắc hoạ tính cách các nhân vật trong truyện bằng chính lời kể rất thật và xúc động của người anh. Không cần phải "lên gân" mà tác phẩm đã gợi ra những điều sâu sắc về mối quan hệ, thái độ, cách ứng xử giữa người này với người khác trong cuộc sống hàng ngày. Tác phẩm đã để lại nhiều dư vị cho người đọc.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 47

Cảm nhận về nhân vật cô em gái (Kiều Phương) trong truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* của Tạ Duy Anh. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Trong chương trình ngữ văn lớp 6 – tập II, em đã được học truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi* và nhân vật Kiều Phương – cô em gái – với lòng nhân hậu đã toả sáng trong tâm trí em.

Học xong truyện, em vẫn biết rõ ràng truyện không đơn giản khẳng định, ca ngợi những nét phẩm chất tốt đẹp của nhân vật cô em gái mà chủ yếu muốn hướng người đọc tới sự tự

thức tỉnh ở nhân vật người anh qua việc trình bày những diễn biến tâm trạng của nhân vật này trong suốt truyện. Đây mới chính là chủ đề của tác phẩm. *Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của văn bản* (Ngữ văn 6 – Tập I, tr 38). Vì thế, người anh phải là nhân vật trung tâm" trong việc thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm. Thế nhưng nhân vật Kiều Phương vẫn làm cho em vô cùng cảm phục và trân trọng biết bao!

Vẻ đẹp của Kiều Phương không phải do lời kể của tác giả, cũng không phải do nhân vật tự bộc bạch mà vẻ đẹp đó được hiện ra dần dần qua con mắt nhìn và lời kể truyện của chính người anh. Một người anh luôn "coi thường" những việc làm của cô em gái, đố kị trước tài năng của em gái mình. Vẻ đẹp đó càng ngày càng đẹp, cho đến cuối truyện thì vẻ đẹp ấy đọng lại một cách sâu sắc trong lòng người anh và gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc.

Vẻ đẹp đó là gì? Phải chăng là sự hồn nhiên, hiếu động, tài năng hội hoạ, tình cảm trong sáng và lòng nhân hậu?

SÁCH GIÁI
www.sachgiai.com

Không hồn nhiên thì sao khi có biệt hiệu là "Mèo", "nó vui vẻ chấp nhận" và còn dùng cái tên đó *để xưng hô với bạn bè*. Sự hồn nhiên đó còn được thể hiện lúc ở nhà *mèo hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú*. Hồn nhiên hơn là "nó vênh mặt"– "Mèo mà lại! Em không phá là được...". Khi người anh tỏ vẻ khó chịu *Này, em không để chúng nó yên được à?*. Khi chế xong bột vẽ, nó *vừa làm vừa hát, có vẻ vui lắm*. Đúng là một cô bé hồn nhiên quá! Hồn nhiên đến đáng yêu!

Điều đáng yêu hơn là cô còn có một tài năng hội hoạ, theo lời chú Tiến Lê, đấy còn là *một thiên tài hội hoạ*. Tài năng đó chính là sáu bức tranh do "Mèo" vẽ dấu người anh, không ngờ là những bức tranh độc đáo "có thể đem đóng khung treo ở bất cứ phòng tranh nào". Bố của "Mèo" đã phải thốt lên sung sướng: *Ôi! con đã cho bố một bất ngờ quá lớn*. Mẹ em cũng *không kìm được xúc động*.

Tài năng của Kiều Phương được khẳng định bằng bức tranh được trao giải nhất, qua một tuần tham gia trại thi vẽ quốc tế,

khiến cho cả nhà "vui như tết". Duy chỉ có người anh của Mèo thì lại rất buồn. Hiểu được điều này, Kiều Phương đã dành cho anh trai những tình cảm rất trong sáng. *Nó lao vào ôm cổ tôi, nhưng tôi viện cớ đang dở việc đẩy nhẹ nó ra. Tuy thế, nó vẫn kịp thì thầm vào tai tôi: Em muốn cả anh cùng đi nhận giải.* Một hành động, một lời nói thôi đã toát lên một tâm hồn ngây thơ trong sáng sủa. Một cô bé đáng yêu!

Con có nhận ra con không?...

Con đã nhận ra con chưa? Làm sao con trả lời được mẹ. Bởi *đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy.* Phải chăng soi vào bức tranh ấy, cũng chính là soi vào tâm hồn trong sáng và nhân hậu của em gái, nhân vật người anh đã tự nhìn rõ hơn về mình để vượt lên được những hạn chế của lòng tự ái và tự ti: *Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến mức kia ư?*. Đây chính là lúc nhân vật tự "thức tỉnh" để hoàn thiện nhân cách của mình.

Bức tranh của em gái tôi không được vẽ bằng chất liệu hội hoạ. Nó được vẽ bằng quá trình diễn biến tâm trạng của người anh, thông qua lời kể vô cùng xúc động của nhân vật. Đó là "Mèo con" có tấm lòng nhân hậu. Đấy cũng là vẻ đẹp của một em bé gái trong cuộc sống đời thường mà ta có thể gặp bất cứ ở đâu trên đất nước mình.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 48

Cảm nhận về thiên nhiên và con người lao động qua văn bản *Vượt thác* của nhà văn Võ Quảng. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Văn bản *Vượt thác* được trích từ chương XI truyện *Quê nội* (1974) của Võ Quảng – nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi. Đoạn

trích đưa ta về cảnh thiên nhiên sông nước trên sông Thu Bồn trong một cuộc vượt thác gian nan, vất vả của con người.

Vượt thác đã đưa bạn đọc cùng với hành trình của con thuyền do dượng Hương Thư chỉ huy, từ vùng đồng bằng trù phú, vượt qua những thác ghềnh ở vùng núi để tới thượng nguồn lấy gỗ về dựng trường học cho làng Hoà Phước sau Cách mạng 1945 thành công.

Vượt thác là bức tranh thiên nhiên trên dòng sông Thu Bồn. Bức tranh đó được miêu tả có sự thay đổi theo từng chặng đường của con thuyền, theo điểm nhìn của tác giả. Nhà văn đã chọn vị trí quan sát là ở trên thuyền nên có thể nhìn thấy cảnh quan hai bên bờ cũng như dòng nước trên sông: con thuyền đi đến đâu thì cảnh hiện ra đến đấy. Có thể nói đó là một vị trí quan sát thích hợp nhất để tả cảnh. Tác giả đã tìm ra được những nét tiêu biểu, đặc sắc của từng vùng con thuyền đã đi qua: vùng đồng bằng êm đềm thơ mộng, trù phú bao la với những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít; đoạn sông có nhiều thác dữ thì từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Khi con thuyền vượt qua thác dữ thì nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra.

Ở đây, cảnh vật được nhân hoá, so sánh khiến cho bức tranh thiên nhiên sông nước có hồn, sinh động và gợi cảm. Con thuyền *như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp... Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn...* Rồi thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò. *Dòng sông cứ chảy quanh co dọc những núi cao sừng sững.* Nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa là hình ảnh những cây cổ thụ trên bờ sông mà tác giả đã miêu tả đến hai lần ở đoạn đầu và cuối bài văn. Khi con thuyền đã qua đoạn sông êm ả, sắp đến chỗ có nhiều thác dữ thì dọc bờ sông hiện ra *những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước* như là cảnh báo con người: phía trước là khúc sông có nhiều thác dữ, cần phải chuẩn bị tinh thần để vượt qua. Đến khi con thuyền vượt qua nhiều thác dữ thì dọc sườn núi lại hiện ra *Những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp*

nom xa như những cụ già vung tay hô con cháu tiến về phía trước. Một hình ảnh so sánh đầy sức sáng tạo nhưng vẫn không mất đi độ chính xác và gợi cảm. Trong cách nhìn của người vượt thác, *những cây to* so với những cây thấp nhỏ lại giống như những cụ già đang hướng về phía con cháu họ mà động viên, thúc giục họ *tiến về phía trước*. Ẩn sau cách nhìn ấy là tâm trạng phấn chấn của những con người vừa vượt qua nhiều khó khăn, nguy hiểm.

Điều đặc sắc hơn là những cây cổ thụ đều được ví với người để biểu hiện thêm những tầng nghĩa mới. Song điều đặc biệt ở đây là mỗi hình ảnh so sánh đều có nét riêng đọc đáo không gây sự nhàm chán. Cho nên, nếu hình ảnh ở đoạn cuối văn bản là một hình ảnh so sánh rõ ràng (có từ so sánh "như") thì hình ảnh ở đoạn trước (đầu văn bản) là một sự so sánh kín đáo, được thể hiện bằng một cách nhân hoá (qua cái dáng *đứng trầm ngâm lặng nhìn* – đặc điểm chỉ có ở con người để miêu tả cho những chòm cổ thu). Tạo được những hình ảnh giàu sức biểu hiện như vậy là một thành công của Võ Quảng.

www.sachgiai.com

Khung cảnh thiên nhiên dù có đẹp đến đâu cũng chỉ là một cái nền để tôn vẻ đẹp của con người bởi con người bao giờ cũng là trung tâm của cảnh. Đó là chú Hai, và tiêu biểu nhất, đẹp nhất là dượng Hương Thư ở cảnh vượt thác dữ. Nhà văn đã đặc tả nhân vật này với những chi tiết đầy ấn tượng thể hiện một quyết tâm lớn để chiến thắng hoàn cảnh. *Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào, giống như một hiệp sĩ của Trường sơn oai linh hùng vĩ*. Biện pháp so sánh được sử dụng nối nhau liên tiếp trong đoạn đã khắc hoạ vẻ đẹp rắn chắc, dũng mãnh của nhân vật, biểu thị sức mạnh, sự cố gắng hết sức tập trung tất cả tinh thần và nghị lực để chiến đấu với dòng thác. Người đọc ngỡ như hình ảnh huyền thoại anh hùng xưa với tầm vóc phi thường của những Đam San, Xinh Nhã bằng xương, bằng thịt đang hiển hiện ra trước mắt. Phải chăng thông qua nghệ thuật so sánh tài

tình nhà văn làm nổi bật cái "thần" nhằm tôn vinh hình ảnh con người trước thiên nhiên rộng lớn.

Lại một so sánh tưởng chừng như lạc lõng: *Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ,* thực chất đã mang lại hiệu quả bất ngờ. Nó không những chỉ đối lập và thống nhất hai tư thế, hai hình ảnh khác nhau của cùng một con người mà còn hé mở cho người đọc biết thêm những phẩm chất đáng quí của người lao động: khiêm tốn, nhu mì đến nhút nhát trong cuộc sống đời thường, nhưng lại dũng mãnh, nhanh nhẹn, quyết liệt trong công việc, trong khó khăn thử thách.

Đoạn văn là sự thống nhất cao độ và thành công tột bậc giữa tả thiên nhiên và tả người, tả chân dung con người trong hoạt động, giữa kể và tả với hai biện pháp nghệ thuật phổ biến: nhân hoá và so sánh.

Võ Quảng đã thành công trong việc thể hiện chủ đề của bài văn qua cảnh vượt thác của dượng Hương Thư, chú Hai và thằng Cù Lao. Nhà văn ca ngợi cảnh thiên nhiên miền trung đẹp, hùng vĩ, ca ngợi con người lao động Việt nam hào hùng mà khiêm nhường, giản dị.

ĐỀ SỐ 49

Cảm nhận về hình ảnh những người lao động trên sông nước qua nhân vật dượng Hương Thư trong đoạn trích *Vượt thác* của nhà văn Võ Quảng. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Vượt thác là bài văn miêu tả dòng sông Thu Bồn và cảnh quan hai bên bờ theo hành trình của con thuyền qua những địa

hình khác nhau. Nhà văn đã tập trung vào cảnh vượt thác. Qua đó làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của con người lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.

Giữa khung cảnh thiên nhiên của sông nước Thu Bồn, con người lao động hiện lên thật là đẹp. Hình ảnh đẹp nhất là dượng Hương Thư ở cảnh vượt thác dữ đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc.

Dượng Hương Thư cùng chú Hai và thằng Cù Lao liên tục phóng sào tre được bịt sắt xuống dòng sông *Soặc! Soặc!* Con người đã dùng hết sức lực chống lại dòng thác. Dượng Hương Thư ghì chặt đầu sào, trụ lại, sào uốn cong. Thuyền *vùng vằng* như muốn trụt xuống, quay đầu về làng. Một loạt động từ mạnh *trụ, ghì, phóng, uốn* được dùng phù hợp với công việc nặng nhọc, khẩn trương của người lái, người chèo. Đặc biệt từ láy *vùng vằng* dùng rất *đắt* diễn tả sự cố gắng chống chọi của con người, sự ngang ngược của dòng thác, sự khó bảo của con thuyền.

Miêu tả con người trong *cuộc chiến* với thác dữ, nhà văn còn dùng nhiều phép so sánh nghệ thuật. Có so sánh bằng thành ngữ dân gian *những động tác thả sào, rút sào rập rằng nhanh như cắt.* Nhưng nhiều hơn là những so sánh bằng những hình ảnh hợp lí góp phần vào việc khắc hoạ vẻ đẹp rắn chắc và dũng mãnh của người lao động *như một pho tượng đồng đúc.* Hình ảnh so sánh tô đậm vẻ đẹp của dượng Hương Thư, của con người sẵn sàng vượt thác. Cách so sánh không có gì mới lạ mà ta vẫn thường gặp *Chị lao công như sắt như đồng* (Tố Hữu), nhưng đã đem đến cho người đọc một hình ảnh đẹp của người lao động mà đâu đó ta vẫn gặp trong cuộc sống đời thường. Dượng Hương Thư còn hiển hiện lên như một anh hùng huyền thoại xưa với tầm vóc và sức mạnh phi thường *giống như một hiệp sĩ của Trường sơn oai linh hùng vĩ.* Phải chăng sức mạnh đó đã làm nổi bật cái "thần" nhằm tôn vinh hình ảnh con người trước thiên nhiên hung dữ.

Một sự "đột phá" nữa trong nghệ thuật so sánh của Võ Quảng đã gây sự chú ý cuốn hút người đọc *dượng Hương Thư ở*

nhà nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ. Sự đối lập này càng làm nổi bật vẻ đẹp hùng dũng của nhân vật. Đồng thời nhà văn hé mở cho chúng ta hiểu biết thêm những đức tính đáng quí của người lao động: khiêm tốn, nhu mì trong cuộc sống đời thường.

Với những quan sát tinh tế, cụ thể, những hình ảnh so sánh vừa quen thuộc, vừa mới lạ, sáng tạo, nhà văn đã xây dựng thành công nhân vật dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác với đầy đủ những phẩm chất của người lao động dũng mãnh, phi thường nhưng rất khiêm nhường và giản dị.

ĐỀ SỐ 50

Nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả trong *Vượt thác*. (Ngữ văn 6 – Tập II).

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Vượt thác được trích từ chương XI truyện *Quê nội* của nhà văn Võ Quảng. Con sông được nói đến là sông Thu Bồn thuộc tỉnh Quảng Nam. Cách mạng tháng Tám thành công, làng Hoà Phước xây dựng trường học cho con em. Dượng Hương Thư được cấu cử đưa thuyền lên Dùi Chiêng mua gỗ đem về xây trường học. Đoàn đi Dùi Chiêng có bốn người: dượng Hương Thư, chú Hai Quân và hai thiếu niên là Cù Lao và Cục. Cảnh vượt thác Cổ Cò được miêu tả và cảm nhận qua cảm xúc và tâm hồn của Cục. Đây là lần đầu tiên trong đời, chú tham gia một chuyến lên rừng, vượt thác đầy háo hức và thú vị. Chất thơ trên trang văn Võ Quảng dào dạt qua cảnh *Vượt thác* này.

Cảnh xuất phát rất gợi. Thuyền trưởng – dương Hương *nhổ sào* khi *gió nồm vừa thổi*. Hình ảnh cánh buồm rất đẹp, đầy khí

thế: *Cánh buồm nhỏ căng phồng*. Đó là cảnh *buồm căng gió lộng*. Con thuyền được nhân hoá *đang nhớ núi rừng* nên *rẽ sóng lướt bon bon*, như nóng ruột *phải lướt cho nhanh để về cho kịp*. Đó cũng là tâm trạng háo hức của chú bé Cục trong cuộc "viễn du" này.

Con thuyền ngược dòng, cảnh sắc thiên nhiên nối tiếp xuất hiện. *Ngã ba sông chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến những làng xa tít*. Tác giả không nói đến chân trời, đến màu xanh, đến mênh mông của dòng sông mà ta vẫn cảm nhận được tất cả. Một miền quê trù phú trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa hiện ra, gợi lên sự ấm no thanh bình. Tâm hồn mỗi chúng ta bâng khuâng liên tưởng...

Gợi mở liên tưởng là một nét đẹp trong câu văn xuôi của Võ Quảng. Do đó, chất thơ từ cảnh vật, từ tâm hồn đồng hiện. Bé Cục nhìn thấy bao cảnh lạ. Những con thuyên xuôi dòng *chất đầy cau tươi, dây mây, dầu rái*. Có những thuyền *chở mít, chở quế*. Con sông Thu Bồn là mạch máu, là nguồn sống xứ Quảng. Vì chở đầy, chở nặng lâm thổ sản, nên *thuyền nào cũng xuôi chậm chậm*. Một cuộc sống ấm no, một miền rừng hào phóng... Càng ngược dòng sông, cảnh sắc sông núi càng đầy sức sống, hữu tình nên thơ. Vườn tược tốt tươi *um tùm*. Những chòm cổ thụ *dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước*. Cổ thụ được nhân hoá gợi tả vẻ đẹp hùng vĩ, thâm nghiêm của chốn đại ngàn rừng thiêng, rừng thẳm. Gần 200 năm về trước, một nữ sĩ tài ba đã viết:

Xanh om cổ thụ tròn xoe tán
Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.
(Bà Huyện Thanh Quan)

Đã sắp đến chân thác rồi. Lòng sông như thắt lại. Tầm mắt người đi thuyền bị thu hẹp dần: *Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt*. Đó là lúc dượng Hương, chú Hai Quân, bé Cù Lao, bé Cục đã đưa con thuyền ngược dòng Thu Bồn đến

Phường Rạnh. Mọi người, nhất là bé Cục đã *Đi một ngày đàng học một sàng khôn*, đã nhìn thấy bao cảnh lạ của quê hương.

Phần tiếp theo nói về cảnh vượt thác Cổ Cò.Cuộc vượt thác thực sự là một cuộc chiến đấu căng thẳng, dữ dội. Vốn giàu kinh nghiệm vượt thác băng ghềnh, vị thuyền trưởng *sai nấu cơm ăn để được chắc bụng,* phải chuẩn bị vì *nước còn to, phải chống liền tay không phút hở*. Vũ khí là con thuyền và ba chiếc sào tre đầu bịt sắt. Dòng thác thật đáng sợ: *Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Chảy đứt đuôi rắn* là cách nói so sánh của dân gian gợi tả dòng thác phóng từ cao xuống, nước chảy mạnh và xiết, cuồn cuộn như xoắn lại, như đứt tung ra. Dượng Hương Thư là người chỉ huy cuộc vượt thác trông thật đẹp, vẻ đẹp oai phong, gân guốc, mạnh mẽ. Người thì "đánh trần". Động tác rất nhanh và mạnh: *co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng soạc!* Tư thế rất dẻo dai cường tráng: *ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại,...* Chiếc sào *cong lại*. Dượng Hương Thư đã *giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước*. Giữa dòng thác *nước bị cản văng bọt tứ tung,* ba thuỷ thủ đã chèo chống cật lực, mà có lúc *thuyền vùng vằng chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hoà Phước.* Con thuyền được nhân hoá để cực tả cuộc vượt thác vô cùng gian truân, vất vả. Cả ba tay chèo rất thiện nghệ, phối hợp nhịp nhàng: *Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Nhanh như cắt* là thành ngữ gợi tả sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, sắc bén; những con sào lao xuống, phóng xuống, rút lên liên tục rất nhanh và dứt khoát. Dượng Hương Thư được đặc tả qua hàng loạt chi tiết như những nét khắc, nét tạc: Các bắp thịt thì *cuộn cuộn*, hàm răng thì *cắn chặt*, quai hàm thì *bạnh ra*, cặp mắt thì *nảy lửa*,... Đó là hình ảnh một vị thuyền trưởng rất dũng mãnh, quyết đoán và tài ba, không chịu lùi bước trước dòng thác mạnh, đã làm chủ cuộc sống, làm chủ thiên nhiên. Trong sinh hoạt đời thường, dượng Hương hiền lành, khiêm tốn: *nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ*. Cảnh vượt thác đã phát lộ thêm một nét đẹp tính cách của

dượng. Tác giả *Quê nội* đã sử dụng hai hình ảnh so sánh: *Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ* để ca ngợi vẻ đẹp của một con người chân chính trong lao động. Và đó là cảm nghĩ, lòng kính trọng, sự ngưỡng mộ của bé Cục đối với dượng Hương Thư thân thiết của mình. Trong *Quê nội*, nhà văn Võ Quảng hai lần tả cảnh vượt thác băng ghềnh, cả hai lần đều ấn tượng. Sau nửa thế kỉ, đọc trang văn của Võ Quảng, tuổi thơ gần xa cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục ngược sông Thu Bồn, vượt thác, thăm thú sông núi đại ngàn xứ Quảng. Ta thấy, tác giả đã sống hồn nhiên, sống hết mình với tuổi thơ, với trang văn của mình.

Vượt qua thác Cổ Cò thì chiều tối. Một ngày vượt thác vất vả đã dần trôi qua. Chú Hai *vứt sào, ngồi xuống thở không ra hơi.* Dòng sông Thu Bồn ở vùng Trung Phước *cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững.* Sông như hẹp lại. Nước sông cuồn cuộn, không chảy băng băng mà là *chảy quanh co* như đang múa lượn. Một lần nữa, tác giả lại nói về cổ thụ tạo nên một so sánh – liên tưởng thú vị: *Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.* Rừng xanh như đang vẫy gọi. Chốn đại ngàn với núi cao, thác hiểm không còn màu sắc huyền bí mà trở nên thân thiết, gắn bó với con người miền xuôi. Qua thác Cổ Cò là đến Trung Phước. Cảnh quan lại mở ra, trải dài trải rộng. Câu văn cũng nhẹ nhàng thanh thoát: *Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra...* phải dừng chân để nghỉ ngơi: *Đã đến Trung Phước.* Câu văn rút ngắn lại còn bốn chữ đầy gợi cảm. Đoàn lữ hành tạm dừng chân trên đường đi lấy gỗ.

Tuổi thơ chúng ta, ai đã được một lần nhìn thấy thác, ai đã một lần được vượt thác? Đọc trang văn *Vượt thác*, ta cảm thấy mình đang cùng Cù Lao và Cục,... vượt thác trên sông Thu Bồn hơn nửa thế kỷ trước. Đó là cái tài và cái tâm của Võ Quảng – nhà văn, nhà thơ thân thiết của tuổi thơ. Chất thơ của vẻ đẹp hùng vĩ và hữu tình sông núi xứ Quảng mà trước đây cụ Phan Bội Châu từng ca ngợi là *địa linh nhân kiệt*. Chất thơ trong

tâm hồn và chí khí con người: dũng cảm, phóng khoáng, hồn nhiên, yêu đời, yêu thiên nhiên,... Chất thơ thấm sâu vào từng câu văn, giọng văn: trong sáng, tươi đẹp, lúc thì mạnh mẽ hào hùng, lúc thì hồn nhiên thơ mộng. Cổ nhân có nói: *Thi phú dục lệ* (Thơ phú phải đẹp). *Vượt thác* là một trang văn đẹp trong giai phẩm *Quê nội*. Ta cảm thấy yêu thêm sông Thu Bồn, yêu thêm cuộc sống, yêu thêm thiên nhiên chú Cục và Cù Lao, yêu thêm đất Quảng..

Tình yêu ấy làm ta lớn lên cùng trang văn *Quê nội* của Võ Quảng.

ĐỀ SỐ 51

Nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả trong Sông nước Cà Mau và Vượt Thác.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Sông nước Cà mau và *Vượt thác* đều miêu tả cảnh thiên nhiên sông nước. Nếu như trong *Sông nước Cà mau*, Đoàn Giỏi đã đưa người đọc tham quan caảnh sắc phong phú, tươi đẹp của vùng cực nam Tổ quốc thì với *Vượt thác*, Võ Quảng lại dẫn chúng ta ngược dòng sông Thu Bồn thuộc miền Trung bộ đến thượng nguồn lấy gỗ. Bức tranh phong cảnh sông nước và đôi bờ miền Trung này cũng không kém phần kì thú.

Miêu tả cảnh thiên nhiên ở hai vùng đất khác nhau, nhưng đều giống nhau ở nơi sông nước. Không biết "vô tình" hay "hữu ý" mà hai nhà văn đều chọn vị trí quan sát, từ điểm nhìn trên con thuyền theo cuộc hành trình để tả cảnh và tả người. Có lẽ không còn vị trí nào "tối ưu" hơn nữa. Cũng nhờ vị trí này mà các nhà văn đã hoàn chỉnh được bức tranh phong cảnh thiên nhiên mang những nét đặc sắc riêng của mình.

Cảnh *Sông nước Cà mau* lần lượt hiện lên theo con thuyền xuôi trên sông. Nhà văn đã nhập vai người kể chuyện, xưng "tôi" là chú bé An trong *Đất rừng phương Nam* miêu tả cảnh quan một vùng rộng lớn theo một trình tự tự nhiên, hợp lí. Chính vì vậy những hình ảnh trong bài văn được hiện lên trong khuôn hình một cuốn phim, lúc lướt nhanh, lúc chậm lại, có đoạn đặc tả cận cảnh, có chỗ lùi xa bao quát toàn cảnh.

Bức tranh đến với người đọc bằng ấn tượng về một vùng không gian rộng lớn mênh mang với sông, ngòi, kênh, rạch *bủa giăng chi chít như mạng nhện,* và tất cả đều được bao trùm trong màu xanh của trời của nước và tiếng rì rào bất tận của rừng cây, của sóng và của gió *Trên trời thì xanh... không ngớt vọng về trong hơi gió muối....* Màu xanh đã là màu chủ đạo của bức tranh rất ấn tượng. Và để cho cảnh thêm sống động, in dấu riêng về vùng cực nam Tổ quốc hoang dã, phong phú này, tác giả đã đưa vào bài những đoạn thuyết minh, giải thích thật thú vị về địa danh, về cách đặt tên các dòng sông, dòng kênh: rạch Mái Giầm, kênh Bọ Mắt, kênh Ba khía... Tên gọi không phải bằng những danh từ hoa mĩ, mà cứ theo đặc điểm riêng biệt của nó mà gọi thành tên. Điều này đã đem đến cho người đọc nhiều hiểu biết mới lạ và nhiều hứng thú.

Bức tranh còn được rạng rỡ và sống động hơn bởi sự ồn ào đông vui tấp nập, muôn màu muôn vẻ của chợ Năm Căn. Chợ mang nét đẹp riêng: vừa trù phú vừa độc đáo. Biện pháp liệt kê sử dụng rất hiệu quả, 12 chữ "những" trong đoạn văn đã gây ấn tượng về sự trù phú. Độc đáo hơn là chợ họp cả ban đêm ngay trên sông nước với những nhà bè như những phố nổi và những con thuyền bán hàng len lỏi mọi nơi, có thể mua mọi thứ mà không cần bước ra khỏi thuyền. Rồi sự đa dạng về màu sắc, trang phục, tiếng nói của người bán hàng thuộc nhiều dân tộc: người Hoa, Miên, người Chà Châu Giang... Rồi đến các món ăn đặc biệt trên thuyền mang hương vị cổ truyền của dân tộc xen với hương vị nước ngoài. Thật đậm đà và thú vị.!

Thiên nhiên trong *Vượt thác* có thể coi như là một cuốn phim quay chậm với sự đổi thay của nó qua từng vùng khi con thuyền đi qua. Bức tranh thiên nhiên được thể hiện trong *Vượt thác* có những đường nét, âm thanh có phần mạnh mẽ, khẩn

trương hơn bức tranh thiên nhiên trong *Sông nước Cà mau* bởi đây là cuộc vượt sông Thu Bồn với nhiều thác dữ chứ không phải cuộc du ngoạn xuôi dòng đến với chợ Năm Căn.

Cảnh thiên nhiên sông nước đã thay đổi theo con mắt nhìn của tác giả qua ba chặng. Con thuyền đi đến đâu thì cảnh hiện ra đến đấy. Đoạn ở vùng đồng bằng thì êm đềm, hiền hoà thơ mộng, thuyền bè tấp nập. Quang cảnh hai bên bờ thật rộng rãi, trù phú với những bãi dâu bạt ngàn. Sắp đến đoạn có nhiều ghềnh thác thì cảnh vật hai bên bờ sông cũng thay đổi: vườn tược càng um tùm, những chòm cổ thụ đứng trầm ngâm lặng lẽ nhìn xuống nước, rồi núi cao đột ngột hiện ra như chắn ngay trước mặt. Ở đoạn sông có nhiều thác dữ, tác giả chỉ tả một hình ảnh về dòng nước: *Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn*, nhưng sự hiểm trở và dữ dội của dòng sông vẫn hiện lên khá rõ qua việc miêu tả những động tác dũng mãnh của dượng Hương Thư và mọi người khi chống thuyền vượt thác. ở đoạn cuối dòng sông vẫn chảy quanh co giữa những núi cao, nhưng dường như đã bớt hiểm trở, và đột ngột mở ra một vùng ruộng đồng khá bằng phẳng như để chào đón con người sau cuộc vượt thác trở về với chiến thắng.

SÁCH GIÁO ÁN
www.sachgiai.com

Nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đó là sự thống nhất cao độ giữa tả và kể với hai biện pháp nghệ thuật – so sánh và nhân hoá. Nổi bật nhất, đặc sắc nhất là hình ảnh miêu tả về các chòm cổ thụ ở đoạn đầu và đoạn cuối của bài văn. ở đoạn đầu, khi con thuyền đã qua đoạn sông êm ả, sắp đến khúc sông có nhiều ghềnh thác thì phong cảnh hai bên bờ cũng đổi khác: *Những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước*, vừa như báo trước một khúc sông dữ hiểm, vừa như mách bảo con người dồn nén sức mạnh chuẩn bị vượt thác. Còn ở đoạn cuối, hình ảnh những chòm cổ thụ lại hiện ra trên bờ khi con thuyền đã vượt qua nhiều thác dữ, thì lại *mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vẫy tay hô đám con cháu tiến về phía trước*. Hình ảnh so sánh ở đây vừa thích hợp với tương quan giữa *những cây to với những bụi cây lúp xúp* xung quanh lại vừa biểu hiện được tâm trạng hào hứng, phấn chấn và mạnh mẽ của con người vừa vượt qua được nhiều thác ghềnh nguy hiểm, tiếp tục đưa con thuyền tiến lên

phía trước. Cùng là những chòm cây cổ thụ, cùng là so sánh với con người nhưng ở mỗi cách ví đã biểu hiện thêm những tầng nghĩa mới, góp phần tô đậm cho bức tranh phong cảnh sông nước và đôi bờ miền Trung rất thú vị.

Văn chương hay thật! Càng học, càng đọc thì vốn hiểu biết về đất nước và con người càng phong phú. Chỉ có hai bài văn tả về cảnh sông nước đã có hai "bức tranh" thiên nhiên với vẻ đẹp đặc sắc riêng: một vùng miền Trung vừa thơ mộng vừa dữ dội, khác nhiều so với thiên nhiên vùng mũi Cà Mau rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã. Và mỗi vùng đất, mỗi con sông trên lãnh thổ nước ta đều là những bức tranh "tuyệt đẹp" đang vẫy gọi chúng ta.

ĐỀ SỐ 52

Cảm nhận của em qua đoạn thơ :

SÁCH GIẢI

Con thuyền rời bến sang Hiên
Xuôi dòng sông Cái, ngược triền sông Bung
Chập chùng, thác Lửa, thác Chông
Thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà.
Thác, bao nhiêu thác cũng qua
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*).

Bài Làm

Tố Hữu là nhà thơ cách mạng và cũng là nhà thơ lớn của dân tộc Việt Nam. Ông có rất nhiều bài thơ hay ca ngợi đất nước và con người Việt Nam. *Nước non ngàn dặm* là một trong số những bài thơ đó.

...Con thuyền rời bến sang Hiên
Xuôi dòng sông Cái, ngược triều sông Bung
Chập chùng, thác Lửa., thác Chông
Thác Dài, thác Khó, thác Ông, thác Bà.
Thác, bao nhiêu thác cũng qua
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời...

(Trích *Nước non ngàn dặm)*

Đoạn thơ đã gợi lên hình ảnh đất nước ta có nhiều sông suối, lắm thác nhiều ghềnh, ấn tượng mạnh mẽ nhất là *thác.* Sao mà nhiều thác thế! Gắn với nhan đề của bài thơ là *Nước non ngàn dặm* một suy nghĩ đã nảy sinh· Sau những lớp *thác* kia, nhà thơ muốn gửi gắm điều gì tới người đọc? Phải chăng đó là những bước đi đầy chông gai, gian khổ nối nhau liên tiếp của dân tộc ta để có được *non nước* như ngày hôm nay. Đoạn trích là hành trình của một con thuyền trên ngàn dặm nước non. Mở đầu là hai câu thơ:

Con thuyền rời bến sang Hiên
Xuôi dòng sông Cái, ngược dòng sông Bung.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Hình ảnh con thuyền bắt đầu rời bến ra đi nhẹ nhàng thong thả trên những đoạn sông hiền hoà, êm ả, chẳng mấy chốc cập bến dễ dàng: *Rời bến sang Hiên.* Rồi tiếp tục cuộc hành trình *Xuôi dòng sông Cái, ngược triền sông Bung.* Thuyền *xuôi,* thuyền *ngược* là hoạt động bình thường trên sông nước. Từ xuôi gợi sự thuận lợi cho hành trình của con thuyền, còn từ *ngược* lại bắt đầu gợi lên sự khó khăn trong hành trình. Thuyền bắt đầu gặp *thác*, không phải là một thác mà là rất nhiều thác. Điệp từ *thác* xuất hiện tới tám lần trong đoạn thơ ngắn cùng với biện pháp liệt kê tên thác, cách ngắt nhịp 2/2/2 và 2/2/2/2 đã tạo lên cảm giác thác trải dài liên tiếp, hết thác nọ đến thác kia. Con thuyền vượt thác hết sức khó khăn: Lúc chồm lên, lúc ngụp xuống, vượt hết thác này lại có thác khác xuất hiện trước mặt. Từ láy *chập chùng* giúp ta hình dung cảnh con thuyền vượt thác quả là một khó khăn gian khổ!

Chập chùng, thác Lửa, thác Chông,
Thác Dài, thác Khó, thác Ông thác Bà

Tên thác nghe rất tự nhiên, thác "Lửa", "Chông", "Dài", "Khó", bốn tính từ được dùng liên tiếp tưởng chừng như "chướng ngại vật" ngăn cản cuộc hành trình của con thuyền. Lại còn "thác Ông, thác Bà", "Ông, Bà" là trị vì cao nhất trong thứ bậc của một gia đình. Có lẽ trong cấu thơ này, nhà thơ sử dụng với ý nghĩa là những con thác cao nhất mà thuyền phải vượt qua. Thật thú vị với cách "dùng từ" của tác giả.

Thác, bao nhiêu thác cũng qua

Câu thơ sáu tiếng bỗng ngắt nhịp bất thường 1/3/2 làm cho nhịp thơ 2/2 cũng như bị "khựng" lại, chặn đứng sự "tuôn trào" nối tiếp của thác. Từ thác được tách riêng đứng ở đầu câu thơ như một câu hỏi thách thức với thiên nhiên của con thuyền! Tiếp theo là câu trả lời như khẳng định *bao nhiêu thác cũng qua*. Nhịp thơ lại dàn trải ở câu thơ cuối:

Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời

Vượt qua hết đoạn thác ghềnh, ra đến khúc sông mênh mông, hiền hoà, con thuyền lại "thênh thênh" xuôi dòng để thưởng ngoạn cảnh đẹp của non sông đất nước.

Hành trình của con thuyền vượt thác chính là hành trình của dân tộc ta vượt qua những chặng đường chông gai, đầy gian khổ. Hình ảnh con thuyền là hình ảnh tượng trưng cho con thuyền cách mạng của dân tộc. Người cầm lái vĩ đại là Bác Hồ kính yêu đã đưa cách mạng qua bao thử thách gian lao. Nhà thơ đã sử dụng hình ảnh *thác Lửa* để tượng trưng cho khói lửa nóng bỏng của các cuộc chiến tranh, *thác Chông* tượng trưng cho những chông gai trong hành trình của cách mạng, *thác Dài, thác Khó* là sự trường kì vượt khó khăn của cả dân tộc Việt Nam để rồi vượt tới đỉnh cao là giải phóng dân tộc mang lại độc lập tự do cho đất nước. Chiếc thuyền cách mạng đã cập bến vinh quang. Cả nước non chìm ngập trong niềm vui thống nhất.

ý thơ là thế, nhà thơ đã không dùng *thênh thênh là chiếc thuyền ta xuôi dòng* bởi xuôi dòng thì chỉ diễn tả đơn thuần một ý là con thuyền "thực" sau khi đã vượt qua thác dữ. Còn *thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*, từ "trên đời" mới bao hàm ý nghĩa lớn lao: Con thuyền đã mang lại tự do cho đời.

Tố Hữu đã theo sát từng bước đi thăng trầm của lịch sử mới viết được những trang thơ hay và giàu ý nghĩa đến như vậy! Chỉ sáu câu thơ thôi mà nhà thơ đã dẫn ta đi đến "ngàn dặm" của đất nước. Làm ta thêm tự hào và yêu Tổ quốc hơn.

ĐỀ SỐ 53

Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ. (Ngữ văn 6 – Tập II).

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Minh Huệ là nhà thơ quê ở Nghệ An. Có lẽ vì thế, ông viết rất hay về Bác Hồ – người cha của đất nước quê hương. Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* được nhà thơ viết vào năm 1951, giữa lúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ đã gây nhiều xúc động cho người đọc.

Bài thơ kể về một đêm Bác Hồ không ngủ. Bác chăm lo cho giấc ngủ của các anh bộ đội, Bác thương đoàn dân công ngủ ngoài rừng trong mưa đêm giá lạnh. Ta có thể hình dung lúc này Bác đã già "Người cha mái tóc bạc" đáng lẽ phải ngủ sớm để còn lo cho công việc ngày mai, vậy mà Bác không ngủ, thức suốt đêm trong một túp lều tranh xơ xác. Bên ngoài, mưa rơi lạnh buốt. Bác không ngủ vì Bác bận chăm lo giấc ngủ cho các

anh bộ đội. Dưới ánh lửa hồng, hình tượng Bác hiện lên lồng lộng đẹp quá:

Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

Bác chính là người đốt lửa để sưởi ấm giấc ngủ cho các anh, có lẽ Bác cảm nhận được cái lạnh lúc ấy như thế nào? Bác đi dém chăn cho từng người:

Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng.

Tình thương và cử chỉ ấy chỉ có ở những người cha, người mẹ đối con cái mà thôi. Bác chăm lo giấc ngủ cho các anh bộ đội đến mức *sợ cháu mình giật thột* nên phải *nhón chân nhẹ nhàng*. Tình thương yêu đó còn ấm hơn cả ngọn lửa hồng đang bập bùng cháy.

Ngồi đây mà nghĩ đến lúc này đoàn dân công đang ngủ ngoài rừng, Bác cảm thấy xót xa vô hạn. Giữa rừng mênh mông ấy chỉ có lá cây thay cho chiếu để nằm và lấy áo làm chăn, trong khi bên ngoài mưa cứ rơi rả rích, lòng Bác day dứt không yên. Như để chia sẻ nỗi vất vả, thiếu thốn của đoàn dân công, Bác thức mà lòng bồn chồn không yên.

Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau.

Tình thương của Bác đã dành cho mọi người là thế đấy! Bác đã thức suốt đêm trong một đêm mưa giá lạnh để chăm sóc, để lo lắng vì người khác. Tấm lòng của Bác thật bao la, tình thương của Bác thật mênh mông sâu thẳm:

Bác ơi! tim Bác mênh mông thế!
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

(Tố Hữu, *Theo chân Bác*)

Thấy được cử chỉ việc làm của Bác troıig đêm, anh đội viên đã khẩn khoản mời Bác đi ngủ ba lần vì Bác vẫn phải giữ gìn sức khoẻ, cần dưỡng sức để ngày mai còn tiếp tục hành quân. Nhưng Bác nào có nghĩ cho Bác đâu, Bác vẫn thức nên anh thức luôn cùng Bác. Anh không thể ngủ yên khi Bác còn bận chăm lo cho đồng đội của anh. Việc làm cao đẹp của vị lãnh tụ đã làm cho anh đội viên cảm phục. Anh muốn sẻ chia nỗi lo toan cùng với Bác. Tình cảm này cũng chính là tình cảm chung của nhân dân ta đối với Bác Hồ, đối với người cha vô cùng kính yêu.

Minh Huệ đã tái hiện hình ảnh Bác trong bài thơ một cách chân thực và xúc động. Đọc xong bài thơ tác giả như được sống trong tình yêu thương ấm áp, bao la của Bác. Càng kính yêu Bác tác giả càng hiểu ra được một điều: sống "đẹp" là đem hạnh phúc, niềm vui đến cho mọi người, vì đó là niềm vui hạnh phúc của bản thân.

Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* là "ngọn lửa" của trái tim yêu thương con người của Bác. Nó sẽ mãi mãi rực sáng và sưởi ấm cho các thế hệ người Việt Nam. Đây là một bài thơ hay và xúc động viết về Bác.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 54

Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về năm khổ thơ đầu trong bài *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ.

Bài làm

Có rất nhiều bài thơ viết về Bác Hồ kính yêu của dân tộc trong đó, bài *Đêm nay Bác không ngủ* (viết năm 1951) của Minh Huệ đã gây bao xúc động cho người đọc. Năm khổ thơ đầu tiên đã đọng lại trong em niềm kính yêu Bác vô hạn.

Mở đầu là một phát hiện và một câu hỏi của anh đội viên:

Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

Có lẽ sự xúc cảm mạnh nhất là biểu tượng *Đêm nay Bác không ngủ*. Xúc động và ngạc nhiên nhìn Bác qua ánh lửa, anh tự hỏi mình: *Mà sao Bác vẫn ngồi, đêm nay Bác không ngủ?* Anh băn khoăn và quan sát Bác giữa đêm khuya, dưới mái lều tranh xơ xác, trong cảnh *trời mưa lâm thâm,* hình ảnh Bác được nhà thơ khắc hoạ với bao khám phá diệu kì:

Lặng yên nhìn bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm.

Đọc câu thơ, em thấy thương Bác vô cùng, tuổi cao sức yếu, Bác vẫn cùng các chiến sĩ ra mặt trận, cùng "nếm mật nằm gai". Con người luôn luôn đem đến cho đồng bào chiến sĩ nụ cười rạng rỡ, vậy mà giờ đây, nụ cười ấy biến đi đâu, nhường chỗ cho sự trầm ngâm, đăm chiêu, lặng lẽ... Bác đang thao thức và băn khoăn với bao ý tưởng nung nấu trong lòng, những lo toan gánh vác việc nước, việc quân. Cái hay của bài thơ là nói đến quan hệ chan hoà yêu thương giữa lãnh tụ và chiến sĩ trong khói lửa của cuộc chiến tranh. Đó là tình cha con, tình bác cháu vô cùng thắm thiết. Anh đội viên xúc động, bồi hồi. Tình cảm chân thành của người lính trẻ cũng chính là tình cảm của mỗi con người Việt Nam, của em, của chị... đối với Bác:

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương.

Càng nhìn vì ngạc nhiên xúc động. *Càng thương* vì đã khuya mà Bác vẫn không ngủ. *Càng thương* vì tấm lòng thân ái, bao la của Bác. Trong đêm đông lạnh lẽo, người đội viên khám phá bao điều kì diệu: bên cạnh phẩm chất lãnh tụ vĩ đại, ở Bác còn sáng rực lên nhân phẩm cao quí của một con người giàu tình thương:

Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

Ánh lửa rừng chờn vờn "mái tóc bạc" của người Cha vừa gần gũi, vừa thiêng liêng. Cử chỉ của Bác "đốt lửa" sưởi ấm cho các chiến sĩ ngủ ngon chứa đựng bao tình yêu thương mênh mông, tình cha con ruột thịt, tình bác cháu ruột rà được nhà thơ ghi lại một cách chân thực làm rung động lòng người:

Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng...

Vần thơ như đoạn phim quay cận cảnh. Bác "đốt lửa", "dém chăn" cho các anh ngủ ngon để ngày mai ra trận hay chính Bác đang đốt ngọn lửa yêu thương nơi đáy lòng mình? Bác dém chăn cho từng chiến sĩ hay Bác đang truyền hơi ấm tình thương cho các cháu? Câu thơ *từng người từng người một* diễn tả rất sâu sắc tình thương yêu bao la của Bác. Người lính nào cũng được Bác chăm sóc, cũng được Bác chia cho phần yêu thương, bởi lẽ *Người là cha, là Bác, là Anh* (Tố Hữu). Bác gần gũi với mọi người Việt Nam, bởi một lẽ rất đơn giản *Bác là Hồ Chí Minh* như Minh Huệ đã ca ngợi.

Anh đội viên đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên nọ, từ suy nghĩ này đến cảm xúc khác mà lòng bâng khuâng tự hào. Anh mơ màng, chập chờn "như nằm trong mộng". Tầm vóc lớn lao của lãnh tụ vượt ra ngoài trí tưởng tượng của anh. Cảm xúc dâng lên dạt dào trong lòng. Niềm kính yêu gắn liền với sự khâm phục và biết ơn Bác. Nhà thơ đã sử dụng những ngôn từ đẹp nhất, kết hợp với hình ảnh so sánh diệu kì nhất để ca ngợi tâm hồn cao cả và tình thương bao la của Bác đối với dân tộc. Câu thơ như một nét vẽ mang màu sắc thần thoại làm xúc động nơi trái tim người đọc:

Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

Sống bên Bác, ai cũng cảm thấy tự hào, ai cũng thấy mình được truyền thêm niềm tin sức mạnh để đi tới ngày mai. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã ca ngợi:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

(Sáng tháng năm)

Thể thơ năm chữ bình dị, mộc mạc, giàu sức truyền cảm đã tạo cho bài thơ đậm đà chất dân ca Nghệ Tĩnh. Năm khổ thơ đầu đã diễn tả tâm trạng và suy nghĩ của anh đội viên với lãnh tụ. Giọng điệu thơ hồn nhiên như tiếng nói tâm tình nên có sức lan toả rộng và lắng sâu trong tâm hồn người đọc. Bác thiêng liêng mà gần gũi quá! Kính yêu Bác, em xin hứa học giỏi, mãi mãi xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, tiếp bước con đường cách mạng mà Bác đã vạch ra.

SÁCH GIẢI

ĐỀ SỐ 55

www.sachgiai.com

Hình tượng Bác Hồ trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của nhà thơ Minh Huệ. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Bác Hồ là vị cha già kính yêu của dân tộc. một đêm không ngủ của Bác đã trở thành cảm hứng chân thật và mãnh liệt để Minh Huệ khắc họa thành công hình tượng Bác Hồ trong bài thơ của mình.

Đọc bài thơ, tác giả thấy nhà thơ đã không nói tới các chiến dịch, không nói tới việc Bác ngủ tạm ở lán trong rừng, mà chỉ nói việc Bác và bộ đội ở chung dưới một mái nhà tranh. Câu thơ *Đêm nay Bác không ngủ* được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bài thơ và cũng là nhan đề của bài thơ. Phải chăng

đó là một ý vị vĩnh viễn. Đêm nay là đêm cụ thể, nhưng cũng là tất cả mọi đêm.

Bài thơ là cảm xúc mãnh liệt trước hình tượng "Đêm nay Bác không ngủ" rất thiêng liêng cao cả:

Mở đầu là khổ thơ:

Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi.
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ.

Cách vào chuyện, vào bài tự nhiên quá, giản dị quá! Nó gợi lên một không khí thiêng liêng như cổ tích giữa đêm khuya. Đang ngủ say chợt tỉnh giấc, anh ngạc nhiên nhìn Bác qua ánh lửa bập bùng. Anh tự hỏi mình: vì sao đã khuya lắm rồi mà sao Bác vẫn không ngủ. Phải chăng đó là tâm trạng thắc mắc của anh hay cũng chính là của người đọc? Vấn đề đã được mở, cái nút của chuyện đã xuất hiện, tạo sự hấp dẫn đầu tiên.

Hình tượng Bác Hồ là hình tượng trung tâm của bài thơ đã xuất hiện với vẻ "trầm ngâm yêu lặng", suy tư, thâm trầm của nhà hiền triết phương Đông:

Lặng yên nhìn bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm.

Lần thứ ba anh đội viên thức dậy vẫn một hình ảnh ấy, nhà thơ khắc hoạ với bao khám phá diệu kì:

Bác vẫn ngồi đinh ninh
Chòm râu im phăng phắc.

Dường như Bác đã hoá thân thành bức tượng vững chắc. Đối lập với Bác, anh đội viên là người hay xúc động. Lòng anh thì *bồn chồn*, khi thì *thổn thức*, khi thì *hốt hoảng giật mình* Đặc điểm này của anh đội viên làm tôn thêm tính chất thâm trầm, vững trãi của hình tượng Bác. Phải chăng đây là nét đặc sắc thứ nhất trong hình tượng của Bác – người cha của lực lượng vũ trang Việt Nam.

Lòng yêu thương chiến sĩ là nét thứ hai trong hình tượng Bác:

Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng.

Bác không chỉ đốt lửa cho anh đội viên nằm, mà còn có cử chỉ chăm sóc ân cần tới giấc ngủ của chiến sĩ. Bác dém chăn cho *từng người từng người một*. Bác *dém chăn* cho chiến sĩ ngủ ngon để ngày mai ra trận hay chính Bác đang đốt ngọn lửa yêu thương từ nơi trái tim mình để truyền hơi ấm tình thương cho con cháu! Điệp ngữ *từng người* biểu hiện sự chu đáo, diễn tả tình thương yêu bao la của Bác. Người lính nào cũng được Bác săn sóc, cũng được Bác chia phần yêu thương. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

Bác ơi! Tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông mọi kiếp người.

(Theo chân Bác)

Một tình thương đằm thắm, tế nhị, dịu dàng. Chỉ toả sáng trong tâm hồn nhân hậu như Bác. Trước tình thương ấy, anh đội viên đắm chìm trong một cảm giác hạnh phúc:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

Từ thực tế mơ màng rồi đến giấc mộng, và hình ảnh Bác trong tâm hồn ấy đúng là sưởi ấm hơn ngọn lửa hồng, bởi nó sưởi ấm tự bên trong con người!

Nét thứ ba trong hình tượng Bác Hồ là tình thương bao la. Người không chỉ thương các chiến sĩ trong lều tranh, mà thương tất cả đoàn dân công đang nằm dưới mưa đêm ngoài rừng lạnh.

Những vần thơ trĩu nặng tình cảm lo lắng, bồn chồn, sốt ruột của Bác:

Bác ngủ không an lòng.

. . . . . .

Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau.

Đọc đến đây, tác giả thấy tấm lòng của Bác như đã hoà chung với tấm lòng chiến sĩ. Người mang theo nỗi lo, nỗi mong của từng chiến sĩ. Cao hơn nữa là lo cho cả dân tộc:

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

(*Cảnh khuya,* Hồ Chí Minh)

Khổ thơ cuối của bài thơ đã thực sự nâng tầm khái quát về hình tượng Bác lên đỉnh cao tuyệt vời:

Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.

Từ chỗ cảm thấy "Bác không ngủ" là một việc lạ lùng, khác thường, không hợp lí, anh đội viên đã nhận ra ở Bác một tầm cỡ khác, có một cái *thường tình* khác – cái thường tình của các vĩ nhân, của Hồ Chí Minh. Từ chỗ thấy lạ đến chỗ không thấy lạ nữa là bước "nhảy vọt" trong nhận thức về vị lãnh tụ! Hai câu kết làm chấn động tâm hồn mỗi chúng ta: cái thường tình của Hồ Chí Minh là sự hy sinh, lòng thương yêu vô hạn đối với chiến sĩ, với dân tộc. Một cái thường tình, mà nếu ở xa Người, thì tác giả không dễ hiểu được. Nó trở thành lẽ sống của Người:

Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chảy nặng phù sa

(Tố Hữu)

Bên cạnh hình tượng Bác Hồ còn có hình tượng người chiến sĩ cảm nhận Bác, yêu thương Bác. Tình yêu được đền đáp bằng tình yêu. Một bức tranh hài hoà về tình yêu giữa lãnh tụ và quần chúng đạt tới mức lí tưởng. Bức tranh đó càng tô đậm hình tượng của Bác trong bài thơ.

Đêm nay Bác không ngủ, một bài thơ hay nhưng thật giản dị. Nhịp thơ năm chữ rất thích hợp để xuất hiện những dòng thơ cô đúc, nén chặt như những nét khắc, những câu thơ nhịp nhàng. Hình tượng Bác Hồ đã trở thành hình tượng trung tâm của bài thơ, gây được ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 56

Cảm nhận về bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Minh Huệ với bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* là hiện tượng thi sĩ bất tử với một giai phẩm văn chương. Độc đáo bởi vì một nhà thơ xứ Nghệ, sử dụng làn điệu dân ca hát dặm Nghệ Tĩnh đã ca ngợi tình thương người mênh mông của một người con vĩ đại của xứ Nghệ – Bác Hồ kính yêu.

Bài thơ gần như một truyện cổ tích vừa thực vừa mộng dẫn hồn ta vào một không khí lung linh huyền thoại: một ông tiên với chòm râu im phăng phắc, bỗng cao lung linh trước ngọn lửa hồng chập chờn giữa rừng khuya. Một đêm đông lạnh lẽo mưa lâm thâm thời chiến tranh, loạn lạc. Xung quanh đống lửa là những chiến binh trẻ (tiên đồng) đang nằm ngủ. Không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật ấy đã góp phần đặc sắc tạo

nên sắc điệu ngữ trữ tình thẩm mĩ của bài *thơ Đêm nay Bác không ngủ.*

Tác giả đã sử dụng ngôn ngữ kể, ngôn ngữ tả, ngôn ngữ nhân vật, và bình luận trữ tình hoà quyện trong những vần thơ năm chữ dung dị, lắng đọng, liền mạch, mến thương.

Hình ảnh Bác Hồ được khắc hoạ rất đậm nét qua tâm hồn anh đội viên. Mối quan hệ giữa lãnh tụ với chiến sĩ trở thành tình bác – cháu, cha – con. Tố Hữu từng viết: *Người là Cha, là Bác, là Anh – Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ* (Sáng tháng Năm). Ở đây Minh Huệ đã cảm nhận được:

Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm
Rồi Bác đi dém chăn
Từng người từng người một
Sờ cháu mình giật thột
Bác nhón chân nhẹ nhàng...

Việc làm *đốt lửa, hành động đi dém chăn*, cử chỉ *nhón chân nhẹ nhàng* – đã thể hiện sự chăm chút yêu thương *của Người Cha mái tóc bạc* đối với từng người lính như tình cha – con, tình ông – cháu.

Chú đội viên *mơ màng* trong khoảnh khắc hạnh phúc thần tiên. Chất thơ vừa thực vừa mơ đầy ấn tượng:

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng.

Ngoài trời thì mưa lâm thâm lạnh lẽo. Trong mái lều xơ xác, suốt đêm *Lặng yên bên bếp lửa – Vẻ mặt Bác trầm ngâm*. Bác vẫn ngồi... Bác vẫn không ngủ, *Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ*... (Tố Hữu). Bác vĩ đại và ấm áp biết bao! Một so sánh rất đẹp, rất thơ đã ca ngợi tình nhân ái Hồ Chí Minh:

Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

Tình huống thơ được đẩy tới cao trào. Chế Lan Viên trong *Người đi tìm hình của nước* từng viết: *Hiểu sao hết tấm lòng lãnh tụ*.. Anh đội viên cũng vậy, anh chưa hiểu vì sao đêm nay Bác trầm ngâm thao thức. Nghe Bác nói, anh đội viên *vui sướng mênh mông*. Tình nhân ái của lãnh tụ đã soi sáng tâm hồn người lính trẻ:

Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn
Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt!
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau....

Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, Minh Huệ đã sáng tạo nên một số chi tiết nghệ thuật rất cụ thể và điển hình về mái tóc, chòm râu, ngọn lửa, bóng Bác, vẻ mặt trầm ngâm, về hành động, cử chỉ (đốt lửa, dém chăn, nhón chân...) nhằm tô đậm và ca ngợi tình thương bao la của Bác Hồ kính yêu. Chòm râu là một nét vẽ thân tình bức chân dung lãnh tụ gợi lên sự gần gũi, thân thiết mà cao cả, thiêng liêng:

Bác vẫn ngồi đinh ninh
Chòm râu im phăng phắc.

Bên cạnh hình ảnh Bác Hồ là hình ảnh anh đội viên, được nhà thơ thể hiện khá đẹp. Anh chợt thức giữa đêm khuya, và vô cùng nhạc nhiên suy nghĩ:

Mà sao Bác vẫn ngồi –
Đêm nay Bác không ngủ.

Thương Bác, anh khẽ nói: *Bác ơi! Bác chưa ngủ? – Bác có lạnh lắm không?*. Anh bồn chồn lo lắng:

Anh nằm lo Bác ốm....

Cảm xúc của anh đội viên phát triển theo chiều dài của thời gian đêm khuya:

Anh đội viên thức dậy –
Thấy trời khuya lắm rồi...
Lần thứ ba thức dậy...

Người lính trẻ nằng nặc, thiết tha:

Mời Bác ngủ Bác ơi!
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi! Mời Bác ngủ!

Nghe Bác nói về tình thương và nỗi lo, ... anh đội viên vô cùng hạnh phúc vì đã thấm hiểu tấm lòng và sự vĩ đại của lãnh tụ:

Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác.

Qua hình ảnh anh đội viên, Minh Huệ đã thể hiện một cách chân thành cảm động lòng kính yêu của đồng bào và chiến sĩ đối với Hồ Chủ tịch vĩ đại.

Đêm nay Bác không ngủ mãi mãi là một bài *ca làm rung động trái tim muôn triệu con người*. Hai nhân vật, hai tâm hồn chung đúc, chan hoà trong một tình yêu lớn: "yêu nước, thương người". Màu sắc dân ca kết hợp với không khí cổ tích thần kỳ làm nên vẻ đẹp độc đáo của bài thơ. Cảnh rừng đêm mưa lâm thâm, ngọn lửa hồng, mái tóc bạc, chòm râu im phăng phắc là bốn nét vẽ đầy ấn tượng về Bác Hồ và tấm lòng yêu nước, thương dân của Bác.

ĐỀ SỐ 57

Hãy phân tích và giải thích cái *Lẽ thường tình* mà Minh Huệ nói đến trong khổ thơ cuối bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*

Bài làm

Minh Huệ là nhà thơ xứ Nghệ. Bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* viết năm 1951 là bài thơ hay nhất của ông. Với thể thơ năm chữ mang âm điệu trữ tình dận ca hát dặm, tác giả đã ca ngợi tình thương mênh mông của Bác đối với chiến sĩ đồng bào, và lòng kính yêu của người lính đối với lãnh tụ.

Phần cuối bài thơ, Minh Huệ giải thích lý do đêm nay Bác không ngủ một cách giản dị mà sâu xa:

Đêm nay Bác ngồi đó
Đêm nay Bác không ngủ
Vì một lẽ thường tình
Bác là Hồ Chí Minh.

Cái *lẽ thường tình* mà nhà thơ nói đến chính vì *Bác là Hồ Chí Minh*, là lãnh tụ có tấm lòng nhân ái bao la. Trên đường đi chiến dịch *rừng lắm dốc lắm ụ*, Bác đã xông pha, nếm trải gian khổ với chiến sĩ. Đêm đông, mưa lâm thâm lạnh lùng, dưới *mái lều tranh xơ xác*, Bác đốt lửa cho chiến sĩ nằm ngủ, Bác nhẹ nhàng đi *dém chăn* cho từng chiến sĩ một... Bác *trầm ngâm* nhìn ngọn lửa, Bác không ngủ được vì *Bác thương đoàn dân công – Đêm nay ngủ ngoài rừng – Rải lá cây làm chiếu – Manh áo phủ làm chăn...*

Cái lẽ thường tình ấy vì *Người là Cha, là Bác, là Anh – Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ* (Tố Hữu). Cái *lẽ thường tình* ấy chính là tấm lòng lo nước thương dân (lòng ưu ái của lãnh tụ:

Lòng riêng riêng những bàn hoàn

Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.

(Đi thuyền trên sông Đáy)

Khổ cuối được xem như một câu bình luận trữ tình. Minh Huệ chỉ gợi mở về cái *lẽ thường tình*, tạo nên bao liên tưởng làm xúc động tâm hồn người yêu thơ về tình nhân ái Hồ Chí Minh, về đạo đức, nhân cách cao đẹp Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời *79 mùa xuân* cho dân tộc, tự do của Tổ quốc, vì đã *ôm cả non sông, mọi kiếp người* (Tố Hữu).

Lê Kim Lan, lớp 9B

Trường PTTH cơ sở Lạc Viên – Hải Phòng

ĐỀ SỐ 58

Cảm nhận về bài thơ *Lượm* của nhà thơ Tố Hữu

(Ngữ văn 6 – Tập II).

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Nhà thơ Tố Hữu sáng tác bài *Lượm* vào năm 1949, in trong tập thơ Việt Bắc. Bài thơ đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc hình ảnh Lượm, một em bé thiếu nhi hy sinh vì nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Lượm là bài thơ tự sự– trữ tình kể về cuộc đời ngắn ngủi nhưng rất anh dũng của chú bé liên lạc, hồn nhiên, nhí nhảnh, yêu đời, dũng cảm đã ngã xuống để bảo vệ sự bình yên cho chính mảnh đất quê hương mình. Hình ảnh nhân vật Lượm xuyên suốt trong bài thơ.

Trong năm khổ thơ đầu, bằng cái nhìn trìu mến thân thương, tác giả đã miêu tả một chú bé rất đáng yêu:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.
Ca nô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

Nhắc đến Lượm, người đọc nhớ đến hai khổ thơ này, bởi đây là hai khổ thơ đầy ấn tượng về một chú bé liên lạc nhỏ nhắn, xinh xinh, nhanh nhẹn hồn nhiên, nhí nhảnh vui tươi. Những từ *láy loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh* được dùng rất gợi hình gợi cảm, cùng với thể thơ bốn chữ và nhịp thơ nhanh, tạo âm hưởng vui tươi, nhí nhảnh rất phù hợp với một chú bé như Lượm. Một hình ảnh so sánh đẹp *như con chim chích– nhảy trên đường vàng*... gợi lên trước mắt chúng ta một chú bé hồn nhiên yêu đời. Thật thú vị! Nhà thơ Lê Đức Thọ cũng có bài thơ *Em bé liên lạc*, ông cũng hình dung em như một con chim non vui tươi ở những câu kết:

Ngày mai trên quãng đường trường,
Có em bé lại dẫn đường bên anh.
Miệng cười chân bước nhanh nhanh,
Như con chim nhỏ trên cành vui tươi.

Có lẽ không còn hình ảnh nào có thể thay thế cho được hình ảnh con chim nhỏ và chỉ có hình ảnh này mới thể hiện được vẻ đẹp trẻ thơ của chú bé liên lạc. Bao trùm lên tất cả là cái tình của nhà thơ, cái nhìn trìu mến, thân thương của tác giả đối với chú bé. Phải yêu quí Lượm lắm thì mới miêu tả Lượm hay đến như vậy!

Người đọc yêu biết bao cái cười híp mí, má đỏ bồ quân của chú, nhưng càng yêu hơn niềm vui được tham gia kháng chiến của chú bé:

Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Nhà thơ miêu tả Lượm vui như con chim sổ lồng. Cái ý đi làm liên lạc thích hơn ở nhà, đúng là niềm vui của con chim sổ lồng. Đó là niềm vui chung của cả thế hệ trẻ sau Cách mạng tháng Tám, chứ không riêng gì của chú bé Lượm.

Đáng yêu hơn là tiếng chào: *Thôi chào đồng chí* vừa tinh nghịch dí dỏm, lại vừa đứng đắn nghiêm trang, bởi em đã tham gia kháng chiến như mọi người, như chú của em vậy. Trong tiếng chào ấy ta thấy vang lên một niềm tự hào kiêu hãnh rất trẻ con, và rất đáng yêu của Lượm.

Ấn tượng của cuộc gặp gỡ vẫn còn giữ nguyên vẹn nét đẹp đẽ, vui tươi, ấm áp trong lòng tác giả, thì bỗng nhiên có tin Lượm hy sinh. Câu thơ bốn tiếng được ngắt làm hai dòng, bị gãy đôi như một tiếng nấc:

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Ra thế
Lượm ơi!

Đó là nỗi sửng sốt, xúc động đến nghẹn ngào. Và nhà thơ hình dung ngay ra cảnh tượng chú bé hy sinh trong khi đang làm nhiệm vụ:

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao
Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?

Để rồi lại nghẹn ngào gọi em một lần nữa:

Bỗng loè chớp đỏ

Thôi rồi Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!

Lượm đã hy sinh anh dũng như một chiến sĩ thực thụ. ở trên, nhà thơ còn gọi em bằng cháu, và ở đây khi kể lại cảnh Lượm hy sinh, Tố Hữu đã gọi chú bằng những lời xưng hô trang trọng: *Chú đồng chí nhỏ* và có tới hai lần gọi như thế. Việc làm của em, sự hy sinh cao đẹp của em khiến em xứng đáng được nhà thơ gọi như thế. Phải chăng đó là lòng cảm phục của một cán bộ cách mạng đối với một em thiếu nhi anh hùng.

Nhưng rồi cuối cùng, tình cảm công dân ấy lại quay về tình chú – cháu. Nhà thơ lại gọi Lượm bằng tiếng *cháu* thân thương khi miêu tả cái chết đẹp đẽ của em giữa đồng lúa quê hương:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng...

Cánh đồng quê hương như vòng nôi, như vòng tay của mẹ, ấm êm dịu dàng đón em vào lòng. Em chết mà tay vẫn nắm chặt bông lúa, quê hương và hương lúa vẫn bao bọc quanh em như ru em vào giấc ngủ đẹp của tuổi thơ anh hùng. Em chết mà hồn bay giữa đồng, vừa thiêng liêng vừa gần gũi biết bao! Không yêu mến, xót thương, cảm phục Lượm thì không thể miêu tả một cái chết hồn nhiên và lãng mạn đến như thế! Đó là cái chết của những thiên thần nhỏ bé. Thiên thần nhỏ bé ấy đã bay đi để lại bao tiếc thương cho chúng ta, như Tố Hữu đã nghẹn ngào, đau xót gọi em lần thứ ba bằng một câu thơ day dứt:

Lượm ơi còn không?

Câu thơ đứng riêng thành một khổ thơ, như một câu hỏi xoáy sâu vào lòng người đọc. Nếu không có cái tình với Lượm thì nhà thơ làm sao lại day dứt thế được!

Câu hỏi ngân vang ấy, tưởng chừng như không có câu trả lời, nhưng chính tác giả đã trả lời bằng hai khổ thơ cuối khép lại bài thơ:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắyt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng.

Hai khổ thơ cuối láy lại khổ thơ thứ hai và khổ thơ thứ ba như một điệp khúc để khẳng định Lượm vẫn còn sống mãi với quê hương đất nước, sống mãi trong lòng tác giả. Bài thơ hết nhưng ý thơ lại mở ra và vẫn còn tiếp nối mãi trong lòng người đọc hình ảnh một chú bé liên lạc hồn nhiên mà dũng cảm, đáng yêu và đáng cảm phục. Lượm vẫn còn sống mãi trong lòng chúng ta như bài ca bất diệt về tuổi thơ trong sáng đã hiến dâng đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc.

Với thể thơ bốn chữ, một thể thơ dân gian truyền thống phù hợp với lối kể chuyện có nhịp kể nhanh. Với cách ngắt đôi câu thơ đột ngột, và nghệ thuật tách câu thơ thành một khổ thơ riêng rất độc đáo, kết hợp với cách sử dụng câu hỏi tu từ, câu cảm thán... *Lượm* thật sự là một bài thơ hay, cảm động về một tấm gương bé bỏng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

ĐỀ SỐ 59

Phát biểu cảm nghĩ của em về đoạn thơ miêu tả cảnh chiến đấu hy sinh của Lượm trong bài thơ *Lượm* của Tố Hữu

(Ngữ văn 6 – Tập II) .

Bài làm

Cứ mỗi lần đọc bài thơ *Lượm* của nhà thơ Tố Hữu, hình ảnh chú bé Lượm lại hiện ra trước mắt em. Đó là một em bé hồn nhiên yêu đời, có tinh thần dũng cảm đã hy sinh tại Huế trong thời kì đầu chống Pháp. Bài thơ đã đọng lại trong em những ấn tượng sâu sắc. Em vô cùng cảm phục, yêu mến và tự hào về Lượm – chú bé liên lạc gan dạ, anh dũng trong đoạn thơ:

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bó thư vào bao

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề: "Thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo?

Đường quê vắng vẻ
Lúa trổ đồng đồng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...

Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi lượm ơi
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!

Cháu nằm trên lúa

Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng...
Lượm ơi, còn không?

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng.

Đó là đoạn thơ mà em thích nhất, xúc động nhất. Hình ảnh Lượm làm nhiệm vụ hiện dần trong đầu em. Vẫn như mọi hôm, Lượm bỏ thư vào bao, khoác lên vai và bước nhanh trên con đường vàng nắng. Nhưng đường Lượm đi đâu có vàng nắng mãi. Lượm phải vượt qua nơi có chiến sự ác liệt đang diễn ra, bom đạn khói lửa mịt mù. Đạn bay vèo vèo qua đầu nhưng Lượm vẫn gan dạ:

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Vụt qua mặt trận

Cái bóng bé nhỏ của Lượm thoăn thoắt qua từng đám lúa cao rì rào như muốn che đạn cho chú. Nhiệm vụ và tinh thần chiến đấu gan dạ của Lượm đã chiến thắng đạn bom đe doạ. Vì:

Thư đề: "Thượng khẩn"

Đây là lí do chính đáng khiến Lượm không quản khó khăn nguy hiểm để hoàn thành nhiệm vụ:

Sợ chi hiểm nghèo

Em thấy hồi hộp và lo lắng cho Lượm. Chắc lúc đó Lượm không hề nghĩ đến cái chết đang vây sát bên mình. Sao chú mạo hiểm thế? Em thầm hỏi và càng khâm phục lòng dũng cảm của Lượm. Có phải chính lòng dũng cảm ấy đã giúp chú hoàn thành nhiệm vụ, chú lại bước trên con đường vàng nắng:

Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng

Nhưng:

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi.

Cả đoạn thơ bỗng ngưng lại như dòng suối đang chảy bị hòn đá chắn ngang. Em bàng hoàng như không tin vào lời tác giả. Một viên đạn lạc vu vơ đã găm trúng ngực Lượm. Chú ngã xuống, dòng máu đỏ tươi trào ra thấm đẫm làn áo mỏng. Lượm đã ngã xuống nhưng tay vẫn nắm chặt bông lúa, lúa ôm Lượm vào lòng hát ru vỗ về êm dịu.

Lượm đã hy sinh. Điều đó là sự thật ư? Trong em trào dâng một cảm xúc: đau đớn, xót xa vô hạn. Nhưng em vẫn nhận ra rằng: Lượm không xa rời quê hương, xa rời cánh đồng quê hương nơi chú sinh ra, lớn lên làm nhiệm vụ và hy sinh anh dũng.

Lượm nằm như đang chìm vào giấc ngủ say sưa trên thảm lúa. Em tưởng như Lượm vẫn để lại trên môi nụ cười mãn nguyện, nụ cười ngây thơ, hồn nhiên và đáng yêu!

Tác giả cũng như em, như bao người đều mang trong lòng sự tiếc thương, đau xót vô bờ trước sự hy sinh anh dũng của Lượm. Lượm đã hy sinh dũng cảm như bao thế hệ cha anh đã hy sinh để bảo vệ mảnh đất thân yêu của quê hương. Nếu xưa kia cậu bé làng Gióng đã đứng lên đánh đuổi giặc Ân giữ yên bờ cõi, thì chú Lượm là một thiếu niên anh hùng của thế hệ trẻ trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Lượm quả là một con người ưu tú của một dân tộc anh hùng, nối gót Trần Quốc Toản, Kim Đồng... lập lên những chiến công hiển hách. Lượm đã xứng đáng là tấm

gương kế tục sự nghiệp cách mạng của ông cha ta trong thời kì cách mạng tháng Tám.

Lượm ơi, còn không?

Một câu hỏi tu từ được tách ra thành một khổ thơ riêng ở cuối bài để nhấn mạnh, hướng người đọc suy nghĩ về sự còn hay mất của Lượm? Nhà thơ đã gián tiếp trả lời bằng việc khắc lại hình ảnh Lượm vui tươi, hồn nhiên trong hai khổ thơ cuối bài:

Chú bé loắt choắt
Cái sắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng.

Lượm vẫn còn mãi mãi trong lòng dân tộc, trong tác giả và trong lòng em. Một chú bé liên lạc xinh xắn, nhanh nhẹn, hoạt bát, vẫn còn là con *chim chích* nhỏ nhảy trên *đường vàng* tươi đẹp.

Từ hiện thực của một đất nước anh hùng, Lượm là nhân vật tiêu biểu cho một thế hệ thiếu niên thời chống Pháp. Hình tượng nhân vật ấy có sức mạnh cổ vũ bao thế hệ đã qua xông vào cuộc chiến đấu đánh đuổi ngoại xâm và sẽ còn tiếp tục cổ vũ chúng em trên con đường xây dựng xã hội mới. Bài thơ *Lượm* của Tố Hữu đang và sẽ còn tạo được cảm tình tốt đẹp cho các thế hệ thiếu nhi Việt Nam.

ĐỀ SỐ 60

Phát biểu cảm nghĩ của em về năm khổ thơ đầu trong bài thơ *Lượm* của nhà thơ Tố Hữu. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Nhiều nhà thơ đã làm thơ về chủ đề thiếu nhi. Đó là một chủ đề phong phú và đa dạng. Tố Hữu cũng là một nhà thơ như thế. Viết về thiếu nhi, thơ ông thường vui tươi, hồn nhiên, chất giọng mượt mà, tha thiết, đầy cảm xúc. Và có lẽ, *Lượm* là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của ông. Bài thơ đã để lại trong em những ấn tượng sâu sắc. Hình ảnh chú bé liên lạc vui tươi, nhí nhảnh, hồn nhiên thích đi làm cách mạng trong năm khổ thơ đầu đã in đậm trong tâm trí của em.

Khổ thơ đầu của bài thơ đã mở ra một khung cảnh gặp gỡ giữa hai chú cháu trong một thời gian và không gian đặc biệt.

Ngày Huế đổ máu là ngày Huế chiến đấu ác liệt để chặn bàn chân xâm lược của thực dân Pháp đang hòng chiếm nước ta một lần nữa, một thời điểm mà người yêu nước nào cũng không thể ngồi yên, bởi cả nước đều hướng theo lời kêu gọi của Bác Hồ: *Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dận Pháp, cứu Tổ quốc.* Lượm đã có mặt trong những ngày đầu toàn dân tộc bước vào cuộc kháng chiến quyết liệt và lâu dài ấy.

Hình ảnh Lượm hiện lên thật sinh động, dưới cái nhìn trìu mến, thân thương của tác giả:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.

Với bốn từ láy được dùng liên tiếp trong các dòng thơ đã gợi cho người đọc một chú bé *loắt choắt*, một dáng vóc gầy, nhỏ bé quá mức như sắt lại. Cái túi đeo bên hông cũng hợp với chú, bé bé, nhỏ nhỏ, *xinh xinh*. Đôi chân thoăn thoắt với những bước đi rất nhanh, nhẹ, đều. Cái đầu cứ *nghênh nghênh*, một tư thế luôn không yên, vừa nghểnh cao đầu, vừa nghiêng bên này, nghiêng bên kia. Vẻ nhanh nhẹn, nghịch ngợm hiếu động ấy còn in dấu ở cái mũ *ca lô đội lệch*, hình ảnh *mồm huýt sáo vang*. Còn nụ cười *híp mí* với *má đỏ bồ quân* toát lên vẻ ngây thơ của chú. Lượm chẳng khác gì *con chim chích nhảy trên đường vàng*, một con chim nhỏ bé, say sưa sự sống, hồn nhiên, nhanh nhẹn. Thể thơ bốn chữ cùng nhịp điệu nhanh tạo âm hưởng vui tươi, nhí nhảnh phù hợp với các hành động và trạng thái của một chú bé.

Điều thú vị là nhà thơ đã hình dung Lượm như một con chim non nhảy nhót trên đường rực rỡ nắng vàng. Một ý thơ thật đẹp! Chỉ có hình ảnh so sánh này mới thể hiện được vẻ đẹp hồn nhiên, trẻ thơ, đáng yêu của chú bé Lượm.

Từ nét chủ đạo là con chim, nhà thơ miêu tả Lượm vui như con chim được sổ lồng:

Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà.

Đi làm liên lạc thích hơn ở nhà, đúng là niềm vui của con chim sổ lồng. Đó là niềm vui chung của tất cả những người được tham gia vào cách mạng để bảo vệ Tổ quốc.

Đôi mắt em cười *híp mí* là một nét cười say sưa, hai mắt như nhắm lại. *Má đỏ bồ quân* như tạo thêm một nét khoẻ mạnh, tươi tắn, rạng rỡ. Tác giả còn *chào đồng chí* với đứa cháu bé bỏng, như nâng cháu lên tầm người lớn, tạo một không khí thân ái. Trẻ nào mà không làm người lớn? Tác giả đã hoàn thành một bức

chân dung chú bé Lượm vô cùng sống động, độc đáo với cái nhìn riêng đầy trìu mến của mình.

Bài thơ thật hay! Mới đọc năm khổ thơ đầu mà lòng em đã xao xuyến bâng khuâng. Hình ảnh chú bé Lượm dễ thương nhí nhảnh yêu đời cứ chập chờn mãi trong tâm trí của em.

ĐỀ SỐ 61

Phân tích bức chân dung chú Lượm liên lạc trong đoạn thơ sau của Tố Hữu:

Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về,
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng.

Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
– Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần...

(Trích bài thơ *Lượm* 1949)

Bài làm

Thơ hay vì trong thơ có họa, có nhạc. *Lượm* của Tố Hữu là một loài thơ như thế trong đó phần đầu bài thơ có lẽ đặc sắc hơn cả vì đã tạo nên bức chân dung chân thật, sinh động của một em bé liên lạc thời đánh Pháp với dáng người bé nhỏ, nhưng nhanh nhẹn, tinh nghịch mà yêu đời, tuổi nhỏ mà chí cao, rất đáng yêu đáng mến.

Đọc đoạn thơ, ta tưởng như đang được ngắm nhìn bức chân dung người chiến sĩ nhỏ hơn nửa thế kỉ trước:

Ngày Huế đổ máu
... Cháu bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
... Cháu đi xa dần...

Khổ thơ đầu nhắc lại một kỉ niệm khó quên lần gặp gỡ cuối cùng của nhà thơ với chú đội viên liên lạc, giữa hai chú, cháu trên thành phố Huế thân thương. Đó là những ngày *Huế đổ máu*, năm 1946, giặc đánh chiếm cố đô Huế, quê mẹ nhà thơ:

Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về,
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè.

Đoạn thơ nhắc lại, gợi lại một con người, nơi phố cũ thành xưa, thời gian đã qua nay đã trở thành kỉ niệm, hoài niệm. Sau câu chữ,

vần thơ là cảm xúc, là nỗi nhớ thương lắng đong, rung động nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn.

Tám câu thơ tiếp theo là những nét vẽ đầy ấn tượng về Lượm, chú đội viên liên lạc. Thân hình quá nhỏ bé, gầy gò *loắt choắt*. Trang phục người lính là *cái xắc xinh xinh*. Chú rất nhanh nhẹn, hiếu động, đáng yêu. Đôi chân thì *thcăn thoắt*. Cái đầu thì *nghênh nghênh*. Các từ láy: *loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh* có giá trị gợi tả đặc sắc, làm hiện lên hình ảnh chú đội viên rất nhỏ bé, nhưng nhanh nhẹn, hồn nhiên, thật đáng yêu. Các từ láy đặt cuối câu thơ, liên kết thành hai cặp vần cách (1 với 3, 2 với 4) tạo nên nhạc điệu, âm điệu, đọc lên nghe rất thú vị:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.

Chữ *cái* được điệp lại 3 lần qua 3 nét vẽ: *cái xắc, cái chân, cái đầu* đã làm cho nét vẽ sắc và khoẻ, giọng thơ trở nên *hóm hỉnh, yêu thương.*

Lượm ngây thơ và hồn nhiên, tinh nghịch và yêu đời. Dáng điệu và cử chỉ của chú thật đáng yêu biết bao: *Ca lô đội lệch – mồm huýt sáo vang.* Lượm khác nào con chim non cất tiếng hót rộn ràng, tung bay trong nắng mới, nhảy nhót trên đường vàng. Một so sánh thật đắt:

Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

Con đường vàng một hình ảnh sáng giá tượng trưng cho con đường đầy nắng đẹp đi tới tương lai mà cách mạng đã đem đến cho thiếu nhi Việt Nam. Qua ngôn ngữ giàu hình tượng và biểu cảm, Tố Hữu dành cho chú đội viên nhiều trìu mến, trân trọng và yêu thương.

Những dòng thơ cuối đoạn, giọng điệu thơ thay đổi. Từ kể và miêu tả, Tố Hữu chuyển thành đối thoại. Cháu nói với chú niềm

vinh dự lớn lao mà cháu được tham dự. Quê hương bị giặc chiếm đóng tàn phá, Lượm vui sướng được trở thành người chiến sĩ nhỏ cùng cha anh đánh giặc. Các từ ngữ như: *Vui lắm, thích hơn* đã biểu lộ một cách hồn nhiên tinh thần yêu nước và nhiệt tình kháng chiến của Lượm:

- Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Quân đội đã trở thành đại gia đình của chú. Cuộc đời người đội viên liên lạc khác nào một cánh chim tung bay trong bão tố? Sao chẳng *vui*, chẳng *thích*, chẳng tự hào? Lượm là một trong những hình ảnh tuyệt đẹp của tuổi nhỏ chí cao:

Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tuỳ theo sức của mình
Đi tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hoà bình.

(*Thư trung thu* – Hồ Chí Minh)

Nụ cười *híp mí*, và *Má đỏ bồ quân* là hai nét vẽ làm cho bức chân dung chú liên lạc thêm sinh động. Một tâm hồn trẻ trung, phơi phới hồn nhiên. Chú liên lạc *đi xa dần* sau một tiếng chào "đồng chí" nhiều thân thương:

Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
– Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần....

Câu thơ *Cháu đi xa dần* như một dự báo: phút giã biệt ở phố Hàng Bè *Ngày Huế đổ máu* cũng là phút vĩnh biệt. Người chú chẳng bao giờ gặp lại người cháu thân thương ấy nữa!.

Đoạn thơ trên đây cũng như bài thơ *Lượm* là một thành công đặc sắc của Tố Hữu viết về gương anh hùng của thiếu nhi Việt Nam trong thời kháng chiến. Một dáng hình dễ mến, một tâm hồn trong sáng, phơi phới yêu đời thật đáng yêu. Với chú liên lạc, lòng yêu nước, nhiệt tình kháng chiến đã trở thành lý tưởng chiến đấu say mê!

Tố Hữu đã sáng tạo nên những vần thơ bốn chữ trong sáng, giàu nhạc điệu, giàu hình ảnh như một khúc đồng dao. Các từ láy tượng hình là những nét vẽ tinh tế nhất, biểu cảm nhất về chân dung người chiến sĩ nhỏ, một liệt sĩ anh hùng, được thể hiện trong thơ ca kháng chiến. Bài thơ *Lượm* là một tượng đài chiến sĩ thiếu nhi anh hùng.

ĐỀ SỐ 62

Phát biểu cảm nghĩ của em về tinh thần chiến đấu hy sinh của nhân vật Lượm trong bài thơ cùng tên của Tố Hữu.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Viết về những gương thiếu nhi Việt Nam anh hùng, bài thơ *Lượm* của Tố Hữu là một tác phẩm đặc sắc nhất của nền thi ca kháng chiến.

Sau khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn trong sáng đáng yêu của Lượm, nhà thơ đã viết nên những vần thơ tuyệt đẹp ca ngợi tinh thần chiến đấu hy sinh và phẩm chất anh hùng của chú đội viên liên lạc.

Hình ảnh Lượm bỗng "cao lớn" phi thường:

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề: "Thượng khẩn"

Sợ chi hiểm nghèo?.

Giữa mặt trận *đạn bay vèo vèo,* chú liên lạc đã xông lên vượt qua, *vụt qua*. Hai chữ *vụt qua* thể hiện động tác chiến đấu nhanh nhẹn,. quả cảm vô cùng. Không thể do dự và chậm trễ khi đang mang trên mình bức thư *thượng khẩn*. Vì nó là mệnh lệnh chiến đấu. Câu thơ *sợ chi hiểm nghèo?* vang lên như một lời thách thức, như một lời thề chiến đấu coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Người chiến sĩ nhỏ khác nào "một tiên đồng" đang dạo chơi trên đồng lúa trỗ đòng đòng. Từ láy "nhấp nhô" gợi tả một tư thế hồn nhiên, bình tĩnh của chú liên lạc trên đường băng qua mặt trận đầy khói lửa:

Đường quê vắng vẻ
Lúa trỗ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng....

Nhà thơ như đang "nín thở" dõi theo. Và Lượm đã ngã xuống. Câu thơ có lửa và máu, có lời than và nỗi đau. Hai câu cảm thán liên tiếp như tiếng nấc đau đớn cất lên:

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi!.

Lượm đã chiến đấu vì quê hương. Lượm đã hy sinh vì quê hương. Lượm đã tử thương nhưng tay chú còn *nắm chặt* bông lúa. Lượm đã ngã xuống nhưng hồn chú vẫn *bạv* giữa đồng lúa thơm ngạt ngào mùi sữa:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng.

Đây là những câu thơ hay nhất nói về sự hy sinh của người chiến sĩ trên chiến trường. Tố Hữu đã sáng tạo nên một không gian nghệ thuật có hương lúa quyện hồn liệt sĩ vừa thân thuộc vừa bình dị, vừa bát ngát thiêng liêng. Chú đội viên liên lạc đã ngã xuống trong tư thế người anh hùng tuổi thiếu niên!.

Phần cuối bài thơ, Tố Hữu nhắc lại tám câu thơ ở đoạn đầu. Cấu trúc ấy được thi pháp gọi là "đầu – cuối tương ứng" hoặc kết cấu vòng tròn. Trong bài thơ này, cấu trúc ấy có một giá trị thẩm mĩ đặc sắc. Chú đội viên liên lạc đã anh dũng hy sinh ngoài mặt trận, nhưng tinh thần yêu nước, chí khí dũng cảm và tên tuổi người anh hùng tuổi thiếu niên vẫn bất tử, sống mãi trong lòng nhân dân ta. *Có cái chết hoá thành bất tử,* đó là sự hy sinh oanh liệt của Lượm. Tấm gương anh hùng của Lượm sáng mãi ngàn thu.

ĐỀ SỐ 63

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Cảm nhận về bài thơ Mưa của Trần Đăng Khoa

(Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Bài *Mưa* được Trần Đăng Khoa viết năm 1967, khi ấy tác giả mới lên chín tuổi. Thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa thường viết về những cảnh vật và con người bình dị, gần gũi ở làng quê, nơi góc sân vườn nhà, nhưng lại từ chỗ đó mà nhìn ra được đất nước và mang khí thế của thời đại chống Mỹ cứu nước. Bài thơ *Mưa* cũng nằm trong mạch sáng tác ấy.

Bức tranh mưa rào được Trần Đăng Khoa miêu tả theo trình tự thời gian. Từ lúc sắp mưa đến trong cơn mưa.

Quang cảnh lúc trời sắp mưa được mở đầu bằng hai dòng thơ lặp lại:

Sắp mưa
Sắp mưa

Như lời báo động rất khẩn trương cho mọi người biết là cơn mưa rào đã đến. Quang cảnh được diễn ra bằng hàng loạt hình ảnh diễn tả sự hoạt động của cảnh vật rất sống động: cả họ hàng nhà mối rời tổ *bay ra, bay cao, bay thấp*, nhào lộn trong không trung, *mối già, mối trẻ* sao mà nhiều mối thế! Đích xác là trời sắp mưa rồi! Dưới đất *đàn gà con* đang *rối rít* tìm nơi ẩn nấp. Vội vã quá! Kìa ông trời đã *mặc áo giáp đen ra trận*, mưa đã *múa gươm, kiến đang hành quân*, rồi bui bay, gió cuốn... Tất cả, tất cả đều vội vã, khẩn trương hành động khi cơn mưa sắp tới. Còn có hình ảnh nào đẹp hơn:

Cỏ gà rung tai
Nghe
Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc
Hàng bưởi
Đu đưa
Bế lũ con thơ
Đầu tròn
Trọc lốc

Từ động tác của cây cỏ gà và động tác rung rinh của nó trong cơn gió mà tác giả đã hình dung ra như cái tai cỏ gà rung lên để nghe âm thanh của những cơn gió mạnh lúc trời sắp mưa; những cành tre và lá tre bị gió thổi mạnh được hình dung như mớ tóc của bụi tre đang gỡ rối. Nhưng càng gỡ càng rối bởi gió mỗi lúc càng mạnh hơn. Một hình ảnh so sánh rất táo bạo của nhà thơ: những quả bưởi được ví như lũ trẻ con, đầu không có tóc đang ẩn náu trong những cành lá bưởi đang đưa đi, đưa lại trước gió...

Nhà thơ phải quan sát thật kĩ và vô cùng tinh tế, qua cảm nhận bằng mắt và tâm hồn của trẻ thơ, kết hợp với sự liên tưởng phong phú, mạnh mẽ mới có được những vần thơ hồn nhiên và độc đáo đến như vậy!

Cơn mưa được miêu tả theo cấp độ tăng dần. Nếu như quang cảnh khi trời sắp mưa là sự hoạt động và trạng thái khẩn trương, vội vã của cây cối và loài vật thì trong cơn mưa, khung cảnh thiên nhiên được tác giả miêu tả dữ dội hơn, sự hoạt động của sự vật và có cả con người nữa có phần mạnh mẽ hơn.

Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc.

Từ *rạch* có sức gợi sự hoạt động của tia chớp *quá nhanh* và mạnh đến nỗi như người cầm dao *rạch* đứt đôi bầu trời để từ *vết rạch* đó toé ra những tia lửa điện báo hiệu trời mưa đã đến nơi rồi. Kèm theo chớp là sấm sét, một sự liên tưởng hợp với lô–gíc tự nhiên. Biện pháp nhân hoá được sử dụng liên tiếp trong đoạn thơ: *Sấm cười, cây dừa sải tay bơi, ngọn mùng tơi nhảy múa.* Những vật vô tri vô giác vào thơ của Trần Đăng Khoa đều có *hồn.*

Bức tranh sống động, rộn ràng hơn khi tác giả miêu tả âm thanh:

Mưa
Mưa
Ù ù như xay lúa
Lộp bộp
Lộp bộp.

Cả không gian đất trời *mù trắng nước.* Nước *sủi bọt* bong bóng phập phồng dưới mái hiên. Cây lá được uống mưa, tắm mưa tươi tỉnh "hả hê" sung sướng.

Hình ảnh con người được hiện lên trong bức tranh thiên nhiên rất đẹp. Trong cơn mưa dữ dội, con người đã bất chấp:

Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...

Ở đây có sự đối lập giữa thiên nhiên và con người. Một bên là mưa, sấm, chớp dữ dội, một bên là sự chủ động bình tĩnh của con người. Phải chăng tác giả đã sử dụng thiên nhiên như là một cái nền tôn cao tư thế của con người. Con người ở đây là *Người cha đi cày về*. Đi cày là một công việc bình thường và quen thuộc ở làng quê đã được hiện lên, nổi bật với dáng vẻ lớn lao, với tư thế vững vàng giữa khung cảnh thiên nhiên dữ dội của trận mưa như là bất chấp tất cả, vượt lên tất cả để tự tin, chiến thắng. Điệp từ *đội* được sử dụng liên tiếp trong ba dòng thơ cuối bài đã làm cho con người trở thành điểm sáng giữa bức tranh thiên nhiên.

Với thể thơ tự do, với cách sử dụng câu ngắn, nhịp điệu nhanh và dồn dập, phép nhân hoá được sử dụng rộng rãi và chính xác, với tài năng quan sát và miêu tả tinh tế, năng lực liên tưởng, trí tưởng tượng phong phú, cách cảm nhận thiên nhiên rất sâu sắc và trẻ thơ, bài thơ đã miêu tả chính xác và sinh động cảnh tượng trước và trong cơn mưa rào ở làng quê qua những hoạt động và trạng thái của nhiều cảnh vật, loài vật và con người. Nổi bật lên trong bức tranh thiên nhiên đó là hình ảnh con người được nâng lên lớn lao, có sức mạnh to lớn để sánh với thiên nhiên và vũ trụ.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 64

Nghệ thuật đặc sắc trong bài *Mưa* của Trần Đăng Khoa

(Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê ở huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương. Năng khiếu thơ của Trần Đăng Khoa nảy nở rất sớm.

Từ lúc còn là học sinh tiểu học, lúc đó tác giả mới chín tuổi đang là cây bút thiếu nhi nổi tiếng. *Góc sân và khoảng trời*, tập thơ đầu tay của tác giả được in 1968. Bài *Mưa* được rút ra từ tập thơ đó. Người đọc đã cảm nhận một cơn mưa rào ở một làng quê qua những nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.

Cái thú vị của bài thơ là tác giả không chỉ trực tiếp tả cơn mưa với sấm, chớp, nước mưa... mà chủ yếu là tập trung miêu tả hoạt động và trạng thái của các loài vật, cây cối, con người trước và trong cơn mưa. Chính cách miêu tả này mà người đọc nhận ra được cảnh tượng cụ thể và sinh động của cơn mưa.

Nét nghệ thuật đặc sắc thứ nhất là nhà thơ đã xây dựng hình ảnh sáng tạo, độc đáo và có giá trị phát hiện rất mới lạ nhưng vẫn đảm bảo được độ chính xác:

Cỏ gà rung tai
Nghe
Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Từ hình dáng của cây cỏ gà và động tác rung rinh của nó trong cơn gió mà tác giả hình dung ra như cái tai cỏ gà rung lên để nghe; còn những cành tre và lá tre bị gió thổi mạnh thì được hình dung như mớ tóc của bụi tre đang gỡ rối. Và còn nhiều những hình ảnh khác nữa xuất hiện liên tiếp trong bài thơ gợi lên sự thích thú cho người đọc. Không phải ai cũng hình dung được như vậy mà đó là sự liên tưởng rất phong phú của tâm hồn trẻ thơ mới có được hình ảnh ngộ nghĩnh đến như vậy!

Nét đặc sắc thứ hai được nổi bật trong nghệ thuật miêu tả của bài thơ là phép nhân hoá được sử dụng rộng rãi và chính xác:

Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận

Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường

Những hình ảnh nhân hoá đã tạo nên cảnh tượng một cuộc ra trận dữ dội với khí thế mạnh mẽ, khẩn trương *Ông trời – mặc áo giáp đen* là cảnh những đám mây đen che phủ cả bầu trời như một lớp áo giáp của một dũng tướng ra trận. Còn *Muôn nghìn cây mía* lá nhọn, sắc quay cuồng trong cơn gió được hình dung như những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đông đảo; kiến đi từng đàn vội vã có hàng lối như một đoàn quân đang hành quân khẩn trương.

Phép nhân hoá ở đây được sử dụng thành công là nhờ sự quan sát tinh nhạy cùng với sức tưởng tượng và khả năng liên tưởng mạnh mẽ của nhà thơ. Tài tình hơn là hình ảnh nhân hoá được "liệt kê" nối tiếp nhau nhưng không nhàm chán mà càng làm cho bức tranh *Mưa* hiện lên sống động như thật. Người đọc có thể thấy và cảm nhận được ngay.

Nét đặc sắc thứ ba là nghệ thuật miêu tả người của tác giả trong bức tranh *Mưa*. Hình ảnh người cha đi cày được xây dựng theo lối ẩn dụ khoa trương. Dưới cái nhìn của Trần Đăng Khoa, người lao động đã hiện lên với dáng vẻ lớn lao, với tư thế vững vàng giữa khung cảnh thiên nhiên dữ dội đầy sấm, đầy chớp của trận mưa như là bất chấp tất cả, vượt lên tất cả để tự tin, chiến thắng.

Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa

Một tư thế thật hào hùng, dũng mãnh. Đúng như ca dao xưa đã ca ngợi:

Trời mưa thì mặc trời mưa
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi.

Câu thơ của Trần Đăng Khoa hôm nay còn tự tin và mạnh mẽ, hồn nhiên. Nó dựng lên được hình ảnh con người có tầm vóc lớn lao, tư thế hiên ngang và sức mạnh to lớn, con người không bị thiên nhiên vũ trụ che lấp, trái lại, nó trở thành điểm sáng giữa bức tranh thiên nhiên.

Hình ảnh đối lập giữa thiên nhiên và con người đã làm nổi bật vẻ đẹp của người lao động bình thường (đi cày) trước cái dữ dội của cơn mưa rào. Đúng hơn, tác giả đã sử dụng thiên nhiên như là một cái nền để tôn cao tư thế con người. Có phải thiên nhiên là cái nền đã tôn cao vẻ đẹp của con người lên? Hay còn vì cách nhìn sáng tạo, độc đáo và thái độ trân trọng trong cách tả cảnh và tả người tinh tế của tác giả. Chính vì thế mà cả bài thơ có 63 dòng, 59 dòng tả cảnh thiên nhiên, tác giả chỉ dành 4 dòng cuối để tả con người, nhưng con người hiện lèn vẫn rất đẹp.

Bài thơ tả cảnh mưa thành công bởi thể thơ và nhịp điệu thơ. Với thể thơ tự do, những câu thơ ngắn, từ một đến năm tiếng, số câu ngắn chiếm rất nhiều. Trong bài chỉ có hai câu thơ năm tiếng: câu 48 và câu 60, phần lớn là câu hai tiếng, và đặc biệt có tới 10 dòng thơ một tiếng. Các câu thơ ngắn, không đều nhau đã tạo ra nhịp nhanh, mạnh, dồn dập, diễn tả sinh động từng đợt dồn dập, dữ dội của cơn mưa rào mùa hè.

Mưa của Trần Đăng Khoa là sự kết tinh của những nét nghệ thuật đặc sắc, thể hiện qua tài năng quan sát và miêu tả tinh tế, năng lực liên tưởng phong phú của tác giả. Cách cảm nhận thiên nhiên ở bài thơ vừa hồn nhiên vừa sâu sắc. Bài thơ đã miêu tả chính xác và sinh động cảnh tượng cơn mưa rào ở làng quê qua những hoạt động và trạng thái của nhiều cảnh vật, loài vật, con người trước và trong cơn mưa.

ĐỀ SỐ 65

Chuyển bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa (Ngữ văn 6 – Tập II) thành bài văn xuôi.

Bài làm

Em đang ngồi học bài. Chợt nghe tiếng gà con rộ lên rối rít. Có chuyện gì xảy ra với chúng rồi! Em vội ra cửa nhìn. Trời sắp mưa, chúng tìm nơi để ẩn nấp.

Đúng là trời sắp mưa! Họ hàng nhà mối ở đâu mà bay ra nhiều thế! Mối già bay cao, mối trẻ bay thấp, chao đi liệng lại trong không trung. Bầu trời như sắp sập xuống bởi những đám mây đen kịt bao phủ. Ông mặt trời mọi ngày thường khoác trên mình "bộ cánh" màu xanh thăm thẳm, nét mặt tươi cười rạng rỡ là thế mà hôm nay trông oai vệ như một dũng tướng mặc áo giáp đen để ra trận. Xa xa cánh đồng mía của làng với muôn nghìn cây mía, lá nhọn sắc đang quay cuồng trong gió trông như những lưỡi gươm khua lên trong tay các chiến sĩ của một đội quân đông đảo. Kiến ở đâu đó kéo ra, đi theo từng đàn vội vã có hàng lối như một đoàn quân đang hành quân khẩn trương. Tất cả! Tất cả! Như sẵn sàng vào một trận đánh dữ dội với khí thế mạnh mẽ.

Gió vẫn thổi. Những chiếc lá khô xao xác bay đầy trên đường làng, ngõ xóm, cuốn theo cả những lớp bụi bay mù mịt cuộn lên theo làn gió thổi. Ngoài vườn, những cây cỏ gà rung rinh trước gió trông như những cái tai dỏng lên để "thưởng thức" các âm thanh của gió. Rặng tre sau nhà em đang ngả nghiêng, cành tre và lá tre cuộn vào nhau rồi lại tung ra tưởng chừng như những mớ tóc rối được những cơn gió thổi mạnh gỡ ra. Hàng bưởi trước nhà quả sai trĩu chịt đang đung đưa trước gió như người mẹ giang vòng tay bế những đứa con thơ đầu tròn còn chưa mọc tóc.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Đang mải mê ngắm nhìn cảnh vật thay đổi, trước mắt em bỗng loằng ngoằng loé lên một vạch như cắt ngang trời, một tia chớp kèm theo là một tiếng sét nổ inh tai, nhức óc nghe sao khô khốc.! Tiếng sấm rền vang nối tiếp nhau nghe "khanh khách" như tiếng người cười. Gió thổi mỗi lúc càng mạnh. Cây dừa trước ao nhà như đang sải những cánh tay uyển chuyển của mình bơi trong gió. Chị mùng tơi nhún mình như đang nhảy múa đón những cơn gió thổi trước lúc mưa ào đến.

Mưa! Mưa đã đến! Nghe ù ù như tiếng cối xay lúa. Lộp bộp, lộp bộp... Mưa rơi trên mái nhà, mái bếp... đập lùng tùng vào những tàu lá chuối của bụi chuối trước sân nhà. Mưa mỗi lúc một to hơn, nước mưa ào ào tuôn xuống liên tiếp không ngớt. Mưa rèo rèo, đan chéo mặt sân, mưa sủi bong bóng nước. Đất trời mù trắng trong mưa. Ngoài vườn, mấy chú cóc bị ướt nhảy chồm chồm tìm chỗ để tránh mưa. Con mực đang nằm cuộn tròn trong ổ rơm ở đầu hè nhà đang lim dim ngủ, bỗng sủa inh lên bởi có một con cóc nhảy chồm qua lưng chú ta. Ngoài trời cây cối được tắm mưa tưởng chừng như tâm trạng rất hả hê, sung sướng.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Xa xa thấp thoáng ngoài cánh đồng, em nhìn thấy bố đi cày về dưới cơn mưa đang dữ dội. Bất chấp cả sấm, cả chớp, cả trời mưa! Con người lao động hiên ngang quá! Có đủ sức mạnh để sánh với thiên nhiên, vũ trụ.

ĐỀ SỐ 66

Phân tích bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa

Bài làm

Sinh ra và lớn lên tại một làng quê thuộc huyện Nam Sách, năng khiếu thơ của Trần Đăng Khoa nảy nở rất sớm. Nhiều bài

thơ trong tập *Góc sân và khoảng trời* được tác giả viết khi còn học tiểu học. Bài thơ *Mưa* được chàng thi sĩ tí hon này viết năm lên 9 tuổi, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta đang diễn ra vô cùng ác liệt. Từ lúc *sắp mưa* đến khi *mưa rơi,* cảnh bầu trời mặt đất từ sấm chớp mây mưa, từ cây cỏ đến những con vật như chó, gà con, lũ kiến,... đều được cảm nhận qua tâm hồn tuổi thơ rất hồn nhiên ngộ nghĩnh.

Bài thơ viết theo cách nói lối đồng dao, có 63 câu thơ rất ngắn, có 10 câu chỉ có 1 chữ, có 37 câu thơ 2 chữ. 6 câu thơ 3 chữ, 9 câu thơ 4 chữ, và chỉ có 1 câu thơ 5 chữ. Qua sự khảo sát ấy, ta thấy cách viết của Khoa rất tự nhiên, hồn nhiên, câu thơ nối tiếp xuất hiện theo cảm nhận và cảm xúc từ sắp mưa đến mưa rồi, và sau cùng là hình ảnh người bô của Khoa đi cày về trong cơn mưa dữ dội, tầm tã.

Mở đầu bài thơ như một tiếng reo của trẻ thơ cất lên: *Sắp mưa / sắp mưa*. Mẫn cảm nhất là loài mối *bay ra* để đón mưa. Tài thật, sao mà bé Khoa phân loại được, nhận diện được tuổi tác những con mối: *Mối trẻ / Bay cao / Mối già / Bay thấp*. Tiếp theo là bầy gà con *Rối rít tìm nơi / ẩn nấp*. Ông trời, cây mía, kiến, lá khô, cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, chớp, sấm, cây dừa, ngọn mùng tơi... được chú bé nói tới, nhắc tới. Tác giả sử dụng nhân hoá khá hay, tạo nên những liên tưởng thú vị, thể hiện sự tưởng tượng phong phú. Mây đen kéo phủ đầy trời, tưởng như *Ông trời / mặc áo giáp đen / Ra trận*. Lá mía dài, nhọn sắc. Gió thổi, lá mía xào xạc bay, khác nào *Muôn nghìn cây mía / Múa gươm*. Kiến chạy mưa, như vỡ tổ, nhà thơ tưởng như *Kiến / Hành quân / Đầy đường*. Không khí hùng tráng của lịch sử dân tộc thời chống Mĩ đã phản chiếu vào thơ Khoa. Từ ông trời đến nghìn cây mía, đàn kiến, tất cả đều *ra trận*, đều *múa gươm* đều *hành quân,* tất cả đều tham gia vào *cuộc diễu binh hùng vĩ* (thơ của Tố Hữu). Cả một không gian rộng lớn chuyển động vì *sắp mưa: Lá khô / Gió cuốn / Bụi bay / Cuồn cuộn*. Cỏ gà, bụi tre, hàng bưởi, cây dừa, ngọn mùng tơi – thế giới cây cỏ này được nhân hoá. Cách nhận xét của chú bé 9 tuổi khá tinh tế, hóm hỉnh. Cỏ gà *rung tai*

– *nghe*. Bụi tre *Tần ngần – Gỡ tóc*. Hàng bưởi trĩu quả, trong gió, như một người hiền đang *đu đưa – bế lũ con – Đầu tròn – trọc lốc*. Gió thổi mỗi lúc một mạnh. Cây dừa *Sải tay – Bơi*, ngọn mùng tơi *nhảy múa*. Một không gian nghệ thuật, một thế giới tạo vật cựa quậy, sống động, chuyển động khi trời sắp mưa. Tất cả đều có linh hồn, có cảm giác, có hành động... được thể hiện qua các hình ảnh nhân hoá rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Sắp mưa, sấm chớp rung chuyển, rạch xé trời đất. Chớp *rạch trời ngang trời*... Sấm như một tên hề *Ghé xuống sân – Khanh khách – Cười*. Đó là cảm nhận vũ trụ của tuổi thơ.

Cảnh trời mưa được diễn tả bằng 14 câu thơ. Mưa rơi trong tiếng gió *ù ù như xay lúa*. Giọt mưa *lộp bộp / lộp bộp* rơi! Trong màn mưa, đất trời trở nên *mù trắng nước*. Và *mưa chéo mặt sân – sủi bọt*. Bé Khoa đã dàn dựng một hoạt cảnh mưa có cóc, chó và cây lá thật hóm hỉnh:

Cóc nhảy lồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Mưa làm mát dịu trời đất mùa hè. Mưa làm cho cây lá xanh tươi, tốt tươi. *Cây lá hả hê* vui sướng đón cơn mưa nhân hoá thoát sáo và rất gợi cảm. ở đây *mưa là nguồn gốc sự sống*, mưa là niềm vui đợi chờ.

Cuối bài thơ mới xuất hiện hình ảnh con người. Một hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê xưa nay:

Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...

Mọi thứ của vũ trụ như sấm chớp, mưa đều *đội* trên đầu *bố em*. Chữ *đội* được điệp lại 3 lần, không chỉ cực tả sự vất vả dãi nắng dầm mưa của *bố em*, của người dân cày Việt Nam xưa nay mà còn mang hàm nghĩa, người nông dân cày cấy trong bom

đạn chiến tranh, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Sau vần thơ là lòng biết ơn, kính yêu của Khoa.

Mưa là một bài thơ hay. Thế giới thiên nhiên trong cơn mưa rào ở làng quê được cảm nhận và miêu tả tinh tế. Các câu thơ ngắn 1, 2, 3... chữ đan cài vào nhau, kết hợp với vần chân đã tạo nên nhạc điệu thơ, gợi tả tiếng mưa rơi, nghe rất vui. Phép nhân hoá và nghệ thuật sử dụng các từ láy (rối rít, cuồn cuộn, tần ngần, đua đưa, trọc lốc, khô khốc, khanh khách, ù ù, lộp bộp, chồm chồm, hả hê) đã tạo nên những vần thơ, những hình ảnh hồn nhiên, ngộ nghĩnh, thi vị. *Mưa* là một bài thơ đặc sắc của tuổi thơ và tâm hồn tuổi thơ.

ĐỀ SỐ 67

Cảm nhận của em về đoạn trích *Cô Tô* (Ngữ văn 6 – Tập II) trong tác phẩm cùng tên của Nguyễn Tuân.

www.sachgiai.com

Bài làm

Nguyễn Tuân là nhà văn nổi tiếng, có sở trường về thể tuỳ bút và kí. Tác phẩm của Nguyễn Tuân luôn thể hiện phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện. Bài văn Cô Tô là phần cuối của bài kí Cô Tô. Đoạn trích đã phần nào ghi lại được những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo.

Mở đầu là đoạn văn miêu tả vẻ đẹp của đảo Cô Tô sau cơn bão. Cô Tô hiện lên thật trong sáng, tinh khôi trong buổi sáng đẹp trời: *Bầu trời trong sáng, cây thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc, đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.* Ngỡ như đất trời biển Cô Tô được rửa sạch, được tái tạo để

hoá thành một cảnh sắc trong sáng tuyệt vời. Để "vẽ" được bức tranh toàn cảnh của đảo Cô Tô sau cơn bão, tác giả phải công phu lắm mới chọn được những hình ảnh tiêu biểu: *Bầu trời, nước biển, cây trên đảo, bãi cát,* và đi với những hình ảnh ấy là một loạt tính từ chỉ màu sắc và ánh sáng: *bầu trời thì trong trẻo, sáng sủa, cây trên biển thì xanh mượt, nước biển lam biếc, cát lại vàng giòn.* Có được cảnh sắc đẹp như vậy là do nhà văn đã chọn được vị trí quan sát từ trên điểm cao trên nóc đồn để *nhìn ra bao la Thái Bình Dương bốn phương tám hướng, quay gót 180 độ mà ngắm toàn cảnh đảo Cô Tô... mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.* Sau cơn bão, thiên nhiên ở đảo Cô Tô hiện lên thật là đẹp. Phải chăng bức tranh đảo Cô Tô đẹp bởi có tình người của Nguyễn Tuân.

Thật là thiếu sót nếu ta không nói đến cảnh mặt trời mọc trên biển trong bức tranh thiên nhiên của đảo Cô Tô. Cảnh hùng vĩ, rực rỡ và tráng lệ biết bao! Cảnh được "vẽ" lên bằng ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Cô Tô có cái màu xanh lam biếc của biển buổi chiều, lại có *cái màu đỏ rực rỡ của mặt trời buổi sớm nhô lên biển lúc hừng đông.* Nguyễn Tuân đã thức dậy từ canh tư ra *mãi thấu đầu mũi đảo để ngồi rình mặt trời lên.* Đoạn văn này, Nguyễn Tuân đã thực sự mang đến cho người đọc những dòng viết tài hoa về cảnh tượng vô cùng độc đáo: *Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng.* Những so sánh thật bất ngờ, những liên tưởng thật thú vị. Nhưng đến liên tưởng tiếp theo thì mới thực sự tài hoa, mới in đậm phong cách Nguyễn Tuân: *Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông.* Màu sắc hài hoà *rực đỏ,*

hồng, bạc, ngọc trai, chi tiết tạo hình rất độc *đáo quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên mâm bạc khổng lồ*; hình ảnh từ ngữ sang trọng: *Mâm lễ phẩm, bạc nén, trường tho.* Tất cả tạo nên một vẻ đẹp vừa hùng vĩ đường bệ, vừa phồn thịnh và bất diệt, lại rực rỡ, tráng lệ làm lên một ấn tượng riêng đặc sắc về trời biển Cô Tô.

Có thể nói, đây thực sự là một đoạn văn kiểu mẫu về bút pháp miêu tả của Nguyễn Tuân. Ở đó người ta thấy có sự hoà hợp giữa cảnh và tình, thiên nhiên kì ảo như lộng lẫy, mĩ lệ hơn trong cái nhìn của nhà văn.

Cuộc sống của người dân trên biển càng làm cho bức tranh đảo Cô Tô thêm sinh động. Cảnh sinh hoạt và lao động trên đảo trong một buổi sáng được tác giả tập trung miêu tả vào một địa điểm là cái giếng nước ngọt ở ria đảo. Tại đây, những người dân chài gánh nước ngọt từ giếng xuống thuyền. Khung cảnh thật thanh bình, nhịp điệu của cuộc sống lao động khẩn trương, tấp nập, đông vui: *Cái giếng nước ngọt của đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong, những ang gốm màu da lươn [...] Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về.* Vẻ thanh bình của cuộc sống còn được thể hiện trong một hình ảnh mang nét riêng của Cô Tô, lại hàm chứa ý nghĩa *Trông chị Châu Hoà Mẫu địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.* Được chứng kiến cảnh đó, Nguyễn Tuân đã có sự cảm nhận về sắc thái riêng một cách tinh tế, khi ông so sánh *Cái giếng nước ngọt ở ria một hòn đảo giữa bể, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền. Vui như một cái bến* thì nơi nào cũng có, nhưng *đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền* thì chính là cái sắc thái riêng của không khí trong lành và tình người đậm đà trên biển Cô Tô.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp qua ngôn ngữ điêu luyện và sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc của Nguyễn Tuân. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

ĐỀ SỐ 68

Phát biểu cảm nghĩ về một đoạn văn mà em thích nhất trong bài kí *Cô Tô* của Nguyễn Tuân.

Bài làm

Bài kí Cô Tô của Nguyễn Tuân là một tác phẩm đặc sắc mà ở đó đoạn tả mặt trời mọc trên biển đã gây cho em sự thích thú, ham mê và trí tưởng tượng sâu sắc nhất.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Cảnh mặt trời mọc trên biển là một bức tranh rất đẹp và đầy chất thơ. Đây là đoạn văn miêu tả đẹp nhất của bài kí. Như một "sản phẩm quí", vẻ đẹp của thiên nhiên như dâng sẵn, đón chờ, nhưng không phải ai cũng có thể cảm nhận được vẻ đẹp ấy một cách đầy đủ và tinh tế. Chính vì thế mà ngắm nhìn bình minh Cô Tô đối với Nguyễn Tuân không phải là một thú vui hưởng thụ, dễ dãi, thụ động mà là cả một cuộc đi tìm cái đẹp một cách công phu, đầy sự khám phá, sáng tạo. Như một nghệ sĩ đi săn lùng cái đẹp, Nguyễn Tuân đã *dậy từ canh tư*, lúc *còn tối đất, cố đi mãi trên đầu đá sư, ra thấu đầu mũi đảo. Và ngồi đó rình mặt trời lên*. Người đọc cảm mến tác giả về lòng yêu quí, tôn thờ "cái đẹp" và cảm phục, thích thú vì công phu tìm kiếm cái đẹp của người nghệ sĩ, hồi hộp cùng tác giả chờ đón cái "đẹp" xuất hiện.

Rạng đông được tác giả miêu tả trong một câu rất súc tích và giàu sức gợi cảm. *Chân trời, ngấn bể sạch như một tấm kính lau hết mây, hết bụi*– Cảnh rất thực mà đẹp thần tiên, trong trẻo, tinh khiết. Nguyễn Tuân đã khéo léo, tinh tế tạo ra cái "phông", cái nền cho vầng dương hiện trên mặt biển: *Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh và phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.* Hình ảnh so sánh mà tác giả đã dùng ở đây thật là đặc sắc, vừa rất thực mà cũng rất mơ, rất kì ảo. "Thực" là vì qua làn hơi nước của mặt biển, mắt thường có thể nhìn rõ hình dáng "tròn trĩnh" của vầng thái dương. Mặt trời lúc ấy dịu êm, chưa chói loà, chưa làm nhức mắt, khiến cho người ta có thể ngắm nhìn và có cảm giác vầng mặt trời hiền hoà *phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.* Hình ảnh so sánh "rất mơ" rất kì ảo vì nó là kết quả của óc quan sát, nhận xét tinh tế và kết hợp với trí tưởng tượng phong phú, táo bạo của tác giả. Không dừng ở đó, óc quan sát sắc sảo, tâm hồn tinh tế, kết hợp với trí tưởng tượng phong phú, táo bạo của Nguyễn Tuân đã biến những lời văn miêu tả của ông thành một bức tranh sơn mài tráng lệ. Sự am hiểu của tác giả về hội hoạ tăng thêm hiệu lực cho ngòi bút miêu tả, đoạn văn giàu chất tạo hình và màu sắc khiến nó sáng rực lên, đẹp một vẻ đẹp kì ảo mà lại rất thực. Người đọc chưa hết sững sờ trước hình ảnh so sánh mặt trời *tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn*, thì lại sững sờ trước một vẻ đẹp kì ảo khác: *Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng.* Ba tính từ đặt liên tiếp cạnh nhau (hồng hào, thăm thẳm, đường bệ) có tác dụng tả màu sắc, trạng thái, hình dáng mặt trời làm cho nó nổi bật lên trên cái *mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng.* Màu hồng và màu ánh bạc là hai màu sắc có sức gợi cảm của tranh sơn mài, cũng là hai màu sắc chủ đạo của bức tranh này.

Vẻ đẹp của mặt trời mọc trên biển Cô Tô quả là tặng vật vô giá của thiên nhiên ban cho người lao động suốt đời gắn bó với biển cả. *Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông*. Câu văn đẹp, một vẻ đẹp cổ điển, mẫu mực. Hình ảnh so sánh vầng mặt trời và bầu trời trên biển Cô Tô *như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh*... là một hình ảnh hết sức trang trọng, uy nghi, lộng lẫy và giàu chất nhân bản vì nó hướng tới "Con người", vì "Con người", kính trọng người lao động. Ta như có cảm giác thiên nhiên vĩ đại đang tự đẹp lên vì "Con người", đang cung kính dâng lễ phẩm trong buổi lễ mừng thọ *tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông*. Và cùng lúc, chúng ta đón nhận mâm lễ phẩm của Nguyễn Tuân, một mâm lễ phẩm sang trọng, ông dâng cho muôn thuở văn chương: những trang viết tài hoa, huy hoàng của ông! Đến đây, người đọc cảm phục Nguyễn Tuân vì tài văn chương mà cũng vô cùng kính trọng cái "tâm" rất đẹp của ông. Cái "Tâm" rất đẹp của Nguyễn Tuân luôn hướng về người dân lao động của đất nước mình.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bức tranh bình minh trên biển Cô Tô sẽ giảm đi rất nhiều vẻ đẹp nếu như nhà văn không điểm vào đó mấy cánh chim không khi nào thiếu vắng trên biển. *Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con Hải âu bay ngang là là nhịp cánh*. Đôi nét chấm phá cuối cùng đã hoàn tất bức tranh, làm cho bức tranh sống động, đầy chất thơ. Đây là những cánh chim xưa thường chấp chới, sáng lên trong những áng thơ cổ điển. Trong đoạn văn này, những cánh chim biển nhỏ nhoi có tác dụng rất lớn: nó thổi hồn thơ vào văn xuôi. Phải chăng đó là nét tài hoa của ngòi bút văn chương Nguyễn Tuân.

Em chưa một lần được ngắm cảnh bình minh ở biển. Nhờ đoạn kí của Nguyễn Tuân đã giúp em chiêm ngưỡng, thưởng thức vẻ đẹp lộng lẫy, tráng lệ và kì diệu của *mặt trời mọc trên biển Cô Tô*. Cảm ơn nhà văn với trí sáng tạo đã khám phá, đã "vẽ" lên trong văn chương vẻ đẹp của Cô Tô, giúp ta thêm yêu vùng đảo xa xôi này. Cảm ơn Nguyễn Tuân đã dạy ta cả cách đến với "Cái đẹp".

ĐỀ SỐ 69

Vẻ đẹp nhân hoá trong bài *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Chúng ta vẫn thường nghe: Mía – Cu Ba, Bạch Dương – Nga, Bồ Đề– ấn độ, Đại (Chăm Pa) – Lào Thốt Nốt – Căm Pu Chia, Dừa – Inđônê xia, Bungari – xứ sở hoa hồng và Nhật Bản là đất nước của hoa Anh Đào.. Hình như, mỗi đất nước, mỗi dân tộc đều chọn một loài cây hoặc một loài hoa riêng để làm biểu tượng. Đất nước và dân tộc Việt Nam chúng ta từ bao đời nay, đã chọn cây *Tre* là loại cây tượng trưng tiêu biểu cho tâm hồn, khí phách tinh hoa của dân tộc.

Tre xanh, xanh tự bao giờ?
Tự ngàn xưa đã có bờ tre xanh,
...Mai sau,
mai sau,
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh...

(*Tre Việt Nam,* Nguyễn Duy)

Nói tre chính là nói về con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đó chính là *vẻ đẹp nhân hoá* trong bài văn của Thép Mới đó sạo?

Còn gì đẹp hơn hình ảnh nhân hoá mà Thép Mới đã sử dụng trong câu dẫn của bài văn: *cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam*. Điệp từ "bạn thân" được láy lại hai lần đưa "cây tre" lên ngang tầm con người, hơn thế nữa còn có mối quan hệ bạn bè thân thiết keo sơn với con người. Ở đâu có con người là ở đấy có tre, *đâu đâu cũng có nứa tre làm bạn*. Đọc đến đây ta bỗng hiểu ra cái ý vị sâu sắc: Cây tre chính là con

người Việt Nam, là tượng trưng cho dân tộc Việt Nam. Có thể nói rằng hiếm có loại cây nào trên đất nước ta lại tụ hội được nhiều phẩm chất cao quí như cây tre. Và cũng không nhiều dân tộc trên Thế giới tập trung những khí phách phong phú độc đáo như dân tộc chúng ta! Nguyễn Duy cũng đã cảm nhận được điều này trong thơ của mình:

Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù

(Tre Việt Nam)

Tre đã trở thành một biểu tượng đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam với bao đức tính cần cù, siêng năng kiên nhẫn chịu khó... Chưa hết, ca ngợi chí khí hiên ngang tinh thần bất khuất của dân tộc, Nguyễn Duy đã sử dụng một hình ảnh so sánh tuyệt đẹp:

Nòi tre đâu chịu mọc cong,
Chưa lên đã nhọn như chông la thường

(Tre Việt Nam)

Phải chăng đó là nhân cách cứng cỏi của dân tộc Việt Nam? Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tre đã kề vai sát cánh với con người để bảo vệ quê hương, đất nước. *Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta...Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù...Tre giữ làng giữ nước giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người*. Chính trong hoàn cảnh chiến đấu, tre bộc lộ nhiều phẩm chất cao quí: Thẳng thắn, bất khuất vì ta mà đánh giặc. Phẩm chất đó là của ai? Chẳng ai khác, chính là phẩm chất của dân tộc Việt Nam. Cái hay ở chỗ là Thép Mới chỉ nói đến tre thôi mà người đọc vẫn cảm nhận được đó là con người!

Không phải chỉ trong chiến đấu tre mới bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp mà trong cuộc sống lao động đời thường tre cũng

bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp, ăn sâu vào máu thịt của dân tộc. Thông qua nghệ thuật nhân hoá rất tinh tế của nhà văn, *Tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp.* Suốt một cuộc đời tre gắn bó với con người *sống chết có nhau, chung thuỷ*. Tre còn giúp người trăm công nghìn việc khác nhau:

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm

Bởi vậy tre đã được tôn vinh đất nước mức độ cao nhất: *Tre anh hùng lao động! Tre anh hùng chiến đấu!*

Sau những năm tháng chiến đấu tàn khốc, cây tre đã xả thân vì dân tộc Việt Nam, hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng: giữ nước. Giờ đây trở về với cuộc sống bình yên, tre lại mang một nét đẹp văn hoá của dân tộc. Hình ảnh khúc nhạc đồng quê, trong tiếng sáo diều bay lưng trời: Biểu lộ những rung động cảm xúc, những tiếng nói tâm tình của con người. Đó chẳng phải là biểu tượng tinh thần của dân tộc đó sao?

Từ hình ảnh măng non trên phù hiệu ở đội viên thiếu niên, tác giả đưa người đọc tới những suy nghĩ về cây tre trong tương lai của đất nước: khi đi vào công nghiệp hoá thì cây tre là biểu tượng của dân tộc nữa hay không? Tác giả đã gợi mở ra một hướng suy nghĩ đúng đắn: Các giá trị văn hoá và lịch sử của cây tre sẽ vẫn còn sống mãi trong đời sống của người Việt Nam, tre vẫn là người bạn đồng hành thuỷ chung của dân tộc ta trên con đường phát triển. Bởi vì tất cả những giá trị và phẩm chất của nó, cây tre đã thành "tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam"

Cây tre Việt Nam, Thép Mới đã sử dụng rộng rãi và thành công phép nhân hoá. *Tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam,* là tư tưởng xuyên suốt toàn bài. Với vẻ đẹp nhân hoá, những phẩm chất cao quí của dân tộc Việt Nam đã hiện lên bình dị qua hình ảnh cây tre. Nhà văn không lên gân, không hề hô khẩu hiệu mà bài văn vẫn có sức truyền cảm sâu sắc và thấm thía tới người đọc: Cây tre đã trở thành biểu tượng của đất nước Việt Nam, của dân tộc Việt Nam.

ĐỀ SỐ 70

Cảm nhận của em qua đoạn trích:

Tre xanh
Xanh tự bao giờ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao lên luỹ lên thành tre ơi?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu!
Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chất dồn lâu hoá nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không dừng khuất mình bóng râm...

(trích *Tre Việt Nam* Nguyễn Duy,)

Bài Làm

Luỹ tre xanh từ ngàn đời nay đã trở thành cảnh sắc thân mật của làng quê Việt Nam. Nhà thơ Nguyễn Duy có bài thơ *Tre Việt Nam* nổi tiếng. Hình ảnh cây tre đã trở thành một biểu tượng cho những đức tính tốt đẹp của nhân dân ta, cho sức sống mãnh liệt của dân tộc ta trên mọi chặng đường lịch sử. Đoạn trích:

Tre xanh
Xanh tự bao giờ?
Chuyện ngày xưa... đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc lá mong manh

Mà sao lên lũy lên thành tre ơi?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu!
Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chắt dồn lâu hóa nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm...

đã phần nào thể hiện những đức tính quí báu của dân tộc ta.

Mở đầu là ba dòng thơ, với giọng điệu kể chuyện đã gợi người đọc liên tưởng về truyền thống người anh hùng làng Gióng nhổ tre làm vũ khí đánh giặc Ân. Câu thơ chỉ gợi mà để lại nhiều dư vị:

Tre xanh
Xanh tự bao giờ?
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Hai câu lục bát mở đầu đã tạo thành ba dòng thơ, câu lục được ngắt ra làm đôi để gây sự chú ý. Một từ "xanh" xuất hiện ba lần, lúc đứng ở "đầu", lúc đứng ở "cuối" dòng. Phải chăng đó là sự biến hoá nhuần nhị, nhiệm màu nhưng vẫn không mất đi màu xanh "bất diệt" của tre từ ngàn đời nay.

Các câu hỏi tu từ nối tiếp nhau trong các dòng thơ:

Xanh tự bao giờ?
... Mà sao lên luỹ lên thành tre ơi?
... Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu?

thể hiện sự ngạc nhiên trước một hiện tượng kì lạ: không biết *tự bao giờ,* người Việt Nam nào sinh ra, lớn lên đều thấy đã có tre, và các câu chuyện dân gian đời từ xưa tới nay *đã có bờ tre xanh*. Điều diệu kì hơn, cây tre nhỏ bé *gầy guộc, mỏng manh*

mà sao *nên luỹ lên thành*? Tre bất cứ ở nơi đâu vẫn ***xanh tươi*** như vậy?

Những câu thơ tiếp theo, nhà thơ như phát hiện ra chân lý: tre xanh tươi là nhờ có *rễ siêng*, là nhờ có *bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*. Sự sống phải bắt đầu từ sự chắt chiu, dành dụm, kiên nhẫn:

Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều

Cây tre đã trở thành biểu tượng về người dân Việt Nam với bao đức tính quí báu như cần cù, siêng năng, kiên nhẫn, chịu khó. Tre cũng như con người: ham sống, sống mạnh mẽ, lạc quan yêu đời. Tre được nhân hoá: *tre đu, tre hát ru, tre yêu nhiều.., không đứng khuất mình*... Lời thơ nhuần nhị, hồn nhiên, hình ảnh hàm nghĩa gợi cho ta nhiều liên tưởng thấm thía:

Vươn mình trong gió tre đu,
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành.
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh,
Tre xanh không khuất đứng mình bóng râm.

Có *trời xanh* nên mới có *tre xanh*. Cũng như nhân dân ta giàu chí khí, có tinh thần tự lập tự cường nên *tre xanh không đứng khuất mình bóng râm*. Câu thơ vừa có hình ảnh rất thơ lại vừa có chất trí tuệ, khẳng định một tâm thế cao quí của dân tộc trên mọi chặng đường lịch sử. Dù thế nào, tre vẫn bốn mùa xanh tươi.

Màu xanh của tre là biểu tượng về sức sống mãnh liệt của dân tộc. Không phải chỉ có ở thơ của Nguyễn Duy mà còn được thể hiện nhiều trong các áng văn chương:

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng.

(*Viếng lăng Bác* – Viễn Phương).

Kết thúc bài văn thuyết minh *Cây tre Việt Nam* ,Thép Mới viết: *Cây tre Việt Nam! Cây tre xanh, nhún nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm. Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam.*

Em chưa được đọc hết bài thơ *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy. Mới dừng lại ở đoạn trích (Ngữ văn 6 – Tập II), hình *ảnh tre xanh* đã để lại trong em nhiều dư vị: nói "tre" nhưng chính là đề cao cốt cách của con người Việt Nam. Cái hay của đoạn thơ là ở chỗ đó.

ĐỀ SỐ 71

Cảm nhận của em về bài *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Tuỳ bút *Cây tre Việt Nam* được nhà báo, nhà văn Thép Mới viết vào năm 1956, để thuyết minh cho bộ phim *Cây tre Việt Nam* của một số nhà điện ảnh Ba Lan. Cảm hứng tự hào dạt dào, bút pháp tài hoa đã tạo nên chất thơ trữ tình của áng văn xuôi này.

Mở bài là một câu văn 18 chữ, Thép Mới giới thiệu cây tre trong tâm hồn nhân dân ta, nó là *người bạn thân* gần gũi thân thiết yêu thương. Câu văn đầy ấn tượng: *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam.*

Phần thứ hai, tác giả nói đến cây tre trong đời sống vật chất và tinh thần, trong sản xuất, trong tâm hồn, trong chiến đấu của nông dân Việt Nam, của nhân dân Việt Nam qua trường kỳ lịch sử. ý tưởng đẹp, giàu có, cách diễn đạt và giọng văn biến hoá, hấp dẫn, đã tạo cho tre có một vị trí đặc biệt trong mỗi chúng ta.

Nước ta thuộc vùng nhiệt đới, chan hoà ánh nắng, cây cỏ tốt tươi *xanh muôn ngàn cây lá khác nhau.* Tác giả so sánh để ca ngợi vị thế cây tre trong lòng người: *Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa.* Tre có mặt khắp mọi miền đất nước: Đồng Nai, Việt Bắc, Điện Biên Phủ, là *luỹ tre thân mật làng tôi.* Tre được nhân hoá, trở nên gần gũi yêu thương: *đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.*

Họ hàng nhà tre thật đông đúc: *tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau,* nhưng lại có một điểm tương đồng, đó là *cùng một mầm non măng mọc thẳng.* Một phát hiện tinh tế, ý vị. Tre có một sức sống vô cùng mạnh mẽ *vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tốt.* 15 năm sau, nhà thơ Nguyễn Duy cũng có những vần thơ xúc động về sức sống của cây tre:

Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi, đất vôi bạc màu.

(Tre Việt Nam)

Nhìn dáng tre, màu tre, sự sinh sôi nảy nở của tre, nhà văn phát hiện ra bao vẻ đẹp riêng của tre như *mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.* Tre được nhân hoá trở thành một biểu tượng sáng giá: *Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người.* Phẩm chất của tre cũng là phẩm chất của con người Việt Nam xưa nay.

Thép Mới trích dẫn câu thơ của Tố Hữu: *Bóng tre trùm mát rượi* để từ đó nói lên vẻ đẹp của luỹ tre làng quê, một vẻ đẹp êm đềm của xứ sở: *Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.* Tre là vẻ đẹp của cảnh sắc làng quê, là vẻ đẹp của nền văn hoá lâu đời của dân tộc, là nếp sống lao động cần cù và cuộc sống yên vui êm đềm của nhân dân ta qua hàng nghìn năm lịch sử. Các từ ngữ, hình ảnh: *bóng tre, dưới bóng tre của ngàn xưa, dưới bóng tre xanh,...* được điệp lại, láy lại đã tạo nên giọng văn nhẹ nhàng mênh mang biểu cảm:

Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoángmái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, võ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Màu xanh của tre cũng là màu tâm hồn, màu thời gian, màu sắc của nền văn hoá, màu chung thuỷ.

Cánh tay là hình ảnh hoán dụ ca ngợi cây tre là người bạn cần cù trong lao động của nhà nông, từng chia ngọt sẻ bùi, từng một nắng hai sương với bà con dân cày Việt Nam:

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm.

Nói về cối xay tre thủ công Thép Mới gợi nhớ một thời gian khổ. Câu văn xuôi được cắt thành những vế ngắn 3, 4 chữ, có vần, nhằm tạo ra một trường liên tưởng về nền kinh tế lạc hậu, đời sống thiếu thốn của nhân dân ta sau một thế kỷ bị thực dân thống trị: *Cối xay tre / nặng nề quay/ từ, nghìn đời nay / xay nắm thóc.*

SÁCH GIẢI

Tre được nhân hoá: *Tre ăn ở với người, tre ... giúp người..., tre vẫn phải còn vất vả mãi với người, tre là người nhà,...* Từ một vật thể, cây tre trở nên có tâm hồn, có linh hồn gắn bó với cuộc đời vất vả, ấm no, hạnh phúc của nhân dân ta trong dòng chảy thời gian. Tre gắn bó với tâm tình của nhân dân. Lạt giang mềm để gói bánh chưng; sự hiện hữu của nó trong sính lễ như "khít chặt" những mối tình quê thắm thiết thuỷ chung. Cách viết của Thép Mới rất tài hoa, cách dẫn thơ đậm đà, lí thú.

Giang chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa:

Lạt này gói bánh chưng xanh
Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng.

Chiếc điếu cày tre làm niềm vui tuổi già, chiếc nôi tre là sự ấm êm hạnh phúc của tuổi thơ, cái giường tre bình dị gắn bó với mọi người mọi nhà *sống có nhau, chết có nhau, chung thuỷ*. Qua

cây tre, tác giả ca ngợi tình nghĩa thuỷ chung là đạo lí cao đẹp của dân tộc.

Tre là bạn thân, là người nhà là cánh tay của người nông dân, tre là bạn tâm tình của mọi lứa tuổi. Tre còn là "đồng chí chiến đấu của ta" trong kháng chiến. *Tre mọc thẳng, trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng* là dáng đứng *không chịu khuất* của con người Việt Nam. Gậy tầm vông, cái chông tre là vũ khí đánh giặc rất lợi hại của ta, làm nên chiến công và truyền thống anh hùng của dân tộc. Thép Mới đã vận dụng phép nối trong văn xuôi cổ rất sáng tạo:

Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre. Trong đoạn văn sau, tre được nhân hoá mang chí khí người nông dân mặc áo lính, người dũng sĩ anh hùng lẫm liệt hiên ngang. Chữ "tre" được điệp lại 7 lần, câu văn ngắn dồn dập diễn tả không khí chiến đấu và chiến thắng giòn giã của quân và dân ta trong 9 năm kháng chiến chống Pháp.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người. Tre anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!.

Đây là một trong những đoạn văn tráng lệ nhất, mang âm điệu anh hùng ca trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Không khí, lịch sử thời đại, chiến thắng Điện Biên Phủ thần kỳ đã đem đến sức tung hoành của ngòi bút của Thép Mới.

Nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê. Nhạc của khóm tre làng *rung lên man mác* trong *nồm nam cơn gió thổi,* là diều lá tre là sáo tre sáo trúc giữa lồng lộng trời cao. Đoạn văn xuôi giàu tính nhạc và chất thơ cho ta bao cảm xúc và ấn tượng:

Diều bay, diều lá tre bay lưng trời...
Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời..

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều
Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng
nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre...

Phần thứ ba của bài tuỳ bút nói về cây tre trong tương lai. Như một quy luật của sự sống vĩnh hằng: *Tre già măng mọc*. Búp măng non sẽ còn mãi trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam. Tre, nứa *sẽ còn mãi... còn mãi... còn mãi...* với dân tộc ta, "chia bùi sẻ ngọt" với nhân dân ta trong hạnh phúc, hoà bình.

Đất nước sẽ được công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sẽ có nhiều sắt thép, nhưng cây tre vẫn sống mãi trong tâm hồn dân tộc. Bóng mát của tre xanh, khúc nhạc tâm tình của tre, cổng chào thắng lợi, những chiếc đu tre, tiếng sáo diều tre vẫn trường tồn cùng đất nước và nhân dân ta trên dặm đường trường *của những ngày mai tươi hát...*

Cây tre Việt Nam, cây tre xanh với bao phẩm chất *nhũn nhặn, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm* là biểu trưng cao quý của dân tộc Việt Nam". Thép Mới đã dành những lời tốt đẹp nhất ca ngợi cây tre với tất cả tình yêu và niềm tự hào về quê hương xứ sở, về đất nước và con người Việt Nam.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 72

Phân tích và phát biểu cảm nghĩ của em về đoạn thơ sau trong bài *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy.

...Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu, tre gần nhau thêm.
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người.
Chẳng mang thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng

Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc, tre nhường cho con
Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.

Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu
Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

Bài làm.

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quí... Hoa trái bốn mùa đem hương vị ngọt cho đời. Nhưng thân thuộc nhất vẫn là cây tre, ở đâu cũng *có Làng tôi xanh bóng tre* (Văn Cao), *Làng tôi sau luỹ tre mờ xa* (Hồ Bắc), *Trăng vàng chênh chếch ngọn tre* (dân ca); *Ngày đi trúc chửa mọc măng– Ngày về trúc đã cao bằng ngọn tre* (Ca dao); *Bóng tre trùm mát rượi* (Tố Hữu); *Bóng tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn* (Thép Mới). *Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh* là câu kết trong bài thơ *Tre Việt Nam* của nhà thơ Nguyễn Duy. Bằng hình tượng thơ gợi cảm và có chiều sâu triết lí, tác giả đã thành công khi khắc hoạ tính cách con người Việt Nam, truyền thống dân tộc qua hình ảnh tre xanh ngàn đời thân thuộc. Đoạn thơ:

... Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu, tre gần nhau thêm.
Thương nhau tre chẳng ở riêng
Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người.
Chẳng mang thân gãy cành rơi

Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc, tre nhường cho con
Măng non là búp măng non
Đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.

Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu
Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

Nguyễn Duy đã ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Bão bùng thân bọc lấy thân,
Tay ôm tay níu, tre gần nhau thêm.
Thương nhau tre chẳng ở riêng,
Luỹ thành từ đó mà lên hỡi người.

Nhà thơ đã tả tre trong *bão bùng* thử thách. Hàng loạt hình ảnh nhân hoá sống động, trữ tình; *thân bọc lấy thân, tay ôm tay níu, thương nhau tre chẳng ở riêng*. Lời thơ cô đọng, ý tưởng phong phú, đẹp đẽ, tình cảm hồn hậu, đậm đà. Tre cũng như người: Giàu tình thương, biết sẻ chia, lá lành đùm lá rách, đoàn kết tương thân tương ái. Tre là hình ảnh cộng đồng dân tộc. Thơ của Nguyễn Duy đẹp như ca dao, chứa chan tình cảm của ca dao:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Hoặc: *Nhiễu điều phủ lấy giá gương*
Người trong một nước phải thương nhau cùng

Đọc những vần thơ của Nguyễn Duy, ta bỗng tự hỏi: nhà thơ đang nói về tre hay đang nói về người Việt Nam, về đạo lí làm người của dân tộc ta?

Tục ngữ có câu: *Tre già măng mọc* để chỉ thế hệ con thay thế hệ cha, thế hệ này nối tiếp thế hệ khác. Nói về măng tre, nhà thơ lại có lối tư duy nghệ thuật vô cùng độc đáo:

Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng

Rất thật và rất triết lí, tre cũng như người trong cuộc sống cũng gặp những hoạn nạn, tai hoạ *thân gãy, cành rơi* nhưng đâu có bị tiêu diệt mà nó vẫn còn lại cái gốc *truyền đời cho măng*. Phải chăng đó chính là truyền thống cách mạng của ông cha truyền lại cho con cháu muôn đời sau. Cái gốc đó là trung hiếu, tình yêu nước thương nhà của dân tộc Việt Nam ta.

Người xưa thường ví *trúc dẫu cháy đốt ngay vẫn thẳng* để biểu dương khí tiết của đấng trượng phu, nhân cách cứng cỏi của kẻ sĩ trước mọi phong ba bão táp – Nguyễn Duy lại ví măng với mũi chông nhọn hoắt:

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Nòi tre đâu chịu mọc cong,
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.

Một hình ảnh so sánh tuyệt đẹp ca ngợi chí khí hiên ngang, tinh thần bất khuất của nhân dân ta. Măng tre *nhọn như chông lạ thường*!. Dân ta giàu lòng yêu nước, anh hùng bất khuất *tuốt gươm không chịu sống quỳ* nên triệu triệu thế hệ trẻ Việt Nam, người người lớp lớp hiên ngang, dũng mãnh như cả rừng chông nhọn hoắt.

Người cũng như tre, hồn hậu, giàu đức hy sinh. Tre và măng lại được nhân hoá để ca ngợi tình mẫu tử. Lòng mẹ Việt Nam được nói lên một cách đậm đà, sâu sắc và vô cùng cảm động:

Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con.

Nhà thơ có óc quan sát tinh tế quá! Nhờ đó đã gợi ra hình tượng hay, ý thơ hàm nghĩa và đa thanh. Có yêu luỹ tre thân mật của quê hương, có yêu xóm yêu làng, có tự hào về đất nước và người Việt Nam tha thiết lắm thì Nguyễn Duy mới nói về cây tre Việt Nam đặc sắc đến như vậy!

Khổ thơ cuối mở rộng ý thơ về măng *non đã mang dáng thẳng thân tròn của tre.* Nhà thơ đã dành cho các cháu thiếu niên nhi đồng Việt Nam những tình cảm tốt đẹp. Các cháu là tinh hoa của dân tộc. Lớp măng non sẽ kế tục sự nghiệp của cha ông một cách xứng đáng:

Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc, có gì lạ đâu!

Câu lục bát cuối bài ca ngợi cây tre mãi mãi trường tồn với dân tộc ta, với đất nước ta. Màu xanh của tre mãi là màu xanh xứ xở, quê hương. Nguyễn Duy đã tách câu lục thành ba dòng thơ:

Mai sau
Mai sau
Mai sau...

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

làm nổi bật dòng chảy của thời gian là mãi vô tận. Điệp từ "xanh" trong câu bát được nhắc lại tới ba lần đã khẳng định vẻ đẹp tuyệt vời của cảnh sắc quê hương, sức sống mãnh liệt của đất nước ta, dân tộc ta là vĩnh hằng, là muôn thuở như màu xanh của tre:

Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

"Màu xanh" đã trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam. Nhà thơ Viễn Phương kế tục hình tượng này trong bài thơ *Viếng lăng Bác* để biểu hiện sức sống mãnh liệt của dân tộc:

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa xa đứng thẳng hàng

Đọc bài thơ *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy làm ta thêm yêu màu xanh xứ xở. Ta yêu thích cốt cách người Việt Nam. Có thể nói *Tre Việt Nam* là một bài thơ hay, được nhiều người yêu thích.

ĐỀ SỐ 73

Nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ *Tre Việt Nam* của nhà thơ Nguyễn Duy.

Bài làm

Nguyễn Duy là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc. Các tập thơ: *Cát trắng, ánh trăng* (giải thưởng văn học về thơ 1984) của Nguyễn Duy đã ghi nhận những thành công bước đầu của nhà thơ. Bài *Tre Việt Nam* nằm trong tập *Cát trắng* được giải thưởng báo Văn nghệ 1972–1973 đã gây nhiều ấn tượng cho người đọc bởi nghệ thuật đặc sắc và sáng tạo của nhà thơ.

Bằng hình tượng thơ gợi cảm và có chiều sâu triết lí, Qua hình ảnh "tre xanh" ngàn đời, tác giả đã thành công trong việc miêu tả tính cách của người Việt Nam.

Bao trùm bài thơ là giọng điệu trữ tình. Bài thơ *Tre Việt Nam* được làm theo thể thơ lục bát quen thuộc. Tuy nhiên có "câu lục" ở phần đầu và phần cuối có ít nhiều thay đổi nhưng vẫn không ngoài mục đích tăng tính trữ tình cho bài thơ. Câu lục mở đầu bài thơ được ngắt ra làm hai dòng thơ gây sự chú ý về hình ảnh tre xanh:

Tre xanh
Xanh tự bao giờ?

Nếu để nguyên câu lục: *tre xanh xanh tự bao giờ?* thì sự chú ý sẽ bị giảm đi rất nhiều bởi nhịp điệu dàn trải 2/2/2 của câu thơ, không gây ấn tượng với người đọc. Tương tự như vậy, câu lục cuối bài đã tách ra làm ba dòng thơ để làm nổi bật dòng chảy của thời gian là bất tận. Và câu bát vẫn được giữ nguyên nhịp điệu 2/2/2/2 kéo dài với ba điệp từ *xanh* khẳng định vẻ đẹp tuyệt vời của cảnh

sắc quê hương, sức sống mãnh liệt của dân tộc là vĩnh hằng, là muôn thuở như màu xanh của tre:

Mai sau
Mai sau
Mai sau
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

Nghệ thuật ngắt nhịp trong một số câu 6 thành 2 nhịp lẻ 3/3 đã làm cho giọng thơ, nhịp điệu biến đổi đầy tính thẩm mĩ:

– Thân gầy guộc/ lá mong manh
– Có gì đâu/ có gì đâu
– Năm qua đi/ tháng qua đi.

Cách ngắt nhịp lẻ ấy, lúc thành hai vế biến đổi, lúc lại lấy lại vần thơ để gây ấn tượng và cảm xúc về nhạc tính, về âm điệu trữ tình thiết tha.

Nghệ thuật nhân hoá đã góp phần làm cho thơ của Nguyễn Duy có chiều sâu triết lí: Tre đã trở thành biểu tượng cho đức tính tốt đẹp của nhân dân ta, cho sức sống mãnh liệt của dân tộc trên mọi chặng đường lịch sử. Với sự cần cù, siêng năng, chịu khó, ham sống, sống mạnh mẽ, lạc quan, yêu đời hàng loạt các hình ảnh nhân hoá hồn nhiên, ý nhị gợi cho ta những liên tưởng thấm thía: *Tre đu, Tre hát, Tre yêu nhiều, không đứng khuất mình...*

Yêu nhiều nắng nỏ trời xcnh,
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm

Câu thơ giàu chất triết lí nhưng vẫn rất thơ. Có trời "xanh" nên mới có "tre xanh". Cũng như nhân dân ta giàu chí khí, có tinh thần tự lập, tự cường nên *tre xanh không đứng khuất mình bóng râm*. Câu thơ khẳng định một tâm thế cao quí của dân tộc ta.

Tả tre trong *bão bùng* thử thách. Hàng loạt hình ảnh nhân hoá sống động, thấm đậm tình người: *tay ôm, tay níu, thương*

nhau tre chẳng ở riêng, có manh áo cộc tre nhường cho con. Phải chăng đó là tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau, biết sẻ chia trong một cộng đồng! Vậy thì nhà thơ đang nói tre hay nói chính con người Việt Nam, về đạo lí làm người.

Đạo lí làm người là lòng trung hiếu, tình yêu nước thương nhà đã trở thành cái gốc của dân tộc ta và được ông cha truyền lại cho muôn đời con cháu. Nhà văn không nói thẳng ra mà lại ý nhị gửi gắm qua hình tượng tre với một lối tư duy nghệ thuật độc đáo:

Chẳng may thân gãy cành rơi
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng

Lại nói đến "măng" tre vẫn lối tư duy độc đáo và mới mẻ, nhà thơ đã ví măng với mũi chông nhọn hoắt:

Nòi tre đâu chịu mọc cong
Chưa lên đã thẳng như chông lạ thường.

Một hình ảnh so sánh tuyệt đẹp gợi liên tưởng cho người đọc, đó chẳng phải là nhà văn đang ca ngợi chí hiên ngang, tinh thần bất khuất của triệu triệu thế hệ con người dũng mãnh như cả rừng măng, rừng chông nhọn hoắt đang thách thức với kẻ thù? Câu thơ có chất trí tuệ nhưng vẫn không mất đi chất trữ tình, vẫn phảng phất đâu đó "hồn" ca dao.

Tre và măng lại được nhân hoá, ca ngợi mẫu tử, tình thâm. Người cũng như tre: hồn hậu, giàu đức hy sinh:

Lưng trần phơi nắng phơi sương
Có manh áo cộc tre nhường cho con

Lòng mẹ Việt Nam được nói đến đậm đà, sâu sắc và cảm động quá!

"Măng" lại tiếp tục được nhân hoá: lớp măng con tượng trưng cho thiếu niên nhi đồng Việt Nam. Các em là tinh hoa dân tộc, xứng đáng kế tục sự nghiệp của cha ông:

Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu.

Tre già măng mọc là một câu tục ngữ quen thuộc đã trở thành biểu tượng của thế hệ trẻ– tương lai của đất nước. Mỗi nhà văn lại có cách thể hiện khác nhau. *Măng mọc trên phù hiệu ở ngực của thiếu nhi Việt Nam – lứa tuổi măng non cửa nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà*. (Thép Mới). Mỗi cách thể hiện đều in đậm phong cách của từng nhà văn.

Trong bài thơ, nghệ thuật sử dụng điệp từ "xanh" được nhắc đi nhắc lại khẳng định cảnh sắc và sức sống mãnh liệt của quê hương, đất nước như màu xanh muôn thuở của tre.

Qua bài thơ *Tre Việt Nam*, ta thấy Nguyễn Duy đã thừa kế những ý tưởng truyền thống về Cây tre Việt Nam và diễn tả thành thơ bằng những nét nghệ thuật riêng của mình: cấu trúc câu thơ lục ngắt nhịp có nhiều biến đổi và có sự cách tân đáng quí. Sử dụng biến đổi hài hoà , các biện pháp tu từ, nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, điệp từ, điệp ngữ được vận dụng sáng tạo để viết nên nhịp câu thơ đầy hình ảnh, nhạc điệu, đậm đà màu sắc dân gian. Câu thơ đa thanh, đa nghĩa, có lúc mang ý vị như mang những triết lí vô cùng thấm thía: *Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh". "Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm, Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng, Tre già măng mọc có gì lạ đâu*. Tần số từ "xanh" xuất hiện nhiều lần trong bài thơ cho ta thấy cái tài sử dụng ngôn từ tạo lên tính hình tượng và tính truyền cảm cho lời thơ đẹp. *Tre Việt Nam* là bài thơ hay.

Có rất nhiều bài thơ hay viết về cây tre Việt Nam nhưng ta không thể "nhầm" bài thơ *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy với các bài thơ khác. Nó sẽ cùng đồng hành với tác giả và sống mãi với thời gian.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 74

Cảm nhận về văn bản *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới. (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Cây tre Việt Nam được Thép Mới viết để làm lời thuyết minh cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim đã thể hiện đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta. Lời thuyết minh đã góp phần làm lên giá trị của bộ phim, nó được coi như là một bài tuỳ bút đặc sắc, một bài thơ – văn xuôi đẹp của nhà báo, nhà văn Thép Mới.

Câu mở đầu Thép Mới viết: *Cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam*. Phải chăng tác giả đã xác lập mối quan hệ gắn bó lâu đời, đặc biệt giữa tre với người Việt Nam – nông dân Việt Nam. Chính vì thế mà tre có mặt khắp nơi trên đất nước: *Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi... đâu đâu cũng có tre nứa làm bạn*. Chỉ có một câu văn thôi mà đã gợi lên được tre ở mọi miền Tổ quốc. Hình ảnh đối xứng nhịp nhàng, câu văn có nhạc tính, đọc lên nghe rất thích thú. Tiếp ngay sau đó, nhà văn ca ngợi những đức tính đáng quí của tre: *Vào đâu tre cũng sống, ở đâu tre cũng xanh tươi. Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn*. Sức sống bền vững, dẻo dai; dáng vẻ thanh cao, giản dị của tre một lần nữa được nói lên trong những câu văn giàu nhạc tính, cân xứng nhịp nhàng. Đọc đến câu *Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người* thì ta bỗng hiểu ra cái ý vị sâu sắc: cây tre chính là con người Việt Nam, là tượng trưng cho dân tộc Việt Nam và những phẩm chất cao quí của tre cũng là những đức tính đẹp đẽ của con người.

Nhận định *tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam* là tư tưởng xuyên suốt bài văn. Để chứng minh cho nhận định này, tác giả đã đưa ra một hệ thống luận điểm với nhiều dẫn chứng. Luận điểm thứ nhất như đã nói ở phần mở đầu, sự gắn bó của cây tre với con người Việt Nam. *Cây tre có mặt ở khắp nơi trên đất nước.* Hơn thế nữa, *tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp*. Đã từ lâu đời, dưới bóng tre xanh con người Việt Nam đã làm ăn sinh sống và gìn giữ một nét văn hoá cổ truyền. Tre còn giúp người trăm nghìn công việc khác nhau như là *cánh tay của người nông dân*:

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm.

Trong cuộc sống đời thường, tre gắn bó với con người thuộc mọi lứa tuổi: với tuổi thơ, tre là nguồn vui – các bạn nhỏ chơi chuyền đánh chắt bằng tre; với lứa đôi nam nữ thì dưới bóng tre là nơi hò hẹn tâm tình; với tuổi già hút thuốc làm vui thì có chiếc điếu cày... *Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình sống có nhau, chết có nhau, chung thuỷ.*

SÁCH GIÁI
www.sachgiai.com

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước, tre cũng gắn bó cùng dân tộc. *Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta... Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù... Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người.* Chính trong hoàn cảnh chiến đấu, tre bộc lộ nhiều phẩm chất cao quí khác: thẳng thắn, bất khuất *Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng. Tre lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.* Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, cây tre càng gắn bó khăng khít, chặt chẽ hơn với con người Việt Nam. Từ truyền thuyết cây tre đằng ngà cùng anh hùng làng Gióng đánh tan giặc Ân, đến câu ca dao:

Trồng tre nên gậy, gặp đâu đánh què!

Cho tới cuộc kháng chiến chống Pháp... cây tre rất xứng danh anh hùng bất khuất, như dân tộc Việt Nam bất khuất anh hùng.

Để tổng kết vai trò lớn lao của cây tre đối với đời sống con người và dân tộc Việt Nam, tác giả đã khái quát: *Tre, anh hùng lao động! Tre , anh hùng chiến đấu.*

Cây tre tiếp tục gắn bó thân thiết với dân tộc Việt Nam trong hiện tại và mãi mãi sau này. Phần kết của bài kí, tác giả đặt ra một vấn đề có ý nghĩa: vai trò của cây tre khi đất nước bước vào thời kì mới (Công nghiệp hoá– hiện đại hoá) trong giai đoạn hiện tại và tương lai, khẳng định tre mãi mãi là người bạn *chia bùi, sẻ ngọt* với con người. Để đưa người đọc đến vấn đề này, tác giả bắt đầu từ hình *ảnh nhạc của trúc, của tre, hình ảnh sáo tre, sáo trúc* biểu lộ tâm tình của con người Việt Nam. Những câu văn viết về nhạc của trúc, của tre thiết tha bay bổng như một đoạn thơ– văn xuôi giàu nhạc tính. Sau đó, tác giả lấy câu tục ngữ *tre già măng mọc* và hình ảnh *măng non trên phù hiệu đội viên thiếu nhi* làm phương tiện chuyển ý rất tự nhiên để khẳng định vị trí của cây tre trong tương lai của đất nước: *Nứa tre... còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia ngọt sẻ bùi của những ngày mai tươi hát... Ngày mai, trên đất nước này, sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa. Nhưng trên đường đời ta dấn bước, tre xanh mãi là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình...* Nghĩa là cây tre với những phẩm chất quí báu của nó lưu giữ biết bao giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, *tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam* vẫn còn mãi với các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau, với bao niềm tự hào và kiêu hãnh:

Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh...

(Nguyễn Duy, Tre Việt Nam)

Bài *Cây tre Việt Nam* với nhiều chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng, phép nhân hoá sử dụng thành công, lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu, Thép Mới đã đem đến cho người đọc vẻ đẹp bình dị và những phẩm chất cao quí của cây

tre. Cây tre đã trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam .

ĐỀ SỐ 75

Cảm xúc trữ tình trong bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới (Ngữ văn 6 – Tập II).

Bài làm

Cây tre Việt Nam được nhà văn, nhà báo Thép Mới viết để làm lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Bài văn có chất kí, nhưng tác giả đã khéo kết hợp miêu tả, thuyết minh với trữ tình và bình luận nên bài văn không khô khan. Có thể nói *Cây tre Việt Nam* là một bài tuỳ bút– trữ tình đặc sắc, một bài thơ – văn xuôi đẹp và hàm chứa nhiều ý nghĩa.

www.sachgiai.com

Bộ phim *Cây tre Việt Nam* được thực hiện sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện đất nước và con người Việt Nam. Có lẽ khi viết bài văn này, Thép Mới đã "hoà" dòng cảm xúc dạt dào vào ngòi bút của mình để viết lên những dòng văn, trang văn trữ tình đến như vậy! Phải chăng đó là cảm xúc kiêu hãnh, tự hào với những phẩm chất đáng quí của dân tộc Việt Nam đã được kết tinh và hội tụ từ bao đời nay, từ thuở vua Hùng dựng nước Văn Lang cho tới hôm nay và mãi mãi mai sau. Nó trở thành *tượng trưng cao quí của dân tộc*. Cảm xúc này được duy trì trong suốt bài văn với những yếu tố trữ tình xen kẽ hệ thống luận điểm được minh học hình ảnh, nhạc điệu, câu văn, những câu ca dao, câu thơ trữ tình, tục ngữ...

Đọc câu văn xuôi mà cứ ngỡ là thơ bởi hình ảnh đối nhịp nhàng, câu văn có nhạc tính: *Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre*

ngút ngàn Điện Biên Phủ, luỹ tre thân mật làng tôi... đâu đâu cũng có nứa tre làm bạn. Chỉ một câu văn thôi đã gợi lên được tre ở khắp mọi miền Tổ quốc. Tiếp đó là những đức tính đáng quí của tre. Sức sống bền vững, dẻo dai; dáng vẻ thanh cao, giản dị của tre cũng được thể hiện trong câu văn giàu nhạc tính, cân xứng nhịp nhàng:

Vào đâu tre cũng sống/ ở đâu tre cũng xanh tốt.

Dáng tre vươn mộc mạc/ màu tre tươi nhũn nhặn.

Thể hiện sự gắn bó của tre hàng ngàn đời, và "mối tình" chung thuỷ mà nhà văn đã viết:

Tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp... Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thuỷ.

Giọng văn bỗng dưng thay đổi nghe như lời kể chuyện cổ tích "Ngày xửa, ngày xưa" lắng sâu vào lòng người đọc. Rồi giọng văn lại trở lên mạnh mẽ lạ thường khi diễn tả tre gắn bó với dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước. ... *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù... Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hy sinh để bảo vệ con người*. Lời văn khẳng khái, hùng hồn, gợi phẩm chất thẳng thắn bất khuất của tre. Nhà văn đã tôn vinh tre bằng những danh hiệu cao quí của con người: *Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu*! Không phải ngẫu nhiên Thép Mới lại ca ngợi cây tre bằng những ngôn từ "đẹp" đến như vậy, mà từ nơi sâu thẳm nơi trái tim tác giả đã dạt dào cảm xúc kiêu hãnh, tự hào về những phẩm chất cao quí của dân tộc mình. Hai câu : *Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!* rõ ràng là văn xuôi nhưng đọc lên nghe như "thơ". Bởi cấu trúc lặp lại của nó kết hợp với hai chấm than ở cuối cùng đã làm nên chất trữ tình, truyền cảm sâu sắc tới người đọc.

Càng trữ tình hơn khi tác giả đưa ra một vấn đề có ý nghĩa: vai trò của cây tre khi đất nước bước vào thời kì xây dựng và đổi mới (thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá), giai đoạn hiện tại và tương lai, và khẳng định tre mãi mãi là người bạn "chia bùi sẻ ngọt" với con người. Tác giả bắt đầu từ hình *ảnh nhạc của trúc, của tre, hình ảnh sáo tre, sáo trúc* biểu lộ tâm tình của con người nhằm nói lên sự gắn bó của cây tre với đời sống tinh thần của người Việt Nam. Những câu văn viết về nhạc của trúc, của tre thiết tha, bay bổng như một đoạn thơ– văn xuôi giàu nhạc:... *Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê*. Tre là phương tiện để con người biểu lộ những rung động, cảm xúc bằng âm thanh, bằng tiếng sáo: *Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre*. Bàn về tre trong tương lai của đất nước: *Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt thép và xi măng cốt sắt*. Đọc đến đây. ta nghe tưởng chừng câu văn rất khô khan. Nhưng ngay sau đó là những câu văn nối tiếp nhau, uốn lượn mềm mại, bay bổng, dạt dào trữ tình như thơ, ngân nga êm dịu lòng người: *Ngày mai, trên đất nước này, sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa. Nhưng trên đường trường ta dấn bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi*. Cây tre với những phẩm chất quí báu của nó đã lưu giữ biết bao giá trị lịch sử, giá trị văn hoá. *Tượng trưng cao quí của dân tộc Việt Nam vẫn còn mãi mãi với các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau.*

Để thuyết minh cho người đọc hiểu ý bao quát của bài văn: *cây tre là người bạn thân của nông dân Việt Nam ,bạn thân của nhân dân Việt Nam*, nhà văn đã đưa ra một hệ thống dẫn chứng rất rõ và đầy đủ nhưng lại không hề khó khăn bở: tác giả đã lồng được cảm xúc vào hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu trưng, nhạc điệu trong câu văn, cấu trúc câu, từ ngữ gợi cảm... Một yếu tố trữ tình

nữa không thể không nói đến đó là các, câu thơ trữ tình, câu ca dao, tục ngữ được tác giả đưa vào đúng lúc. Bản giao hưởng *Cây tre Việt Nam* có những câu thơ như những nốt nhấn sâu lắng:

Bóng tre trùm mát rượi

Đây là một hình ảnh hết sức quen thuộc đối với mỗi làng quê Việt Nam. Không những thế bóng tre đã trở thành một hoán dụ để chỉ nền văn hoá lâu đời của dân tộc Việt Nam. Nó được xuất hiện rất nhiều trong văn chương của dân tộc. Tố Hữu đã viết rất nhiều về tre trong bài *Cá nước:*

Gặp nhau lưng đèo Nhe
Bóng tre trùm mát rượi

Nhớ biết bao nhiêu những câu hát cũ cứ vọng về trong trí nhớ của ta mỗi buổi chiều vàng, mỗi trưa nắng lửa:

Làng tôi xanh bóng tre,
Từng tiếng chuông ban chiều,
Tiếng chuông nhà thờ rung...

(Văn Cao)

Làng tôi sau luỹ tre mờ xa
Tình quê yêu thương những nếp nhà...

(Hồ Bắc)

Gợi nỗi vất vả của tre và con người trong cuộc sống đời thường:

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm.

Chỉ một câu thơ thôi mà nhà văn không cần viết nhiều cũng đủ để diễn tả sâu sắc mối quan hệ khăng khít "đời đời kiếp kiếp" của tre và người.

Những câu văn như giai điệu tình ca thánh thót: *Giang chẻ lạt, buộc mềm, khăng khít như những mối tình quê, cái thuở ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa:*

Lạt này gói bánh chưng xanh
Cho mai lấy trúc, cho anh lấy nàng...

Những hình ảnh như xuyên suốt cả chiều dài quá khứ: *Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.* Với cách ngắt nhịp ngắn, khá đều đặn 3/3/4/3, vần lưng "ay" láy bốn lần. Câu thơ có chất tạo hình: Từng vòng, từng vòng, quay nặng nề, chậm chạp như chiếc cối xay tre đã gợi cho người đọc hình dung cuộc sống nghèo khổ, vất vả, lam lũ, quanh quẩn, nặng nề của đời sống người nông dân Việt Nam chúng ta bao thế kỉ qua.

Bản giao hưởng lại được vút lên với câu *Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng* như một nốt nhạc nhấn mạnh phẩm chất của tre: *Tre là thẳng thắn, bất khuất*. Rồi lại trùng xuống bởi *khúc nhạc đồng quê man mác rung lên.*

Bao trùm lên tất cả bài văn là một giọng điệu nhịp nhàng cân xứng với những câu văn có nhạc tính cao tạo lên chất trữ tình đằm thắm, thiết tha. Đó chính là cái hay của bài văn, cái tài của nhà văn.

Cây tre Việt Nam là một bài văn tràn đầy cảm xúc trữ tình. Đọc lên ta thấy trong đó như có nốt nhạc trầm bổng đang du dương, ngân nga làm rung động lòng người, phảng phất đâu đó âm điệu của những câu ca dao, tục ngữ quen thuộc từ hàng nghìn đời nay. Nhưng đẹp hơn là chất tạo hình của các câu văn cứ nối tiếp nhau uốn lượn mềm mại, bay bổng, dạt dào trữ tình như tiếng thơ, lời ca ngân nga mãi. Vẻ đẹp nhân hoá trong bài cũng góp phần tạo lên sự truyền cảm sâu sắc và thấm thía người đọc. Quả thật tính trữ tình đã làm lên sự thành công của bài kí.

ĐỀ SỐ 76

Phân tích Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng

Bài làm

Truyện ngụ ngôn *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* đã nhân hoá năm bộ phận của thân thể con người tạo cho mỗi bộ

phận một vị thế rất hóm hỉnh: cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai và lão miệng.

Trước kia, họ vẫn dựa vào nhau mà cùng tồn tại. Nhưng rồi cô Mắt đã khởi xướng một cuộc tẩy chay bất hợp tác với lão Miệng. Cô đã vận động được cậu Chân, cậu Tay và bác Tai kéo đến "nhà" lão Miệng, nói cho lão ta biết *phải lo lấy mà sống;* chúng tôi vất vả lam lũ xưa này mà nào co biết cái gì *ngọt bùi ngon lành* nào đâu!

Cuộc tẩy chay bắt đầu. Chỉ mấy ngày sau, cô Mắt thì *lờ đờ*, cậu Chân, cậu Tay *thì không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy vui đùa như trước nữa.* Bác Tai thì *ù ù như xay lúa ở trong*, ... Tất cả đều *lừ đừ mệt mỏi*; đến ngày thứ bảy thì *không thể chịu được nữa.* Còn lão Miệng trong thời gian ấy cũng *nhợt nhạt cả hai môi, hàm răng thì khô như rang, không buồn nhếch mép*. Cái "sáng kiến" của cô Mắt thế là hoàn toàn thất bại, gây tác hại cho cả người lẫn mình!

Anh em ta cùng nhau hân hoan: cậu Tay kiếm thức ăn bỏ vào mồm lão Miệng. Lão nhai và nuốt vào họng, cụ Bụng căng tròn (có một dị bản nói thế), tức thì ai cũng thấy "đỡ mệt nhọc", dần dần thấy "khoan khoái" như trước. Từ đó, họ bảo nhau *thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả*. Từ thực tế mà họ thấm thía lẽ đời. Lẽ đời không đơn giản!

Bài học luân lí hàm chứa trong truyện ngụ *ngôn Chân, Tay, Tại, Mắt, Miệng* khá sâu sắc:

Trong cuộc sống đừng a dua, đừng nghe người ta xui dại, làm bậy mà thiệt hại đến mình. Con người không thể sống riêng biệt một mình mà tồn tại, mà được hạnh phúc. Mỗi người, mỗi bộ phận, mọi tổ chức đều gắn bó trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau như các bộ phận trong cơ thể. Cũng đừng cho mình là quan trọng nhất mà coi thường người khác, hoặc suy bì tị nạnh bon chen trong cuộc sống. Cùng sống, cùng hoà hợp và tồn tại để mưu cầu hạnh phúc là bài học sâu sắc nhất được rút ra từ truyện ngụ ngôn này.

ĐỀ SỐ 77

Kể sáng tạo truyện *Cây bút thần.*

Bài làm

Tôi là một đứa trẻ mồ côi. Mới mười tuổi tôi đã phải tự kiếm sống. Hàng ngày tôi đi chặt củi, cắt cỏ bán lấy tiền đong gạo. Tuy nghèo nhưng tôi rất thích học vẽ. Nhiều hôm, đi qua lớp học nhìn bọn trẻ con nhà giàu đang được thầy dạy vẽ, tôi thèm muốn được như chúng vô cùng. Một hôm, tôi đánh bạo xin theo học. Thầy giáo khinh bỉ nhìn tôi:

- Thằng kia, mày có điên không đấy? Một đứa trẻ mồ côi, nghèo kiết xác như mày cũng đòi học vẽ à?

Rồi thầy đuổi tôi ra khỏi trường.

Bọn học trò nhìn tôi, cười ồ lên. Tôi chạy ra khỏi trường, những giọt nước mắt tủi hờn lăn trên gò má. Sau lưng tôi, tiếng cười chế nhạo của bọn học trò con nhà giàu vẫn vang lên. Tôi tự nghĩ "nghèo thì có tội gì mà không được học vẽ?"

Về nhà, tôi quyết tâm tự học vẽ. Khi kiếm củi trên núi, tôi nhìn chim bay trên đầu lấy que vạch xuống đất vẽ chim. Lúc cắt cỏ ven sông, tôi nhìn tôm cá bơi dưới nước rồi nhúng tay vào nước, vẽ chúng trên đá. Khi về nhà tôi vẽ các đồ đạc trong nhà lên tường, bốn bức tường dày đặc các hình vẽ, nom thật ngộ.

Năm tháng trôi qua, tôi không ngừng học vẽ, không bỏ phí ngày nào. Mọi người đều khen tôi vẽ chim cá giống hệt như thật. Thế nhưng tôi vẫn chưa có nổi một cây bút vẽ. Tôi chỉ mong sao có được một chiếc.

Một đêm, trong giấc ngủ, tôi thấy một cụ già râu tóc bạc phơ hiện ra trước mặt, đưa cho tôi một cây bút và nói:

- Đây là cây bút thần, nó sẽ giúp con nhiều.

Tôi nhìn cây bút bằng vàng sáng lấp lánh, sung sướng reo lên:

- Ôi, cây bút đẹp quá! Con xin cảm ơn cụ! Cảm ơn cụ!...

Tôi chưa nói dứt lời, cụ già đã biến mất. Tôi giật mình tỉnh dậy mới biết là mình nằm mơ. Nhưng lạ chưa, cây bút thần vẫn nằm trong tay tôi.

Tôi lập tức vùng dậy, lấy bút ra vẽ. Tôi vẽ một con chim, chim tung cánh bay lên trời, cất tiếng hót líu lo. Tôi vẽ tiếp một con cá, cá quẫy đuôi trườn xuống nước, bơi tung tăng. Tôi thích thú vô cùng.

Từ đó, tôi dùng cây bút thần vẽ cho tất cả người nghèo trong làng, nhà nào không có cày, tôi vẽ cho cày, nhà nào không có cuốc, tôi vẽ cho cuốc, nhà nào không có đèn, tôi vẽ cho đèn, nhà nào không có thùng, tôi vẽ cho thùng,...

Một hôm, tôi đang vẽ thì có mấy tên đầy tớ của tên địa chủ giàu có trong làng ập đến. Chúng xông vao bắt trói tôi lôi đi. Thì ra chuyện cây bút thần lọt đến tai tên địa chủ. Hắn bắt tôi vẽ theo ý muốn của hắn. Tôi tuy nhỏ nhưng cũng hiểu bụng dạ tham lam của bọn nhà giàu, nên không vẽ bất cứ thứ gì, mặc cho hắn hết dụ dỗ lại đe doạ. Từ giận, hắn nhốt tôi vào chuồng ngựa, không không cho ăn uống gì.

Trời rét căm căm, nhìn qua khe hở, tôi thấy bên ngoài, tuyết rơi dày đặc. Tôi bèn vẽ một cái lò sưởi để chống rét. Tôi vẽ mấy cái bánh, đặt lên lò sưởi nướng. Mùi bánh nướng bốc lên thơm ngào ngạt.

Được ba hôm, ngồi bên lò sưởi ăn bánh tôi bỗng nghe thấy la hét bên ngoài. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy mười mấy tên đầy tớ cùng hung hăng tiến về phía chuồng ngựa. Tay chúng lăm lăm những con dao. Tên địa chủ thét:

- Giết chết tên Mã Lương cho tao! Cướp lấy cây bút của hắn!

Tôi bèn vẽ một cái thang, trèo qua tường trốn thoát. Thoát ra khỏi nhà tên địa chủ, tôi vẽ tiếp một con ngựa rồi nhảy lên

ngựa phóng ra khỏi làng. Đi chưa được bao xa, chợt có tiếng huyên náo sau lưng, tôi quay lại nhìn. Trong ánh đuốc sáng rực, tôi thấy tên địa chủ cưỡi trên lưng một con tuấn mã, tay vung dao sáng loáng dẫn khoảng hai chục tên đầy tớ, đang đuổi theo. Khi bọn chúng đến gần. Tôi lặng lẽ rút cây bút thần vẽ chiếc cung và mũi tên. Tôi giương cung. Vút. Mũi tên lao đúng họng tên địa chủ, hắn ngã nhào xuống đất. Tôi ra roi thúc ngựa, ngựa tung vó phóng như bay.

Đi suốt mấy ngày đêm ròng rã không nghỉ. Sau cùng, tôi quyết định dừng chân ở thị trấn nhỏ. Không có việc làm, tôi bèn vẽ tranh đem bán ở phố. Sợ lộ, nên tôi vẽ các bức tranh đều dở dang: chim thì thiếu cái mỏ hoặc một chân...

Một hôm, khi vẽ một con cò trắng không mắt. Vì sơ ý, tôi đánh rơi một giọt mực vào bức tranh. Giọt mực rơi đúng vào mắt cò. Lập tức cò mở mắt, xoè cánh bay đi. Chuyện đó chấn động cả thị trấn. Rồi chẳng hiểu có kẻ nào mách lẻo đến tố giác với nhà vua mà vua phái một vị đại thần đến đón tôi về kinh đô.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Vốn đã nghe nhiều chuyện đồn đại về tên vua độc ác đó nên tôi nhất định không chịu đi. Bọn chúng liền gông cổ tôi lại, cho vào cũi đưa tôi về hoàng cung.

Tên vua bảo tôi vẽ một con rồng, tôi liền vẽ một con cóc ghẻ. Hắn bắt vẽ con phượng, tôi lại vẽ con gà trụi lông. Hai con vật xấu xí, bẩn thỉu đó nhảy nhót bên cạnh nhà vua. Hắn tức giận, cho quân lính xông vào cướp cây bút thần của tôi, rồi nhốt tôi vào ngục.

Nghe nói tên vua tham lam đó đã dùng cây bút thần để vẽ núi vàng, nhưng núi vàng biến thành núi đá. Rồi những tảng đá từ trên đỉnh lăn xuống, suýt đè gẫy chân hắn. Hắn lại vẽ những thỏi vàng dài, nhưng những thỏi vàng lại biến thành con mãng xà suýt nuốt chửng hắn.

Biết không có tôi thì không thể làm được gì, tên vua đành thả tôi ra, dùng bạc vàng dỗ dành và hứa gả công chúa cho tôi.

Để có thể thoát thân cùng cây bút thần, tôi vờ đồng ý. Hắn mừng lắm, liền trả bút thần cho tôi.

Tên vua bảo tôi vẽ biển cả. Tôi đưa hai nét bút, biển cả rộng mênh mông, xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt đã hiện ra trước mặt. Tên vua ngắm nhìn biển và bảo tôi:

- Sao biển lại không có cá?

Tôi chấm vài chấm, biển hiện ra bao nhiêu là cá, đủ màu sắc, uốn đuôi mềm mại bơi lội tung tăng. Đàn cá bơi xa dần, xa dần. Tên vua thích quá, vội ra lệnh:

- Hãy vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền! Ta muốn ra khơi xem cá.

Tôi vẽ ngay một chiếc thuyền buồm lớn. Vua, hoàng hậu, công chúa, hoàng tử và các quan đại thần xuống thuyền. Tôi đưa thêm vài nét bút, gió nổi lên nhè nhẹ, mặt biển nổi sóng lăn tăn. Thuyền từ từ ra khơi.

Thấy thuyền còn đi chậm quá, tên vua đứng trên thuyền kêu lớn:

- Cho gió to thêm một tí! Cho gió to thêm một tí!

Tôi đưa thêm mấy nét bút đậm, sóng biển liền nổi lên, buồm căng phồng, chiếc thuyền lao khỏi bờ nhanh vun vút.

Tôi lại tô thêm những nét bút đậm nữa, gió mạnh nổi lên, biển động, thuyền lắc lư nghiêng ngả. Tên vua cuống quýt kêu lên:

- Đừng cho gió thổi nữa! Đừng cho gió thổi nữa!

Tôi vờ không nghe thấy, tiếp tục vẽ những đường cong lớn. Biển động dữ dội, sóng biển xô vào thuyền hết đợt này đến đợt khác. Tên vua bị sóng biển làm ướt cả người, tay ôm chặt cột buồm, gào to bảo tôi thôi không vẽ nữa. Mặc, tôi cứ tiếp tục vẽ. Gió bão càng to, mây đen kéo mù mịt, trời tối sầm. Chiếc thuyền ngả nghiêng rồi bị chôn vùi trong những lớp sóng hung dữ.

Sau đó, tôi đã rời khỏi kinh đô. Tôi đi khắp nơi để vẽ cho những người nghèo khổ.

ĐỀ SỐ 78

Cảm nhận khi đọc *Cây bút thần*.

Bài làm

Cây bút thần là một truyện cổ tích đặc sắc của kho tàng cổ tích Trung Quốc và nhân loại. Truyện kể về một cậu bé thông minh, tài giỏi, với cây bút thần trong tay đã giúp ích rất lớn cho cuộc đời.

Mã Lương – tên cậu bé đó – thuộc kiểu nhân vật có tài năng kì lạ. Đây là kiểu nhân vật phổ biến trong truyện cổ tích.

Tài năng của Mã Lương không phải ngẫu nhiên mà có. Đó là kết quả của một quá trình say mê, cần cù luyện tập, cộng với trí thông minh và tài năng bẩm sinh. Tuy nhiên tài năng ấy chỉ có thể trở thành kì lạ khi có sự trợ giúp của lực lượng thần kì: Thần trao cho cây bút bằng vàng có thể vẽ được những vật thật.

Nhưng vấn đề đặt ra là tại sao thần lại ban cho Mã Lương cây bút thần mà không ban cho một ai khác. Phải chăng, đây là sự ban thưởng xứng đáng cho những người có tâm, có tài, có trí, khổ công học tập và rèn luyện? Và phải chăng, đặt cây bút thần vào trong tay Mã Lương, thần còn đặt vào đó một niềm tin và sự kì vọng nào đó? Và Mã Lương đã không phụ lòng kì vọng của thần linh. Với cây bút thần trong tay, Mã Lương đã giúp đỡ những người nghèo khổ trong làng. Điều đáng nói ở đây là Mã Lương không vẽ cho họ thóc lúa, trâu bò, dê lợn, vàng bạc..., cậu chỉ vẽ cho họ cày, cuốc, đèn, thùng... Tại sao vậy? Có thể nói, chỉ một chi tiết nhỏ thôi nhưng ý nghĩa lại rất sâu sắc. Mã Lương không vẽ cho họ những của cải sẵn có để họ chỉ việc hưởng thụ. Cậu bé vẽ cho họ những phương tiện cần thiết cho cuộc sống để họ sản xuất, tạo ra của cải. Từ việc làm của Mã Lương, tác giả dân gian muốn nêu ra một quan niệm sống đẹp: của cải do con người hưởng thụ phải do chính con người làm ra. Quan niệm sống ấy chứa đựng cả một tinh thần

nhân bản, tạo ra cho truyện cổ tích này một lớp ánh sáng nhân văn chiếu rọi vào tâm hồn bạn đọc.

Mã Lương tưởng như có thể sống bình yên với cây bút thần, với dân làng. Nhưng cái ác còn lộng hành trong cuộc sống đã không chấp nhận việc làm của Mã Lương. Đại diện cho cái ác là tên địa chủ và tên vua tham lam độc ác. Với thái độ căm ghét sâu sắc, Mã Lương đã vung cây bút thần lên, như một tráng sĩ vung lưỡi gươm công lí lên quét sạch mọi rác rưởi trong xã hội, lập lại công bằng và công lí, đem lại hạnh phúc cho nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh chống cái ác, tác giả dân gian đã đặt Mã Lương vào những tình huống thử thách từ thấp đến cao, càng ngày càng khó khăn phức tạp. Và kì lạ thay, trong những tình huống cam go nhất, phẩm chất của Mã Lương được khẳng định: Từ chỗ không vẽ gì cho tên địa chủ trong làng đến chỗ vẽ ngược hẳn ý muốn của tên vua (vua bảo vẽ rồng, cậu vẽ cóc ghẻ; vua bảo vẽ phượng, cậu vẽ gà trụi lông...); từ chỗ trừng trị tên địa chủ để thoát thân (hắn đuổi theo Mã Lương để bắt giết cậu, cướp bút thần), đến chỗ chủ động diệt kẻ ác để trừ hoạ cho mọi người (vẽ sóng biển để nhấn chìm vua và triều thần độc ác).

Cuộc đấu tranh giữa Mã Lương với cái ác là cuộc đấu tranh không cân sức: Mã Lương đơn độc một mình, còn kẻ ác có trong tay lực lượng hùng mạnh, lại có quyền thế. Vì thế, muốn tiêu diệt chúng, chỉ có lòng khẳng khái, dũng cảm với cây bút thần không thôi thì chưa đủ, cần phải có thêm sự mưu trí và thông minh. Phẩm chất này của Mã Lương bộc lộ rất rõ trong cuộc đọ sức giữa cậu với tên vua độc ác.

Khi tên vua thả Mã Lương ra, hứa ban thưởng vàng bạc và gả công chúa cho. Mã Lương đã vờ đồng ý. Điều này khiến tên vua và bọn triều thần chủ quan mất hết cảnh giác.

Khi tên vua bảo Mã Lương vẽ biển, cậu đã vẽ một cái biển thật đẹp *rộng mênh mông, xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt như mặt gương soi*, rồi *bao nhiêu là cá, đủ các màu*

sắc uốn đuôi mềm mại bơi lội tung tăng. Điều này khiến tên vua vô cùng thích thú.

Rồi Mã Lương lại cho đàn cá bơi xa dần, xa dần, để nhử tên vua ra giữa biển khơi. Khi vua đòi thuyền, Mã Lương vẽ một cái thuyền lớn để có thể chở hết cả bọn hoàng hậu, công chúa, hoàng tử, các quan đại thần gian tham.

Cuối cùng, cậu dùng gió to, sóng lớn để chôn vùi chúng giữa biển khơi.

Tác giả dân gian đã có dụng ý đắc biệt khi kể lại rất tỉ mỉ việc Mã Lương dùng mưu kế để tiêu diệt tên vua cùng triều thần tham lam, độc ác. Việc Mã Lương thẳng tay trừng trị tên địa chủ và tên vua tham lam, độc ác thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội. Mặt khác, cũng qua hành động này, tác giả dân gian muốn khẳng định tài năng chỉ thực sự có giá trị khi nó được đem ra để phục vụ nhân dân, phục vụ chính nghĩa, chống lại cái ác; đồng thời cũng khẳng định nghệ thuật chân chính phải thuộc về nhân dân, về những người tốt bụng, có tài và khổ công luyện tập.

Sự kì diệu của cây bút thần khiến ta liên tưởng đến sự kì diệu của cây bút của hoạ sĩ Bơ–men trong *Chiếc lá cuối cùng* (tác phẩm của nhà văn Mĩ Ô Hen-ri) đã tạo ra kiệt tác bất hủ, cứu sống được một con người đã ở ngưỡng cửa của tử thần.

Cây bút thần không chỉ có giá trị lớn về nội dung tư tưởng, mà còn là một truyện cổ tích rất đặc sắc về mặt nghệ thuật. Truyện được xây dựng theo trí tưởng tượng độc đáo và phong phú của nhân dân. Với một loạt các tình tiết lý thú, gợi cảm, đặc biệt là việc xây dựng hình ảnh cây bút thần và khả năng kì diệu của nó, truyện đã thể hiện ước mơ của con người và giúp họ thực hiện ước mơ đó.

Truyện cổ tích *Cây bút thần* là mơ ước về niềm tin của con người, về chính con người. Đó là mơ ước và niềm tin về sức mạnh kì diệu của con người. Ước mơ và niềm tin ấy đã giúp cho con người không ngừng sáng tạo và vươn lên.

Năm tháng qua đi, con người không cần nhờ tới cây bút thần để thực hiện ước mơ của mình. Nhưng giấc mơ đẹp ấy thì vẫn còn mãi đến muôn đời.

ĐỀ SỐ 79

Kể sáng tạo truyện cổ tích *Ông lão đánh cá và con cá vàng* theo lời kể của ông lão đánh cá.

Bài làm

Hai vợ chồng tôi làm nghề đánh cá. Chúng tôi ở trong một túp lều nát bên bờ biển. Ngày ngày tôi đi thả lưới, còn vợ tôi ở nhà kéo sợi. Tuy nghèo nhưng chúng tôi sống khá đầm ấm.

Một hôm, tôi ra biển đánh cá. Lần đầu kéo lưới chỉ có bùn; lần thứ hai chỉ toàn rong biển. Tôi thở dài ngao ngán và kéo tiếp lần thứ ba. May quá, trong lưới là một con cá vàng to và đẹp. *Sẽ bán được món tiền kha khá đây* – tôi thầm nghĩ như vậy và thò tay vào lưới toan bắt cá.

Bỗng con cá cất tiếng kêu van:

– Ông lão ơi! Ông làm phúc thả tôi trở về biển cả, tôi sẽ xin đền ơn ông, ông muốn gì cũng được.

Tôi ngạc nhiên quá, nhưng rồi cũng thả con cá xuống biển. Tôi bảo nó:

– Trời phù hộ cho ngươi! Ngươi trở về biển khơi mà vùng vẫy. Ta không đòi gì cả, ta cũng chẳng cần gì.

Về nhà, tôi kể lại chuyện cá vàng cho vợ tôi nghe. Ai ngờ, mụ nổi xung lên mắng tôi:

– Đồ ngốc! Sao lại không bắt con cá đền cái gì? Đòi một cái máng cho lợn ăn không được à? Cái máng của nhà ta đã gần vỡ rồi.

Thấy mụ vợ nói cũng có lí, tôi liền đi ra biển. Biển gợn sóng êm ả. Tiếng sóng rì rào ca hát thật vui tai. Tôi cất tiếng gọi cá vàng. Con cá lập tức bơi lên và ân cần hỏi tôi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Tôi chào con cá và bảo:

– Cá ơi! Giúp tôi với. Mụ vợ tôi nó mắng tôi và đòi tôi xin cá cho một cái máng lợn mới. Máng nhà tôi đã sắp hỏng rồi.

Con cá vàng cười:

– Ông lão ơi! Xin ông đừng băn khoăn gì cả. Ông cứ về đi. Rồi ông sẽ có một cái máng mới.

Tôi về đến nhà thì mụ vợ tôi đã có một cái máng mới thật. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Ai ngờ, mụ lại quát to hơn:

– Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thấm vào đâu? Đi tìm lại con cá và đòi một cái nhà rộng.

Tôi lắc đầu nhìn mụ nhưng rồi cũng đi ra biển. Biển xanh hình như không hài lòng nên đã nổi sóng. Tôi gọi con cá vàng, con cá bơi lên hỏi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Tôi chào con cá và nói:

– Giúp tôi với, cá ơi! Mụ vợ tôi lại mắng nhiều hơn và không để cho tôi yên chút nào. Mụ đòi một toà nhà đẹp.

Con cá ôn tồn bảo tôi:

– Ông lão ơi, đừng băn khoăn quá. Thôi hãy về đi. Vợ ông sẽ được một cái nhà rộng và đẹp.

Tôi trở về. Tôi không tin vào mắt mình nữa, túp lều tranh rách nát của tôi đã biến đâu mất, thay vào đó là một ngôi nhà đẹp, có cổng bằng gỗ lim, trong nhà sáng sủa, quét vôi trắng xoá, và mụ vợ tôi đang ngồi bên cửa sổ. Tôi thầm nghĩ: *Chắc lần này mụ vợ mình hài lòng rồi.* Nhưng trông thấy tôi, mụ vợ tôi lại mắng:

– Đồ ngu! Sao ngốc thế? Đòi một cái nhà thôi à? Trời! Đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng: Tao không muốn làm một mụ nông dân quèn, tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân kia.

Tôi không sao hiểu nổi mụ. Thật là được voi đòi tiên. Nhưng thấy mụ giận dữ quá, tôi cũng đâm e ngại, không dám nói gì, đành đi ra biển. Biển xanh đã nổi sóng dữ dội. Tôi run run gọi con cá vàng, cá bơi lên hỏi tôi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Tôi chào con cá và lắp bắp nói:

– Giúp tôi với cá ơi! Mụ vợ tôi lại phát khùng lên, nó chẳng để cho tôi yên chút nào. Bây giờ nó không muốn làm nông dân nữa mà muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân.

Con cá vàng an ủi tôi:

– Ông lão ơi! Đừng lo lắng quá. Trời sẽ phù hộ cho ông.

Tôi lại trở về. Tôi bàng hoàng không tin vào mắt mình nữa. Trước mắt tôi, một lâu đài rộng lớn và lộng lẫy, xung quanh lâu đài là những thảm hoa rực rỡ sắc màu, ngào ngạt hương thơm. Mụ vợ tôi đang đứng trên thềm cao, mình khoác áo lông, đầu đội mũ nhiễu hoa, cổ quấn ngọc trai, tay đeo nhẫn vàng, chân đi giày đỏ. Nom mụ thật quý phái. Xung quanh mụ, kẻ hầu, người hạ tấp nập, còn mụ thì liên mồm quở mắng họ. Tôi bảo mụ:

– Kính chào phu nhân, chắc bây giờ bà đã thoả nguyện rồi chứ?

Không cần giữ thể diện cho chồng mình trước mặt bọn gia nhân, mụ quay sang mắng tôi một trận rồi bắt tôi xuống quét dọn chuồng ngựa. Sao mụ có thể cư xử với tôi như vậy nhỉ? Nhưng tôi không dám trái lời mụ.

Tôi tưởng lần này mụ đã thoả mãn lắm rồi. Nào ngờ, được vài tuần lễ, mụ lại giận dữ gọi tôi đến, bắt tôi đi tìm cá vàng:

– Lão đi tìm con cá và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng kia.

Tôi hoảng sợ kêu lên:

– Mụ nói gì thế? Mụ có lẫn không? Mụ không có học lại đanh đá chua ngoa, mà lại đòi làm nữ hoàng? Mụ không sợ mọi người chế giễu sao?

Mụ vợ tôi bèn nổi trận lôi đình, tát vào mặt tôi:

– Mày cãi à? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à? Đi ngay ra biển, nếu không tao sẽ cho người lôi cổ đi.

Tôi không dám trái lời mụ, đành lủi thủi đi ra biển. Trời, biển nổi sóng mù mịt quá. Tôi lo ngại không dám gọi cá vàng. Nhưng rồi nghĩ đến cơn thịnh nộ của mụ vợ, tôi đành kêu gọi con cá. Con cá bơi lên hỏi tôi:

– Ông lão ơi! Ông cần gì thế?

Tôi chào con cá và nói:

– Cá vàng ơi, mụ vợ tôi nổi cơn điên rồi, bây giờ mụ lại muốn làm nữ hoàng kia.

Con cá lạnh lùng bảo tôi:

–Được rồi tôi sẽ giúp lão. Mụ già sẽ là nữ hoàng.

Tôi lại trở về. Thật kinh ngạc. Trước mắt tôi là cung điện nguy nga. Mụ vợ tôi đã thành nữ hoàng đang ngồi ở bàn tiệc. Bọn thị vệ xung quanh, chúng rót mời mụ những thứ rượu và những thứ bánh ngon lành mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Xung quanh lại có cả một đội vệ binh gươm giáo chỉnh tề đứng hầu. Trông thấy thế, tôi hoảng sợ, cúi rạp xuống đất chào mụ và nói:

– Kính chào nữ hoàng. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?

Mụ vợ tôi không thèm nhìn, ra lệnh đuổi tôi đi. Bọn thị vệ xô tới đẩy tôi ra ngoài, bọn vệ binh cũng chạy tới tuốt gươm doạ chém. Tôi kinh hoàng. Nhân dân không rõ đầu đuôi cũng chạy lại chế giễu tôi: *Đáng kiếp! Có thế mới sáng mắt ra, lần sau đừng thấy người sang bắt quàng làm họ nữa!*

Tôi đi ra khỏi cung điện, vừa xấu hổ, vừa buồn bực. tôi lại trở về với nghề đánh cá kiếm sống.

Bỗng một hôm, bọn thị vệ đến bắt tôi đưa vào cung. Tôi nghĩ *Chắc mụ vợ mình muốn giết mình.*

Trông thấy tôi, mụ nổi cơn thịnh nộ, trừng mắt bảo tôi:

– Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốn làm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao.

Tôi há hốc mồm kinh ngạc, nhưng tôi không dám cãi mụ. Tôi đành phải đi ra biển. Một cơn giông tố kinh khủng kéo đến, biển nổi sóng ầm ầm. Tôi cố trấn tĩnh gọi cá vàng, rồi khẩn thiết van xin:

– Cá ơi, cứu tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mụ vợ quái ác này! Mụ lại không muốn làm nữ hoàng nữa, mụ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để cá vàng hầu hạ mụ và làm theo ý muốn của mụ.

Con cá vàng nhìn tôi, chỉ lắc đầu không nói gì. Rồi nó quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Tôi đứng trên bờ đợi mãi không thấy cá vàng lên trả lời, đành trở về. Về đến nơi, tôi sửng sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất, trước mặt tôi là túp lều tranh rách nát ngày xưa. Và trên bậc cửa, mụ vợ tôi, với bộ quần áo cũ rách, đang ngồi bên cái máng lợn sứt mẻ. Nước mắt mụ chảy ròng ròng.

Tôi thở phào nhẹ nhõm.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 80

Bình giảng về nhân vật mụ vợ ông lão trong truyện *Ông lão đánh cá và con cá vàng.*

Bài làm

Mụ vợ ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông lão đánh cá và con cá vàng* là một trong hai nhân vật chính của truyện cổ tích này.

Bút pháp truyền thống của truyện cổ tích là xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: chính diện và phản diện. Mụ vợ ông lão là nhân vật phản diện, tượng trưng cho cái xấu, cái ác.

Dưới ngòi bút điêu luyện và tinh tế của Pu–skin, cái ác và cái xấu hiện nguyên hình ở nhân vật mụ vợ và được tô đậm ở hai mặt: tham lam và bội bạc.

Lòng tham là một nét cá tính phổ biến ở nhiều người nhưng ở nhân vật mụ vợ ông lão, lòng tham được đẩy tới mức tột cùng.

Ban đầu, mụ đòi cá vàng trả ơn vợ chồng mụ một cái máng lợn mới, đòi hỏi này rất đơn giản và dễ dàng chấp nhận bởi âu cũng là chuyện bình thường. Tiếp theo mụ đòi một cái nhà đẹp. Tuy đòi hỏi này có tham hơn một chút nhưng vẫn có thể chấp nhận và tha thứ. Vì dù sao chồng mụ cũng là ân nhân của cá vàng, cái nhà của hai vợ chồng mụ lại là một túp lều nát. Nhưng càng ngày sự đòi hỏi của mụ vợ ngày càng quá quắt. Từ chỗ chỉ đòi hỏi những của cải cần thiết phục vụ cho cuộc sống và sinh hoạt bình dị của người dân lao động, mụ đã đòi hỏi một cuộc sống vật chất giàu có, gắn với danh vọng cá nhân: đòi làm nhất phẩm phu nhân – một địa vị sang trọng trong xã hội lúc bấy giờ, một địa vị gắn với bao vinh hoa phú quý. Từ một mụ nông dân quèn, nghèo hèn, không công trạng gì, trong phút chốc trở thành thành một bà nhất phẩm phu nhân danh giá, giàu sang, lẽ ra mụ phải biết tự thoả mãn, phải biết dừng đúng lúc. Nhưng lòng tham của con người là không cùng, mụ tiếp tục đòi hỏi. Lần này, mụ không chỉ đòi hỏi của cải và danh vọng, mụ còn đòi hỏi quyền lực: đòi làm nữ hoàng. Đây là địa vị cao nhất trong xã hội mà con người có thể có – Một địa vị gắn liền với vinh hoa phú quý tột đỉnh và những quyền lực lớn lao, dưới một người (trời) và trên muôn người (cả thiên hạ).

Tưởng như cái ham muốn của một kẻ tham lam đến đâu thì cùng chỉ đến đó là cùng. Nhưng đối với người đàn bà tham lam này, thế vẫn chưa đủ thoả mãn.

Thế là, lần thứ năm, mụ đòi cá vàng phải cho mụ làm Long Vương đầy quyền uy (một địa vị chỉ có trong tưởng tượng), ngự ở trên mặt biển, bắt cá vàng hầu hạ và làm theo ý muốn của mụ. Và như vậy, cái ham muốn của mụ còn tiếp tục. Thật là ngông cuồng hết chỗ nói. Đòi hỏi quá đáng này không thể được chấp nhận. Tham thì thâm, cuối cùng mụ lại trở về với thân phận một mụ nông dân quèn, với cái máng lợn sứt mẻ và một túp lều rách nát.

Tuy nhiên, nếu chỉ vì lòng tham, chưa hẳn mụ đã bị trừng phạt nặng nề đến thế. Mà cá vàng trừng phạt mụ chủ yếu là do quá phẫn nộ về sự bội bạc của mụ. Sự bội bạc của mụ chính là thái độ vô ơn bạc nghĩa đến vô liêm sỉ của mụ đối với ông lão và cá vàng.

Trước hết, là thái độ của mụ đối với ông lạo đánh cá. Ông lão không chỉ là chồng mà còn là ân nhân của mụ, người đã giúp mụ có được tất cả của cải, danh vọng, quyền lực. Lẽ ra, với tư cách một người vợ, một người chịu ơn, mụ phải rất hàm ơn và quý trọng chồng, cùng chồng hưởng vinh hoa phú quý. Thế nhưng, thái độ vô ơn của mụ ngày càng trơ tráo và bỉ ổi:

Lần thứ nhất, mụ mắng chồng là *đồ ngốc*.

Lần thứ hai, mụ quát to hơn và gọi chồng là *đồ ngu*

Lần thứ ba, mụ mắng như tát nước vào mặt: *đồ ngu, ngốc sao ngốc thế*. Và bắt quét dọn chuồng ngựa.

Lần thứ tư, mụ giận dữ, nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão: *Mày dám cãi à? Mày dám cãi một bà nhất phẩm phu nhân à?* Rồi sau khi đã thoả mãn được lòng tham nhờ chồng mà mụ được làm (nữ hoàng), thì mụ lại sai đuổi chồng đi.

Ông lão đánh cá càng giúp mụ, mụ càng thoả mãn được lòng tham bao nhiêu thì mụ càng cư xử với ông tệ bạc bấy nhiêu. Từ chỗ không tôn trọng chồng đến chỗ không coi ông là chồng, ngược đãi như nô lệ. Thái độ ấy khiến biển xanh cũng phải bất bình và phẫn nộ.

Cá vàng (một lực lượng siêu nhân, người đã giúp mụ có tất cả – trong khi mụ chẳng có công gì để đòi cá vàng trả ơn), mụ cũng có thái độ vô ơn như vậy. Không một lời chào hỏi, cảm tạ cá vàng đã đành, cuối cùng mụ còn muốn chính cá vàng cũng phải trở thành đầy tớ, nô lệ của mụ, để mụ sai khiến và hầu hạ mụ. Mụ không muốn đòi hỏi cá vàng qua ông lão nữa, mụ muốn gạt bỏ ông lão đi – một ân nhân đã trở thành chướng ngại vật. Thật là trơ tráo và bỉ ổi hết chỗ nói. Sụ bội bạc của mụ đã đi đến tột cùng, cả người và trời đất không thể dung tha!

Để trừng phạt đích đáng lòng tham lam và sự bội bạc của mụ, cá vàng đã đòi lại tất cả; hơn nữa còn bắt mụ phải trả giá thêm. Tuy vẫn trở lại với hiện trạng ban đầu; danh phận nghèo hèn, tài sản vẫn chỉ là cái máng lợn sứt mẻ và cái lều rách nát nhưng với mụ (một nữ hoàng thành một mụ nông dân nghèo khổ) thì không có sự trừng phạt nào nặng nề bằng.

Sự thất bại của mụ vợ ông lão đánh cá là sự thất bại của cái ác, cái xấu. Đây là sự thất bại tất yếu, hợp với lô gíc cổ tích và quan niệm sống của nhân dân.

SÁCH GIÁO KHOA
www.sachgiai.com

Nhân vật mụ vợ ông lão là một nhân vật điển hình của truyện cổ tích, nhằm thể hiện quan niệm và triết lí sống của nhân dân. Sọng, Pu–skin muốn mượn hình ảnh này để phê phán chế độ Nga Hoàng độc ác, tàn bạo, chuyên quyền đã đi ngược lại quyền lợi của nhân dân. Phải chăng, Pu–skin muốn nhân dân Nga nhìn rõ bộ mặt thật của chế độ Nga Hoàng và đứng lên đấu tranh.

Ý nghĩa của truyện, vì đó mà trở nên sâu sắc hơn.

Dù mang những ý nghĩa nào đi chăng nữa thì mụ vợ ông lão đánh cá vẫn là một trong những nhân vật cổ tích, để lại nhiều sự căm ghét và khinh bỉ nhất trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 81

Bình giảng về nhân vật ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông lão đánh cá và con cá vàng*

Bài làm

Ông lão đánh cá là một trong hai nhân vật chính của truyện, một nhân vật đối lập với nhân vật mụ vợ.

Đọc tác phẩm, ta thấy mến ông lão bởi cái bản tính lương thiện. Bản tính ấy được thể hiện ở những chi tiết rất nhỏ, mà nếu không chú ý kĩ, thì có thể ta sẽ bỏ qua. Ấy là một công việc lao động chân chính: thả lưới đánh cá trên biển. Một công việc không mấy dễ dàng được lão chọn và cần mẫn với nó. Tuy nhiên cái bản tính ấy càng được bộc lộ rõ kể từ khi gặp cá vàng.

Đầu tiên là việc thả cá vàng trở lại biển khơi. Đối với một người đánh cá, bắt được cá là mục đích của họ. Hơn nữa, vợ chồng lão lại rất nghèo (chỉ có một cái máng lợn sứt mẻ và một túp lều rách nát). Và ngày hôm ấy, đã hai lần kéo lưới, lão vẫn chỉ gặp bùn và rong biển. Lần thứ ba kéo được cá vàng (chắc sẽ bán được nhiều tiền vì con cá đẹp đến thế cơ mà). Thế nhưng, trước sự kêu van tha thiết của cá vàng, ông đã thả nó xuống biển mà không đòi hỏi gì (mặc dù cá vàng có hứa với ông lão là sẵn sàng đền ơn ông, muốn gì cũng được). Lòng thương người của ông thật là chân thành và trong sáng, sự cứu giúp người khác một cách vô tư, hào hiệp, không hề tính toán thiệt hơn, không mong đền ơn báo đáp. Việc làm ấy thể hiện bản tính lương thiện, hiền hậu của người lao động.

Tiếp theo, năm lần ông lão đi ra biển nhờ cá vàng giúp đỡ theo yêu cầu của mụ vợ, ông cũng không đòi hỏi gì cho riêng mình, vẫn bằng lòng với cuộc sống vốn có của mình, tự kiếm sống bằng bàn tay lao động của mình. Thậm chí, khi mụ vợ đối xử tệ bạc với mình (quát mắng và bắt quét dọn chuồng ngựa), ông lão có thể

xin cá vàng ban cho mình quyền lực lớn hơn: làm hoàng đế để mụ vợ không dám xem thường và sai khiến ông (vì mụ mới chỉ làm bà nhất phẩm phu nhân), ông lão vẫn không đòi hỏi gì. Ở con người ông lão, chưa bao giờ lòng tham xuất hiện (dù chỉ là trong ý nghĩ). Thật là một tâm hồn trong sáng đáng trân trọng.

Nhìn về góc độ cổ tích, ông lão là hình tượng nhân vật tượng trưng cho cái thiện, cho phẩm chất tốt đẹp của con người. Tuy nhiên, dưới con mắt và ngòi bút nghệ thuật của Pu–skin, nhân vật ông lão có thêm một tầng ý nghĩa mới. Ông là hình ảnh của nhân dân Nga cam chịu và nhẫn nhục.

Trong suốt câu chuyện, ta chưa thấy ông lão một lần dám cãi lại, dám làm trái ý mụ vợ tham lam bội bạc. Bất cứ yêu cầu, đòi hỏi gì của mụ vợ cũng được ông răm rắp thực hiện. Hình bóng ông lão hết "lóc cóc", rồi lại "lủi thủi" đi ra biển vừa đáng thương, vừa đáng giận. Đáng giận hơn nữa là cả khi mụ vợ bội bạc với chính ông (chửi mắng, đối xử như nô lệ, rồi đánh đuổi đi), ông lão cũng không hề dám kêu ca, phàn nàn, không dám phản ứng lại.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tất cả những gì mụ vợ được hưởng (của cải, danh vọng, quyền lực), lẽ ra phải là của ông, chỉ có ông mới xứng đáng được hưởng (vì ông chính là ân nhân của cá vàng, người có công lớn với cá vàng). Thế mà ông lại cam chịu nhường lại những quyền lực đó cho kẻ khác (một kẻ đã không có công lao gì). Đến khi đã nhường hết công lao cho mụ vợ, lại bị đối xử tệ bạc, ông vẫn cam chịu.

Từ hình tượng ông lão, Pu–skin muốn cảnh báo nhân dân Nga nếu cứ nhu nhược thì sẽ suốt đời bị áp bức cực khổ. Một lời cảnh báo kín đáo và thấm thía.

Dù còn có những hạn chế nhất định, nhân vật ông lão đánh cá vẫn là hình ảnh của nhân dân, hình ảnh của cái thiện. Ông lão đánh cá là nhân vật để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng người đọc.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

ĐỀ SỐ 82

Kể sáng tạo truyện *Buổi học cuối cùng* (Chuyện của thầy Ha-men)

Bài làm

Buổi sáng hôm ấy, vừa ngủ dậy, tôi đã nhận được một tờ thông cáo do xã trưởng sai đem tới. Lướt mắt qua tờ thông cáo, tôi choáng váng. Quân khốn nạn! Quân thâm độc! Chúng muốn huỷ diệt dân tộc Pháp vĩ đại và chân chính của chúng tôi bằng việc gạt tiếng mẹ đẻ ra khỏi tiềm thức những đứa con của dân tộc Pháp vùng An-dát và Lo-ren!

Hôm nay là buổi học Pháp văn cuối cùng mà tôi được dạy các học trò thân yêu của mình ư? Ngày mai, chúng sẽ phải học bằng tiếng Đức ư? Rồi chúng sẽ chẳng bao giờ biết đọc biết viết bằng tiếng mẹ đẻ của mình ư? Nghĩ đến điều đó, tôi thật đau lòng. Nước mắt tôi trào ra, chảy qua môi, mặn chát.

Tôi quyết định chọn bộ lễ phục thường mặc khi đi lễ nhà thờ vào ngày chủ nhật làm trang phục cho buổi lên lớp cuối cùng của mình. Và tôi bước vào lớp học, sớm hơn mọi ngày.

Các học trò đã đến khá đông đủ. Nhưng lạ chưa, mọi ngày chúng la hét om sòm khiến tôi cố gào to mới lập lại được trật tự, mà hôm nay chúng ngồi im lặng, nét mặt buồn rầu *Có lẽ chúng đã biết chuyện* – Tôi nhủ thầm – *Thật tội nghiệp cho chúng!*.

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là trông thấy ở cuối lớp, trên những hàng ghế thường bỏ trống, dân làng đang ngồi lặng lẽ.

Thấy tôi bước vào lớp, cụ già Hô–de (trước đây là xã trưởng) đứng dậy, giọng trang nghiêm run run:

– Thưa thầy Ha–men, dân làng xưa nay không coi trọng việc học hành, đã bỏ phí nhiều thì giờ, giờ hối cũng không kịp. Xin phép thầy cho dân làng chúng tôi được học buổi học cuối cùng này.

Quá xúc động trước lời đề nghị ấy, tôi không nói được câu nào, chỉ lặng lẽ gật đầu.

Tôi định bắt đầu buổi học sớm hơn thường lệ để học trò của tôi và dân làng được học nhiều hơn. Nhưng lướt nhanh các dãy bàn, một chỗ trống. Phrăng vẫn chưa đến. Cậu học trò nghịch ngợm và lười học của tôi vẫn thế, chắc là đang đùa nghịch dọc đường.

Tôi quyết định chờ Phrăng. Tôi không muốn một học trò nào của tôi không được học bài học cuối cùng này.

Đã quá giờ vào lớp như thường lệ. Vừa lúc đó Phrăng xuất hiện, mặt đỏ bừng, thở hổn hển. Tôi bước lại, âu yếm nắm tay cậu bé, dịu dàng nói:

– Phrăng, vào chỗ nhanh lên con; lớp sắp bắt đầu học mà vắng mặt con.

Sau khi Phrăng đã ngồi vào chỗ của em, tôi bước lên bục, rồi hướng xuống phía lớp học:

– Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc–lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các vùng An–dát và Lo–ren. Cổ họng tôi tự dưng nghẹn lại. Đám học trò nhỏ của tôi cúi đầu xuống, không khí im lặng bao trùm, đến nỗi nghe được cả tiếng gió thổi và tiếng lá cây xào xạc.

Tôi cố trấn tĩnh nói tiếp:

– Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.

Phía dưới lớp học mấy em gái khóc thành tiếng. Còn đám học trò trai thì nhìn tôi đăm đăm, ánh mắt thảng thốt. Cụ già Hô–de bỏ kính ra, lấy tay áo chấm vào khoé mắt.

Bốn mươi năm nay, tôi đã dạy Pháp văn ở cái làng nhỏ này. Bao nhiêu lớp học trò đã đi qua cuộc đời tôi. Tôi đã phạt không biết bao nhiêu học trò lười học. Tôi đã vụt thước kẻ vào tay chúng khi chúng viết như giun bò. Tuy vậy, chúng thân thương và gắn bó với tôi như cha con. Thế mà ngày mai tôi đã phải xa chúng, ra đi rồi không bao giờ trở lại vùng này nữa... Tim tôi nhói lên. Nhìn xuống lớp học, tôi thấy những ánh mắt buồn rầu đang chờ đợi tôi, đang chờ bài Pháp văn cuối cùng!

Tôi gọi học trò đọc bài. Đến lượt Phrăng, cậu không thuộc bài. Nhưng tôi không giận cậu bé. Tôi chỉ trách cha mẹ chúng đã không tha thiết lắm với việc thấy các con có học thức. Cha mẹ chúng chỉ thích cho các con làm việc đồng áng hoặc làm nhà máy sợi để kiếm thêm dăm xu. Rồi tôi tư trách mình. Cả tôi nữa. Tôi đã chẳng sai chúng tưới vườn thay cho việc học đó hay sao? Và khi tôi muốn đi câu cá hương, tôi có ngại ngùng cho chúng nghỉ học đâu?...

Tôi giảng giải cho lũ học trò nhỏ của tôi về tiếng Pháp, bảo chúng rằng đó là thứ ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất:

– Các con ạ, phải giữ lấy tiếng Pháp trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Rồi tôi cầm một quyển ngữ pháp và đọc bài học. Chưa bao giờ tôi đọc say sưa và xúc động đến thế. Dường như bao nhiêu tình cảm với học trò, với bốn mươi năm dạy học, với Tổ quốc dồn cả

vào bài học cuối cùng này. Trước khi ra đi, tôi muốn truyền thụ lại toàn bộ tri thức của mình cho học trò, tôi muốn đưa toàn bộ những tri thức ấy vào đầu óc chúng. Đám học trò chăm chú nghe tôi đọc bài. Chúng như uống lấy từng lời của tôi.

Xong bài giảng, chuyển sang viết tập. Tôi đã chuẩn bị cho học trò những từ mẫu mới tinh, viết thật đẹp: Pháp, An–dát, Pháp, An–dát.. Chưa bao giờ bọn trẻ chăm chú tập viết đến thế! Lớp học im phăng phắc! Chỉ nghe tiếng ngòi bút sột soạt trên giấy. Có lúc mấy con bọ dừa bay vào, bọn trẻ vẫn không để ý. Cả những đứa nhỏ nhất cũng vậy, chúng cặm cụi vạch từng nét sổ với một tấm lòng, một ý thức, như thể cái đó cũng là tiếng Pháp... Trên mái nhà trường, chim bồ câu gù thật khẽ. Phrăng ngẩng lên, lắng tai nghe, vẻ nghĩ ngợi.

Tôi ôn tồn bảo cậu bé:

– Phrăng, con nghĩ gì thế? Viết bài đi con!

– Thưa thầy, liệu người ta có bắt cả chim bồ câu cũng phải hót bằng tiếng Đức không nhỉ?

Tôi bàng hoàng vì câu hỏi của cậu bé. Những trò khác cũng thẫn thờ nhìn tôi!

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

.... Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến tiếng chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ...

Tôi giật mình vì những âm thanh đó. Tôi đứng dậy, người tái nhợt.

– Các bạn, tôi nói, hỡi các bạn, tôi... tôi...

Nhưng tôi nghẹn ngào không nói được hết câu.

Tôi quay về phía bảng, cầm một hòn phấn và dằn mạnh hết sức, tôi cố viết thật to:

"Nước Pháp muôn năm"

Rồi tôi đứng đó, đầu dựa vào tường, không nói được gì, chỉ giơ tay ra hiệu cho bọn học trò:

"Kết thúc rồi... đi đi thôi! "

ĐỀ SỐ 83

Em hãy tưởng tượng và kể tiếp câu chuyện *Buổi học cuối cùng*

Bài làm

Ngay sau khi buổi học kết thúc. Thầy Ha–men cùng người em gái của mình ra đi, rời xa vĩnh viễn vùng An –dát, rời xa vĩnh viễn ngôi trường mà thầy giáo gắn bó bốn mươi năm.

Chiếc xe ngựa đưa thầy ra khỏi trường. Thầy thẫn thờ đưa mắt nhìn ngôi trường. Cả tới khi xe đã ra tới con dốc ở phía đầu làng, thầy vẫn cố ngoái lại nhìn, Rồi thầy quay đi, rút khăn mùi xoa lau nước mắt. Thật tội nghiệp cho thầy.

Bọn học trò nhỏ chúng tôi đưa tiễn thầy mãi đến tận ngã ba, nơi con đường làng nhập và một con đường lớn. Thầy quay về phía chúng tôi, giọng nghẹn ngào:

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

– Thôi, các con về đi! Thầy mong các con hãy nhớ những gì thầy đã nói với các con lúc nãy.

Chúng tôi oà lên khóc.

– Hãy can đảm lên các con – Thầy an ủi chúng tôi và vẫy chào từ biệt.

Rồi chiếc xe ngựa chở thầy cứ xa dần, xa dần, mất hút vào con đường cái lớn. Lúc bấy giờ chúng tôi mới quay về làng. Chúng tôi im lặng đi bên nhau, thẫn thờ như vừa đánh mất một thứ gì quý giá lắm mà không thể nào tìm thấy được!

Hôm sau, thầy giáo dạy tiếng Đức đến thay thế thầy Ha–men...Ông thầy mới này cũng là người Pháp, nhưng không hiểu sao mới gặp chúng tôi đã có ác cảm. Phải chăng vì thầy dạy Đức văn chứ không phải Pháp văn? Sao thầy có thể nhồi nhét vào đầu óc chúng tôi thứ ngôn ngữ lạ hoắc và chán ngắt này?

Tôi không hứng thú gì với bài học Đức văn này cả. Tôi nghe thầy giáo giảng bài với một thái độ dửng dưng, lạnh nhạt.

Đến khi thầy giáo mới bảo chúng tôi tập viết những từ tiếng Đức theo mẫu thì tôi lại viết những phân từ tiếng Pháp mà thầy Ha–men đã dạy chúng tôi. Vì tôi mới biết viết tập toạng nên tôi cũng chẳng viết được mấy từ. Bực mình, tôi cắm ngòi bút xuống bàn. Ngòi bút cong vênh lên khi đâm vào mặt bàn cứng. Tôi tự giận mình trước đây sao không chú trọng vào việc học tập, thường hay trốn học và rong chơi ngoài đồng nội? Giá tôi chăm chỉ hơn...!

Chao ôi, càng nghĩ, tôi càng đau lòng. Và tôi nhớ tới thầy Ha–men, nhớ da diết. Tôi nhớ cái ánh mắt vừa nghiêm khắc, vừa dịu dàng của thầy. Tôi nhớ hình ảnh lớn lao của thầy với bộ trang phục trang trọng trong buổi học cuối cùng. Tôi nhớ những lời giảng say sưa, xúc động của thầy. Tôi nhớ những từ mẫu viết bằng chữ rông rất đẹp: "Pháp, Andát, Pháp, An–dát" như những lá cờ bay phấp phới trước các dãy bàn. Tôi nhớ cả những lần tôi không thuộc bài, bị thầy phạt trước lớp, hoặc những lần tôi viết nguệch ngoạc, mực giây đầy vở, bị thầy phạt xoè hai bàn tay vụt thước kẻ xuống...Những lúc ấy tôi cho rằng thầy ác quá và rất ghét thầy...

Nhưng lúc này đây tôi lại thèm được thầy trở lại đây dạy chúng tôi những bài Pháp văn, thèm được thầy phạt chúng tôi như vậy. Bây giờ tôi mới thấm thía những hình phạt của thầy là muốn chúng tôi tiến bộ.

Đang nghĩ miên man thì bỗng "cốp", một cái thước vút mạnh xuống đầu tôi. Tôi choáng váng ngẩng lên. Thầy giáo dạy Đức văn mặt hằm hằm nhìn tôi:

– Thằng nhãi, mày học hành thế này à? Mày có muốn nhừ đòn không? Liệu hồn đấy! Đồ nô lệ thối tha!

Tôi cố kìm nén sự tức giận và cả những giọt nước mắt chỉ trực trào ra.

Tôi bỗng thấy ánh mắt buồn rầu, trìu mến của thầy Ha–men: *Can đảm lên các con.* Và bên tai tôi văng vẳng lời thầy Ha–men:

– Các con ạ, các con nên nhớ rằng: tiếng Pháp là thứ ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất; phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác nào nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Những tiếng ấy át đi lời sỉ nhục của thầy giáo dạy Đức văn, khiến tôi bình tĩnh dần trở lại.

Bao giờ thầy Ha–men trở lại?

ĐỀ SỐ 84

Cảm nhận khi đọc *Buổi học cuối cùng* của An– Phông–xơ Đô –đê.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

An–Phông–xơ Đô–đê là một cây bút truyện ngắn nổi tiếng của văn học Pháp. Truyện của ông thường giản dị nhưng rất đằm thắm, thể hiện một tấm lòng gắn bó tha thiết sâu nặng với quê hương đất nước. *Buổi học cuối cùng* là một tác phẩm như thế.

Truyện đưa chúng ta đến một ngôi trường làng vùng An–dát để chứng kiến một câu chuyện đầy xúc động: Buổi học Pháp văn cuối cùng.

Buổi học cuối cùng được diễn ra trong con mắt quan sát và cảm xúc, suy ngẫm của cậu học trò nhỏ Phrăng và được kể lại bằng chính lời kể của cậu bé.

Phrăng là cậu học trò nghịch ngợm và lười học, thường hay trốn học để chơi ngoài đồng nội. Đối với cậu bé, bầu trời trong trẻo và tiếng sáo hót ven rừng trên đồng cỏ thường có sức cám dỗ hơn là những phân từ tiếng Pháp. Nhưng như có một linh cảm gì đó, hôm ấy Phrăng đã cưỡng lại sự cám dỗ và đến trường học. Dọc đường, cậu bé đã thấy một cái gì đó khang khác ngày thường. Khi vào lớp, cậu bé càng thấy ngạc nhiên hơn vì thấy thầy giáo không những chẳng giận dữ mà còn dịu dàng bảo cậu: *Phrăng, vào chỗ nhanh lên con; lớp sắp bắt đầu học mà lại vắng mặt con;* và phía cuối lớp, trên những dãy ghế bỏ trống, dân làng ngồi lặng lẽ; thầy Ha–men thì mặc một bộ lễ phục thật trang trọng.

Rồi những lời của thầy Ha–men vang lên: *Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc –lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An–dét và Lo–ren...Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con..* khiến Phrăng choáng váng. Thì ra, để tôn vinh buổi học cuối cùng này mà thầy Ha –men đã vận y phục đẹp ngày chủ nhật và các cụ già trong làng lại đến ngồi ở cuối lớp học.

Phrăng bỗng tự giận mình về thời gian đã bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt băng trên hồ. Cậu đau lòng khi nghĩ tới chuyện phải giã từ những quyển ngữ pháp, những quyển thánh sử. Cậu quên cả nỗi giận thầy Ha–men vì những lần bị phạt.

Trong buổi học cuối cùng, Phrăng không đọc thuộc những quy tắc về phân từ, nhưng thầy giáo không trách mắng. Thầy giảng giải cho Phrăng và các cậu học trò hiểu hoãn việc học là một tai hoạ lớn. Bảo lỗi đó cũng là một phần do cha mẹ không thiết tha lắm với việc muốn các con có học thức, và lỗi đó cũng có một phần ở thầy...

Song điều làm Phrăng thấm thía và xúc động là khi thầy Ha–men giảng giải về tiếng Pháp, bảo rằng đó là thứ ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất thế giới và vững vàng nhất ,

rằng phải giữ lấy nó trong mỗi người Pháp, bởi vì *khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...*

Buổi học cuối cùng diễn ra trong không khí trang nghiêm và xúc động: thầy say sưa giảng bài, trò chăm chú lắng nghe và cặm cụi học tập.

Buổi học cuối cùng kết thúc bằng câu nói nghẹn ngào của thầy Ha–men: *Các bạn, hỡi các bạn, tôi..., tôi...* và dòng chữ đậm của thầy trên bảng *nước Pháp muôn năm.*

Có thể nói, đây là câu chuyện xúc động về tình yêu Tổ quốc. Tình yêu ấy được biểu hiện cụ thể bằng tình yêu tiếng nói của dân tộc của thầy Ha–men, của những cậu học trò, của dân làng vùng An–dát. Để diễn tả tình yêu ấy, An–Phông –xơ Đô–đê đã chú ý tập trung vào miêu tả cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng và hành động của các nhân vật, đặc biệt là thầy Ha–men và cậu học trò Phrăng.

Thầy Ha–men là một thầy giáo dạy Pháp văn. Tình yêu Tổ quốc thiết tha và tình cảm yêu thương con trẻ đã cho thầy sức mạnh tinh thần để gắn bó với một ngôi trường làng vùng núi An–dát xa xôi, hẻo lánh suốt bốn mươi năm trời. Bốn mươi năm trời cặm cụi với nghề dạy học, thầy không chỉ đem lại cho những lớp học trò của mình một vốn học thức tiếng Pháp, mà cái chính đã đem lại cho chúng tình yêu đất nước qua việc yêu mến và giữ gìn tiếng nói của dân tộc.

Để tô đậm tình yêu tiếng Pháp của thầy Ha–men, tác giả đã chú ý đi sâu miêu tả ngoại hình, ngôn ngữ, cử chỉ, hành động, và nhất là cảm xúc, tâm trạng của thầy: nặc lễ phục, dịu dàng nói với Phrăng, tự trách mình, say sưa giảng giải về tiếng Pháp, đứng lặng yên trên bục đăm đắm nhìn những đồ vật xung quanh, người tái nhợt khi nghe tiếng chuông nhà thờ điểm 12 giờ, nghẹn ngào khi chia tay học sinh, viết lên bảng dòng chữ *Nước Pháp muôn năm*!, đứng tựa vào tường không nói được gì, giơ tay từ biệt học sinh...

Thầy Ha–men là hình ảnh đẹp về một người thầy tận tuỵ với nghề, hết lòng thương yêu học sinh đồng thời lại yêu nước sâu sắc, đằm thắm.

Tình yêu đất nước, yêu tiếng nói của dân tộc còn được bộc lộ qua tâm trạng Phrăng: Choáng váng khi nghe thầy Ha–men nói đây là buổi học Pháp văn cuối cùng, chăm chú học bài (khác hẳn mọi khi không chú ý học tập, hay trốn học), cảm thông với cõi lòng tan nát của thầy Ha–men.

Bên cạnh Phrăng là các bạn cùng lớp, dân làng, sự say sưa, cặm cụi học bài Pháp văn cuối cùng của họ là sự tôn vinh tiếng nói dân tộc, sự nuối tiếc quãng thời gian đã bỏ phí, và cả nỗi đau giã từ môn Pháp văn...

Ngòi bút An–Phông–xơ Đô–đê đặc biệt tinh tế khi thể hiện tâm trạng và tình cảm của nhân vật.

Cũng qua truyện ngắn này, mượn lời thầy Ha–men, nhà văn muốn nêu lên một chân lí: *Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù.*

Với tất cả ý nghĩa như trên, *Buổi học cuối cùng* trở thành một truyện ngắn hay, được nhiều người yêu mến.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 85

Từ bài văn *Lòng yêu nước* của I–li–a Ê –ren–bua, tưởng tượng ra một câu chuyện và kể lại.

Bài làm

Đêm trước trận đánh

Mùa hè năm 1942, Hít le tập trung lực lương tấn công khu vực sông Vôn–ga và vùng Cáp–ca–dơ, trọng tâm là thành phố Xta–lin–grát. Việc giữ Xta–lin–grát trở thành "nút sống" của Tổ

quốc Xô–Viết. Hàng triệu thanh niên đã được bổ sung vào các đơn vị Hồng quân.

Tôi cùng một số nhà báo trẻ rời trụ sở Hội nhà báo ở Mat–xcơ–va, khoác ba lô lên vai hành quân đến vùng chiến tuyến ác liệt ấy. Chúng tôi có nhiệm vụ ghi lại hình ảnh quả cảm của hững người lính Xô–Viết trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại này, ghi lại những thời khắc lịch sử trọng đại này.

Đến mặt trận, chúng tôi được điều về các đơn vị Hồng quân, trở thành một người lính thực thụ. Cũng như những người lính Xô–Viết khác, chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ bằng được Xta–lin–grát. Nhưng đối với một nhà báo như tôi, nhiệm vụ còn nặng nề hơn, bởi ngoài việc cầm chắc cây súng, tôi còn cầm chắc cây bút để ghi lại những thời khắc lịch sử vinh quang và thiêng liêng này.

Đêm tháng sáu, không khí dịu mát. Những cơn gió từ đồng nội thổi tới đem theo một mùi hương cỏ dại nồng nàn. Trên bầu trời, những vì sao lấp lánh. Dọc các chiến hào, những người lính tụm lại thành từng nhóm. Tốp thì trò chuyện, tốp thì đánh bài, tốp thì đàn hát... Không khí của đêm trước trận đánh chẳng có gì là căng thẳng, ngột ngạt cả. Duy chỉ có trên các đài quan sát, những chiến sĩ trinh sát vẫn căng mắt đang dõi về phía trận địa của bọn Đức.

Tôi đi tới một nhóm các chiến sĩ trẻ đang đàn hát. Giọng ca ngọt ngào, trầm ấm của một cậu lính trẻ hát một bài dân ca Nga đã thu hút tôi. Trông thấy tôi, các cậu rối rít:

– Chào nhà báo. Mời đồng chí tham gia với chúng tôi cho vui.

– Đồng chí I–li–a Ê–ren–bua, đề nghị đồng chí hát cho chúng tôi nghe một bài được không?

– Tớ không biết hát – Tôi đáp.

– Vậy đồng chí kể chuyện cho chúng tôi nghe đi! Đồng chí là nhà báo, chắc biết nhiều chuyện lắm.

Tôi mỉm cười hỏi một cậu lính trẻ ngồi gần:

– Cậu quê ở đâu?

– Tôi ở miền Bắc, làng tôi ở cạnh những cánh rừng bên dòng sông Vi–na thơ mộng – Người chiến sĩ trả lời tôi, mắt có vẻ mơ màng.

– Cậu nghĩ gì vậy?

– Anh biết không? Quê tôi đẹp lắm. Chao ôi, những cánh rừng, khi mùa xuân đến, băng tan đi, như có một phép diệu kì, tất cả bừng tỉnh giấc ngủ đông, lộc non đâm tua tủa, suối chảy róc rách, chim hót líu lo; chúng tôi chạy nhảy trong rừng, lòng rộn ràng nhảy múa. Dọc bờ sông, những thân cây mọc là là mặt nước, khi mùa hoa nở, chúng như một dải thảm hoa trên sông. Anh biết không, tôi nhớ cả những đêm tháng sáu sáng hồng, cả tiếng "cô nàng" gọi đùa người yêu.

Chúng tôi yên lặng trước câu chuyện của người lính trẻ.

– Còn quê tôi ở xứ U–crai–na – Cậu chiến sĩ trẻ ngồi trước mặt tôi phá tan sự im lặng – Anh biết không, tôi nhớ da diết những rặng tùng dương quê tôi. Tôi nhớ cả cái bằng lặng của trưa hè vàng ánh, và lúc ấy, đời sống đầy đủ và phong phú thay, vào lúc ấy, thời gian dường như không trôi đi nữa. Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động cái yên lặng trọng thể.

SÁCH HAY
www.sachhaigi.com

– Còn tôi là người Gru–di–a, cậu chiến sĩ ngồi bên cạnh cậu xứ U–crai–na lên tiếng, làng tôi ở trên một triền núi cao. Chà, khí trời vùng đó mới trong lành làm sao! Tôi mong chiến tranh mau kết thúc, để tôi lại trở về hít thở khí trời vùng núi quê hương!

– Các đồng chí ạ – người chiến sĩ kể tiếp – quê tôi có những tảng đá sáng rực và những dòng suối óng ánh bạc.

– Chà, cậu lãng mạn quá nhỉ? Một chiến sĩ khác lên tiếng.

– Không tin, hết chiến tranh, mời tất cả đến Gru–di–a để hít khí trời của núi cao, ngắm những tảng đá sáng rực và những dòng suối óng ánh bạc, thưởng thức vị mát của nước đóng thành băng, tu rượu vang cay trong bọc đựng rượu bằng da dê, nghe những lời thân ái giản dị...

– Chúng tôi sẽ đến, sẽ đến! Tôi hứa với người chiến sĩ quê ở Gra–di–a.

Thế rồi những người lính Xô–Viết trẻ tuổi thi nhau dốc bầu tâm sự. Người ở thành Lê–nin–grát nói về nỗi ám ảnh của sương mù quê hương, kể về dòng sông Nê–va rộng và đường bệ như nước Nga đường bệ, nhớ những tượng tạo bằng đồng những con chiến mã lồng lên, và lá hoa rực rỡ của công viên mùa hè, nhớ phố phường mà mỗi căn nhà là một trang lịch sử. Người Mát–xcơ–va nhớ như thấy lại những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm, để rồi đổ ra những đại lộ của thành phố mới; nhớ điện Krem–li, những tháp cổ ngày xưa, dấu hiệu vinh quang của đất nước Nga và những ánh sao đỏ của ngày mai...

Họ say sưa kể về quê hương xứ sở của mình. Dường như bao nhiêu nỗi nhớ và niềm yêu mến tự hào về làng quê, thành phố của mình gửi cả vào trong những lời giãi bày ấy. Có lẽ chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô–Viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.

Tôi nhìn những chiến sĩ trẻ. Họ yêu đất nước biết bao nhiêu! Tình yêu của họ được bắt đầu bằng lòng yêu những vật tầm thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh...

Tôi nhìn những chiến sĩ trẻ và tôi bỗng hiểu ra: Dòng suối đổ vào đại trường giang Vôn–ga, con sông Vôn–ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở thành lòng yêu Tổ quốc. Tình yêu của tôi và những người lính Xô–Viết trẻ tuổi sẽ được thử thách trong lửa đạn gay go. Mọi người giờ đây đều hiểu lòng yêu của mình lớn đến nhường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu liên bang Xô–Viết. Điều đó giờ chúng tôi đã hiểu, khi kẻ thù giơ tay khả ố động đến Tổ quốc chúng ta. Ai trong chúng tôi cũng cảm thấy, mùa thu qua điều giản dị này: *Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa.*

Phía đằng đông, chân trời đang ửng hồng. Trận đánh sắp bắt đầu. Tôi nhìn những chiến sĩ trẻ và mỉm cười.

Xta–lin–grát, tháng 6 năm1942.

ĐỀ SỐ 86

Dựa vào bài văn *Lòng yêu nước* của I-li-a Ê-ren-bua, tưởng tượng ra một câu chuyện và kể lại

Bài làm

Quê tôi là một vùng thôn quê nghèo, đất đai cằn cỗi. Dân làng tôi quanh năm đầu tắt mặt tối mà vẫn nghèo. Đặc biệt cái nóng như rang của gió Lào mùa hạ tưởng như có thể luộc chín người ta. Có lẽ vì thế mà người quê tôi đều tìm cách thoát li khỏi quê để tìm cuộc sống dễ chịu, an toàn hơn.

Cha tôi không phải thuộc những người ấy, nhưng ông cũng rời xa quê đến ba mươi năm.

Hồi trẻ, ông đi bộ đội. Đơn vị ông đóng quân ở Thái Nguyên. Cha tôi quen một cô cán bộ Hội phụ nữ huyện. Họ thương nhau. Rồi một lễ cưới giản dị được tổ chức.

Khi mẹ tôi đang mang thai tôi thì cha tôi lại lên đường ra mặt trận phía Nam. Mẹ tôi vẫn công tác ở Thái Nguyên. Bà xin cơ quan một mảnh đất và dựng một căn nhà nho nhỏ.

Bằng bặng suốt 20 năm trời, cha tôi chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Rồi chiến tranh kết thúc, cha tôi trở về.

Cha tôi trở về gặp lại vợ con khi tóc người đã điểm bạc, còn tôi đã là sinh viên của một trường sư phạm. Gặp lại mẹ con tôi, cha tôi mừng lắm. Nhưng không hiểu sao, chỉ được một tháng sau ngày trở về, cha tôi bàn với mẹ tôi chuyển về quê ở Nghệ An. Mẹ tôi không đồng ý. Cha tôi cũng không ép, nhưng ông có vẻ buồn lắm. Ông trở nên ít nói và sống lặng lẽ hơn.

Ba năm sau ngày trở về, vết thương cũ của cha tôi hồi ở chiến trường tái phát. Cha tôi đổ bệnh rồi qua đời. Trước khi giã từ cuộc sống để trở về nơi cát bụi, cha tôi để lại một lời trăng trối tha thiết:

– Khi nào tắm rửa cho cha, con hãy đem hài cốt cha về chôn tại quê nhà. Con hãy hứa với cha đi, có như vậy cha mới yên lòng mà nhắm mắt.

– Con... xin... hứa...! Tôi trả lời trong tiếng nức nở nghẹn ngào.

Trong lúc đau thương tột đỉnh, tội vẫn nhận thấy ánh mắt cha tôi ánh lên một thứ ánh sáng lạ kì mà tôi chưa từng thấy. Rồi cha tôi trút hơi thở cuối cùng.

Ba năm sau, theo di nguyện của cha, tôi đem hài cốt ông chôn cất tại quê nhà.

Đây là lần đầu tiên tôi về quê mà tại sao cái gì cũng rất thân quen. Từ con đường làng đầy bùn đất, đến những trảng cát ven biển, những rặng phi lao chắn bão, những con sò, con ốc... tất cả những thứ đó dường như tôi đã gặp từ rất lâu rồi. Chị gái họ đưa tôi ra biển tắm. Biển quê hương âu yếm ôm tôi vào lòng, vỗ về tôi...

Có một sợi dây vô hình nào đó gắn bó tôi với làng quê mình mà tôi không nhìn thấy, giờ đây, tôi cảm nhận rất rõ.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tôi bỗng hiểu vì sao cha tôi muốn về sống những ngày cuối đời ở quê. Vì sao cha tôi muốn tôi đưa hài cốt ông về chôn cất tại quê nhà. Thì ra cái tình quê âm ỉ cháy dai dẳng suốt mấy chục năm trong lòng người con xa quê. Cái tình quê sâu nặng ấy làm nên tình yêu Tổ quốc để ông có thể dũng cảm từ biệt quê hương, chiến đấu cho Tổ quốc. Và khi đã làm tròn bổn phận công dân, cái tình quê ấm áp ấy lại thôi thúc ông trở về.

– Cha ơi, cha hãy yên lòng nằm nghỉ giữa làng quê mình. Cảm ơn cha đã cho con hiểu thế nào là tình nhà, tình quê, nghĩa nước. Tôi thầm thì khe khẽ.

ĐỀ SỐ 87

Cảm nhận khi đọc *Lòng yêu nước* Của I–li–a Ê–ren–bua

Bài làm

I–li–a Ê–ren–bua là một nhà văn – nhà báo nổi tiếng của Liên Xô trước đây. Cuộc đời cầm bút của ông đã gắn bó với một giai đoạn thử thách đầy ác liệt và cam go của đất nước Xô Viết: cuộc đụng đầu quyết liệt giữa nhà nước Xô Viết chân chính với bọn phát xít Hít–le trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại (1941–1945). *Lửa thử vàng*, chính trong lúc cam go nhất của lịch sử, lòng yêu nước của công dân Xô Viết được thử thách. Là một nhà báo, I–li–a Ê–ren–bua đã ghi lại được những thời khắc lịch sử vô cùng quý báu và thiêng liêng của dân tộc. Nhiều tác phẩm nổi tiếng của ông đã ra đời trong thời kì này mà *Thử lửa* là một sáng tác đặc sắc.

Thử lửa là một bài báo rất độc đáo. Chính chất văn và chất báo trong con người I–li–a Ê–ren–bua đã kết tinh nên thiên tuỳ bút – chính luận này.

Bài văn *Lòng yêu nước* (Ngữ văn 6, tập II) là một phần của thiên tuỳ bút chính luận *Thử lửa*. Chỉ mấy chục dòng nhưng bài văn cũng đủ đem đến cho người đọc những cảm xúc, ấn tượng khó quên. Bài văn đã hội tụ được trong nó chất chính luận sắc sảo với chất trữ tình đằm thắm, vì thế, việc khẳng đinh chân lí. *Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất... Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc* trở nên có sức thuyết phục mạnh mẽ.

Bài văn được bố cục thành hai phần với hai ý lớn. Ở phần đầu của bài viết, tác giả đề cập tới ngọn nguồn của lòng yêu nước. Để thể hiện nội dụng này, tác giả sử dụng một trình tự lập luận khá chặt chẽ.

Mở đầu đoạn văn, tác giả nêu lên một nhận định được đúc kết từ thực tiễn: *Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất*, cụ thể là *yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.*

Tiếp đó, tác giả mở rộng chứng minh nhận định, đề cập đến tình yêu quê hương trong một hoàn cảnh cụ thể: *Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương.*

Cuối cùng, tác giả khái quát thành một chân lí: *Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn– ga, con sông Vôn– ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu tổ quốc.*

Tuy nhiên, sức thuyết phục của bài văn chủ yếu không phải bằng lí lẽ, mà bằng tình cảm thiết tha, sâu đậm và sự hiểu biết sâu sắc về Tổ quốc Liên bang Xô Viết của nhà văn. Chính tình cảm và sự hiểu biết ấy đã khiến tác giả cảm nhận được những "nét thanh tú", những vẻ đẹp riêng biệt độc đáo của mỗi miền đất nước.

Ngòi bút của tinh tế I–li–a Ê–ren–bua đưa người đọc đến những vùng miền khác nhau của đất nước Liên Xô rộng lớn, chiêm ngưỡng những vẻ đẹp thiên nhiên, thưởng thức những đặc sản, cảm nhận những tình cảm bình dị, ngọt ngào. Đây miền Bắc của Liên Xô với những cánh *rừng bên dòng sông*, có những *thân cây mọc là là mặt nước*, những *đêm tháng sáu sáng hồng* và *tiếng cô nàng gọi đùa người yêu*. Đây xứ U–crai–na êm đềm với *bóng thuỳ dương tư lự bên đường, trưa hè vàng ánh*. Đây sứ Gru–di–a với những triền núi cao có khí trời trong lành, *những tảng đá sáng rực, dòng suối óng ánh bạc*, có *vị mát của nước đóng băng, rượu vang cay, những lời thân ái giản dị* Thật thú vị biết bao! Và đây, thành Lê–nin–grát đường bệ và mơ mộng, với những *tượng đồng tạc những con chiến mã lồng lên, lá hoa rực rỡ của công viên mùa hè, những phố phường mà mỗi*

căn phòng là một trang lịch sử. Và đây nữa thành Mát–Xcơ–va cổ kính với những *phố cũ ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm*, với điện Krem–li, những tháp cổ có *ánh sao đỏ.*

Ngòi bút miêu tả của I–li–a Ê–ren–bua mang đậm sắc thái trữ tình, thể hiện tình cảm yêu mến và tự hào sâu sắc của ông về quê hương đất nước của mình.

Có thể nói, chưa bao giờ khái niệm về lòng yêu nước lại được diễn tả chính xác và gợi cảm đến thế.

Ngay chân lí về lòng yêu nước cũng được thể hiện bằng một hình ảnh so sánh rất ấn tượng. *Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn–ga, con sông Vôn–ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nén lòng yêu Tổ quốc.*

Sau khi nêu ra ngọn nguồn của lòng yêu nước, I–li–a Ê–ren–bua chuyển sang khẳng định: Lòng yêu nước chỉ có thể được bộc lộ đầy đủ nhất, cao đẹp nhất khi được thử thách trong lửa đạn chiến tranh: Có *thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách.* Chính trong cuộc chiến tranh vệ quốc một mất một còn này, mỗi người dân Xô Viết hiểu cuộc sống và số phận của họ và gắn liền với vận mệnh Tổ quốc. Và vì thế, họ sẵn sàng rời xa quê hương tươi đẹp, thơ mộng xiết bao trìu mến để lên đường chiến đấu vì Tổ quốc.

Bài văn kết thúc bằng một câu nói đã trở thành phương châm sống của công dân Xô Viết lúc bấy giờ: *Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa.*

Phương châm ấy đã trở thành lí tưởng sống của mọi dân tộc.

VĂN NGHỊ LUẬN NHẬT DỤNG

ĐỀ SỐ 88

Chuyển bài bút kí *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* của Thuý Lan thành một bài tự sự.

Bài làm

Tôi là một cây cầu bắc qua sông Hồng. Người ta đặt cho tôi cái tên khá kêu: Long Biên. Thực ra thì cái tên Long Biên cũng không phải là tên khai sinh của tôi. Mà mãi tới khi tôi đã trưởng thành, vào năm 1945, tôi mới được đổi tên gọi Đu–me thành Long Biên.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Mẹ tôi thai nghén tôi vào năm 1898 và bốn năm sau, tôi cất tiếng khóc chào đời. Mẹ tôi giao cho tôi nhiệm vụ nằm vắt qua con sông Hồng đỏ ngầu phù sa, nối đôi bờ để cho con người qua lại. Đây là một nhiệm vụ thật nặng nề và cũng đầy vinh quang, khiến tôi rất đỗi tự hào.

Tôi càng kiêu hãnh hơn bởi cái dáng vẻ hùng dũng vừa dẻo dai, vững chắc, vừa oai vệ của mình. Thời bấy giờ ở cả xứ Đông Dương này đã có một anh cầu nào khoẻ mạnh, đẹp trai và oai phong như tôi đâu! Mà trên thế giới, tôi cũng chẳng thua kém chúng bạn là bao. Mẹ thường bảo tôi: "Con là một thành tựu quan trọng trong thời văn minh cầu sắt". Nhiều lần, mấy gã giông bão ghen tị với tôi, vào hùa với nhau định nhấc tôi lên không trung để ném xuống làm tôi gãy xương, nhưng tôi vẫn sừng sững đứng đó, hai chân tôi choãi ra bám chắc vào lòng sông, đung đưa thân mình như trêu tức họ. Cả thần Nước cũng

hậm hực với tôi, dâng nước lũ cuồn cuộn định nhấn chìm tôi. Nhưng đừng có mơ tưởng!

Tuy tôi rất kiêu hãnh về mình nhưng nhiều lúc, tôi vẫn bị ác mộng ám ảnh. Chả là hồi thai nghén tôi, mẹ tôi đã uống máu của hàng ngàn dân phu Việt Nam để nuôi dưỡng tôi. Nhớ lại điều đó, tôi rùng mình kinh sợ. Và tôi đâm oán mẹ tôi, sao bà có thể ác như thế? Nếu hồi ấy mẹ tôi nhân từ hơn thì lí lịch của tôi đâu có một vết hoen ố lớn như thế.

Tôi cố gắng hiền hoà và cần mẫn làm việc để chuộc tội thay cho mẹ tôi, mong con người Việt Nam khoan dung mà quên đi quá khứ đau thương của họ, mà nhìn tôi với ánh mắt thiện cảm hơn. Tôi nhận thêm một bà mẹ nhân hậu, bao dung: mẹ Việt Nam.

Thế là, suốt một thế kỉ, tôi tận tuỵ phục vụ mẹ Việt Nam. Tôi đưa không biết bao nhiêu lượt người từ Hà Nội sang Gia Lâm, rồi từ Gia Lâm sang Hà Nội. Bao nhiêu chuyến xe khách, xe hàng đã từ bờ bắc sang bờ nam sông Hồng rồi ngược lại. Cả những đoàn tàu hoả chạy xình xịch ở giữa lòng tôi. Những lúc ấy, lòng tôi hân hoan vô cùng.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tôi gắn bó với con người Việt Nam hiền hoà và anh dũng suốt chiều dài thế kỉ, với bao kỉ niệm vui buồn. Kí ức tôi bây giờ vẫn còn hằn sâu những dấu ấn của những thời khắc lịch sử hào hùng. Một ngày đầu xuân năm 1947, tôi đã chứng kiến những người dân Thủ đô cùng trung đoàn yêu dấu của họ bí mật ra đi dưới chân tôi. Họ ra đi thầm lặng, tám năm sau, họ trở lại Thủ đô, hùng dũng nện gót giày trên lưng tôi, miệng hát vang những lời ca bi thương và hùng tráng:

Những đêm ra đi đất trời bốc lửa
Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng
Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng
Hồn phất phơ mười phương cờ đỏ thắm
Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa...

Thực ra, đây không phải là khúc ca khải hoàn, mà là lời ca gợi họ nhớ lại cái ngày rời Hà Nội ra đi. Tôi không hiểu gì về âm nhạc, nhưng tôi nghe đoàn quân hát, lòng cũng thấy nao nao.

Rồi những năm tháng Hà Nội bị máy bay Mĩ đánh phá, tôi trở thành mục tiêu ném bom dữ dội của không lực Hoa Kì (có lẽ chúng nhận ra tầm quan trọng của tôi). Bom Mĩ ném vào tôi tới hàng chục lần, khiến tôi bị thương nặng. Cả thân hình tôi tả tơi, rách nát, ứa máu. Nhưng tôi vẫn sừng sững đứng đó, hiên ngang bám trụ để đưa đón những lượt người và những đoàn xe qua sông.

Có người lính, trước khi xa Hà Nội đã chạy đến chào từ biệt tôi. Chiến tranh kết thúc, người lính trở về giờ đã là một thương binh. Anh đã bỏ lại một chân ở chiến trường Tây Nguyên. Anh chống nạng lò dò từng bước đến gặp lại tôi. Chúng tôi gặp nhau sau gần 20 năm xa cách mừng mừng tủi tủi. Anh lặng lẽ ngồi xuống bên tôi, mắt đăm đăm nhìn tôi, rồi nói:

– Cậu kiên cường lắm.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tôi bỗng thấy mình hạnh phúc quá!

Một thế kỉ tuổi đời với bao kỉ niệm khó quên, tôi làm sao có thể kể hết.

Mẹ tôi (tức bà mẹ mới của tôi– Mẹ Việt Nam) đã nhanh chóng thay da đổi thịt từ sau ngày hoà bình. Mẹ sinh thêm hai em nữa đặt lên sông Hồng. Hai em Thăng Long và Chương Dương của tôi thật oai vệ gấp tôi cả chục lần. Chúng cao lớn và khoẻ mạnh lắm. Chúng tranh hết cả những công việc nặng nhọc của tôi. Tôi trở thành ra an nhàn. Bây giờ, tôi lại có nhiệm vụ khác, đó là đón những đoàn khách du lịch nước ngoài đến thăm. Họ muốn qua tôi để hiểu hơn về bà mẹ Việt Nam đau thương và anh dũng của tôi.

"Mình vẫn là người có ích"– Tôi nhủ thầm như vậy.

ĐỀ SỐ 89

Cảm nhận khi đọc Cầu Long Biên– chứng nhân lịch sử của Thuý Lan

Bài làm

Cầu Long Biên– chứng nhân lịch sử là một bài bút kí khá đặc sắc. Từ góc nhìn nhà báo và chất văn bút kí, Thuý Lan đã tạo ra một mạch cảm xúc độc đáo về cây cầu lịch sử.

Lần theo các dòng bút kí pha nhiều chất hồi kí của Thuý Lan, chúng ta gặp lại chiếc cầu Long Biên như gặp lại một chứng nhân lịch sử.

Từ một cây cầu sắt nối đôi bờ sông Hồng, cầu Long Biên đã được nhân hoá thành con người có lí lịch, có lịch sử, có cảm xúc buồn vui... như bao con người khác. Dường như tác giả thổi hồn mình vào vật, để vật cũng thấm đẫm tình người.

Cầu Long Biên ra đời là kết quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, là *thành tựu quan trọng của thời văn minh cầu sắt*. Nhưng sự thai nghén chào đời của cây cầu lịch sử này đã gắn liền với bao mồ hôi, nước mắt và cả bao xương máu của những người dân phu Việt Nam. *Người ta còn ghi lại những cảnh ăn ở khổ cực của dân phu và cảnh đối xử tàn nhẫn của nhhững ông chủ người Pháp đã khiến cho hàng nghìn người Việt Nam bị chết trong quá trình làm cầu.* Thật là khủng khiếp! Chỉ một vài dòng ngắn ngủi, bài viết đã gợi ra được số phận bi thảm của một dân tộc nô lệ trong một thời kì lịch sử đen tối. Gần nửa thế kỉ tuổi đời ban đầu của mình, cầu Long Biên đã trở thành nhân chứng sống chứng kiến bao đau thương của một dân tộc.

Cách mạng tháng Tám thành công, nhưng chiến tranh chưa kết thúc. Cầu Long Biên lại một lần nữa chứng kiến những đêm

Hà Nội "đất trời bốc lửa" kiên cường chống Pháp. Những thời khắc lịch sử hào hùng ấy được tác giả gợi lại bằng nỗi nhớ những ngày đầu năm 1947, cái ngày người dân Thủ đô cùng Trung đoàn yêu dấu của mình bí mật ra đi – những ngày vừa bi thương vừa hùng tráng:

Những đêm ra đi đất trời bốc lửa
Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng
Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng
Hồn phất phơ mười phương cờ đỏ thắm
Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa...

Hoà bình vừa lập lại chưa bao lâu thì một trang sử mới đầy đau thương, oanh liệt, bi hùng lại đến. Cầu Long Biên đã chứng kiến những năm tháng cả dân tộc chống Mĩ cứu nước đầy cam go, ác liệt. Ngay một vật vô tri vô giác như cầu Long Biên mà cũng trở thành mục tiêu bắn phá, hứng chịu biết bao nhiêu tấn bom đạn của không lực Hoa Kì. Chiếc cầu *rách nát, tả tơi như ứa máu.* Đau thương nhưng không gục ngã, cái bản tính ấy của con người Việt Nam đã truyền sang cây cầu, khiến nó cứ *sừng sững giữa mênh mông trời nước*, bất chấp bom đạn tàn bạo, khốc liệt của kẻ thù. Đây chính là thời kì bi thương và hào hùng nhất trong lịch sử cầu Long Biên và trong lịch sử dân tộc! Cầu Long Biên đứng đó như một chứng nhân sống động, đau thượng và anh dũng.

Chiến tranh đã kết thúc. Hoà bình đã lập lại. Một cuộc sống êm đềm, bình dị và đầy ắp niềm vui. Cầu Long Biên vẫn như một chứng nhân lịch sử chứng kiến những thay da đổi thịt của quê hương *với bao màu xanh thân thương, làng mạc trù phú.*

Thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã có thêm những cây cầu hiện đại hơn sừng sững vượt sông Hồng. Cầu Long Biên *đã rút về vị trí khiêm nhường*, nhưng giá trị của nó đã từng là nhân chứng sống động, đau thương và anh dũng của Hà Nội, của đất nước và của con người Việt Nam thì mãi mãi tồn tại.

Từ việc giới thiệu, khắc hoạ cầu Long Biên với tư cách một chứng nhân lịch sử, Thúy Lan bày tỏ những cảm xúc, tình cảm yêu mến, tự hào và gắn bó với cây cầu lịch sử. Tình cảm ấy thật tha thiết và mãnh liệt.

Người đọc thật sự xúc động bởi những cảm xúc sôi nổi trào dâng trong câu văn thấm đậm chất trữ tình..

Tôi vẫn nhớ như in hình ảnh chiếc cầu được vẽ trang trọng giữa trang sách với bài thơ... Những câu thơ ấy đã nằm sâu trong trí óc tôi...

Mỗi lần có dịp đứng lên cầu Long Biên, tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nượng dâu, bãi ngô, vườn chuối phía Gia Lâm không bao giờ chán mắt. Cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn. Khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ và khát khao.

Tôi nhớ những ngày đầu năm 1947...

"Tôi nhớ những năm tháng chống đế quốc Mĩ oanh liệt và hào hùng...

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Sự gắn bó với cây cầu sâu sắc đến mức, dường như tác giả cảm nhận được nỗi đau thương của cây cầu, thấy được nó *rách nát, tả tơi như ứa máu*; đau đớn, xót xa khi thấy câu cầu bị đánh hỏng *Tôi chạy ngay lên cầu khi tiếng bom vừa dứt. Những cảnh vệ đầu cầu đã ngăn không cho tôi lên. Nước mắt ứa ra, tôi tưởng như mình đứt từng khúc ruột.*

Và tình cảm ấy mãi mãi thuỷ chung để đến hôm nay tác giả vẫn *cố gắng truyền tình yêu cây cậu vào trái tim* du khách nước ngoài *đặng bắc một nhịp cầu vô hình nơi du khách để du khách ngày càng xích lại gần với đất nước Việt Nam.*

Bài văn khép lại, nhưng cảm xúc của Thuý Lan với cây cầu lịch sử và tình yêu đất nước thiết tha của nhà văn vẫn còn đọng lại mãi nơi người đọc, để lại trong họ nhiều dư vị ngọt ngào..

ĐỀ SỐ 90

Chuyển văn bản *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* thành một văn bản tự sự.

Bài làm

- Thưa ngài! Ngài có thư ạ!

Chàng thanh niên da đỏ có mái tóc xoăn và đôi mắt sáng, kính cẩn đưa cho thủ lĩnh của mình một bức thư.

Thủ lĩnh Xi– át– tơn hỏi:

- Thư của ai vậy?

- Thưa ngài, của tổng thống Mĩ Phreng–klin pi–ơ–xơ ạ! Chàng thanh niên đáp

- Hừ, đồ tham vọng bỉ ổi! Làm sao ta có thể bán đất đai của tổ tiên cho chúng được!

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Thủ lĩnh Xi–át–tơn rít lên. Dường như bao nhiêu nỗi bực bội, căm uất trong lòng ông tích tụ lại nay mới có dịp bùng lên. Ông giậm chân, giậm tay, đập bàn đập ghế như thể tổng thống Mĩ Phreng–klin pi–ơ–xơ đang ở trước mặt ông.

- Thưa ngài, ngài có trả lời thư không ạ?

Chàng thanh niên rụt rè hỏi:

- Ta sẽ viết thư trả lời hắn. Ta phải dạy cho hắn một bài học.

Rồi thủ lĩnh bảo chàng thanh niên:

- Đem giấy bút lại đây cho ta!

Viết gì nhỉ? Thủ lĩnh tự hỏi mình. Trong óc ông hiện lên hình ảnh nhiều năm về trước. Lúc bấy giờ, ông còn là một chàng trai. Cả bộ lạc của ông đang sống yên bình giữa thiên nhiên tươi đẹp và thoáng đãng. Những ouổi ban mai, chàng thanh niên Xi–át–tơn say mê ngắm những hạt sương long lanh

đọng trên lá cây, ngọn cỏ. Những đêm trăng sáng, Xi–át–tơn cùng bạn bè ca hát, nhảy múa trên đất mẹ.

Kí ức sống lại, và thủ lĩnh Xi–át–tơn đặt bút viết những dòng đầu tiên trong bức thư trả lời tổng thống Mĩ:

...Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức...

Thủ lĩnh Xi–át–tơn không thể hiểu nổi tại sao người da trắng khi chết đi lại mong được lên thiên đàng, dạo chơi giữa các vì sao và quên đi đất nước họ sinh ra. Còn người da đỏ của ông lại mong trở về đất mẹ.

Ông viết tiếp:

...Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình...

Trong kí ức của thủ lĩnh Xi–át tơn lại hiện về cái ngày mà người da trắng xuất hiện. Họ lăm lăm những cái ống dài khạc ra lửa (Hồi đó người da đỏ chưa biết đó là súng). Họ rượt theo đồng bào của ông đến tận con sông lớn đầu nguồn. Hàng ngàn người đã ngã xuống trước những cái ống quái ác khạc lửa. Máu họ nhuộm đỏ dòng sông. Nỗi căm hận trong ông trào lên ngọn bút:

Dòng nước óng ánh, êm ả trôi dưới những dòng sông, con suối đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi.

Thủ lĩnh Xi–át tơn còn nhớ rất rõ, sau khi đã xua đuổi những bộ tộc da đỏ vào tận rừng sâu, chiếm được đất đai của họ,

bọn da trắng thi nhau khai thác đất đai làm giàu. Những đồn điền mọc lên. Rồi những thành phố mọc lên. Rồi những nhà máy mọc lên. Khói của các ống khói đen sì nhả ra vấy bẩn cả bầu trời. Rồi bụi bặm từ các nhà máy xi măng, những công trường... tưởng như ngạt thở!

Không thể để chúng làm vấy bẩn bầu không khí của ta. Thủ lĩnh bèn viết:

Không khí quả là quý giá đối với người da đỏ, bởi lẽ bầu không khí này là của chung, cây cối, những con người và muông thú cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để ý gì đến nó.

Bọn da trắng thật là tàn ác! Quân dã man! Thủ lĩnh Xi–át–tơn gầm lên.

Ông nhớ lại cảnh ông đã tận mắt chứng kiến: Một con ngựa sắt nhả khói chạy qua đồng cỏ. Bọn lính da trắng trên con ngựa sắt đó trông thấy một đàn trâu rừng. Chúng nâng súng lên chĩa vào những con vật hiền lành, ngơ ngác. Những con vật đáng thương rú lên rồi ngã vật ra giãy giụa. Máu chảy lênh láng trên đồng cỏ. Bọn da trắng cười hô hố... Cả đàn trâu hàng triệu con giờ chỉ còn lại vài con nuôi trong công viên làm cảnh. Máu trong người thủ lĩnh Xi–át tơn sôi lên.

Ông viết tiếp:

... Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng... Con người là gì nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi thì con người cũng chết dần, chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì đã xảy ra với con thú thì cũng xảy ra với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Phải gửi ngay lá thư này đến Pi–ơ–xơ, để hắn biết người da đỏ yêu đất đai, đất nước của mình biết nhương nào!

- Con hãy chuyển ngay lá thư trả lời của ta đến Pi–ơ–xơ! - Thủ lĩnh gọi chàng thanh niên giúp việc. - Con nhớ đưa đến tận tay hắn, càng sớm càng tốt.

"Không hiểu đọc thư này, tay Pi–ơ– xơ sẽ nghĩ như thế nào?". Thủ lĩnh Xi–át–tơn nghĩ thầm. Và ông khẽ mỉm cười.

ĐỀ SỐ 91

Cảm nhận khi đọc Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.

Bài làm

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ là một văn bản để lại khá nhiều ấn tượng trong lòng người đọc. Đây là bức thư của thủ lĩnh da đỏ Xi–át–tơn trả lời tổng thống Mĩ Phreng–klin pi–ơ– xơ về việc ông này có ý định mua đất của người da đỏ. Một bức thư được viết bằng một văn phong khá độc đáo, trong đó người viết trình bày quan điểm và bộc lộ tình cảm của mình một cách đầy hàm ý, rất sâu xa, thâm thuý. Bao trùm lên toàn bộ bức thư là tình cảm yêu mến quê hương, đất nước thiết tha, sâu sắc, mạnh mẽ. Chính tình cảm ấy đã chi phối mạch cảm xúc của bức thư và quan điểm của thủ lĩnh da đỏ.

Đối với thủ lĩnh Xi–át–tơn và đồng bào của ông, không có gì thiêng liêng hơn mảnh đất của họ bởi "Đất là mẹ", nó gắn bó máu thịt với họ từ bao đời nay:

... Mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là những người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều chung một gia đình.

Hơn nữa, mảnh đất mảnh đất này còn thấm đẫm mồ hôi và xương máu của cha ông họ

Dòng nước ông ánh, êm ả trôi, dưới những dòng sông con suối đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi.

Mảnh đất dưới chân chúng (người da trắng) là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi... đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chúng tộc chúng tôi bồi đắp nên.

Hình ảnh quê hương đất nước trở thành hình ảnh thân thương nhất, hằn sâu trong trái tim và kí ức họ:

... Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông ông ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang kí ức của người da đỏ.

Trong cảm xúc của thủ lĩnh Xi–át–tơn, quê hương đất nước họ là mảnh đất thật êm đềm và thơ mộng có *tiếng lá cây lay động* vào mùa xuân, *tiếng vỗ cánh của côn trùng* vào mùa hè, có tiếng *ếch kêu ban đêm trên hồ*, có *âm thanh êm ái của những cơn gió thoảng qua trên mặt hồ*, có *hương thơm của phấn thông*.

Tâm hồn tinh tế nhạy cảm và sự gắn bó tha thiết với quê hương đất nước đã khiến thủ lĩnh Xi–át--tơn cảm nhận được tất cả những nét bình dị nên thơ của thiên nhiên, của cuộc sống và viết về nó với một niềm tự hào cao độ.

Để trình bày được một cách rõ ràng, sâu sắc quan *điểm đất đai của tổ tiên là thiêng liêng, không thể đem ra để mua bán, đổi chác!* và bộc lộ được tình yêu Đất Mẹ, yêu quê hương đất nước sâu nặng của mình, tác giả của bức thư đã sử dụng rộng rãi thủ pháp nghệ thuật so sánh, nhân hoá; đồng thời đối lập quan điểm, tình cảm của người da đỏ với quan điểm, tình cảm của người da trắng: Nếu như người da đỏ coi mảnh đất này là "Mẹ",

coi mọi vật xung quanh mình là "anh em", thì người da trắng coi chúng là "kẻ thù", là "vật mua được", "tước đoạt được"...

Chính tình cảm sâu đậm đối với quê hương đất nước đã tạo nên chất trữ tình và sức lay động rất lớn của áng văn chương độc đáo này.

Xuất phát điểm của bức thư là lòng yêu quê hương đất nước, nhưng thời gian trôi đi, bức thư có thêm một giá trị mới; nó trở thành một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường.

Trong bức thư của mình, thủ lĩnh da đỏ không chỉ đề cập đến "đất" mà còn đề cập đến cả các hiện tượng có liên quan đến "đất" như: sông, hồ, rừng, núi, động thực vật, không khí, ánh nắng...Tức là những hiện tượng làm cho đất có giá trị, có ý nghĩa, những hiện tượng tạo nên cái mà ngày nay ta gọi là tự nhiên và môi trường sinh thái.

Ngay từ giữa thế kỉ XIX, khi tự nhiên và môi trường sinh thái mới bắt đầu bị đe dọa bởi sự phát triển của nền công nghiệp cơ khí và ý thức vô trách nhiệm của con người, thủ lĩnh Xi–át–tơn đã nhìn thấy nguy cơ của việc vắt kiệt đất đai, biến nó thành *những bãi hoang mạc*; nguy cơ của *những tiếng ồn ào lăng mạ trong tai*; nguy cơ của cuộc sống *không nghe được âm thanh lẻ loi của chú chim đớp mồi hay tiếng tranh cãi của chú ếch ban đêm bên hồ;* nguy cơ của bầu không khí bị vấy bẩn bởi khói của các nhà máy; nguy cơ cạn kiệt nguồn động vật quý hiếm...

Theo thủ lĩnh Xi–át–tơn: *không khí quả là quý giá*, vô cùng quý giá bởi *không khí này là của chung muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở*. Và ông đề nghị người da trắng phải cùng người da đỏ giữ gìn bầu không khí trong lành: *Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng nội.*

Cũng theo thủ lĩnh Xi–át–tơn, sự cân bằng sinh thái là điều cần thiết của cuộc sống, ông đề nghị tiếp *người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em.*

Cuối cùng, ông cảnh báo: *Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần, chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi vì điều gì sẽ xảy ra đối với con thú thì cũng sẽ xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc; Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra đối với đất đai tức là xảy ra với những đứa con của Đất.*

Ngày nay, nguồn tài nguyên đã bị khai thác tới mức cạn kiệt, môi trường thiên nhiên đang bị ô nhiễm, bị tàn phá cực kì nghiêm trọng, quan điểm của thủ lĩnh da đỏ về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên trở thành vấn đề mang tính thời sự nóng hổi.

Từ những giá trị trên, *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* mãi mãi chiếm một vị trí xứng đáng trong văn chương và cuộc sống của con người.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 92

Tình yêu quê hương đất nước trong *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*

Bài làm

Quê hương đất nước – chao ôi, những tiếng đó xiết bao thân thương trìu mến đối với mỗi con người. Bởi lẽ quê hương đất nước là nơi ta cất tiếng khóc chào đời đầu tiên, nơi chôn nhau cắt rốn của ta, nơi ta lớn lên và trưởng thành, nơi cũng sẽ âu yếm đón nhận ta khi ta giã từ cuộc sống để trở lại lòng Đất Mẹ.

Hơn nữa, quê hương đất nước lại là nơi tổ tiên ta đã khai phá và lập nghiệp, nơi có mẹ ta, cha ta, có những gì thân thiết nhất với ta.

Đối với người da đỏ cũng vậy. Đã hàng ngàn năm nay, tổ tiên họ sinh cơ lập nghiệp bên những dòng sông hiền hoà, trong những cánh rừng giàu có và tươi đẹp, hay trên những đồng cỏ ngát hương hoa. Họ sống hoà đồng với thiên nhiên, vui vầy cùng thiên nhiên. Thế rồi người da trắng xuất hiện. Bọn thực dân da trắng đã săn đuổi những người da đỏ, chiếm đất đai của họ, xua đuổi họ vào tận rừng sâu. Đất Mẹ thiêng liêng trở thành nơi cho bọn da trắng vắt kiệt màu mỡ để kiếm lời, bầu không khí trong lành bị vấy bẩn bởi khói của các nhà máy, những dòng sông trong xanh hiền hoà bị vẩn đục bởi chất độc thải đổ ra từ các nhà máy, những cánh rừng thơ mộng bị chặt phá, muông thú hiền lành dễ thương bị tàn sát không tiếc tay. Họ đau xót vô cùng nhưng không làm gì được bởi họ đã bị tước đoạt cái quyền quyết định về số phận của mảnh đất thân yêu. Nay, chỉ còn một phần nhỏ trong bao la đất đai của tổ tiên cũng đang có nguy cơ bị mất nốt bởi ý định ngông cuồng của bọn thực dân da trắng: mua đất của người da đỏ.

Người da đỏ phải lên tiếng. Bức thư trả lời ý muốn mua đất của tổng thống Mĩ Phreng- Klin pi- ơ-xơ của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn là tiếng nói hùng hồn và đanh thép về tình yêu quê hương đất nước thiết tha sâu nặng của người da đỏ. Mỗi dòng thư đều thấm đẫm những tình cảm thân thương trìu mến dành cho quê hương đất nước.

Quê hương đất nước đối với người da đỏ thật thiêng liêng. Mỗi tấc đất của tổ tiên và vạn vật trên mảnh đất ấy đều hằn sâu trong kí ức họ:

Đối với đồng bào tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh

nghiệm của đồng bào tôi. Những dòng nhựa chảy trong cây cối cũng mang trong đó kí ức của người da đỏ.

Người da đỏ hiểu rất rõ vì sao đất đai của tổ tiên lại thiêng liêng đến thế, bởi nó chính là cuộc sống của họ, là một phần trong máu thịt của họ:

Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là những người chị, người em của chúng tôi. Những mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều cùng chung một gia đình.

Hơn nữa, mảnh đất này còn là xương máu của tổ tiên, làm sao họ có quyền lãng quên?

Dòng nước ộng ánh, êm ả trôi dưới những dòng sông, con suối đâu chỉ là những giọt nước, mà còn là máu của tổ tiên chúng tôi.

Có lẽ bao nhiêu tình cảm yêu thương trìu mến nhất người da đỏ đều dành cho mảnh đất thiêng liêng của cha ông họ. Nếu không thì sao thủ lĩnh Xi–át–tơn lại khẳng định: Mảnh *đất này là bà mẹ của người da đỏ.* Sự khẳng định ấy thể hiện sự gắn bó máu thịt với quê hương đất nước.

Yêu quê hương đất nước, người da đỏ gắn bó và yêu mến cả những vật bình dị, tầm thường nhất: từ những giọt sương, những bông hoa ngát hương, một con suối, dòng sông, đến tiếng lá cây lay động, tiếng vỗ cánh của côn trùng, những âm thanh êm ái của cơn gió thoảng qua, rồi cả bầu không khí trong lành xung quanh họ. Tình yêu đất nước gắn liền với tình yêu thiên nhiên.

Càng yêu mến quê hương đất nước bao nhiêu, người da đỏ càng xót xa bấy nhiêu khi thấy quê hương đất nước bị giày xéo, tàn phá. Nhìn cảnh mỗi tấc đất của tổ tiên bị giàng giật, huỷ hoại, lòng họ đau như cắt. Nỗi đau ấy biến thành lòng căm hận quân cướp nước. Dường như bao nhiêu căm hận đều trào ra ngòi bút kết án bọn thực dân da trắng của thủ lĩnh Xi–át–tơn:

Mảnh đất này đâu phải là những người anh em của họ (họ = những người da trắng), mảnh đất này là kẻ thù của họ và khi đã chinh phục được, thì họ sẽ lấn tới... Họ cư xử với mẹ đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được, rồi bán dần đi như những con cừu và những hạt kim cương sáng ngời. Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai, rồi để lại đằng sau những bãi hoang mạc.

Và đây nữa, cách đối xử tàn bạo của người da trắng đối với muông thú – những người bạn thân thiết mà người da đỏ yêu mến:

Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.

Thủ lĩnh Xi–át–tơn thực sự phẫn nộ trước tội ác của bọn thực dân da trắng. Ông chất vấn chúng:

Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng...

Và ông cảnh cáo chúng:

Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy ra đối với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc.

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ kết thúc bằng lời khẳng định: *Ngài phải dạy con cháu rằng đất dưới chân chúng là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi... Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nền... Đất là Mẹ.* Những lời nói đó như sự khẳng định tình yêu vĩnh cửu mà họ dành cho quê hương đất nước.

www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 93

Vẻ đẹp kì thú của bức tranh thiên nhiên trong *Động Phong Nha* của Trần Hoàng

Bài làm

Đi từ Bắc vào Nam, ta qua bao miền đất nước. Mỗi miền là một bức tranh thiên nhiên. Lạng Sơn với động Tam Thanh, gợi những huyền thoại, sông Kì Cùng hiền hoà; Bắc Cạn với hồ Ba Bể nên thơ, huyền ảo; Nghệ An với dòng sông Lam uốn khúc quanh co trắng xoá, với *non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ;* Huế với dòng sông Hương mơ màng, núi Ngự Bình trầm tư soi bóng trên dòng sông, Đồng Nai với những cánh đồng thẳng cánh cò bay, rập rờn sóng lúa, với những con kênh xanh xanh rợp bóng dừa, bóng xoài, bóng nhãn...

Bao nhiêu mảnh đất khác nhau là bấy nhiêu bức tranh thiên nhiên diễm lệ. Nhưng có lẽ đẹp hơn cả vẫn là "Đệ nhất kì quan Phong Nha".

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Dù chưa một lần đến Phong Nha, ta vẫn phần nào cảm nhận được chắc hẳn đây phải là nơi có một cảnh quan kì lạ vào hấp dẫn vào bậc nhất của Việt Nam, nếu không làm sao có thể được phong là "đệ nhất kì quan", làm sao có thể được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

Nhưng đó là sự cảm nhận bằng lí trí, bằng khả năng tư duy vốn có của con người. Sự cảm nhận ấy dù sao cũng là những hình ảnh mờ mờ, không rõ nét. Sự cảm nhận về vẻ đẹp của động Phong Nha thực sự trở nên rõ ràng và cụ thể khi ta tiếp xúc với bài văn Động Phong Nha của Trần Hoàng.

Ngòi bút thuyết minh, miêu tả chân thực, giản dị, nhưng cũng đầy chất tạo hình, chất thơ của Trần Hoàng đã dẫn dắt người đọc vào thế giới tiên cảnh đầy kì ảo, bí ẩn và lung linh sắc màu của cảnh quan Phong Nha.

Theo dòng cảm xúc của Trần Hoàng, ta đến với một miền rừng núi phía tây tỉnh Quảng Bình với những cánh rừng nguyên sinh rộng bạt ngàn, với dòng sông Son nước xanh thẳm, trong vắt, với những xóm làng, nương ngô, bãi mía trù phú. Nằm giữa miền thiên nhiên thơ mộng ấy là động Phong Nha.

Đầu tiên ta bước vào Động Khô. Chao ôi, một kiệt tác của thiên nhiên khiến ta sững sờ: *những vòm đá vân nhũ và vô số cột đá màu xanh ngọc bích óng ánh*. Trần Hoàng chỉ đưa một nét vẽ vào bức tranh đã làm hiện ra một mảnh Phong Nha lóng lánh sắc màu và gợi nhiều cảm xúc. Động Khô thật đẹp và hấp dẫn nhưng không đủ sức níu kéo bước chân du khách dừng lại lâu. Âm thanh rì rầm của dòng sông chảy suốt ngày đêm ở phía dưới 200 mét như một lời mời mọc êm ái đầy quyến rũ, kéo bước chân du khách bước vào Động Nước. Chỉ việc đi vào Động Nước bằng thuyền và mang theo đèn đuốc cũng đã gợi bao tò mò nơi du khách Việt Nam. Phải chăng trong cái hang động sâu thẳm dài hơn 1500m kia có bao điều kì lạ và bí ẩn?

Quả thực, người đọc thật sự kinh ngạc và thích thú cùng với sự *kinh ngạc và thích thú* của Trần Hoàng. Dưới ngòi bút của Trần Hoàng, động Phong Nha hiện ra với một vẻ đẹp *lộng lẫy, kì ảo; Dưới ánh áng lung linh của đèn đuốc. các khối thạch nhũ hiện lên đủ hình khối, màu sắc. Có khối hình con gà, con cóc, có khối xếp thành đốt trúc dựng đứng trên mặt nước... Lại có khối mang hình mâm xôi, cái khánh, hoặc hình các tiên ông đang ngồi đánh cờ... Bàn tay tài hoa của tạo hoá khéo tạo cho các khối thạch nhũ không chỉ đẹp về đường nét mà còn rất huyền ảo về sắc màu, một sắc màu lóng lánh như kim cương không bút nào lột tả hết. Đây đó, trên vách động còn rủ xuống những nhành phong lan xanh biếc...*

Có lẽ chưa có một hang động nào đẹp lộng lẫy đến thế. Vẻ đẹp vừa có *nét hoang sơ bí hiểm*, lại vừa *rất thanh thoát và giàu chất thơ*. Đúng là một *thế giới tiên cảnh* như nhà văn đã nhận xét.

Cùng với hình khối và sắc màu, vẻ đẹp của động Phong Nha còn được tạo nên bởi những âm thanh rất đặc biệt. *Một tiếng nước gõ long tong, một tiếng nói trong hang động đều có âm vang riêng, khác nào tiếng đàn, tiếng chuông nơi cảnh chùa, đất Bụt*. Thật là kì thú!

Vẻ đẹp của động Phong Nha có nét *đặc sắc, độc đáo riêng* không trộn lẫn với vẻ đẹp của bất cứ hang động, cảnh quan nào. Hơn nữa, "Thế giới tiên cảnh" của Phong Nha lại trải dài tới hơn 1500m. Hơn 1500m với 14 buồng nối nhau bởi một hành lang chính và nhiều hành lang phụ. Ta có cảm giác như lạc vào một cung điện nguy nga lộng lẫy trong các câu chuyện cổ tích. Và thú vị hơn là cung điện ấy lại nằm trên một dòng sông ngầm chảy suốt đêm ngày, bên trên nó là những khối đá vôi với những cánh rừng nguyên sinh. Thế mà theo tác giả hang động phía sâu bên trong (nơi mới chỉ có vài đoàn thám hiểm với các phương tiện cần thiết đặt chân tới), cùng các dòng sông ngầm dưới khối núi đá vôi Kẻ Bàng và khu rừng nguyên sinh 40000 ha vẫn còn là *nơi cất giấu bao điều huyền bí thú vị, hấp dẫn mà con người chưa biết hết*. Và nếu những bí mật ấy được khám phá thì Phong Nha còn kì ảo và hấp dẫn đến mức nào?

Để khẳng định vẻ đẹp của Phong Nha, tác giả đã dẫn ra nhận xét của nhà thám hiểm Hao–ớt Lim–Be trưởng đoàn thám hiểm hội địa lí Hoàng gia Anh: *Với kinh nghiệm của hơn 60 năm thám hiểm hang động ở tổ chức nghiên cứu hang động mạnh nhất của Hoàng gia Anh, tôi khẳng định Phong Nha là hang động dài nhất và đẹp nhất thế giới.*

Cảm ơn nhà văn Trần Hoàng đã cho người đọc được chiêm ngưỡng một kiệt tác có một không hai của tạo hoá trên mảnh đất thân yêu của chúng ta.

ĐỀ SỐ 94

Dựa vào văn bản *Lao xao* (trích *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán), hãy xây dựng một văn bản tự sự

Bài làm

Chẳng biết tự thuở nào người đời đã đặt cho họ hàng chúng tôi cái tên là Chèo Bẻo. Chèo Bẻo – ý nói là đồ bẻm mép, chỉ được cái ba hoa khoác lác, ăn theo nói hớt chứ chẳng làm nên trò trống gì.. Thế có ức không chứ.

Của đáng tội họ nhà Chèo Bẻo chúng tôi được cái mau mồm mau miệng, hay cười hay nói. Nhưng đấy là do bản tính chúng tôi vốn cởi mở, bộc trực, nghĩ sao nói vậy, chứ đâu có giữ kín nhiều ý nghĩ thâm hiểm. Còn cho rằng chúng tôi quá khéo mồm! Khéo ăn khéo nói thì có gì là xấu. Thói đời chỉ vốn ghen ghét, đố kị. Từ đố kị ghen ghét họ bịa đặt cho chúng tôi là đồ ăn cắp. Tội xấu không dễ gì gột rửa.

Thế rồi, cụ cố chúng tôi quyết định mở đại hội. Các cụ Chèo Bẻo già trầm ngâm vẻ như suy tính điều gì rất trọng đại. Mấy anh Chèo Bẻo trẻ tuổi thi nhau tranh cãi. Lại thêm mấy cô nàng Chèo Bẻo thi nhau những chuyện trên trời dưới bể. Cuộc họp cứ om xòm, ầm ĩ cả lên khiến cụ Chèo Bẻo chủ toạ phải rung chuông mấy lần giữ trật tự.

Cuối cùng, đại hội cũng ra được một nghị quyết: Từ nay Chèo Bẻo sẽ làm nhiều và nói ít. Mà đã làm thì phải làm những việc cho ra dáng một chút.

Nghị quyết thì vậy nhưng chờ mãi mà chả có việc nào gọi là *ra dáng một chút* cả.

Bỗng một hôm, chúng tôi đang tụ họp tại ngọn cây nhà bác Chèo Bẻo cả đàn hát thì có tiếng mấy cậu Chèo Bẻo nhỏ tuổi hớt hải chạy đến báo tin:

- Các anh ơi! Diều Hâu bắt gà!

- Ở đâu? Tôi hỏi.

- Ở vườn nhà chị Điệp!

Thực là dịp may để khẳng định mình. Chúng tôi lập tức bay đến sân nhà chị Điệp. Nhà không có ai. Vắng tanh. Thảo nào mà lũ Diều Hâu lại thừa cơ hành động.

Diều Hâu là một loài chim to lớn và độc ác. Nó bay tít trên cao, nhưng cái mũi khoằm của nó đánh hơi rất tinh. Đâu có xác chết, đâu có gà con... nó đều phát hiện ra, nhìn thấy đàn gà con nhà chị Điệp, nó rú lên, lao xuống như một mũi tên. Gà mẹ kêu thất thanh gọi con. Gà con vội chui vào cánh gà mẹ. Gà mẹ vừa xoè cánh vừa kêu, vừa đạp lại Diều Hâu. Tuy vậy tên Diều Hâu vẫn cướp được một chú gà con. Mỏ quặp chặt chú gà con, nó lao vút lên mây xanh. Chắc nó định vừa lượn vừa ăn. Đâu có dễ thế.

Anh Chèo Bẻo con bác Chèo Bẻo cả hô lõng dạc:

- Đánh!

Chúng tôi lao vào tên Diều Hâu với tất cả lòng can đảm vốn có của họ nhà Chèo Bẻo. Tuy bé nhỏ nhưng chúng tôi cứ tới tấp lao vào tên kẻ cắp to lớn lực lưỡng. Người mổ, người đạp, đánh hắn túi bụi. Lông Diều Hâu bay lả tả. Mới đầu nó ngoan cố vẫn quặp chặt chú gà con. Sau đau quá, nó há miệng ra kêu la "Chéc, chéc" váng cả trời đất. Tội nghệp chú gà con, nó rời khỏi mồm con Diều Hâu rơi xuống như một quả rụng. Con Diều Hâu biến mất. Nó được một mẻ hú vía, lần sau có bố bảo cũng không dám đến.

Từ sau cái bận chúng tôi đánh bại tên Diều Hâu ở sân nhà chị Điệp, mọi người bắt đầu nhìn chúng tôi bằng con mắt thiện cảm hơn. Họ cũng có vẻ quý chúng tôi hơn, không tỏ ý chê bai, coi thường như trước đây nữa. Thậm chí, toàn thể Hội đồng các họ chim lương thiện còn cử chúng tôi làm sứ giả trừng trị kẻ ác.

Sau lần bị đánh cho tơi bời, gã Diều Hâu có cái mũi khoằm không dám bén mảng tới xóm tôi. Nhưng vắng bóng Diều Hâu thì lại nảy ra một lũ Quạ. Chúng cũng giống như Diều Hâu. Mắt chúng lia lia láu láu chỉ trực trộm cướp. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng, chúng xông vào chuồng lợn nhà bà Năm đầu xóm.

Nhận được tin báo, chúng tôi lao ngay đến. Kìa một lũ Quạ đen, Quạ khoang. Trông thấy chúng tôi, lũ Quạ vội bay lên. Chúng tôi lập tức bao vây, từ bốn phía xông vào đánh. Bọn Qụa kêu la sợ hãi "quạ, quạ". Mấy tên Quạ bi trúng chỗ hiểm, rơi xuống đất, chết rũ ra.

Bọn trẻ con chạy đến:

- Chèo Bẻo ơi, Chèo Bẻo! – Chúng vẫy gọi chúng tôi một cách thân ái.

Trước những cái vẫy tay và câu chào thân ái của bọn trẻ, lòng chúng tôi tràn ngập niềm hân hoan vui sướng.

Đánh đuổi được lũ Diều Hâu và bọn Quạ thì lại xuất hiện một tên kẻ cắp mới. Tên này còn độc ác và nguy hiểm hơn nhiều. Đó là những tên Cắt. Cánh của Cắt nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. bao nhiêu con bồ câu nhà chú Chàng đã bị Cắt xỉa chết. Khi đánh nhau Cắt chỉ xỉa bằng cánh. Đã thế chúng lại rất nhanh, vụt đến, vụt biến, đã có câu thành ngữ "nhanh như cắt" mà. Cho đến nay, chưa có ai trị được nó. Cái cánh nhọn như dao bầu của chúng xỉa trúng thì... Chết là cái chắc. Nghĩ mà rùng cả mình.

Không lẽ cứ để tên ác quỷ đó làm mưa làm gió? Họ nhà Chèo Bẻo chúng tôi lại họp bàn tìm cách trị tội Cắt.

Chúng tôi bố trí một trận phục kích. Tất cả nấp kín trong ngọn cây. Hai chàng Chèo Bẻo thông minh nhanh nhẹn nhất được cử làm cảm tử quân bay ra nhử Cắt. Một tên Cắt vụt lao ra. Nó nhằm thẳng vào hai chàng trai của chúng tôi. Nhưng nó xỉa cánh hụt. Lập tức chúng tôi xông ra. Một trận quyết chiến

diễn ra. Chúng tôi vừa khéo léo tránh lưỡi dao bầu của tên Cắt, vừa dũng cảm lao tới. Bọn trẻ con ở dưới đất reo hò ầm ĩ cổ vũ cho chúng tôi. Như được tiếp thêm sức mạnh, chúng tôi lao vào tên Cắt. Tên Cắt hốt hoảng nên toàn xỉa trượt. Chúng tôi thi nhau mổ vào đầu hắn. Tên Cắt kiệt sức, quay tròn xuống đồng như một cái diều đứt dây. Bọn trẻ con ùa chạy vây quanh tên Cắt đang ngắc ngoải. Rồi chúng hoa chân múa tay vẫy chào chúng tôi ríu rít

- Hoan hô Chèo Bẻo! Chèo Bẻo anh dũng quá!

- Chèo Bẻo muôn năm!

Để đáp lại tình cảm của bọn trẻ, chúng tôi cũng chao cánh bay lượn trên không trung.

ĐỀ SỐ 95

Dựa vào bài văn *Lao xao*. Xây dựng một văn bản tự sự

Bài làm

Xóm chúng tôi ở gọi là Lao xao. Sở dĩ có tên như vậy là vì chỉ một cái xóm nhỏ thôi mà lúc nào cũng ầm ĩ đủ các loại âm thanh. Nhất là vào mùa hè.

Mới tinh sương đã có những tiếng cãi cọ, đánh lộn của lũ Ong vàng, Ong Vò Vẽ, Ong Mật tranh nhau hút mật hoa.

Cùng lúc đó, tiếng "chè cheo chét" gọi người thức dậy của bọn Chèo Bẻo. Cái bọn Chèo Bẻo này, được mệnh danh là kẻ cắp mà cũng biết gọi con người thức dậy đi làm à?

Rồi tiếng nói chuyện râm ran của bọn trẻ con.

Một bác Bồ các kêu váng lên. Bác này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh. Tiếp theo là tiếng Sáo Sậu, Sáo

Đen hót vang mừng được mùa. Chú Tu Hú kêu to nhất họ, cứ đậu trên ngọn tu hú mà kêu hoài "tu hú", như than thở nỗi niềm gì. Một đàn chim ngói sạt qua, nghe rõ cả tiếng vỗ cánh.

Bọn Nhạn tha hồ vùng vẫy tít mây xanh " chéc chéc". Đến nửa buổi, bọn Bìm Bịp rúc trong bụi cây thi nhau kêu "bìm bịp".

Họ hàng nhà chim chúng tôi nghe đâu có họ hàng dây mơ rễ má cả! "Bồ Các là bác chim Ri. Chim Ri là dì Sáo Sậu. Sáo Sậu là cậu Sáo Đen. Sáo Đen là em Tu Hú. Tu Hú là chú Bồ Các...".

Tôi nói họ hàng dây mơ rễ má là nói nhóm chim hiền chúng tôi. Chứ cái bọn chim ác thì ai thèm họ hàng với chúng.

Lại nói đến bọn chim ác, ở xóm chúng tôi có tới ba tay đồ tể. Đầu tiên phải kể đến Diều Hâu. Thân hình nó khá to nhưng đôi cánh lại khoẻ nên nó bay cao tít. Cái mũi khoằm của nó đánh hơi rất thính. Nó có thể "ngửi" thấy mùi gà con cách xa hàng trăm mét. Nó bay lượn trên cao, đảo đôi mắt tìm gà con. Khi tiếng nó rú lên thì gà con mau mà chạy vào nấp trong bụng mẹ! Thế mà nhiều khi vẫn không kịp. Từ trên cao, nó lao xuống như một mũi tên, mỏ đã quắp một con gà, rồi lại bay vút lên mây xanh, vừa lượn vừa ăn. Thật tội nghiệp cho những chú gà con xấu số!

Cùng họ với Diều Hâu là Quạ. Trước đây bọn Quạ chuyên đi ăn xác chết. Nơi nào có tiếng "quạ, quạ" cất lên thì y như rằng nơi đó có xác chết. Thế rồi xác chết không dễ cứ phơi đấy chờ Quạ rỉa. Thế là chúng xông cả vào chuồng lợn, khoét thịt lợn ăn. Những chú lợn thì quá hiền lại béo ục ịch, đâu dễ xoay xở để chống lại lũ Quạ Khoang, Quạ Đen đông kịt.

Chúa tể của bọn chim ác là những tên Cắt dao bầu. Gọi là Cắt dao bầu vì cánh chúng nhọn và sắc như lưỡi dao bầu. Nó chuyên dùng đôi cánh để tấn công, xỉa chết đối phương. Cánh chim hiền chúng tôi gọi là tên ác quỷ đen. Đã ác nó lại khoẻ và nhanh, vụt đến, vụt biến mất. Xưa nay chưa có loài chim nào trị được nó.

Phân chia hai phe hiền ác đã rõ ràng. Nhưng còn Bìm Bịp và Chèo Bẻo? Xếp chúng vào bậc nào đây? Bìm Bịp tự nhận mình là kẻ bịp bợm (nghe nói trước đây có một ông sư hổ mang. Lúc ông ta chết, giời bắt ông ta hoá thành con Bìm Bịp), nhưng tôi chưa thấy anh ta làm hại ai. Suốt ngày đêm chỉ rúc vào bụi cây kêu 'bìm bịp".

Còn Chèo Bẻo? Người ta cũng không hề có thiện cảm về anh ta. Phần thì anh ta nói năng quá bẻm mép. Phần thì có tin đồn thì anh ta cũng là một tay kẻ cắp.

Thôi, cứ tạm xếp hai tên này vào nhóm xấu vậy.

Bìm Bịp im lặng cam chịu tiếng xấu.

Chèo Bẻo thì khác, một bức thư khiếu nại được gủi tới cho Chủ tịch Hội đồng bô lão Bồ Các. Cụ Bồ Các bèn triệu tập Hội đồng bô lão. Họ ra quyết định: Nếu Chèo Bẻo muốn được nhận vào phe các loài chim hiền thì phải tự chứng minh.

Tự chứng minh bằng cách nào? Chèo Bẻo chất vấn.

Một cụ bô lão nảy ra một sáng kiến:

– Nếu không phải là đồng đảng của lũ chim ác sao không ra tay trị chúng?

Sáng kiến này thật hay bởi vừa kiểm tra được Chèo Bẻo vừa trị tội được bọn ác quỷ vẫn ngang nhiên hoành hành làm ô nhục cả loài chim chúng tôi. Chèo Bẻo cũng thật gan dạ. Anh ta nhận lời. Và những cuộc quyết chiến đã diễn ra.

Hôm ấy, tôi đang ngồi trên một cành cây luyện giọng. Vì cụ Bồ Các bảo họ nhà Hoạ Mi tôi có giọng hót hay nên cử tôi luyện tập để chuẩn bị tham gia cuộc thi giọng hót hay toàn quốc. Bỗng tôi thấy thằng Diều Hâu lao vụt xuống đất rồi lại lao lên, miệng quặp chặt một con gà con, Diều Hâu chưa kịp ăn thì những mũi tên đen ở đâu tới tấp bay đến. Chà, Chèo Bẻo bắt đầu ra tay rồi. Họ đánh tên Diều Hâu túi bụi khiến lông nó bay vung vãi

khắp nơi. Thằng Diều Hâu đành há miệng nhả chú gà con rồi biến mất. Tôi bỗng thấy mến mấy chàng Chèo Bẻo .

Ba hôm sau, lại xuất hiện một lũ Quạ. Chúng vào chuồng lợn. Quạ vừa bay lên, Chèo Bẻo vây đánh tứ phía. Có con Quạ chết rũ xương.

Sau trận này, mọi người không còn ác cảm với Chèo Bẻo nữa, nhưng vẫn không chịu kết nạp họ vào cánh chim hiền.

Chèo Bẻo không chịu bó tay. Dù có sợ tên ác quỷ đen Cắt đến mấy cũng phải quyết một trận sống mái, có thể mới rửa sạch nỗi oan. Và trận quyết thứ ba đã diễn ra. Rất ác liệt. Con ác quỷ đen lăm lăm hai lưỡi dao bầu xỉa vào Chèo Bẻo. Một vài chàng Chèo Bẻo đã bị thương. Mặc! Những chàng cảm tử khác vẫn lao vào. Cuối cùng, con ác quỷ không cự nổi, nó bị thương nặng, lộn mấy vòng trên không trung rồi rơi xuống cánh đồng. Những chiến binh Chèo Bẻo kiêu hãnh ngẩng cao đầu, bay đến gặp cụ Chủ tịch Hội đồng bô lão của phe chim hiền: Bồ Các.

Cả xóm Lao Xao lại rộn rã những âm thanh.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

ĐỀ SỐ 96

Bức tranh thiên nhiên làng quê trong *Lao Xao*

Bài làm

Đọc xong đoạn trích *Lao Xao* (Trích *Tuổi thơ im lặng* - Duy Khán), gấp sách lại, trước mặt ta vẫn hiện lên một bức tranh làng quê Việt Nam xiết bao thân thương trìu mến, nồng ấm tình người.

Qua những trang viết hồn hậu của Duy Khán, làng quê Việt Nam hiện lên thật bình dị và êm ả. Chính cuộc sống yên ả ở

làng quê đã trở thành sức thu hút của loài chim tụ họp về đây, sống chan hoà thân ái với con người.

Mở đầu bài văn là một không gian làng quê lúc chớm hè. Nét đặc trưng của bức tranh vào hè được gợi tả qua màu xanh của cây cối um tùm, của hương vị những thứ hoa đặc trưng của làng quê xứ Kinh Bắc: hoa lan, hoa giẻ, hoa móng rồng. Những hương hoa thật bình dị, mộc mạc mà nồng nàn, quyến rũ. Và quả nhiên nó đã quyến rũ biết bao là bướm, là ong tìm đến hút mật. Âm thanh lao xao của tiếng ong bay, tiếng ong đánh lộn tranh nhau hút mật đem lại cho người đọc một rung cảm nhè nhẹ và dư vị man mác, khó quên.

Nổi bật trên bức tranh cảnh sắc mùa hè tươi đẹp là hình ảnh của các loài chim. Không biết cơ man nào là chim, tưởng như đây là khoảng trời của riêng chúng.

Đầu tiên là những loài chim quen thuộc với làng quê và cũng rất gắn bó với cuộc sống của con người: chim lành. Chúng gồm đủ các chủng loài khác nhau: Từ con bồ các đến chim ri, rồi sáo sậu, sáo đen, tu hú, chim ngói, chim nhạn... Chúng họp thành một thế giới hồn hậu, đáng yêu với những âm thanh rộn rã, tưng bừng. Ta giật mình trước tiếng kêu váng tai của chú bồ các "các... các... các..." , nhưng cũng bật cười thú vị trước sự hốt hoảng "vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh" của nó. Ta lâng lâng trước tiếng hót vui tai của chú sáo sậu, sáo đen, và thích thú trước âm thanh "tọc, tọc" học bắt trước tiếng người của con sáo nhà bác Vui. Rồi âm thanh náo động tưng bừng, da diết của tiếng chim tu hú như gọi về, như đánh thức trong ta bao hoài niệm, khiến lòng ta bồi hồi.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Tiếng chim tu hú trong bài văn gợi cho người đọc nhớ tới những mùa vải chín ngọt, gợi nhớ tới cả tiếng chim tu hú trong bài thơ của Bằng Việt.

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế

...

Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa

Hoà vào những âm thanh rộn rã trên những ngọn cây, những đồng lúa, văng vẳng tiếng chao cánh của lũ chim ngói sạt qua, tiếng "chéc, chéc" của mấy chú nhạn vùng vẫy tít tận mây xanh.

Rồi bỗng vang lên mấy tiếng "bìm bịp" của mấy con bìm bịp núp trong bụi cây. Những tiếng kêu thật não lòng. Có lẽ, bao nhiêu nỗi oan ức mà nhân gian gán cho nó không gột rửa được hoá thành nỗi niềm gửi vào cả mấy tiếng kêu u uất, nặng nề đó. Thật tội nghiệp cho con bìm bịp, nó cũng là một giống chim hiền mà suốt ngày đêm cứ phải âm thầm chui rúc trong mấy bụi cây, chẳng dám vui vầy cùng họ hàng nhà chim.

Gắn bó với cuộc sống của con người, những loài chim lành đã được nhà văn nhìn nhận bằng con mắt đầy thiện cảm, và mối thiện cảm ấy của ông truyền rất nhanh vào người đọc, khiến họ thấy gắn bó với các loài chim, với thiên nhiên, với làng quê.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Để tô thêm vào bức tranh thiên nhiên phong phú của làng quê, có hình ảnh của những con diều hâu đáng ghét chỉ biết rình trộm gà, hình ảnh của những con quạ xấu xí đáng khinh với cặp mắt "lia lia, láu láu" dòm ngó vào chuồng lợn, rồi lũ chim cắt ác độc đã xỉa chết bao nhiêu con bồ câu hiền lành. Chúng là những loài chim ác nhưng chúng là một phần của thế giới các loài chim, Một phần của sự sống. Mặc dù chúng hiện lên qua cái nhìn đầy ác cảm của nhà văn nhưng thiết nghĩ cũng không thể thiếu được chúng. Bởi thiếu chúng, làm sao có những cảnh tượng vui mắt của trận đánh của lũ Chèo Bẻo trị lại chim ác. Những cảnh tượng ấy làm cho bức tranh sinh hoạt của thế giới các loài chim thêm sống động, hấp dẫn.

Thế giới các loài chim khiến cho cuộc sống thêm hương vị, nồng ấm. "Lao Xao' là một bức tranh thiên nhiên đồng quê muôn màu sắc, một phần của cuộc sống làng quê được cảm nhận

bằng một tâm hồn nhạy cảm, và được phác hoạ lại bằng ngòi bút nghệ thuật tinh tế, tài hoa.

Phải gắn bó sâu sắc với làng quê, với thiên nhiên làng quê đến thế nào, phải yêu mến và trân trọng thiên nhiên và cuộc sống làng quê đến nhường nào, Duy Khánh mới có thể viết được những trang văn đặc sắc như thế.

Lao Xao sẽ mãi xao động trong tâm hồn người đọc!

ĐỀ SỐ 97

Nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích *Lao xao* (Trích *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán).

Bài làm

SÁCH GIẢI

Tuổi thơ im lặng là một tập hồi kí – tự truyện khá đặc sắc của nhà văn Duy Khán. Đây là một trong những tác phẩm hay viết cho thiếu nhi được dư luận đánh giá cao. Bài văn *Lao xao* là một đoạn trích từ tập hồi kí – tự truyện ấy.

Ngòi bút nghệ thuật đậm chất văn hoá dân gian và cái nhìn hồn nhiên tuổi thơ của tác giả đã vẽ lên bức tranh thiên nhiên ở làng quê vừa giàu sức sống, vừa hồn hậu và đậm đà tình người.

Bức tranh thiên nhiên ở đây được đặt trong bối cảnh lúc chớm vào mùa hè. Làng quê mùa hè hiện ra tràn ngập một màu xanh hương hoa: cây hoa lan nở hoa trắng xoá, hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ, hoa móng rồng bụ bẫm thơm như mùi mít chín. Rồi các loài ong đánh nhau, đuổi cả bướm đi để tranh nhau hút mật hoa. Chỉ một vài nét chấm phá rất tinh tế, Duy Khán đa gợi tả được nét đặc trưng của không gian làng quê lúc chớm hè.

Sau mấy câu mở đầu gợi tả không gian. Duy Khán tập trung giới thiệu và miêu tả một số loài chim ở làng quê.

Nhà văn không đi sâu vào miêu tả tỉ mỉ, đặc điểm các loài chim mà chỉ phác hoạ một vài nét nổi bật về hình dáng, màu sắc, tiếng kêu hoặc đặc tính: Con bồ các kêu váng lên "các... các ... các; sáo đen, sáo sậu đậu trên lưng trâu hót mừng được mùa; con tu hú kêu to nhất họ, nó kêu tu hú vào mùa tu hú chín, quả hết, nó bay đi đâu biệt; một đàn chim ngói sạt qua rồi bay về hướng mặt trời lặn; nhạn vùng vẫy tít mây xanh "chéc chéc"; bìm bịp khoác bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây...

Để làm nổi bật lên bức tranh phong phú và sống động về các loài chim, Duy Khánh vừa tả riêng từng loài, vừa tả xen kẽ các loài cùng họ với nhau, phối hợp tả và kể, nhận xét và bình luận. Chẳng hạn như khi tả tiếng kêu của bồ các, tác giả đưa ra một nhận xét ngộ nghĩnh: *Cái con này bao giờ cũng vừa bay, vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh*. Hoặc đang kể về sáo đen, sáo sậu, lại chuyển sang kể về con sáo nhà bác Vui. Rồi khi tả về tiếng kêu của con chim bìm bịp, tác giả kết hợp kể về sự tích chim bìm bịp, và nhận xét *Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt...*

Cách tả kết hợp với kể, nhận xét, bình luận, tạo nên nét đặc sắc nghệ thuật của ngòi bút miêu tả Duy Khán, đem lại cho đoạn văn sự hấp dẫn riêng và ấn tượng rất khó quên.

Cách miêu tả của tác giả có vẻ lan man, tự do nhưng lại theo một trình tự khá chặt chẽ. Nhà văn miêu tả các loài chim theo hai nhóm: chim lành và chim ác.

Qua cái nhìn hồn nhiên của tuổi thơ, nhóm chim lành hiện lên thật đáng yêu. Chúng có quan hệ gần gũi với con người: *Chúng mang vui đến cho trời đất, hót mừng được mùa,...*

Sau khi tả lướt nhanh đặc tính của các loài chim lành, Duy Khán tập trung miêu tả đặc điểm và hoạt động của các loài chim ác mà đại diện là diều hâu, quạ, cắt và một loài dám

chống lại chúng: chèo bẻo. Dưới ngòi bút cả tác giả, bọn diều hâu, quạ và cắt hiện lên thật đáng ghét: vừa xấu xa, vừa độc ác.

Tên diều hâu chuyên đi bắt trộm gà con, một tên kẻ cắp lão luyện. Còn lũ quạ dám xông cả vào chuồng lợn. Rồi bọn cắt chuyên dùng đôi cánh nhọn như dao bầu xỉa chết chim lành. Thật là một lũ kẻ cướp. Nhưng kẻ cướp lại gặp bà già. Chúng đã gặp phải một đối thủ đáng gờm: chèo bẻo. Bằng cảm quan dân gian, Duy Khán vẫn xếp chèo bẻo vào loài chim ác, gọi chèo bẻo là "kẻ cắp". Nhưng cũng chính cảm quan của tác giả lại rất mâu thuẫn, và từ cảm quan ấy ta thấy chèo bẻo không phải là loài chim ác nữa mà lại trở thành người *tốt Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất nó đã cất tiếng gọi người: chè cheo chét... chúng nó trị kẻ ác. Thì ra, người có tội trở thành người tốt thì tốt lắm.*

Có thể nói, nghệ thuật miêu tả các loài chim trong *Lao xao* rất sinh động, tự nhiên và hấp dẫn... Càng hấp dẫn hơn bởi chất văn hoá dân gian thấm nhuần trong đó.

Trong một đoạn văn ngắn, Duy Khán đã đưa vào khá nhiều yếu tố văn hoá dân gian. Như bài đồng dao: *Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú là chú bồ các*; các thành ngữ: *dây mơ rễ má, kẻ cắp gặp bà già, Lia tia láu láu như quạ vào chuồng lợn*; các truyện cổ tích: *Sự tích chim bìm bịp, Sự tích chim chèo bẻo.*

Tuy nhiên, chất văn hoá dân gian không chỉ thể hiện ở việc dẫn vào bài văn những bài đồng dao, những câu thành ngữ, những truyện cổ tích, mà còn thấm đượm trong cái nhìn và cảm xúc của nhà văn. Duy Khán nhìn nhận, đánh giá về các loài chim trong quan hệ với con người, với công việc nhà nông. Đặc biệt ông còn tỏ thái độ rất rõ đối với chúng: thiện cảm với chim lành và ác cảm với chim ác. Thậm chí, ông còn gán cho chúng những tính nết và phẩm chất của con người: bìm bịp là kẻ bịp bợm, khi con chim này kêu thì các loài chim ác, chim dữ mới ra mặt; chèo bẻo là kẻ cắp, rồi *người có tội trở thành người tốt thì tốt lắm...*

Từ việc tìm hiểu nghệ thuật miêu tả của bài văn, ta nhận thấy nhà văn Duy Khán có một vốn hiểu biết khá tường tận, phong phú về các loài chim ở làng quê Việt Nam. Cũng từ việc tìm hiểu nghệ thuật của ngòi bút miêu tả của tác giả, ta cảm nhận được tình cảm yêu mến và sự gắn bó sâu sắc của tác giả với thiên nhiên, với làng quê mình.

Bài văn đã truyền đến cho người đọc những cảm xúc và tình cảm trong sáng với quê hương đất nước.

ĐỀ SỐ 98

Có ý kiến cho rằng: *Truyện cổ dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp.* Qua những truyện cổ dân gian đã học và đã đọc, em hãy chứng minh ý kiến trên.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam vô cùng phong phú, mang vẻ đẹp nhân văn kỳ diệu. Là thần thoại, truyền thuyết hay cổ tích, tuy ra đời trong những điều kiện xã hội khác nhau, nhưng tất cả đều phản ánh một cách đậm đà đời sống tinh thần và vật chất của cộng đồng, giải thích một cách hồn nhiên, chất phác các hiện tượng, nguồn gốc các sự việc quanh ta, ghi lại những thăng trầm, những biến cố lịch sử dân tộc qua bao huyền thoại bi hùng, tráng lệ. Có nhiều truyện cổ dân gian đã nói lên những khát vọng của nhân dân từ những thuở xa xưa về sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù, ước mơ về ấm no, hạnh phúc. Đúng như có ý kiến cho rằng: *Truyện cổ dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp.*

Đọc truyện cổ dân gian, có lúc ta tưởng mình đang nằm mơ, gặp Thần Tiên, Bụt, Phật... Những giấc mơ đẹp ấy đối với tuổi

thơ chúng ta thật là diệu kỳ, hạnh phúc. Truyện cổ dân gian như đã chắp cánh cho tâm hồn thơ bé chúng ta bay lên, để chúng ta được sống trong những khoảnh khắc thần tiên.

Thế giới các vị thần trong thần thoại đáng yêu. Ai đã một lần đến thăm núi Kinh Thiên ở tỉnh Hải Dương, dấu tích của thần Trụ Trời thuở hỗn độn mang lại đều có một cảm giác lâng lâng khó tả. Mỗi độ thu về, ngắm bầu trời xanh mênh mông, tôi lại mơ, lại nhớ, lại xôn xao trong lòng câu hát: *Ông tát bể – Ông kể sao – Ông đào sông – Ông trồng cây – Ông xây rú – Ông trụ trời.*

Và câu đồng dao:

Núi cao sông cũng còn dài
Năm... năm báo oán, đời đời đánh ghen?

Lễ vật Sơn Tinh dâng lên vua Hùng sao nhiều và quý hiếm thế? *Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao...* là những báu vật đâu dễ tìm, đâu dễ có? Núi Tản Viên cao chót vót ở phía tây kinh thành Thăng Long là dấu tích, là chiến công hoá phép "nâng núi lên" của Sơn Tinh bảo vệ người đẹp, đánh thắng Thuỷ Tinh. Sơn Tinh là ước mơ của người xưa muốn có sức mạnh và phép lạ để chiến thắng lũ lụt thiên tai. Sơn Tinh... cũng là giấc mơ đẹp cho em, cho bạn, cho tuổi thơ gần xa:

Núi Tản như con gà cổ đại
Khổng lồ, mào đỏ thắp bình minh
Mênh mông gọi nắng cho mùa chín
Từ buổi Sơn Tinh thắng Thuỷ Tinh.

(Huy Cận)

Sẽ bất hạnh biết bao, nếu không được đọc, được nghe kể chuyện cổ? Sẽ hạnh phúc biết bao khi được nghe bà kể chuyện cổ tích? Vì đó là ngọn nguồn những giấc mơ đẹp tuổi thơ:

Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô tấm ở hiền
Thằng Lý thông ở ác...
Mái tóc bà bị bạc

Con mắt bà thì vui
Bà kể đến muôn đời
Cũng không sao hết chuyện...

(Xuân Quỳnh)

Chú Sọ Dừa chỉ có mắt, mũi..., không chân tay, chỉ biết lăn lông lốc mà không biết đi. Chú lại biết chăn bò giỏi. Chú tìm đâu ra mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm và một chĩnh vàng cốm để làm sính lễ cưới cô út xinh đẹp con gái phú ông? Sọ Dừa... chàng trai lịch sự,... quan trạng nguyên..., một sự hoá thân nhiệm mầu đã trở thành giấc mơ đẹp của nhân dân, của những con người "nhỏ bé" bất hạnn trong cõi đời.

Con chim phượng hoàng biết nói, rất tình nghĩa với lời hứa: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng;* ông tiên râu tóc bạc phơ đã ban cho anh Khoai câu thần chú *Khắc nhập! Khắc xuất!;* ông Bụt và đàn chim sẻ, chiếc giày thêu với hình ảnh cô Tấm xinh tươi gặp Hoàng tử trong ngày hội..., tất cả đều trở thành mơ ước tuyệt đẹp của nhân dân ta từ bao đời nay về ấm no hạnh phúc, về một sự đổi đời. Cổ tích thần kỳ đã nuôi lớn tâm hồn ta bằng bao nhiêu niềm tin, bao ước mơ đẹp:

Ta lớn lên bằng niềm tin rất thật
Biết bao nhiêu hạnh phúc có trên đời
Dẫu phải khi cay đắng dập vùi
Rằng cô Tấm cũng về làm hoàng hậu
Cây khế chua có đại bằng đến đậu
Chim ăn rồi trả ngon ngọt cho ta....

(Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm)

Truyện cổ dân gian, nhất là truyền thuyết, với các yếu tố kỳ diệu, bao sự tích và hình tượng thần kỳ đã trở thành những bài ca yêu nước tráng lệ đem đến cho ta nhiều giấc mơ đẹp. Cái vươn vai của Thánh Gióng, từ một chú bé lên ba bỗng trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Ngựa sắt phun lửa, Gióng vung roi sắt đánh cho lũ giặc Ân tơi bời. Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre làm vũ khí quật cho lũ giặc chết như ngả rạ. Đánh tan giặc,

Gióng đã bay về trời. Gióng là mơ ước của tuổi thơ Việt Nam ngàn đời:

Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt
Mỗi con sông đều muốn hoá Đại Bàng

("Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?" – Chế Lan Viên)

Sự tích trăm trứng đã nhập hồn ta từ thuở trong nôi theo lời ru của mẹ. Lưỡi gươm khắc hai chữ "Thuận Thiên" là vật báu của Long Quân cho Lê Lợi mượn để đánh giặc Minh. Cái lẫy nỏ thần Kim Quy bắn một phát giết hàng van giặc. Triệu Quang Phục chống giặc Lương ở đầm Dạ Trạch được Rồng vàng tháo móng chân đem cho, và dặn: *Cắm lên mũ đầu mâu, sẽ đánh đâu thắng đấy!* Nhờ thế mà Triệu Quang Phục chém được đầu tướng giặc Dương Sằn, thu phục lại giang sơn.

Truyền thuyết lịch sử tuy mang yếu tố hoang đường nhưng nó đã diễn ra một cách bay bổng thần kỳ sức mạnh con người Việt Nam qua những chặng đường lịch sử vẻ vang. Ta lớn lên cùng truyền thuyết. Ta tự hào và yêu đất nước. Một đất nước có "nghìn núi trăm sông diễm lệ...". Một đất nước có Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên... oai hùng.

Chúng ta sinh ra và lớn lên dưới trời xanh và hương lúa được nuôi dưỡng bằng tình thương của cha, bằng sữa mẹ, bằng sự dạy bảo của thầy giáo. Tiếng đàn bầu, khúc dân ca, câu thơ Kiều của Nguyễn Du... đã trở thành mảnh tâm hồn mỗi chúng ta. Bạn có nghe tiếng gà gáy trên hoang đảo:

Ò... ó ... o...
Phải thuyền quan trạng rước cô về?

Bạn còn có nhớ câu hát dân gian trong ngày hội Gióng:

Đứa thì sứt mũi, sứt tai
Đứa thì chết nhóc bởi gai tre ngà!

Thật vậy, truyện cổ dân gian đã đem đến cho ta những giấc mơ đẹp. Ta như nghe tiếng thầm thì của ông cha từ ngàn xưa

vọng nói về. Và ta càng yêu thêm truyện cổ. Một quyển sách ước. Một cây bút thần. Cái đàn thần và cái niêu cơm thần... của Thạch Sanh... đã trở thành mơ ước và hành trang trong tâm hồn mỗi em thơ.

Một dân tộc cần cù, dũng cảm, thông minh và tài hoa mới có một kho tàng truyện cổ dân gian đậm đà hấp dẫn thế.

ĐỀ SỐ 99

Nhân vật trong truyện cổ tích có thể là những người mồ côi, những thân phận bất hạnh, nhỏ bé, thấp hèn, lam lũ... Nhưng đó là những con người đáng thương, đáng yêu. Hãy chọn phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một số nhân vật ấy.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Bài làm

Truyện cổ tích là truyện cổ dân gian kể về những câu chuyện tưởng tượng, thường có tính chất phiêu lưu, chung quanh số phận cuộc đời những con người bất hạnh, những nhân vật tài trí thông minh hoặc khờ khạo, những nhân vật là loài vật mang tính người... Trong đó, truyện cổ tích thần kỳ là hấp dẫn nhất, thú vị nhất.

Những nhân vật đáng thương, đáng yêu nhất trong truyện cổ tích là những người mồ côi, những thân phận bất hạnh, nhỏ bé, thấp hèn, lam lũ...

Cô Tấm, chàng Thạch Sanh, chú Sọ Dừa, anh Khoai,... là những con người, những nhân vật đáng thương, đáng yêu kỳ lạ!.

Xã hội được nói đến trong cổ tích là một xã hội đã phân chia giai cấp, có người giàu và người nghèo, có kẻ ác và người

lương thiện. Trong xã hội ấy có bao thân phận đáng thương. Người thì mồ côi và ở với dì ghẻ như cô Tấm, người thì phải ở với người tham lam như người em trong truyện *Cây khế*; người thì vất vưởng không chốn nương thân, chỉ còn biết lấy gốc đa che mưa che nắng như Thạch Sanh. Người thì như Tầm Dang, Nha Rúi, cha mẹ chết hết, bọn chủ làng cướp sạch ruộng đất, nhà cửa, cả hai phải đi ở đợ kiếm cơm. ở cõi trần đã khổ, trên cõi trời còn khổ hơn, bị vùi dập, bị xua đuổi.

Những con người bất hạnh ấy rất cần cù trong lao động. Cô Tấm biết làm đủ việc, làm giỏi giang: chăn trâu, cắt cỏ, mò cua bắt tép, xay giã giần sàng. Thạch Sanh chỉ có một cái khố, một cái rìu mà lăn lộn rừng xanh kiếm củi sống. Sọ Dừa biết chăn trâu giỏi; đàn trâu bò của phú ông được Sọ Dừa chăn dắt con nào con nấy cũng béo tốt. Anh Khoai rất siêng năng, cày sâu cuốc bẫm. Người em trong truyện *Cây khế* sống hiền lành, chăm chỉ làm ăn vượt lên cảnh nghèo.

Những con người "nhỏ bé" ấy còn có bao nhiêu phẩm chất tốt đẹp. Cô Tấm nhân hậu, dịu dàng. Nha Rúi đẹp người đẹp nết, sống tình nghĩa thuỷ chung. Cái phá ba ngăn có sợi chỉ hồng nhuộm bằng máu cô, có bức thêu hình Tầm Dang, gửi lên trời cho chồng đã thể hiện một tình yêu chung thuỷ vươn lên hoạn nạn. Tầm Dang thì thà "tóc bạc" chứ quyết không để cho "lòng bạc". Nỗi buồn nhớ làng cũ của Tầm Dang, chính là tình yêu buôn làng của nhân dân ta từ bao đời nay. Sọ Dừa lúc thì biến thành một chàng trai nằm trên võng đào thổi sáo cho bò gặm cỏ, lúc thì biến thành một người chồng lịch sự. Về sau, Sọ Dừa lại đi thi đậu trạng nguyên, được vua cử đi sứ... Thạch Sanh chém Trăn Tinh, bắn Đại Bàng, gảy đàn thần để lui giặc. Dũng sĩ Thạch Sanh đã trở thành phò mã, rồi được nhà vua truyền cho ngôi báu. Những con người ấy, tuy có nhờ Tiên, Phật độ trì, nhưng bản chất họ rất tốt đẹp: cần cù trong lao động; thuỷ chung trong tình yêu, nhân hậu, thông minh, dũng cảm, bền bỉ đấu tranh vươn lên trước hoạn nạn, số phận để giành lấy hạnh phúc và tự do.

Qua số phận người mồ côi... trong cổ tích ta càng thấy rõ mặt trái của xã hội khi phân chia giai cấp. Người lương thiện bị áp chế trong đau thương. Cái ác ngự trị, là nguyên nhân gây nên mọi đau khổ trong cuộc đời. Ta càng thương cảm, quý mến những thân phận bất hạnh, mồ côi vì cuộc đời của họ đầy mồ hôi, máu và nước mắt. Vì họ là những con người lao động chân chính có bao phẩm chất tốt đẹp.

Xây dựng nên những hình tượng tốt đẹp như cô Tấm, Sọ Dừa, anh Khoai, Tầm Dang và Nha Rúi, Thạch Sanh,... nhân dân ta gửi gắm bao ước mơ tốt đẹp, khẳng định một niềm tin ngời sáng: *ở hiền thì gặp lành*. Những người hiền lành ăn ở có tình nghĩa thuỷ chung sẽ được Phật, Tiên "độ trì". Những ước mơ ấy nói lên đạo đức trong sáng của nhân dân, đồng thời tạo nên tính nhân văn của truyện cổ tích.

Hình ảnh nhân vật mồ côi, những con người "nhỏ bé" trong truyện cổ tích thật đáng thương và đáng yêu. Kết thúc của họ đã làm cho truyện cổ tích mãi mãi là bài ca lạc quan yêu đời của nhân dân lao động.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Truyện cổ tích đã bồi đắp ước mơ, tình nhân ái... cho mỗi chúng ta, nhất là đối với tuổi thơ gần xa.

ĐỀ SỐ 100

Sự giàu đẹp của Tiếng Việt

Bài làm

Tôi nhớ hồi học lớp năm, thầy giáo bảo tôi: "Tiếng Việt ta giàu và đẹp lắm em ạ, nên phải biết yêu quý, trân trọng và giữ gìn nó" (sở dĩ thầy nhắc khéo tôi là vì lúc ấy, tôi mới học lỏm được của anh trai mình mấy từ tiếng Pháp, lại học lỏm của chị

con nhà bác hàng xóm mới đi Nga về mấy từ tiếng nga. Thế là trong bài tập làm văn, tôi chêm vào đó cả tiếng Pháp lẫn tiếng Nga). Lúc bấy giờ, tôi thầm nghĩ "Thầy có muốn viết như mình cũng chả được, vì thầy có biết ngoại ngữ đâu. Mà tiếng Việt có gì là ghê gớm lắm chứ!" Nhưng rồi học lên lớp 6, rồi lớp 7, tôi được tiếp xúc với bao áng thơ văn trữ tình đằm thắm, tôi mới thấy thấm thía câu nói đó của thầy tôi. Nghĩ lại những ý nghĩ ngây thơ và ngu ngốc hồi trước, tôi lại càng giận mình.

Tiếng Việt ta giàu đẹp như thế nào là vấn đề đã được không ít các nhà nghiên cứu quan tâm. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng có bài *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, nhà phê bình Đặng Thai Mai *có Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc*...

Các nhà văn, nhà thơ không cần bàn luận gì, họ chỉ lặng lẽ mài giũa cho tiếng Việt ngày càng "trong" và "sáng" hơn, ngày càng "giàu" và "đẹp" hơn.

Quả thực, tiếng Việt ta rất giàu và đẹp.

Tiếng Việt là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh, hình tượng. Với một hệ thống các từ láy, từ ghép, từ tượng hình, tượng thanh, tiếng Việt có khả năng gợi ra được những hình ảnh rất rõ nét trong tâm trí của người nghe.

Chắc trong chúng ta ai cũng nhớ hai câu thơ với cách dùng từ gợi hình ảnh, trạng thái đầy ấn tượng của Bà Huyện Thanh Quan:

Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà

Nhờ những từ láy *lom khom, lác đác* mà sức biểu hiện của câu thơ đã tăng gấp bội. Cảnh hoang vu, quạnh vắng của Đèo Ngang trong buổi chiều tà càng thêm hiu hắt, ảm đạm.

Một điều lí thú hơn là ngay cả những từ đơn âm của tiếng Việt cũng có giá trị gợi hình. Chẳng hạn như:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non

(Hồ Xuân Hương)

Và đây nữa, hình ảnh con hổ uy nghi, dũng mãnh, đẹp một vẻ đẹp hùng tráng:

Ta bước chân lên dõng dạc đường hoàng
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai cỏ sắc
Trong đêm tối mắt thần khi đã quắc
Là khiến cho mọi vật đều im hơi

(Thế Lữ)

Cùng với khả năng tạo hình, tiếng Việt còn là thứ tiếng giàu âm thanh, nhạc điệu. Với một hệ thống nguyên âm, phụ âm phong phú, thêm vào đó là hệ thống các thanh điệu với những âm độ, âm vực, tiếng Việt có khả năng tạo ra nhiều giai điệu khác nhau: lúc dụ dương trầm bổng, lúc réo rắt, lúc lại sâu lắng, thiết tha...

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Ta hãy nghe những giai điệu êm đềm, đằm thắm của câu ca dao:

Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Chấn Vũ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói toả ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây hồ

Hãy cảm nhận âm điệu của những "dấu huyền ngọt ngào" (Xuân Diệu) trong câu thơ *Chinh phụ ngâm*:

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non

Và những giai điệu vừa sôi nổi rạo rực, vừa thiết tha đằm thắm, du dương của câu thơ Tố Hữu:

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi
Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca.

Chỉ riêng với hai khả năng: tạo hình và tạo nhạc, tiếng Việt đã đủ xứng đáng là một thứ ngôn ngữ vừa giàu vừa đẹp. Tuy nhiên, sự giàu và đẹp của tiếng Việt không chỉ dừng lại ở đó. Một đặc điểm không thể bỏ qua của tiếng Việt là sắc thái gợi cảm, sắc thái biểu hiện cảm xúc. Nó có khả năng diễn tả tinh tế những trạng thái khác nhau trong đời sống nội tâm phong phú của tâm hồn Việt.

Chỉ lấy ví dụ riêng về mặt diễn tả tâm trạng nhớ nhung của con người cũng đủ làm ta ngạc nhiên.

Một trạng thái nhớ nhung bâng khuâng:

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi gió dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao

(Trần Tuấn Khải)

Một trạng thái nhớ nhung cồn cào, da diết:

Nhớ ai bổi hổi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống rơm

(Ca dao)

Một nỗi sầu mênh mang, sâu thẳm:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn

Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.

(Chinh phụ ngâm)

Vốn từ của tiếng Việt cũng rất phong phú và độc đáo. Chỉ xét riêng vốn từ ngữ xưng hô cũng đã đủ làm nên sự đặc sắc đó. Trong từ ngữ xưng hô của tiếng Việt, ngoài những đại từ nhân xưng được ghi trong từ điển, người Việt ta còn dùng các danh từ chỉ quan hệ họ hàng làm từ xưng hô, khiến cho cách nói năng hàm chứa nhiều sắc thái tình cảm hơn.

Ngay cách dùng từ ngữ xưng hô cũng rất đặc biệt. Đã có "ai" lại thêm "ta", rồi lại "mình". Những từ này có khi là chủ thể phát ngôn, có khi là đối thể tiếp nhận, có khi lại bao hàm cả hai.

Chỉ riêng từ "mình" trong hai ví dụ sau đã thấy bao điều lí thú:

Mình đi mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu

(Tố Hữu)

Mình nói với ta mình hãy còn son
Ta đi qua ngõ thấy con mình bò
Con mình lấm đất cùng tro
Ta đi gánh nước rửa cho con mình

(Ca dao)

Càng tìm hiểu kĩ hơn về tiếng Việt, ta càng ngỡ ngàng trước sự giàu đẹp của nó và càng thêm yêu tiếng Việt hơn.

Mục lục

ĐỀ	PHẦN VĂN HỌC DÂN GIAN	
1	✧ Đóng vai Thánh Gióng kể lại câu chuyện của mình sau khi đánh đuổi xong giặc Ân	5
2	✧ Cảm nhận về *Thánh Gióng*	8
3	✧ Kể lại một truyện cổ – thần kì	10
4	✧ Cảm nghĩ về nhân vật Thánh Gióng	12
5	✧ Đóng vai Âu Cơ kể lại câu chuyện *Con Rồng cháu Tiên*	14
6	✧ Tóm tắt, nêu ý nghĩa *Con Rồng cháu Tiên*	16
7	✧ Đóng vai Lạc Long Quân kể lại câu chuyện *Con Rồng cháu Tiên*	18
8	✧ Lang Liêu – *Bánh chưng bánh giày*	20
9	✧ Cảm nhận về *Bánh chưng bánh giày*	22
10	✧ Tóm tắt – phân tích ý nghĩa chuyện *Sơn Tinh – Thuỷ Tinh*	24
11	✧ Thuỷ Tinh nhớ lại mối hận thù xưa.	26
12	✧ Kể lại chuyện *Sơn Tinh – Thuỷ Tinh* qua nhân vật Sơn Tinh	27
13	✧ Sơn Tinh – Thuỷ Tinh bốn ngàn năm sau.	29
14	✧ Thuỷ Tinh báo thù	32
15	✧ Đóng vai Lê Thuận kể lại sự tích *Hồ Gươm*	34

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

16 ✧ Tóm tắt sự tích *Hồ Gươm* 37

17 ✧ Đóng vai Lê Lợi kể lại sự tích *Hồ Gươm* 38

18 ✧ Đóng vai Sọ Dừa kể lại truyện *Sọ Dừa* 40

19 ✧ Đóng vai Bà mẹ kể lạ truyện *Sọ Dừa* 42

20 ✧ Cảm nghĩ sau khi học truyện *Sọ Dừa* 46

21 ✧ Kể theo phương pháp sáng tạo chuyện *Sọ Dừa* 49

22 ✧ Tóm tắt truyện *Thạch Sanh* 51

23 ✧ Thạch Sanh – một truyện cổ tích hay trong kho tàng cổ tích Việt Nam 53

24 ✧ Cuộc đấu tranh giữa thiện – ác 56

25 ✧ Kể sáng tạo truyện *Thạch Sanh* 59

26 ✧ Cảm nhận về truyện cổ tích *Thạch Sanh* 64

27 ✧ Phân tích truyện cổ dân gian *Em bé thông minh* 67

28 ✧ Phân tích truyện *Thầy bói xem voi* 69

29 ✧ Phân tích truyện *Đeo nhạc cho mèo* 70

30 ✧ Cảm nghĩ về truyện cười *Lợn cưới, áo mới* 72

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

31 ✧ Cảm nghĩ sau khi đọc truyện *Mẹ hiền dạy con* 75

32 ✧ Về tác phẩm *Mẹ hiền dạy con* 79

33 ✧ Cảm nhận về truyện *Con hổ có nghĩa* 81

34 ✧ Kể bằng phương pháp sáng tạo truyện *Con Hổ có nghĩa* 82

35 ✧ Tính chất giáo huấn trong *Con Hổ có nghĩa* 85

36 ✧ Kể bằng phương pháp sáng tạo truyện *Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng* 89

37 ✧ Suy nghĩ về nhân vân Thái Y Lệnh Phạm Bân trong truyện *Thầy thuốc giỏi...* 92

38 ✧ Cảm nhận về *Thầy thuốc giỏi...* 95

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

39 ✧ Cảm nhận sau khi học *Bài học đường đời đầu tiên* 98

40 ✧ Phân tích nhân vật Dế Mèn trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* Tô Hoài 102

41 ✧ Viết thư cho bạn trao đổi cảm nghĩ sau khi học *Dế Mèn phiêu lưu kí* Tô Hoài 104

42 ✧ Cảm nhận sau khi đọc *Sông nước Cà Mau* của Đoàn Giỏi 107

43 ✧ Nghệ thuật đặc sắc trong *Sông nước Cà Mau* 110

44 ✧ Về một đoạn văn mà em yêu thích nhất trong *Sông nước Cà Mau* 113

45 ✧ Cảm nhận về *Bức tranh của em gái tôi* của Tạ Duy Anh 116

46 ✧ Nghệ thuật trong *Bức tranh của em gái tôi* 119

47 ✧ Cảm nhận về nhân vật người em gái trong *Bức tranh của em gái tôi* 122

48 ✧ Cảm nhận về thiên nhiên và con người trong *Vượt thác* của Võ Quảng 124

49 ✧ Hình ảnh những người lao động trên sông nước trong *Vượt thác* 127

50 ✧ Bức tranh thiên nhiên trong *Sông nước Cà Mau* của Đoàn Giỏi và *Vượt thác* của Võ Quảng. 129

51 ✧ Nét đặc sắc của phong cảnh thiên nhiên được miêu tả trong *Sông nước Cà Mau* và *Vượt thác* 133

52 ✧ Cảm nhận về đoạn thơ: *Con thuyền ... trên đời* (trích *Nước non ngàn dặm* – Tố Hữu 136

53 ✧ Cảm nghĩ về bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* 139

54 ✧ Về 5 khổ thơ đầu bài *Đêm nay Bác không ngủ* 141

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

55 ✧ Hình tượng Bác Hồ trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* 144
56 ✧ Về bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* 148
57 ✧ Lẽ thường tình mà Minh Huệ nhắc đến trong bài thơ ... 152
58 ✧ Cảm nhận về bài thơ *Lượm* 153
59 ✧ Cảm nghĩ về đoạn thơ miêu tả cảnh chiến đấu hi sinh của Lượm 158
60 ✧ Về 5 khổ thơ đầu trong bài thơ *Lượm* 162
61 ✧ Bức chân dung chú Lượm liên lạc 164
62 ✧ Tinh thần chiến đấu hi sinh nhân vật Lượm 168
63 ✧ Cảm nhận về bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa 170
64 ✧ Nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ *Mưa* 173
65 ✧ Chuyển bài thơ *Mưa* của Trần Đăng Khoa thành một bài văn xuôi 177
66 ✧ Phân tích bài thơ *Mưa* 178
67 ✧ Cảm nhận về đoạn trích *Cô Tô* – Nguyễn Tuân 181
68 ✧ Cảm nhận về một đoạn văn mà em yêu thích trong bài kí *Cô Tô* 184
69 ✧ Vẻ đẹp nhân hoá trong *Cây tre Việt Nam* 187
70 ✧ Cảm nhận về đoạn thơ *Tre xanh ... bóng râm* 190
71 ✧ Cảm nhận về *Cây tre Việt Nam* – Thép Mới 193
72 ✧ Phân tích đoạn thơ *Bão bùng ... mà nên hỡi người* 197
73 ✧ Nghệ thuật đặc sắc trong *Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy 202
74 ✧ Cảm nhận về văn bản *Cây tre Việt Nam* – Thép Mới 206
75 ✧ Cảm xúc trữ tình trong *Cây tre Việt Nam* 209
76 ✧ Phân tích bài *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng* 213
77 ✧ Kể bằng phương pháp sáng tạo truyện *Cây bút thần* 215

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

78 ✧ Cảm nhận về truyện *Cây bút thần* 219

79 ✧ Kể bằng phương pháp sáng tạo *truyện Ông lão đánh cá và con cá Vàng* theo lời Ông lão đánh cá 222

80 ✧ Về nhân vật mụ vợ trong *Ông lão đánh cá* 226

81 ✧ Về nhân vật ông lão trong *Ông lão đánh cá* 230

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

82 ✧ Kể bằng phương pháp sáng tạo truyện *Buổi học cuối cùng* 232

83 ✧ Tưởng tượng và kể tiếp truyện *Buổi học cuối cùng* 236

84 ✧ Cảm nhận về truyện *Buổi học cuối cùng* 238

85 ✧ Từ tác phẩm *Lòng yêu nước* của Ilia Êrenbua, hãy tưởng tượng ra một câu chuyện và kể lại. 241

86 ✧ Tưởng tượng ra một câu chuyện từ tác phẩm *Lòng yêu nước* của Ilia Êrenbua 245

87 ✧ Cảm nhận về *Lòng yêu nước* – Ilia Erenbua 247

VĂN NGHỊ LUẬN, NHẬT DỤNG

88 ✧ Chuyển bài kí *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*... thành một bài văn tự sự 250

89 ✧ Cảm nhận về bài *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử*... 253

90 ✧ Chuyển bài *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* thành một văn bản tự sự 256

91 ✧ Cảm nhận về *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* 259

92 ✧ Tình yêu quê hương đất nước trong *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* 262

93 ✧ Vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên trong *Động Phong Nha* của Trần Hoàng 266

94 ✧ Dựa vào văn bản *Lao xao* hãy xây dựng một văn bản tự sự 269

95 ✧ Từ văn bản *Lao xao* hãy xây dựng thành một văn bản tự sự 272

96 ✧ Bức tranh thiên nhiên làng quê trong *Lao xao* 275

97 ✧ Đặc sắc nghệ thuật trong *Lao xao* 278

98 ✧ Có ý kiến cho rằng: *Truyện cổ dân gian đem đến cho ta những giấc mơ đẹp*. Hãy chứng minh ý kiến trên. 281

99 ✧ Cảm nghĩ về một nhân vật cổ tích mà em yêu thích. 285

100 ✧ Sự giàu đẹp của tiếng Việt 287

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com